

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN THỊ TUYẾT VÂN

**VĂN HOÁ ĐỌC CỦA HỌC VIÊN
HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
HIỆN NAY**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: VĂN HOÁ HỌC**



HÀ NỘI - 2024

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

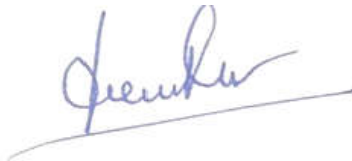
NGUYỄN THỊ TUYẾT VÂN

**VĂN HOÁ ĐỌC CỦA HỌC VIÊN
HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
HIỆN NAY**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: VĂN HOÁ HỌC**

Mã số: 922 9040

**Người hướng dẫn khoa học: 1. TS. NGUYỄN TIÊN THỨ
2. TS. NGUYỄN MẠNH HẢI**



HÀ NỘI - 2024

LỜI CAM ĐOAN

*Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi.
Các số liệu nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng
và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.*

Tác giả luận án

A handwritten signature in black ink, appearing to read 'Van', is written over a horizontal line. The signature is fluid and cursive.

Nguyễn Thị Tuyết Vân

MỤC LỤC

| | |
|--|-----|
| MỞ ĐẦU | 1 |
| Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU, CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA ĐỀ TÀI VÀ KHÁI QUÁT VỀ ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU | 9 |
| 1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu | 9 |
| 1.2. Cơ sở lý luận của đề tài | 25 |
| 1.3. Khái quát về Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh | 50 |
| Chương 2. THỰC TRẠNG VĂN HOÁ ĐỌC CỦA HỌC VIÊN HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH HIỆN NAY | 54 |
| 2.1. Giá trị đọc | 54 |
| 2.2. Chuẩn mực đọc của học viên..... | 71 |
| 2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến văn hóa đọc của học viên Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh | 87 |
| 2.4. Đánh giá chung..... | 108 |
| Chương 3. BÀN LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN VĂN HOÁ ĐỌC CỦA HỌC VIÊN HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH HIỆN NAY | 120 |
| 3.1. Xu hướng biến đổi văn hóa đọc của học viên Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh | 120 |
| 3.2. Những vấn đề đặt ra đối với văn hóa đọc của học viên Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh hiện nay | 124 |
| 3.3. Một số khuyến nghị nhằm phát triển văn hoá đọc của học viên Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh..... | 136 |
| KẾT LUẬN..... | 159 |
| DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN | 162 |
| DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO | 163 |
| PHỤ LỤC..... | 174 |

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

| | | |
|----------|---|---|
| CSDL | : | Cơ sở dữ liệu |
| CTQGHCM | : | Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh |
| Học viện | : | Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh |
| Nxb | : | Nhà xuất bản |
| TP. | : | Thành phố |

DANH MỤC CÁC BẢNG, BIỂU ĐỒ, SƠ ĐỒ

| | |
|---|----|
| Bảng 2.1: Thống kê thể loại sách học viên thích đọc | 62 |
| Bảng 2.2: Số lượt học viên đến thư viện từ năm 2019 đến tháng 4/2023 | 74 |
| Bảng 2.3: Mối quan hệ giữa trình độ người đọc và hiệu quả đọc..... | 83 |
| Bảng 2.4: Số lượng tài liệu tại Trung tâm Thông tin khoa học Học viện Chính trị Khu vực I | 99 |
| Bảng 2.5: Số lượng tài liệu tại Trung tâm Thông tin khoa học Học viện Chính trị Khu vực II..... | 99 |
| | |
| Biểu đồ 2.1: Mục đích đọc của học viên | 59 |
| Biểu đồ 2.2: Các lĩnh vực khoa học học viên quan tâm..... | 62 |
| Biểu đồ 2.3: Các lĩnh vực học viên tìm đọc tại thư viện..... | 63 |
| Biểu đồ 2.4: Loại hình tài liệu học viên thường đọc..... | 65 |
| Biểu đồ 2.5: Học viên vận dụng kiến thức đã đọc vào cuộc sống..... | 70 |
| Biểu đồ 2.6: Thời gian đọc tài liệu giấy và tài liệu điện tử của học viên..... | 71 |
| Biểu đồ 2.7: Địa điểm thường xuyên đọc tài liệu của học viên..... | 73 |
| Biểu đồ 2.8: Số cuốn sách học viên đọc trung bình một tháng | 76 |
| Biểu đồ 2.9: Phương tiện/thiết bị sử dụng khi đọc tài liệu của học viên | 77 |
| Biểu đồ 2.10: Các nguồn học viên tìm tài liệu | 79 |
| Biểu đồ 2.11: Tiêu chí lựa chọn tài liệu của học viên..... | 81 |
| Biểu đồ 2.12: Phương pháp đọc tài liệu của học viên..... | 82 |
| | |
| Sơ đồ 1.1. Các thành tố của văn hóa đọc..... | 31 |
| Sơ đồ 1.2. Khung phân tích nội dung của đề tài | 49 |

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Hiếu học và ham đọc sách là một truyền thống văn hóa quý báu của dân tộc Việt Nam. Từ bao đời nay, truyền thống tốt đẹp đó đã góp phần hình thành nên trí tuệ, tâm hồn, nhân cách và phong thái con người Việt Nam.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước đã khẳng định: “Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước” [4, tr.6]. Văn hoá đọc - một bộ phận của văn hoá - là một trong những động lực phát triển con người Việt Nam toàn diện với đầy đủ phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Nhận thức rõ vai trò của văn hóa đọc, ngày 15 tháng 3 năm 2017 Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 329/QĐ-TTg phê duyệt *Đề án phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng đến năm 2020, định hướng đến năm 2030*. Đề án đã khẳng định, phát triển văn hóa đọc là một trong những nội dung quan trọng của sự nghiệp văn hóa, giáo dục của đất nước nhằm mục tiêu “...*cải thiện môi trường đọc; góp phần nâng cao dân trí, phát triển tư duy, khả năng sáng tạo, bồi dưỡng nhân cách, tâm hồn, tăng cường ý thức chấp hành pháp luật, hình thành lối sống lành mạnh trong con người, xã hội Việt Nam, đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập*” [72, tr.2].

Hiện nay, với sự phát triển của công nghệ thông tin và truyền thông, đặc biệt là sự bùng nổ của internet đã tạo ra nhiều cơ hội và thách thức không nhỏ cho văn hóa đọc. Mỗi cá nhân có thể có nhiều hơn các cơ hội tiếp cận với sách và tài liệu, song cũng không ít người bị cuốn hút bởi các nền tảng dịch vụ trực tuyến khiến thời gian dành cho việc đọc nghiên cứu chuyên sâu ít đi, số người đến thư viện đọc sách ngày càng giảm. Bên cạnh đó, với sự bùng nổ thông tin, hiện tượng thông tin chính thống và phi chính thống, thông tin thật và thông tin giả tồn tại khá phổ biến trên Internet khiến cho việc đánh giá, lựa chọn thông tin trở lên khó khăn đối với chủ thể đọc. Trong bối cảnh như vậy, việc hình thành hệ giá trị, chuẩn mực ứng xử, kỹ năng đọc hiệu quả là rất cần thiết đối với các chủ thể đọc.

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (sau đây viết tắt là Học viện CTQGHCN) là trung tâm quốc gia đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý

trung, cao cấp, cán bộ khoa học lý luận chính trị của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể chính trị - xã hội. Việc nghiên cứu văn hóa đọc của học viên Học viện CTQG HCM giúp xác định những thói quen và phương pháp học tập hiệu quả, phù hợp với yêu cầu đào tạo cán bộ của Đảng và Nhà nước trong bối cảnh mới. Đọc sách không chỉ là phương thức truyền tải tri thức, mà còn giúp xây dựng các giá trị văn hóa trường Đảng, củng cố bản sắc và phẩm chất đạo đức của học viên trường Đảng. Đối với các học viên Học viện CTQG HCM, văn hóa đọc không chỉ mang ý nghĩa cá nhân mà còn có vai trò then chốt trong việc xây dựng và phát triển tư tưởng, lý luận, đồng thời nâng cao năng lực lãnh đạo và định hướng chính trị. Học viên Học viện CTQG HCM - những người đã, đang và sẽ làm công tác lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị của đất nước cần có khả năng tiếp thu kiến thức sâu rộng không chỉ từ tài liệu lý luận chính trị, mà còn từ nhiều lĩnh vực khác nhau. Văn hóa đọc không chỉ giúp họ thấu hiểu các vấn đề xã hội, mở rộng tầm nhìn, tầm tư duy chiến lược mà còn giúp họ phát triển kỹ năng giao tiếp, phản biện, kỹ năng lãnh đạo, quản lý, đưa ra các quyết định chính xác. Do đó, việc nghiên cứu văn hóa đọc của học viên Học viện CTQG HCM là cần thiết để đánh giá giá trị, chuẩn mực đọc và sự ảnh hưởng của văn hóa đọc đến quá trình học tập và rèn luyện của học viên.

Đến nay, đã có một số công trình nghiên cứu về văn hóa đọc nhưng phần lớn được tiếp cận từ góc độ thư viện học, có rất ít công trình nghiên cứu từ góc nhìn văn hóa học, đặc biệt là nghiên cứu chuyên sâu về văn hóa đọc trong môi trường đào tạo lý luận chính trị tại Việt Nam. Việc tiến hành nghiên cứu văn hóa đọc của học viên Học viện CTQG HCM qua góc nhìn văn hóa học sẽ góp phần làm phong phú thêm cơ sở lý luận về văn hóa đọc, đồng thời bổ sung những dữ liệu mới về thực trạng văn hóa đọc của học viên Học viện CTQG HCM cũng như những khuyến nghị nhằm phát triển văn hóa đọc của học viên trong bối cảnh mới. Đây sẽ là cơ sở khoa học quan trọng giúp Học viện CTQG HCM cải tiến chương trình đào tạo và phát triển văn hóa đọc cho học viên, qua đó góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ cho Đảng và Nhà nước.

Xuất phát từ những lý do trên, việc nghiên cứu văn hóa đọc của học viên Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh hiện nay là một vấn đề mang tính lý luận và thực tiễn. Vì vậy, nghiên cứu sinh chọn đề tài ***“Văn hóa đọc của học viên Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh hiện nay”*** làm đề tài luận án của mình.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

2.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở làm rõ những vấn đề lý luận về văn hóa đọc, luận án nhận diện thực trạng văn hóa đọc của học viên Học viện CTQGHCM hiện nay, từ đó dự báo xu hướng biến đổi, xác định những vấn đề đặt ra và bàn luận về giải pháp phát triển văn hoá đọc của học viên Học viện CTQGHCM trong thời gian tới.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- + Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến văn hoá đọc;
- + Làm rõ một số vấn đề lý luận về văn hóa đọc;
- + Khảo sát, đánh giá thực trạng văn hóa đọc và các yếu tố ảnh hưởng đến văn hoá đọc của học viên Học viện CTQGHCM hiện nay;
- + Dự báo xu hướng biến đổi, xác định những vấn đề đặt ra và bàn luận giải pháp phát triển văn hóa đọc của học viên Học viện CTQGHCM trong thời gian tới.

3. Câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu

3.1. Câu hỏi nghiên cứu

(1) Văn hóa đọc của học viên Học viện CTQGHCM hiện nay như thế nào ở phương diện giá trị đọc và chuẩn mực đọc?

(2) Những yếu tố nào ảnh hưởng đến văn hóa đọc của học viên Học viện CTQGHCM?

(3) Làm thế nào để phát triển văn hóa đọc của học viên Học viện CTQGHCM trong thời gian tới?

3.2. Giả thuyết nghiên cứu

Văn hóa đọc của học viên Học viện CTQGHCM chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ nhiều yếu tố như: yêu cầu học tập và công tác chuyên môn, các thể chế, thiết chế của Học viện liên quan đến việc đọc, các yếu tố cá nhân của học viên như trình độ, nghề nghiệp, hệ đào tạo. Do yêu cầu học tập và công việc đang đảm nhiệm, đa số học viên có thói quen đọc tài liệu thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, đặc biệt là tài liệu lý luận chính trị, trong khi việc đọc tài liệu về lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật ít phổ biến hơn. Học viên nhận thức được tầm quan trọng của văn hóa đọc, nhưng chưa có đủ động lực và điều kiện để phát triển văn hóa đọc thường xuyên. Học viên chưa có kỹ năng khai thác và tìm kiếm thông tin trên môi trường số, chưa có thói quen đọc tài liệu tại thư viện. Có sự khác biệt về văn hóa đọc giữa các nhóm học viên theo trình độ, nghề nghiệp và hệ đào tạo.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Văn hóa đọc của học viên Học viện CTQGHCM.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Trong điều kiện có hạn về thời gian thực hiện nghiên cứu, luận án giới hạn phạm vi nghiên cứu như sau:

Về khách thể nghiên cứu: Học viên hệ đào tạo tập trung nhưng giới hạn ở 03 đối tượng là học viên cao học, nghiên cứu sinh và học viên cao cấp lý luận chính trị. Đây là những đối tượng có tính đại diện cao cả về số lượng và nhu cầu đọc.

Về không gian: Luận án tập trung nghiên cứu, khảo sát văn hoá đọc của học viên tại 03 cơ sở đào tạo của Học viện là: 1) Học viện Trung tâm, địa chỉ 135 Nguyễn Phong Sắc, Cầu Giấy, Hà Nội - cơ sở trung tâm tổ chức đào tạo tất cả các hệ lớp; 2) Học viện Chính trị Khu vực I, địa chỉ số 15 Khuất Duy Tiến, Thanh Xuân, Hà Nội - đại diện cho các cơ sở đào tạo khu vực phía Bắc; 3) Học viện Chính trị khu vực II, địa chỉ 99 Man Thiện, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh - đại diện cho các cơ sở đào tạo khu vực phía Nam.

Về thời gian: Luận án nghiên cứu văn hoá đọc của học viên giai đoạn từ năm 2019 đến năm 2023. Đây là giai đoạn Học viện tăng cường đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng; chú trọng hiện đại hóa hoạt động thông tin - thư viện.

5. Phương pháp luận, cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu của luận án

5.1. Phương pháp luận

Luận án sử dụng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử trong toàn bộ quá trình nghiên cứu. Vận dụng các quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các Văn kiện, Nghị quyết của Đảng Cộng sản Việt Nam, các chủ trương, chính sách của Nhà nước về phát triển văn hoá đọc và các lĩnh vực có liên quan như: giáo dục, thông tin - thư viện, báo chí, xuất bản...

5.2. Cách tiếp cận nghiên cứu

Các nghiên cứu của nhiều nhà khoa học cho thấy, văn hóa học vừa là khoa học độc lập, vừa là khoa học liên ngành gắn với các ngành khoa học xã hội và nhân văn khác. Cũng như văn hóa, văn hóa đọc là đối tượng nghiên cứu của nhiều ngành khoa học xã hội và nhân văn khác nhau. Khi nghiên cứu văn hóa đọc của học viên

Học viện CTQGHCM, luận án sử dụng phương pháp tiếp cận liên ngành để nghiên cứu văn hóa đọc của học viên dưới góc độ văn hóa học, đặt đối tượng nghiên cứu văn hóa đọc trong lý luận của ngành văn hóa học. Bên cạnh đó, nghiên cứu sinh đã thu thập, tổng hợp, sử dụng các kết quả nghiên cứu của một số chuyên ngành khác nhau như: thư viện học, giáo dục học, tâm lý học,... Việc sử dụng phương pháp nghiên cứu liên ngành giúp cho nội dung nghiên cứu thêm phong phú và sâu sắc, bảo đảm tính khoa học gắn với thực tiễn. Mặt khác, việc áp dụng phương pháp này giúp nghiên cứu sinh lý giải một cách sâu sắc, thuyết phục các hiện tượng văn hóa đọc của học viên Học viện CTQGHCM.

5.3. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng một số phương pháp nghiên cứu khoa học cụ thể như:

+ *Phương pháp nghiên cứu phân tích, tổng hợp tài liệu:*

Luận án thu thập, phân tích, tổng hợp các tài liệu trong và ngoài nước có liên quan đến đề tài luận án như: sách chuyên khảo, luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ, đề tài nghiên cứu khoa học, tạp chí chuyên ngành, kỷ yếu hội thảo, các báo cáo, các văn bản chỉ đạo của Đảng và Nhà nước,... Phương pháp này được sử dụng nhằm tìm hiểu lịch sử nghiên cứu vấn đề, từ đó xác định được những vấn đề đã được nghiên cứu và những khoảng trống cần tiếp tục nghiên cứu. Bên cạnh đó, phương pháp này cũng giúp cho nghiên cứu sinh kế thừa các kết quả nghiên cứu có trước để xây dựng cơ sở lý luận và thực tiễn của đề tài; có thêm thông tin, dữ liệu làm cơ sở, luận chứng cho các nhận định, đánh giá về những vấn đề nghiên cứu của đề tài.

+ *Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi:*

Để nhận diện thực trạng văn hóa đọc của học viên, luận án đã sử dụng phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi. Phương pháp này được sử dụng nhằm thu thập các thông tin định lượng bổ sung cho những dữ liệu định tính. Việc trưng cầu ý kiến bằng phiếu hỏi được thực hiện với nhóm học viên hệ tập trung lớp cao cấp lý luận chính trị, lớp cao học và nghiên cứu sinh, vì đây là các hệ lớp Học viện thường xuyên đào tạo với số lượng lớn, thời gian học tập tại Học viện dài, chương trình học tập của các hệ lớp này đòi hỏi phải đọc nhiều tài liệu. Mẫu khảo sát được xác định bằng phương pháp phân tầng tỷ lệ dựa theo cuốn "Phương pháp nghiên cứu xã hội học" của tác giả Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh [64].

- Bảng hỏi được xây dựng gồm 32 câu hỏi nhằm thu thập dữ liệu phản ánh các đặc điểm nhân khẩu, nhận thức về văn hóa đọc của học viên. Tính đến ngày 01/02/2023, vào thời điểm khảo sát, Học viện đang quản lý số lượng học viên hệ tập trung lớp cao cấp lý luận chính trị, lớp cao học, nghiên cứu sinh là 6.345 học viên, trong đó học viên cao cấp lý luận chính trị: 3.758 học viên, cao học: 2.202 học viên, nghiên cứu sinh 385 học viên [25]. Thời điểm này dịch COVID-19 đã được kiểm soát được một năm, tất cả học viên học trực tiếp tại Học viện, học viên lớp cao cấp lý luận chính trị đã học được 2/3 thời gian khóa học nên việc khảo sát được thuận tiện và chính xác hơn. Với kỳ vọng số lượng mẫu tham gia trả lời khảo sát tối thiểu cần có 600 học viên trả lời, chúng tôi đã liên hệ với học viên thông qua sự hỗ trợ của các đơn vị giảng dạy, giáo viên chủ nhiệm các lớp và các cán bộ thư viện. Khi học viên đồng ý tham gia khảo sát, chúng tôi thống nhất hình thức gửi phiếu hỏi trực tiếp hoặc trực tuyến qua thư điện tử/mạng xã hội. Kết quả thu về là 595 học viên tham gia khảo sát có cơ cấu như sau:

- Giới tính: 363 nam (61%), 232 nữ (39%).

- Khóa học: Học viên Cao cấp lý luận chính trị: 365 học viên. Học viên cao học năm thứ nhất và năm thứ hai: 190 phiếu, Học viên lớp nghiên cứu sinh từ năm thứ nhất đến năm thứ ba: 40 phiếu.

- Học viên lớp cao cấp lý luận chính trị đang học tại Học viện Trung tâm: 201 học viên và Học viện Chính trị Khu vực I (đại diện cho khu vực phía Bắc): 84 học viên và Học viện Chính trị Khu vực II (đại diện cho khu vực phía Nam): 80 học viên. Học viên cao học và nghiên cứu sinh đang học tại các viện chuyên ngành tại Học viện Trung tâm: 230 học viên.

Kết quả khảo sát được nhập liệu và xử lý bằng phần mềm thống kê Statistical Package of the Social Sciences (viết tắt là SPSS), phiên bản 26.0. Luận án đã phân tích các số liệu thu được từ điều tra xã hội học để thấy được vai trò, bản chất, thực trạng văn hoá đọc của học viên Học viện CTQG HCM.

+ *Phương pháp phỏng vấn sâu*: Nhằm làm rõ hơn các nhận định từ kết quả nghiên cứu định lượng, chúng tôi đã tiến hành phỏng vấn sâu đối với các chủ thể liên quan, cụ thể: Trao đổi với 12 học viên đại diện cho từng nhóm học viên khác nhau, có độ tuổi, trình độ, chuyên môn khác nhau nhằm làm rõ hơn một số nội dung trong phiếu hỏi. Trao đổi với 08 giảng viên ở các chuyên ngành khác nhau về việc đọc tài liệu của

học viên trong quá trình học tập. Trao đổi với 06 cán bộ thư viện ở các phòng phục vụ bạn đọc về thực trạng đọc tài liệu của học viên tại thư viện và khả năng đáp ứng nhu cầu tin của thư viện. Hình thức trao đổi trực tiếp hoặc gọi điện thoại.

+ *Phương pháp quan sát*: Phương pháp quan sát được sử dụng để tìm hiểu hành vi ứng xử với môi trường đọc của học viên: thái độ, ý thức với tài liệu và không gian đọc; ứng xử khi giao tiếp với thủ thư và bạn đọc khác; ý thức chấp hành nội quy, quy định của thư viện,... Phương pháp này cũng được sử dụng để đánh giá thái độ, vai trò của cán bộ thư viện trong việc hỗ trợ học viên đọc tài liệu.

- Đối tượng quan sát: Lựa chọn ngẫu nhiên 03 học viên cao cấp lý luận chính trị, 03 học viên cao học và nghiên cứu sinh khi sử dụng thư viện; 06 cán bộ thư viện trong quá trình tương tác với học viên.

- Địa điểm quan sát: Các phòng phục vụ bạn đọc của thư viện.

- Thời gian quan sát: Đối với học viên lớp cao cấp lý luận chính trị quan sát vào thời gian học viên đến nghiên cứu, học tập tại thư viện (theo kế hoạch học tập của Học viện), mỗi tuần 2 buổi, trong 2 tháng. Đối với học viên cao học và nghiên cứu sinh và cán bộ thư viện quan sát vào thời gian ngẫu nhiên, vào bất kỳ thời điểm nào theo giờ làm việc của thư viện, mỗi tuần 2 buổi, trong 2 tháng.

+ *Phương pháp thống kê, so sánh*: Thống kê số liệu từ điều tra xã hội học qua phần mềm thống kê số liệu SPSS để đảm bảo độ tin cậy; thống kê các số liệu về lượt bạn đọc, lượt mượn tài liệu,... từ sổ nhật ký phục vụ bạn đọc, từ báo cáo của các thư viện trong hệ thống Học viện; thống kê số liệu trên phần mềm thư viện điện tử và thư viện số. Trên cơ sở đó, tác giả so sánh mức độ tăng, giảm giữa các năm; so sánh văn hóa đọc giữa các nhóm chủ thể đọc; so sánh mức độ sử dụng đối với các loại hình tài liệu khác nhau,... nhằm chỉ ra những đặc điểm, đặc trưng của đối tượng nghiên cứu.

6. Những đóng góp mới của luận án

Thứ nhất, luận án đã tổng quan các công trình nghiên cứu của các tác giả trong và ngoài nước theo hệ thống các vấn đề: các nghiên cứu lý luận về văn hóa đọc (về quan niệm văn hóa đọc, về các yếu tố ảnh hưởng đến văn hóa đọc, về vai trò của văn hóa đọc), các nghiên cứu về thực tiễn văn hóa đọc trên thế giới và Việt Nam, các nghiên cứu về văn hóa đọc ở Học viện CTQG HCM.

Thứ hai, luận án đã xác lập được cơ sở lý luận về văn hóa đọc phù hợp với góc độ nghiên cứu của ngành văn hóa học; chỉ ra được các thành tố cơ bản của văn

hóa đọc là giá trị đọc và chuẩn mực đọc; làm rõ các yếu tố ảnh hưởng đến văn hóa đọc và vai trò của văn hóa đọc đối với học viên.

Thứ ba, luận án đã nhận diện, đánh giá thực trạng văn hóa đọc của học viên Học viện CTQG HCM ở hai khía cạnh giá trị đọc và chuẩn mực đọc; từ đó đưa ra những nhận xét, đánh giá khách quan về những mặt tích cực và những hạn chế, chỉ ra nguyên nhân của những hạn chế trong văn hóa đọc của học viên Học viện CTQG HCM.

Thứ tư, luận án đã nhận diện các yếu tố ảnh hưởng đến văn hóa đọc của học viên, đưa ra dự báo về xu hướng biến đổi của văn hóa đọc và những yêu cầu đặt ra đối với văn hóa đọc của học viên Học viện CTQG HCM, nhất là trong bối cảnh chuyển đổi số và tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Thứ năm, luận án đã đưa ra một số khuyến nghị nhằm phát triển văn hóa đọc của học viên Học viện CTQG HCM trong giai đoạn hiện nay.

7. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

7.1. Ý nghĩa lý luận

Luận án góp phần làm phong phú thêm cơ sở lý luận về văn hoá đọc nói riêng và chuyên ngành văn hoá học nói chung thông qua việc nghiên cứu và đánh giá văn hoá đọc, môi trường văn hoá đọc của học viên Học viện CTQG HCM.

7.2. Ý nghĩa thực tiễn

Luận án sẽ là cơ sở khoa học cho Học viện CTQG HCM tham khảo để xây dựng và phát triển văn hoá đọc cho học viên nói riêng, văn hoá đọc ở Học viện CTQG HCM nói chung, hướng đến phục vụ ngày càng tốt hơn công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học của Học viện.

Kết quả nghiên cứu của luận án có thể làm tài liệu tham khảo cho công tác đào tạo văn hoá học của Học viện và các cơ sở đào tạo khác.

8. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án được kết cấu thành 3 chương, 10 tiết.

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu, cơ sở lý luận của đề tài và khái quát về địa bàn nghiên cứu

Chương 2: Thực trạng văn hoá đọc của học viên Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh hiện nay

Chương 3: Bàn luận về phát triển văn hóa đọc của học viên Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh hiện nay.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU, CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA ĐỀ TÀI VÀ KHÁI QUÁT VỀ ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU

1.1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1.1. Các nghiên cứu lý luận về văn hóa đọc

1.1.1.1. Về quan niệm văn hoá đọc

Hiện nay, văn hoá đọc là vấn đề đã được nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước đề cập đến ở nhiều khía cạnh và nội dung khác nhau. Tuy nhiên, chưa có quan niệm thống nhất về văn hoá đọc, tùy từng góc độ tiếp cận mà mỗi tác giả đưa ra quan niệm khác nhau về văn hoá đọc. Qua khảo cứu các công trình nghiên cứu cho thấy, nhìn chung văn hoá đọc được tiếp cận chủ yếu dưới hai góc độ: Một là tiếp cận văn hoá đọc như một lớp văn hoá của cộng đồng trong một giai đoạn nhất định; hai là tiếp cận văn hoá đọc như một dạng văn hoá hành vi của mỗi người trong xã hội.

Dưới góc độ tiếp cận văn hoá đọc như một lớp văn hoá của cộng đồng, Milena Tsvetkova cho rằng: “Theo nghĩa rộng văn hoá đọc được coi như một lớp văn hoá thể hiện trình độ phát triển của văn minh nhân loại, văn hoá đọc được hình thành và phát triển cùng với sự ra đời của chữ viết và văn tự” [126, tr.4].

Trên phương diện triết học, văn hoá đọc được định nghĩa là “một không gian nhất định, như là một môi trường hoàn hảo được tạo ra bởi hiện tượng đọc nhân danh của sự hài hoà về đạo đức và trí tuệ của cá nhân” [Error! Reference source not found., tr.124]. Theo quan niệm này, văn hoá đọc được coi là một hiện tượng văn hóa - xã hội, một quá trình nhận thức dựa trên hoạt động đọc, quyết định trình độ phát triển trí tuệ và tinh thần của xã hội.

Nghiên cứu văn hoá đọc như một dạng hành vi của mỗi người trong xã hội là xu hướng tiếp cận khá phổ biến hiện nay. Ở góc độ này, cũng có nhiều quan niệm khác nhau.

Milena Tsvetkova cho rằng, việc đọc là một hoạt động nhận thức đặc biệt quan trọng đối với việc hình thành văn hoá thông tin của con người: Hiểu được các ý tưởng phát minh, tiếp nhận, lưu giữ cải biến và tổ chức thông tin, sáng tạo ra tri thức mới và áp dụng chúng trong thực tiễn. Theo nghĩa hẹp, văn hoá đọc được xem xét như

văn hoá hành vi của mỗi cá nhân trong xã hội, thể hiện ở khả năng giải mã và lĩnh hội thông tin, tri thức trong tài liệu của mỗi cá nhân. “Ở cấp độ cá nhân, văn hoá đọc phản ánh năng lực nhận thức và khuynh hướng tinh thần giúp cho việc nhận dạng các biểu tượng chữ in bằng võng mạc tạo nên các cảm xúc tinh thần” [126, tr.4].

Nhấn mạnh yếu tố thói quen đọc, tác giả Elisam & Charles [100, tr.35], Ruterana [118, tr.19] cho rằng: “Văn hóa đọc là đặc trưng văn hóa trong một xã hội mà ở đó việc đọc rất được quý trọng và tạo thành thói quen được chia sẻ bởi các thành viên trong xã hội”. Tương tự, Evans Wema cho rằng: “Thói quen đọc của mỗi cá nhân diễn ra như một hoạt động hằng ngày giúp hình thành văn hóa đọc” [129, tr.5]. Khi nghiên cứu về văn hóa đọc của sinh viên Trung Quốc, H. Gong & H. Gao đã coi thành tố quan trọng nhất của văn hóa đọc là động cơ đọc và thói quen đọc [101]. Theo các quan điểm trên thì thói quen đọc là yếu tố quan trọng để nhận diện văn hóa đọc của một cộng đồng. Cũng có nghĩa là văn hóa đọc là hành vi đọc được thực hiện thường xuyên trong cuộc sống hàng ngày của các thành viên trong cộng đồng. Với cách hiểu này, văn hóa đọc được mô tả thông qua hành động đọc thường ngày của các thành viên trong cộng đồng, do đó chưa giải mã được ý nghĩa ẩn chứa cho các hành vi đọc của cộng đồng.

Nhấn mạnh các yếu tố kỹ năng đọc, trong cuốn sách *Văn hóa đọc và làm việc độc lập với một cuốn sách*, E. D. Opekhtina cho rằng: “Văn hóa đọc là kiến thức, kỹ năng và khả năng cần thiết để người đọc có thể lựa chọn, cảm nhận và hiểu tác phẩm in một cách chính thức” [130, tr.8]. Trong cuốn *Từ điển Giáo dục học*, G.M. Kodzaspirova, cho rằng, văn hoá đọc là tập hợp các kỹ năng trong quá trình làm việc với sách, bao gồm sự lựa chọn có chủ ý về các chủ đề, đọc có trình tự và hệ thống, có khả năng tìm kiếm các tài liệu cần thiết thông qua sự trợ giúp của các bản thư mục, sử dụng bộ máy tra cứu thư mục, áp dụng các phương pháp hợp lý để cảm thụ tài liệu một cách tối đa, lĩnh hội sâu sắc những gì đã đọc (ghi chú, chú thích, xem xét,...), gìn giữ, bảo quản tốt các công trình in ấn [Error! Reference source not found., tr.70]. J.C. Oguana và các cộng sự [115] và M.F. Ogwu [116] cho rằng, văn hóa đọc được thể hiện qua các yếu tố như: nhu cầu, hứng thú đọc, khả năng lựa chọn và định vị tài liệu, khả năng giải mã văn bản; khả năng tiếp thu và vận dụng tri thức đã đọc vào cuộc sống. Các quan niệm này chỉ mô tả, nhận diện văn hóa đọc qua các kỹ năng được vận dụng trong quá trình đọc, vì vậy chưa có cái nhìn tổng thể các yếu tố liên quan đến hoạt động đọc.

Tiếp cận văn hoá ở góc độ năng lực, trình độ đọc của mỗi cá nhân, Trần Thị Minh Nguyệt [56], Đoàn Tiến Lộc [38], Cao Thanh Phước [61], Nguyễn Chí Trung [78] cho rằng, văn hóa đọc là tổng thể các năng lực của chủ thể hướng tới việc tiếp nhận và sử dụng thông tin trong tài liệu, thể hiện ở khả năng định hướng tới tài liệu, khả năng lĩnh hội tài liệu một cách sáng tạo và thái độ ứng xử với tài liệu của mỗi người. Văn hoá đọc được xem xét ở 3 khía cạnh: năng lực định hướng của chủ thể tới tài liệu (nhu cầu đọc, hứng thú đọc, khả năng lựa chọn và tìm kiếm tài liệu); năng lực lĩnh hội tài liệu (phương pháp đọc, kỹ năng đọc, khả năng hiểu nội dung tài liệu, khả năng vận dụng tri thức trong tài liệu vào thực tiễn); ứng xử của chủ thể với tài liệu trong quá trình đọc. Theo quan điểm này, văn hóa đọc được nhận diện qua nhiều thành tố liên quan đến hoạt động đọc, tuy nhiên cách tiếp cận này chưa thể hiện tính hệ thống trong văn hóa, chưa chỉ ra giá trị, ý nghĩa đạt được từ việc đọc.

Đề cập đến yếu tố giá trị đọc (ý nghĩa của việc đọc), Kamalova & Koletvinova [107] cho rằng, điều kiện quan trọng để phát triển văn hóa đọc bao gồm các thành tố thuộc về cá nhân (nhu cầu, động cơ, giá trị và ý nghĩa) trong cấu trúc thuộc về hoạt động giáo dục. Quan niệm này nhấn mạnh giá trị, ý nghĩa đạt được từ việc đọc đối với mỗi cá nhân nhưng chưa có cái nhìn tổng thể, đầy đủ về các yếu tố khác liên quan đến hoạt động đọc.

Nhấn mạnh ba yếu tố ứng xử đọc, giá trị đọc và chuẩn mực đọc, tác giả Nguyễn Hữu Viêm cho rằng:

Văn hoá đọc là một khái niệm có hai nghĩa, một nghĩa rộng và một nghĩa hẹp. Ở nghĩa rộng, đó là ứng xử đọc, giá trị đọc và chuẩn mực đọc của mỗi cá nhân, của cộng đồng xã hội và của các nhà quản lý và cơ quan quản lý nhà nước... Còn ở nghĩa hẹp, đó là ứng xử, giá trị và chuẩn mực đọc của mỗi cá nhân [84, tr.19].

Đây là quan niệm khá toàn diện về văn hoá đọc khi tiếp cận văn hoá đọc ở cả nghĩa rộng và nghĩa hẹp. Tuy nhiên, ở đây, nội hàm khái niệm ứng xử đọc, giá trị đọc và chuẩn mực đọc chưa được tác giả lý giải, phân biệt một cách đầy đủ, rõ ràng. Theo tác giả, văn hóa đọc gồm ba thành phần: thói quen đọc, sở thích đọc và kỹ năng đọc. Ở đây, nội hàm khái niệm ứng xử đọc nằm trong nội hàm khái niệm chuẩn mực đọc, vì vậy ba thành phần thói quen đọc, sở thích đọc và kỹ năng đọc mới chỉ phản ánh chuẩn mực đọc, chưa có yếu tố phản ánh giá trị đọc. Kế thừa và

phát triển quan niệm của Nguyễn Hữu Viêm, tác giả Nguyễn Thị Ngọc Linh cho rằng: “Văn hóa đọc có thể hiểu một cách khái quát là ứng xử, giá trị và chuẩn mực đọc của mỗi cá nhân thông qua nhu cầu đọc, thói quen và sở thích đọc, kỹ năng đọc và văn hóa ứng xử với tài liệu của bản thân cá nhân đó” [70, tr.14]. Tác giả Vũ Thị Thơm cho rằng: “Văn hóa đọc là cách thức ứng xử và đánh giá đọc của mỗi cá nhân thông qua thói quen đọc, sở thích đọc và kỹ năng đọc của bản thân” [71, tr.10]. Theo quan niệm này văn hóa đọc được nhận diện qua 10 thành tố: mục đích đọc, nội dung đọc, thị hiếu đọc, nhu cầu đọc, trình độ đọc, tính tích cực đọc, phương pháp đọc, kỹ năng đọc, thói quen đọc và thái độ đọc. Các thành tố này phản ánh giá trị đọc, chuẩn mực đọc.

Dưới góc độ văn hóa học, tác giả Nguyễn Hoàng Vĩnh Vương cho rằng: “Văn hóa đọc gồm hoạt động nhận thức về việc đọc, hành vi đọc và ý nghĩa (giá trị) của việc đọc được lan tỏa trong cộng đồng” [89, tr.46]. Tác giả đã vận dụng cấu trúc văn hóa của Trần Ngọc Thêm để mô tả và lý giải văn hóa đọc của sinh viên Đại học Cần Thơ qua các thành phần: văn hóa nhận thức, văn hóa ứng xử và văn hóa tổ chức việc đọc. Các yếu tố này biểu đạt giá trị đọc và chuẩn mực đọc. Tác giả Đỗ Thị Quyên [63] cho rằng, văn hóa đọc chứa đựng nội hàm có ý nghĩa định tính và định lượng. Về định lượng đó là hành vi đọc, thái độ đọc, mục đích đọc, hình thức đọc, không gian đọc và kỹ năng đọc. Về định tính, đó là giá trị xã hội và ý nghĩa lịch sử của văn hóa đọc. Các quan điểm này nhìn nhận văn hóa đọc ở mức độ sâu và rộng hơn, thể hiện tính hệ thống của văn hóa. Trong đó, bản thân văn hóa đọc có các thành tố cấu thành bao trùm hoạt động đọc từ nhận thức đến hành động đọc và ý nghĩa của việc đọc.

Nhìn chung, các quan điểm văn hóa đọc của các tác giả tuy chưa thể hiện tính đồng nhất cao nhưng bổ sung cho nhau để có cái nhìn toàn diện về văn hóa đọc từ nhận thức đến hành động đọc và ý nghĩa của hoạt động đọc.

1.1.1.2. Về các yếu tố ảnh hưởng đến văn hoá đọc

Đã có nhiều công trình nghiên cứu bàn về các yếu tố ảnh hưởng đến văn hoá đọc. Các nghiên cứu chỉ ra rằng, văn hóa đọc bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố bao gồm cả khách quan và chủ quan như: yếu tố chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục; yếu tố thể chế, thiết chế; yếu tố khoa học công nghệ; yếu tố cá nhân của người đọc.

Về yếu tố chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục, tác giả Nguyễn Chí Trung cho rằng, môi trường xã hội bao gồm hệ thống luật pháp, thể chế, quy định, truyền

thống lịch sử, đặc điểm văn hóa, kinh tế, chế độ chính trị - xã hội, sự giáo dục của gia đình và nhà trường,... định hướng hoạt động đọc của con người trong khuôn khổ nhất định nhằm tạo ra tính nguyên tắc [78]. Tác giả Đoàn Tiến Lộc cho rằng: “Văn hóa nói chung và văn hóa đọc nói riêng là những lĩnh vực của đời sống xã hội, do đó luôn bị chính trị tác động, chi phối”. “Tác động của kinh tế đối với văn hóa đọc cũng có hai hướng: Tích cực và tiêu cực. Nếu đầu tư đủ hoặc vượt nhu cầu thì văn hóa đọc phát triển. Nếu đầu tư ít hoặc không đầu tư - văn hóa đọc sẽ xuống cấp và dần đi vào lụi tàn” [38, tr.24].

Theo Braunger & Lewis, sự phát triển của việc đọc được tạo điều kiện bởi tương tác xã hội, các môi trường cho trải nghiệm đọc (ví dụ như môi trường vật chất, cộng đồng lớp học), tài nguyên và cơ hội để đọc. Tương tự, Guthrie, Wigfield, & You cho rằng: “Sự tham gia của sinh viên vào việc đọc được tăng cường khi bối cảnh mà việc đọc diễn ra thúc đẩy nó” [104, tr.602]. Các học giả khác, Bossmann và cộng sự [94], Kim và Anderson [108] cho rằng, sinh viên có nhiều khả năng đọc hơn nếu họ có cơ hội tiếp cận nhiều hơn với sách và một môi trường thoải mái, yên tĩnh để đọc.

Nơi sinh sống cũng được coi là một yếu tố ảnh hưởng đến thái độ và thói quen đọc của sinh viên. Theo F.A. Lone, do vấn đề trình độ dân trí thấp và thiếu truyền thống đọc sách lành mạnh ở nông thôn, sinh viên lớn lên ở nông thôn có xu hướng thích đọc ít hơn sinh viên lớn lên ở một khu vực thành thị và họ dành ít thời gian hơn cho việc đọc mỗi ngày so với những người bạn ở thành thị [111]. Theo W.G. Brozo và cộng sự, mức độ tham gia đọc của sinh viên cũng rất khác nhau giữa các bối cảnh quốc gia [96].

Bối cảnh trường học (phương pháp giảng dạy, thực hành đánh giá, tài nguyên và dịch vụ thư viện,...) cũng là một trong những yếu tố ảnh hưởng đến thói quen đọc. Nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng, thực hành giảng dạy trong lớp học thúc đẩy việc đọc của người học. Theo Baccus, giảng viên và chiến lược giảng dạy của họ ảnh hưởng đáng kể đến việc đọc của sinh viên. Sự hướng dẫn và chia sẻ kinh nghiệm đọc của giảng viên có ảnh hưởng quan trọng đến động lực đọc của sinh viên [92]. Hoạt động thảo luận nhóm thúc đẩy sinh viên đọc cho các khóa học của họ vì đây là một hoạt động thú vị cung cấp cho sinh viên cơ hội chia sẻ ý tưởng, tương tác và học hỏi từ những người khác về những gì họ đã đọc và làm cho việc học tập trở

nên tích cực, hiệu quả và sáng tạo hơn [119]. Guthrie phát hiện ra rằng, các sinh viên có xu hướng tham gia vào việc đọc sách khi họ được tự do đưa ra các lựa chọn liên quan đến chủ đề sẽ được khám phá, các tài liệu bổ sung sẽ được sử dụng và các chiến lược sẽ được thực hiện trong quá trình đọc và soạn bài [103]. Khi các bài giảng yêu cầu đọc các tài liệu thích hợp và sử dụng những tài liệu này một cách hiệu quả, người học sẽ có nhiều khả năng đọc phục vụ cho việc học của mình hơn [105].

Về yếu tố thiết chế liên quan đến hoạt động đọc, Victoria O. Itsekor, Nwanne M. Nwokeoma khẳng định, thư viện có vai trò quan trọng trong hình thành văn hóa đọc, xóa mù chữ, nâng cao sự hiểu biết, kiến thức và kỹ năng tiếp thu của người dân. Nhóm tác giả đã phân tích vai trò của các thư viện trong việc thúc đẩy việc đọc và xây dựng một môi trường đọc hiệu quả trong xã hội [128]. Theo Somaratna và Peiris, thư viện học thuật có thể được coi là “trái tim” của cộng đồng học tập, nơi sinh viên nâng cao kiến thức của họ. Nhiệm vụ của thư viện không chỉ là dạy sinh viên đọc, mà còn là cung cấp cho họ lý do để đọc. Khi sinh viên tiếp cận nhiều hơn với sách, họ dường như đọc nhiều hơn và trở thành những người đọc tốt hơn [110]. Theo Đoàn Tiến Lộc, nhà xuất bản, in và phát hành sách có số lượng tài liệu càng phong phú, nội dung thiết thực, phù hợp với nhu cầu đọc của mọi người sẽ thu hút được nhiều người đọc sách, ngược lại, văn hóa đọc sẽ kém phát triển. Bên cạnh đó, các phương tiện thông tin đại chúng có đóng góp to lớn trong việc khuếch trương văn hóa đọc [38].

Về yếu tố khoa học công nghệ, một số nghiên cứu chỉ ra rằng, với sự phát triển nhanh chóng của khoa học công nghệ, đặc biệt là dưới tác động mạnh mẽ của cách mạng 4.0, văn hóa đọc đang đứng trước những thách thức và cơ hội. Theo tác giả Cao Thanh Phước, “những thành tựu của khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực truyền thông có ảnh hưởng trực tiếp đến sự biến đổi của văn hóa đọc”, “văn hóa đọc trong thời đại của công nghệ thông tin sẽ đa chiều hơn, nhanh chóng và thuận lợi hơn nhưng cũng ẩn chứa nhiều nguy cơ, máy móc và thực dụng hơn” [61, tr.29].

Trong các bài viết: *Internet và sự thay đổi văn hóa đọc ở Việt Nam* [76], *Toàn cầu hoá và sự thay đổi văn hoá đọc ở Việt Nam* của tác giả Nguyễn Thị Thu Trang [77], *Tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 tới văn hoá đọc* của tác giả Phạm Thị Thuý Nga [53], các tác giả cho rằng, sự phát triển của công nghệ thông tin đã làm ảnh hưởng đến thói quen đọc của con người, thay vì đọc

sách truyền thống như trước đây, người đọc dành nhiều thời gian hơn cho việc đọc trên các thiết bị điện tử. Sự xuất hiện của công nghệ kỹ thuật số, đặc biệt là các thiết bị di động thông minh đã khiến cho tốc độ đọc, cách thức đọc của con người cũng bị thay đổi. Với bài viết *Góp bàn về văn hóa đọc trong xã hội hiện đại*, tác giả Trần Thị Minh Nguyệt cho rằng, sự biến đổi của xã hội ngày nay, đặc trưng là sự phát triển của công nghệ thông tin, công nghệ hiện đại dẫn tới quá trình chuyển đổi số trong mọi lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực hoạt động thông tin - thư viện và xuất bản tài liệu, đã tạo ra những cơ hội và thách thức mới đối với sự phát triển của văn hóa đọc [57].

Về yếu tố cá nhân của người đọc, tác giả Cao Thanh Phước cho rằng: “những đặc điểm cá nhân như trình độ văn hóa, lứa tuổi, nghề nghiệp, giới tính, dân tộc, tôn giáo... cũng ảnh hưởng đến việc hình thành và phát triển của văn hóa đọc” [61, tr.29]. Tác giả Trương Đại Lượng cho rằng, đặc điểm riêng của mỗi cá nhân như: năng lực cá nhân, nhận thức và động cơ đọc sẽ ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển văn hóa đọc trong sinh viên [39].

Liên quan đến đặc điểm giới tính, trong nghiên cứu của W.G. Brozo và cộng sự chỉ ra rằng, các sinh viên nữ thể hiện thái độ đọc tích cực hơn, đọc thường xuyên hơn và có xu hướng thích thú đọc các văn bản dài hơn so với nam giới [96]. Theo S.M. Shafi và F.A. Lone, bởi vì sinh viên nữ dành nhiều thời gian trong nhà hơn nam giới, họ có nhiều khả năng đọc hơn sinh viên nam [122].

Nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng, thái độ đọc và thói quen đọc bị ảnh hưởng bởi nền tảng gia đình. Theo C.Clark và K.Rumbold, cha mẹ và môi trường gia đình là yếu tố cần thiết cho việc dạy đọc sớm và nuôi dưỡng niềm yêu thích đọc sách: trẻ em có nhiều khả năng tiếp tục trở thành độc giả trong những ngôi nhà mà sách và việc đọc được coi trọng [98]. Các bậc cha mẹ được giáo dục tốt có xu hướng đặt kỳ vọng cao vào con cái của họ và thường cung cấp cho chúng các phương pháp thực hành ngôn ngữ khác nhau, chúng góp phần ảnh hưởng mạnh mẽ đến kỹ năng đọc và thành tích của con cái họ [102].

1.1.1.3. Về vai trò của văn hoá đọc

Văn hoá đọc góp phần to lớn vào việc bồi dưỡng, nâng cao kiến thức, hình thành và phát triển nhân cách con người. Hiện nay, có nhiều công trình nghiên cứu khẳng định vai trò của văn hoá đọc.

Trong bài viết *Thúc đẩy văn hoá đọc hướng tới nguồn nhân lực và phát triển toàn cầu*, M. O. Olasehinde và cộng sự cho rằng, một quốc gia không thể phát triển toàn diện nếu không đầu tư quy mô lớn vào chương trình giáo dục của quốc gia ấy. Bởi lẽ, sự đột phá của một quốc gia tỷ lệ thuận với trình độ học vấn của quốc gia ấy. Việc tiếp thu các kỹ năng đọc hiệu quả có tác động tích cực đến tất cả các môn học, nên việc đọc là điều kiện thiết yếu cho nguồn nhân lực và sự phát triển toàn cầu [117].

M.T. Tegegne trong bài viết *Thói quen đọc sách của sinh viên ở các trường đại học: phản ánh từ Ethiopia* cho rằng, thói quen đọc sách ảnh hưởng đến việc thúc đẩy phát triển cá nhân của một người nói riêng và tiến bộ xã hội nói chung. Đọc thường xuyên và có hệ thống làm tăng trí tuệ, cải thiện cảm xúc, nâng cao thị hiếu và cung cấp viễn cảnh cho cuộc sống của một con người, và do đó, giúp cho một người có thể tham gia hiệu quả vào đời sống xã hội, tôn giáo, văn hoá, chính trị [124].

Theo Kirsch và cộng sự, mọi người đều thừa nhận rằng, để đáp ứng những yêu cầu ngày càng cao đặt ra đối với sự phát triển giáo dục công dân, đọc đóng một vai trò đặc biệt quan trọng như một kỹ năng nền tảng. Những sinh viên được chuẩn bị tốt các kỹ năng đọc hiểu cho quá trình học đại học sẽ được hưởng lợi theo một số cách [109]. Thứ nhất, khả năng đọc được coi là một yếu tố quan trọng góp phần vào thành công của sinh viên ở trường [108]. Thông qua quá trình đọc, sinh viên phát triển tư duy phản biện và các kỹ năng giải quyết vấn đề [106]. Kỹ năng đọc hỗ trợ họ hiểu sâu sắc thông tin và kiến thức [91]. Sinh viên càng dành nhiều thời gian hơn cho việc đọc, họ càng có kỹ năng đọc và những sinh viên này có nhiều khả năng thành công trong các khóa học của họ hơn những sinh viên khác [108; 97]. Đọc có thể được xem là một nhân tố quan trọng góp phần vào sự trưởng thành về trí tuệ và tình cảm của sinh viên; mở đường cho việc học tập suốt đời [111]. Hai là, kết quả xã hội của sinh viên như việc làm trong tương lai và sự tham gia vào cộng đồng có thể được dự báo thông qua khả năng đọc của họ [121]. Những người có trình độ đọc cao dường như có nhiều khả năng tham gia vào các hoạt động cộng đồng tình nguyện hơn, và họ càng có nhiều cơ hội việc làm hơn. Kỹ năng đọc có thể được coi là công cụ cần thiết để một người tham gia hiệu quả vào đời sống xã hội [111]. Khả năng đọc và hiểu thông tin phức tạp của một cá nhân là một yếu tố quan trọng góp phần vào thành công của họ trong cuộc sống học tập, trong cuộc sống nghề nghiệp và trong cuộc sống hàng ngày [109]. Như vậy, có thể nói, hỗ trợ sinh viên đọc một

cách hiệu quả là một sứ mệnh quan trọng đối với các bậc cha mẹ, các nhà giáo dục, các nhà quản lý, các nhà hoạch định chính sách và cả cộng đồng.

Ở Việt Nam, nhiều công trình nghiên cứu đã khẳng định vai trò của văn hoá đọc. Trong nghiên cứu của mình, tác giả Đoàn Tiến Lộc đã phân tích vai trò của văn hoá đọc trong đời sống cư dân các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam. Văn hoá đọc góp phần nâng cao dân trí, nâng cao chất lượng cuộc sống, bồi dưỡng nhân cách, tâm hồn, tăng cường ý thức chấp hành pháp luật, bảo vệ môi trường, xoá đói giảm nghèo, góp phần xây dựng xã hội học tập, tạo ra sự bình đẳng trong hưởng thụ các giá trị văn hoá của dân tộc và thế giới [38].

Theo tác giả Trần Dương, việc đọc sách giúp mỗi con người tự hoàn thiện bản thân, phát triển nhân cách, trau dồi phẩm chất đạo đức, năng lực, có đầy đủ những kỹ năng để bắt nhịp cuộc sống. Văn hóa đọc có một vai trò quan trọng trong việc tự học của sinh viên, trở thành "kim chỉ nam" cho con người tự học và đặc biệt là sinh viên trước sự biến đổi mau lẹ của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang thôi thúc con người vận động và phát triển tư duy hệ thống [18].

Phân tích vai trò của văn hóa đọc trong sự phát triển nền văn hóa Việt Nam, tác giả Lê Hồng Lý cho rằng, văn hóa đọc góp phần to lớn vào sự đoàn kết, chia sẻ và cảm thông giữa các dân tộc. Việc đọc để hiểu đặc thù của mỗi nền văn hóa dân tộc một mặt để các dân tộc hiểu biết lẫn nhau, mặt khác để tránh những va chạm, hiểu lầm không đáng có trong quá trình chung sống cùng nhau trên dải đất này. Đọc sách luôn đem lại nguồn cảm hứng và sáng tạo vô tận đối với những người muốn khai thác chúng và có thể nói, một nền văn hóa muốn phát triển tiên tiến và hiện đại như ngày nay không thể không có một văn hóa đọc kèm theo nó [41].

1.1.2. Các nghiên cứu về thực tiễn văn hóa đọc trên thế giới và Việt Nam

Trong công trình *Nghiên cứu văn hóa đọc trong các trường cao đẳng và đại học ở Trung Quốc*, nhóm tác giả Gong & Gao (2014) đã sử dụng phương pháp định lượng để nghiên cứu động cơ đọc và thói quen đọc của sinh viên. Qua kết quả khảo sát 548 sinh viên ở 4 trường cao đẳng và đại học ở tỉnh Giang Tây (Trung Quốc) cho thấy, có 84% sinh viên sử dụng thời gian rảnh trên Internet để tán gẫu hoặc nghe nhạc; 86.5% sinh viên đọc tài liệu trên Internet. Về mục đích đọc, 74.9% sinh viên đọc chuẩn bị nghề nghiệp tương lai; 60.7% đọc để học kiến thức; 43.2% đọc cho giải trí. Theo nhóm tác giả, nhìn chung văn hóa đọc của sinh viên Trung Quốc

trương đối tốt. Để phát triển văn hóa đọc của sinh viên tất cả các thành viên trong trường cần phải tham gia vào hoạt động thúc đẩy văn hóa đọc phát triển. Nhà trường cần tăng cường các hoạt động khuyến khích đọc, tạo môi trường đọc thuận lợi cho sinh viên. Giảng viên có vai trò trong việc định hướng cho sinh viên đọc. Thư viện cần tăng cường phục vụ các nguồn tài liệu trên Internet [101].

Với công trình *Vấn đề đọc và cải thiện văn hóa đọc của sinh viên bậc đại học ngành giáo dục tiểu học ở Viện Đại học hiện đại*” của Kamalova & Koletvinova (2016), các tác giả đã sử dụng phương pháp thực nghiệm và phỏng vấn sâu, với 07 nhóm câu hỏi liên quan đến sở thích, thói quen, động cơ, tác giả và sách yêu thích để nghiên cứu văn hóa đọc của sinh viên bậc đại học ngành giáo dục tiểu học ở Viện Đại học hiện đại Nga. Nghiên cứu chỉ ra rằng, các thành tố thuộc về cá nhân như: nhu cầu, động cơ, giá trị và ý nghĩa của việc đọc có vai trò quan trọng trong phát triển văn hóa đọc của sinh viên. Với sự phát triển nhanh chóng của công nghệ Internet, nội dung và cấu trúc của việc đọc đã thay đổi. Để cải thiện văn hóa đọc của sinh viên cần đào tạo và phát triển kỹ năng đọc của sinh viên như: đọc sâu, đọc đa dạng chủ đề và thể loại, đọc sáng tạo [107].

Với công trình *Nghiên cứu văn hóa đọc của sinh viên sư phạm: Trường hợp ngành sư phạm ở Thổ Nhĩ Kỳ*, nhóm tác giả Türkel, Özdemir, & Akbulut (2019) đã sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng để chỉ ra mối quan hệ giữa các yếu tố trong thành phần văn hóa đọc như ý nghĩa của việc đọc, kỹ năng đọc với yếu tố thói quen đọc. Nhóm tác giả cũng sử dụng nhiều phương pháp phân tích tương quan để phân tích quan hệ nhân quả giữa các biến liên quan đến văn hóa đọc của sinh viên, so sánh sự khác biệt về văn hóa đọc giữa các nhóm sinh viên có đặc điểm khác nhau về giới tính, chuyên ngành đào tạo, thói quen sử dụng thư viện,... [127].

Ở Việt Nam, có nhiều công trình nghiên cứu về thực tiễn văn hóa đọc, tiêu biểu như:

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã tổ chức nhiều hội thảo về văn hoá đọc, có thể kể đến như: Hội thảo *Định hướng và giải pháp phát triển văn hoá đọc ở Việt Nam* tổ chức vào năm 2010 [11], Hội thảo *Văn hóa đọc trong kỷ nguyên số - Thực trạng và giải pháp* tổ chức vào năm 2018 [12], Hội thảo *Văn hoá đọc với việc hình thành vốn tri thức, kỹ năng sống và phát triển nhân cách con người* tổ chức năm 2020 [13]. Các hội thảo đã đánh giá thực trạng văn hoá đọc, từ đó xác định các định

hướng, giải pháp phát triển văn hoá đọc ở Việt Nam; góp ý cho dự thảo Chiến lược quốc gia về phát triển văn hoá đọc trong cộng đồng.

Đoàn Tiến Lộc (2017), *Nghiên cứu phát triển văn hoá đọc ở các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam* [38]. Luận án đã đánh giá hiện trạng văn hoá đọc tại các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam, làm rõ những mặt mạnh, mặt yếu và các yếu tố đặc thù ảnh hưởng tới văn hoá đọc ở vùng này. Luận án cho rằng, văn hoá đọc đang hình thành và phát triển nhưng chưa thực sự có vai trò quan trọng trong đời sống của người dân miền núi phía Bắc và còn ở mức độ chưa cao. Trước tác động của tiến trình đổi mới đất nước, người dân đã bắt đầu quan tâm đến việc đọc và dành thời gian rảnh nhất định cho việc đọc sách. Tuy nhiên, mục đích đọc của họ chủ yếu là nâng cao sự hiểu biết, giúp cho việc học tập, hầu như chưa thực sự vì mục tiêu cải thiện sản xuất. Kỹ năng đọc của người dân chưa cao ảnh hưởng đến chất lượng vận dụng tri thức đã đọc vào thực tiễn. Hiểu biết về vai trò của sách và bản quyền tác giả của người dân còn hạn chế. Vẫn còn chênh lệch khá lớn trong văn hoá đọc của người dân thành thị và nông thôn, của người Kinh và người dân tộc thiểu số, giữa các lứa tuổi. Công tác phát triển văn hoá đọc ở vùng núi phía Bắc Việt Nam đã bước đầu được quan tâm nhưng chỉ tập trung chủ yếu trong các thư viện công cộng và thư viện trường học. Luận án đã đề xuất những giải pháp để phát triển văn hoá đọc trên địa bàn này trong thời gian tới.

Nguyễn Chí Trung (2021), *Văn hóa đọc của sinh viên Đại học quốc gia Hà Nội*, luận án tiến sĩ Thông tin học [78]. Tác giả đã sử dụng phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi với sự tham gia của 2.723 sinh viên. Nghiên cứu chỉ ra rằng, văn hóa đọc của sinh viên đã có những bước phát triển phù hợp với xu thế của thời đại: sinh viên có nhu cầu đọc cao với các tài liệu chuyên môn và biết sử dụng các nguồn tra cứu đa dạng, hiện đại; sinh viên đã có kỹ năng đọc tài liệu ở mức độ nhất định và đã có ý thức tự giác trong ứng xử với tài liệu. Tuy nhiên, trước yêu cầu của đổi mới giáo dục, văn hóa đọc của sinh viên Đại học Quốc gia Hà Nội còn có những hạn chế đáng kể như: kỹ năng lĩnh hội tài liệu chuyên ngành của sinh viên chưa thực sự cao; kỹ năng tìm kiếm tài liệu chưa thành thực; một bộ phận sinh viên còn thiếu ý thức giữ gìn tài liệu. Luận án cũng chỉ ra nguyên nhân của thực trạng này, đề xuất mô hình và giải pháp để phát triển văn hóa đọc cho sinh viên đáp ứng yêu cầu của đổi mới giáo dục và đào tạo trong tình hình mới. Điểm mới trong luận án của Nguyễn

Chí Trung là đã chỉ rõ 03 mô hình phát triển văn hóa đọc và đề xuất được mô hình giải pháp phát triển văn hóa đọc cho sinh viên Đại học quốc gia Hà Nội. Tuy nhiên, dưới góc độ tiếp cận của chuyên ngành thông tin học, luận án tập trung nghiên cứu văn hóa đọc của sinh viên ở khía cạnh kỹ thuật, kỹ năng của chủ thể đọc trong quá trình đọc tài liệu. Vì vậy, luận án mới chỉ dừng lại ở việc mô tả thực trạng hoạt động đọc của sinh viên mà chưa phân tích, lý giải ý nghĩa đạt được từ các hoạt động đó. Vì vậy, luận án chưa thể hiện rõ các đặc trưng văn hóa đọc của sinh viên trong bối cảnh của Đại học quốc gia Hà Nội. Luận án cũng chưa đưa ra dự báo xu hướng biến đổi văn hóa đọc và xác định những vấn đề đặt ra đối với văn hóa đọc của sinh viên trong thời gian tới.

Nguyễn Hoàng Vĩnh Vương (2022), *Văn hóa đọc của sinh viên Trường Đại học Cần Thơ hiện nay*, Luận án tiến sĩ Văn hóa học [89]. Bằng phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng, luận án chỉ ra rằng, phần lớn sinh viên hiểu rõ vai trò quan trọng của việc đọc giúp phát triển trí tuệ bản thân, giúp đạt kết quả học tập tốt, phát triển kỹ năng sống. Văn hóa ứng xử với việc đọc của sinh viên đạt được nhiều ý nghĩa tích cực không chỉ cho sinh viên mà còn có ý nghĩa tích cực lan tỏa đến gia đình, nhà trường và cộng đồng. Văn hóa đọc của sinh viên có sự đóng góp tích cực từ môi trường văn hóa của cộng đồng, gia đình và Đại học Cần Thơ là môi trường học tập có ảnh hưởng tích cực nhất đối với văn hóa đọc của sinh viên. Trên cơ sở phân tích luận cứ khoa học của văn hóa đọc của sinh viên, luận án đưa ra một số khuyến nghị. Điểm mới trong luận án của Nguyễn Hoàng Vĩnh Vương, dưới góc độ văn hóa học, luận án đã nghiên cứu văn hóa đọc của sinh viên Đại học Cần Thơ theo hướng tiếp cận hoàn toàn mới trên 3 phương diện: văn hóa nhận thức về việc đọc, văn hóa ứng xử với việc đọc và văn hóa tổ chức việc đọc. Hướng tiếp cận này không chỉ mô tả hoạt động đọc của sinh viên Đại học Cần Thơ mà còn chỉ ra sự lan tỏa ý nghĩa tích cực của văn hóa đọc đối với chính chủ thể sinh viên, với gia đình, nhà trường và cộng đồng. Tuy nhiên, với cách tiếp cận trên, luận án mới chỉ nhận diện thực trạng văn hóa đọc của sinh viên ở các khía cạnh: mục đích đọc, nhu cầu đọc, thói quen đọc, kỹ năng đọc, chưa nghiên cứu ở các khía cạnh khác như: kỹ năng tìm kiếm tài liệu, vấn đề vận dụng kiến thức đọc được vào thực tiễn và ứng xử của sinh viên với tài liệu và môi trường đọc, đây là những khía cạnh rất quan trọng phản ánh năng lực sáng tạo của chủ thể đọc trong hoạt động đọc và là vấn đề đang

được nhiều nghiên cứu đề cập đến trong bối cảnh chuyển đổi số và bùng nổ thông tin như hiện nay. Luận án cũng chưa đưa ra dự báo xu hướng biến đổi, xác định những vấn đề đặt ra đối với văn hóa đọc của sinh viên trong thời gian tới.

Cuốn sách *Phát triển văn hóa đọc cho sinh viên trong môi trường số* của tác giả Trương Đại Lượng (2023) [39]. Nghiên cứu chỉ ra rằng, hiện nay nhu cầu đọc tài liệu số của sinh viên ngày càng cao so với tài liệu truyền thống. Thời gian sinh viên sử dụng để khai thác thông tin trong môi trường số khá nhiều song chủ yếu khai thác tin tức, thông tin giải trí, tài liệu văn học nghệ thuật, tham gia mạng xã hội; sinh viên dành thời gian để đọc tài liệu học thuật, tài liệu chuyên ngành phục vụ nhiệm vụ học tập và nghiên cứu còn ít, dưới 50% số sinh viên được hỏi. Năng lực định hướng đọc, năng lực lĩnh hội thông tin và năng lực ứng xử văn hóa trong quá trình khai thác tài liệu của sinh viên còn khá hạn chế. Nghiên cứu đã đưa ra mô hình và các giải pháp phát triển văn hóa đọc cho sinh viên. Điểm mới của công trình này là đã nghiên cứu thực trạng văn hoá đọc của sinh viên ở một số trường đại học không chỉ ở 3 khía cạnh: năng lực định hướng đọc, năng lực lĩnh hội thông tin, năng lực ứng xử với thông tin mà còn nghiên cứu ở khía cạnh năng lực số. Tuy nhiên, dưới góc độ nghiên cứu chuyên ngành thư viện học, công trình mới dừng lại ở việc mô tả thực trạng hoạt động đọc của sinh viên, chưa phân tích, lý giải sâu sắc giá trị, ý nghĩa đạt được từ các hoạt động đó.

Ngoài ra còn có nhiều bài viết đăng tải trên các tạp chí khoa học, tiêu biểu như: *Đọc và giải pháp chấn hưng văn hoá đọc ở Việt Nam hiện nay* của tác giả Vũ Dương Thuý Ngà [54]. Bài viết giới thiệu các kết quả của cuộc điều tra tình hình đọc sách báo của người dân các vùng, miền khác nhau trong cả nước qua điều tra 11 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trên các đối tượng học sinh - sinh viên, phụ huynh học sinh và người lớn. Nhóm nghiên cứu đã đánh giá thực trạng và khuyến nghị 09 nhóm giải pháp nhằm phát triển văn hoá đọc trong cộng đồng.

Bài viết *Bước đầu tìm hiểu về việc đọc của người Việt* của nhóm tác giả Bùi Văn Trường, Mai Việt Thắng [80]. Để tìm hiểu thực trạng đọc của người Việt, nghiên cứu được thực hiện năm 2019 trên 338 khách thể qua phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi. Kết quả cho thấy, 45% số người tham gia nghiên cứu đọc từ 3 - 5 cuốn sách/năm; 58% số người bỏ dưới một triệu đồng/năm để mua sách. Mức độ yêu thích việc đọc là 3,27/5 điểm. Nhóm tác giả đã đưa ra nhận định chung là người

Việt chưa có thói quen đọc sách và đề xuất giải pháp để cải thiện việc đọc là phát triển thói quen đọc và kỹ năng đọc cho học sinh từ trường học.

Bên cạnh đó, còn có nhiều bài viết khác như: *Phát triển văn hóa đọc thông qua đổi mới tổ chức hoạt động dạy học theo định hướng phát triển năng lực người học* của tác giả Nguyễn Trọng Hoàn [32], *Một số giải pháp phát triển văn hóa đọc cho sinh viên trong giai đoạn hiện nay* của tác giả Lê Thị Tuyết Nhung [58], *Phát triển văn hóa đọc cho sinh viên hiện nay* của tác giả Vũ Văn Bách [2],... Các bài viết đã phân tích các đặc điểm văn hóa đọc của sinh viên trong giai đoạn hiện nay và đề xuất các biện pháp để thúc đẩy văn hóa đọc sách trong sinh viên. Một số bài viết đã chỉ ra những hạn chế trong văn hóa đọc của sinh viên như: Sinh viên không còn hứng thú với việc đọc sách một cách nghiêm túc [75], sinh viên chủ yếu đọc tài liệu chuyên ngành [50] và đọc chủ yếu để đối phó với kỳ thi [29], đọc theo phong trào, trào lưu [34] hoặc khi giáo viên yêu cầu [28], sinh viên chưa có ý thức, thói quen hoặc thiếu kỹ năng đọc sách, tìm kiếm tài liệu [37; 40; 50; 66]. Trước những thực trạng trên, đa số nghiên cứu đưa ra 3 nhóm giải pháp nhằm phát triển văn hóa đọc cho sinh viên: nhóm giải pháp đối với Nhà trường, nhóm giải pháp đối với thư viện và nhóm giải pháp đối với sinh viên.

Đã có một số ít công trình nghiên cứu liên quan đến văn hóa đọc ở Học viện CTQG HCM như:

Đề tài khoa học cấp cơ sở *Nghiên cứu phát triển văn hóa đọc cho học viên tại Học viện Chính trị khu vực I* do Đào Thị Ngọc chủ nhiệm (2016) [56]. Đề tài đã nghiên cứu thực trạng văn hóa đọc của học viên tại Học viện Chính trị khu vực I qua các yếu tố: nhu cầu đọc, hứng thú đọc, kỹ năng đọc, ứng xử với tài liệu. Qua kết quả khảo sát 120 học viên cho thấy, hầu hết học viên có nhu cầu đọc các tài liệu liên quan đến môn học và nhận thức được việc sử dụng thư viện mang lại hiệu quả cho học tập và nghiên cứu. Học viên biết lựa chọn có ý thức đề tài hoặc những vấn đề cần đọc cho bản thân, biết vận dụng thành thạo các cách đọc khác nhau. Tuy nhiên, một bộ phận học viên chỉ có mục đích đọc trước mắt, đôi khi chưa biết cách chọn tìm tài liệu phù hợp với yêu cầu, chưa biết sử dụng các phương tiện tra cứu tài liệu ở thư viện. Trên cơ sở thực trạng văn hóa đọc của học viên, thực trạng hoạt động thư viện, nghiên cứu đã đưa ra phương hướng và kiến nghị phát triển văn hóa đọc cho học viên tại Học viện Chính trị khu vực I. Tuy nhiên, với phạm vi của một đề

tài cấp cơ sở, công trình này chưa nghiên cứu đầy đủ, sâu sắc các yếu tố ảnh hưởng đến văn hóa đọc của học viên Học viện Chính trị khu vực I; chưa nghiên cứu, khảo sát, đánh giá một cách toàn diện các khía cạnh trong văn hoá đọc của học viên dưới góc độ văn hóa học; chưa làm rõ các yếu tố tác động và xu hướng biến đổi văn hóa đọc của học viên hiện nay; các giải pháp đưa ra chỉ mang tính vi mô áp dụng cho một đơn vị riêng lẻ, chưa có giải pháp vĩ mô áp dụng trong toàn hệ thống Học viện, đặc biệt là giải pháp đối với công tác thông tin - thư viện.

Đỗ Anh Đào (2021), *Văn hóa đọc của giảng viên tại Học viện Chính trị khu vực I*, luận văn thạc sĩ [26]. Luận văn đã sử dụng phương pháp khảo sát, điều tra bằng bảng hỏi và phương pháp quan sát để nghiên cứu thực trạng văn hoá đọc của giảng viên theo ba thành tố cấu thành, đó là: năng lực định hướng tài liệu, năng lực vận dụng tài liệu, văn hoá ứng xử với tài liệu. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra rằng, nhu cầu đọc của giảng viên Học viện Chính trị khu vực I rất phong phú và đa dạng ở nhiều lĩnh vực khác nhau, nhưng nhu cầu về tài liệu sách giáo trình và tài liệu sách tham khảo, chuyên khảo về lĩnh vực chính trị xã hội vẫn là chủ yếu. Đa số giảng viên thích dùng tài liệu là sách giấy và sách báo trên mạng, biết sử dụng nhiều phương pháp đọc, các kỹ năng đọc khác nhau, có ý thức giữ gìn không thay đổi nội dung và hình thức tài liệu, tôn trọng bản quyền tác giả. Tuy nhiên, văn hóa đọc của giảng viên vẫn còn một số hạn chế như: thời gian dành cho việc đọc còn ít, tỷ lệ người sử dụng tài liệu bằng ngôn ngữ nước ngoài chưa cao, một số giảng viên chưa có kỹ năng trong tìm kiếm tài liệu, chưa có thói quen lập kế hoạch cho việc đọc, tỷ lệ giảng viên đến thư viện chưa nhiều. Nghiên cứu cũng đề xuất các giải pháp thúc đẩy phát triển văn hoá đọc cho giảng viên nhằm góp phần đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo trong Học viện. Công trình đã nghiên cứu, tiếp cận văn hóa đọc dưới góc độ thư viện học, đối tượng nghiên cứu là giảng viên, không phải là học viên.

Bài viết *Một số giải pháp phát triển văn hoá đọc, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng tại Học viện Chính trị Khu vực I* của tác giả Giang Thu Huyền và Nguyễn Đình Chương đăng trên Tạp chí Giáo dục lý luận năm 2020, số 315 [35]. Bài viết đánh giá thực trạng phát triển văn hóa đọc tại Học viện Chính trị Khu vực I, trong đó chủ yếu tập trung vào việc đáp ứng nhu cầu đọc của bạn đọc tại Trung tâm Thông tin khoa học. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất tám giải pháp phát triển văn hoá đọc tại Học viện Chính trị Khu vực I: 1) Nâng cao nhận thức về đọc sách và văn hoá đọc;

2) Ban hành cơ chế, chính sách hợp lý nhằm phát triển văn hoá đọc; 3) Thúc đẩy phát triển văn hoá đọc trong môi trường văn hoá trường Đảng; 4) Đổi mới phương pháp giảng dạy, học tập; 5) Mở rộng không gian đọc sách; 6) Tăng cường các hoạt động tuyên truyền, giới thiệu sách, hưởng ứng Ngày sách Việt Nam 21/4 hàng năm; 7) Phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của đội ngũ giảng viên; 8) Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ thư viện. Bài viết cũng tiếp cận văn hóa đọc dưới góc độ thư viện học.

Như vậy, hiện nay, chưa có công trình nào nghiên cứu văn hoá đọc của học viên trong toàn hệ thống Học viện CTQG HCM. Chỉ có 01 đề tài khoa học cấp cơ sở nghiên cứu văn hóa đọc của học viên ở Học viện Chính trị khu vực I từ khá lâu (năm 2016). Vì vậy, nghiên cứu văn hóa đọc của học viên trong hệ thống Học viện CTQG HCM là vấn đề cần phải tiếp tục nghiên cứu hiện nay.

1.1.3. Khái quát kết quả chủ yếu của các công trình đã công bố và những nội dung luận án tập trung nghiên cứu

Qua khảo cứu các công trình nghiên cứu cho thấy, đã có nhiều công trình nghiên cứu trong và ngoài nước đề cập đến văn hóa đọc ở cả phương diện lý luận và thực tiễn. Các công trình nghiên cứu này đã góp phần làm sáng tỏ những vấn đề cơ bản sau:

Thứ nhất, mặc dù chưa có sự thống nhất trong quan niệm về văn hóa đọc nhưng các nghiên cứu đã bổ sung cho nhau để đưa ra cái nhìn toàn diện về văn hóa đọc. Theo đó, văn hóa đọc là quá trình nhận thức tầm quan trọng của việc đọc tiến tới thực hành hoạt động đọc theo các giá trị, chuẩn mực nhất định nhằm giải quyết các vấn đề trong thực tiễn của cá nhân và xã hội.

Thứ hai, nhiều nghiên cứu đã phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến văn hóa đọc. Theo đó, văn hoá đọc chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố, bao gồm cả yếu tố khách quan và yếu tố chủ quan. Yếu tố khách quan: bối cảnh quốc gia và cộng đồng (thể chế chính trị, truyền thống văn hoá, điều kiện kinh tế, khoa học công nghệ,...) và bối cảnh trường học (phương pháp giảng dạy, thực hành đánh giá, tài nguyên và dịch vụ thư viện,...). Yếu tố chủ quan bao gồm đặc điểm cá nhân (giới tính, quê quán, giáo dục của gia đình,...). Đây là những vấn đề giúp nghiên cứu sinh tham khảo, vận dụng khi nghiên cứu các yếu tố tác động đến văn hoá đọc của học viên Học viện CTQG HCM.

Thứ ba, các công trình đã đề cập đến vai trò quan trọng của văn hoá đọc, khẳng định văn hoá đọc góp phần to lớn vào việc bồi dưỡng, nâng cao kiến thức,

hình thành và phát triển nhân cách con người, giúp con người phát triển toàn diện, góp phần phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước.

Thứ tư, các công trình đã nghiên cứu, khảo sát, đánh giá thực trạng văn hóa đọc của cộng đồng trong môi trường xã hội và nhà trường; đưa ra một số giải pháp từ phía gia đình, nhà trường và xã hội nhằm nâng cao văn hóa đọc cho các nhóm đối tượng, đặc biệt là sinh viên.

Những vấn đề mà các nghiên cứu trên đã đề cập đến có giá trị về mặt lý luận và thực tiễn, gợi mở cho nghiên cứu sinh những công cụ và phương pháp tiếp cận khi nghiên cứu, nhận diện văn hoá đọc của học viên Học viện CTQG HCM.

Những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu:

Thứ nhất, hiện nay, các công trình nghiên cứu chưa có sự thống nhất trong quan niệm về văn hoá đọc cũng như các yếu tố cấu thành văn hoá đọc, mỗi góc độ nghiên cứu khác nhau các tác giả đưa ra các quan niệm khác nhau về văn hoá đọc. Vì vậy, luận án cần hệ thống hoá các quan điểm khác nhau về văn hoá đọc, đồng thời xác định cho mình một cách tiếp cận phù hợp để giải quyết các vấn đề đặt ra cho đề tài.

Trên cơ sở kế thừa kết quả nghiên cứu của các tác giả đi trước, luận án sẽ tiếp tục làm sâu sắc hơn các vấn đề lý luận về văn hoá đọc dưới góc nhìn văn hoá học. Cụ thể là làm rõ các yếu tố cấu thành văn hoá đọc, tập trung phân tích đầy đủ, toàn diện các yếu tố ảnh hưởng tới văn hoá đọc, làm rõ vai trò của văn hoá đọc đối với học viên Học viện CTQG HCM.

Thứ hai, hiện nay, chưa có công trình nào nghiên cứu văn hoá đọc của học viên Học viện CTQG HCM. Vì vậy, luận án cần nghiên cứu, nhận diện văn hoá đọc của học viên Học viện CTQG HCM, dự báo xu hướng biến đổi văn hoá đọc của học viên, đồng thời xác định những vấn đề đặt ra đối với văn hoá đọc của học viên Học viện CTQG HCM trong thời gian tới.

1.2. CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA ĐỀ TÀI

1.2.1. Các khái niệm cơ bản

1.2.1.1. Khái niệm văn hóa

Văn hóa đọc là một bộ phận của văn hóa. Vì vậy, để hiểu về văn hóa đọc trước hết cần làm rõ khái niệm về văn hóa. Theo nhà xã hội học nổi tiếng người Đức, Max Weber (1864-1920) trụ cột của văn hóa là giá trị. Giá trị chính là xương sống, là cốt lõi, là những gì đặc trưng của một nền văn hóa.

Gắn văn hóa với các phương thức hoạt động và sinh hoạt của con người, Hồ Chí Minh đã quan niệm: “Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu của đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn” [43, tr.431]. Ở đây, Hồ Chí Minh cũng nhấn mạnh đến giá trị của văn hóa là đáp ứng “nhu cầu của đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn”.

Theo Federico Mayor - Tổng Giám đốc UNESCO giai đoạn 1988 -1999, “Văn hóa là tổng thể sống động các hoạt động sáng tạo trong quá khứ và trong hiện tại. Qua các thế kỷ hoạt động sáng tạo ấy đã hình thành nên một hệ thống các giá trị, các truyền thống và các thị hiếu - những yếu tố quy định đặc tính riêng của từng dân tộc” [10, tr.23]. Theo quan niệm này, chỉ những gì do con người sáng tạo ra, có giá trị với con người, được tích lũy qua quá trình lịch sử, đó mới là văn hóa.

Nhấn mạnh yếu tố giá trị và chuẩn mực, A.A. Radugin cho rằng: “Văn hoá là chỉ chung những chuẩn mực, giá trị và ý nghĩa, như nhóm dân tộc, quốc gia hoặc nền văn minh” [65, tr.563]. Tác giả Hoàng Vinh [87] cho rằng, văn hóa là toàn bộ các giá trị được tạo nên bởi sự sáng tạo của con người tích lũy trong hoạt động thực tiễn để trở thành hệ giá trị và chuẩn mực xã hội. Chính hệ giá trị và chuẩn mực xã hội làm nên bản sắc của cộng đồng xã hội và chi phối mọi hoạt động và đời sống tâm lý của con người.

Từ các quan niệm trên chúng ta thấy, văn hoá là một sản phẩm hoạt động có ý thức của con người, là kết quả sáng tạo của con người nhằm thoả mãn những nhu cầu vật chất và tinh thần không ngừng tăng lên của con người. Văn hóa là hệ thống những giá trị, chuẩn mực xã hội do con người sáng tạo ra trong quá trình phát triển. Trong hệ thống giá trị, chuẩn mực đó có chứa các nhân tố của quá khứ, hiện tại và có thể cả tương lai, các giá trị truyền thống và thời đại, dân tộc và quốc tế, đó là hạt nhân của văn hóa. Giá trị cốt lõi của văn hóa là cái đúng (nhận thức), cái tốt (đạo đức) và cái đẹp (thẩm mỹ) để thúc đẩy sự tiến bộ xã hội và hoàn thiện con người.

Như vậy, văn hoá là hệ thống các giá trị, chuẩn mực được kết tinh trong quá trình hoạt động thực tiễn của con người nhằm thoả mãn nhu cầu phát triển của con người.

1.2.1.2. Khái niệm đọc

Đọc sách là một nhu cầu tinh thần khách quan của con người. Nó xuất hiện khi con người muốn nhận biết và khám phá thế giới xung quanh. Kể từ khi nhân loại sáng tạo ra chữ viết đến nay, đọc là hoạt động tối ưu nhất để thu thập và tiếp nhận tri thức.

Nhiều tác giả cho rằng, *đọc chính là hoạt động tự học hay hoạt động giao tiếp giữa người đọc và tác giả thông qua vật mang thông tin* [1; 15; 51; 60; 85]. Bản chất của hoạt động đọc là sự tương tác giữa những gì có trong đầu với những gì trên trang tài liệu trong một bối cảnh cụ thể, giúp người đọc hiểu những gì họ đọc. Đọc còn là quá trình tương tác giữa người đọc và các văn bản, trong đó người đọc sử dụng kiến thức của họ để xây dựng, để tạo ra và để cấu trúc ý nghĩa của những gì đã đọc. Do đó, đọc chính là hoạt động giải mã và lĩnh hội thông tin trong tài liệu.

Theo tác giả Nguyễn Chí Trung, tùy vào trình độ văn hóa và năng lực tư duy của mỗi người, việc đọc có thể đạt được những mức độ khác nhau theo thứ tự từ thấp đến cao. Mức độ thứ nhất là hình thành thói quen đọc khi nảy sinh nhu cầu đọc. Mức độ thứ hai là không chỉ có thói quen đọc mà còn có khả năng hiểu được chính xác nội dung tài liệu (đọc hiểu). Mức độ thứ ba cũng là mức độ cao nhất, chủ thể đọc không chỉ có thói quen đọc, khả năng đọc hiểu chính xác mà còn có khả năng đánh giá và vận dụng một cách sáng tạo tri thức trong tài liệu vào thực tiễn (đọc sáng tạo) [78].

Như vậy, đọc là hoạt động tương tác giữa người đọc và tài liệu, trong đó người đọc sử dụng các giác quan, đặc biệt là thị giác, tư duy và kiến thức của mình để giải mã và lĩnh hội thông tin trong tài liệu.

1.2.1.3. Khái niệm văn hoá đọc

Trước đây trên thế giới cũng như Việt Nam, khi các phương tiện nghe nhìn nhất là truyền hình chưa phát triển, thông tin chủ yếu lấy từ việc đọc, vì vậy, chưa có khái niệm khu biệt về văn hoá đọc và văn hoá nghe nhìn để phân biệt và so sánh giữa hai loại hình đọc và nghe nhìn. Nhưng từ khi truyền hình và Internet phát triển, xuất hiện hai khái niệm “văn hoá đọc” và “văn hoá nghe nhìn”.

Ở Việt Nam, từ khi Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII (1998) về “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” ra đời, văn hóa được xác định là “nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội”, thuật ngữ văn hoá đã được đề cập đến trong nhiều lĩnh vực, như: văn hoá làng, văn hoá kinh doanh, văn hoá du lịch, văn hoá học đường, văn hoá chính trị,... và sự ra đời của thuật ngữ “văn hoá đọc” cũng xuất phát từ sự lan toả của thuật ngữ văn hoá trong đời sống xã hội. Trong các văn bản của Nhà nước ta, “văn hoá đọc” được đề cập lần đầu tiên trong Chỉ thị số 42/CT-TW ngày 25/8/2004 của Ban Bí thư về “Nâng cao chất lượng toàn diện của hoạt động xuất bản”, Mục 2.3 Chỉ thị viết: “Chăm lo phát triển nhu cầu **văn hoá đọc** của

các tầng lớp nhân dân”. Cũng từ đó, thuật ngữ “văn hoá đọc” xuất hiện ngày càng nhiều trên các phương tiện truyền thông và trong các công trình nghiên cứu.

Văn hóa là những hoạt động sáng tạo mang lại giá trị cho con người. Không phải tất cả những gì con người tạo ra đều là văn hóa, mà chỉ những cái đã kết tinh thành giá trị thì mới là cốt lõi của văn hóa. Văn hoá là tổng thể hệ thống những giá trị, những chuẩn mực, những hoạt động có ý thức, mang tính xã hội và sáng tạo trong thực tiễn của một cộng đồng người nhất định nhằm thoả mãn nhu cầu của cuộc sống và thể hiện bản sắc riêng của cộng đồng đó. Do vậy, dưới góc nhìn văn hóa học, nếu quan niệm văn hóa đọc chỉ dừng lại ở các yếu tố liên quan đến hoạt động đọc như thói quen đọc, kỹ năng tìm kiếm tài liệu, kỹ năng đọc hoặc năng lực đọc thì chỉ mô tả được một khía cạnh của hoạt động đọc, chưa giải mã được giá trị, ý nghĩa ẩn chứa trong các hành vi đọc của cộng đồng. Theo nghiên cứu sinh, văn hóa đọc là một hoạt động mang tính đặc thù. Trước hết nó được tiến hành thông qua việc giải mã chữ viết. Thứ hai, khi tiến hành hoạt động văn hóa này, con người có thể tiến hành đồng thời các hoạt động khác như hoạt động nhận thức, hoạt động học tập, hoạt động sản xuất (tinh thần), hoạt động giải trí,... Văn hóa đọc cũng bao gồm cách thức tiến hành hoạt động đọc. Tuy nhiên, nếu chỉ là một hoạt động đọc đơn thuần thì chưa thể gọi là văn hóa đọc mà nó còn phải được thực hiện một cách đúng đắn, hiệu quả và hướng tới các giá trị, các chuẩn mực làm cho con người trở nên tốt đẹp hơn. Trong bất cứ hoạt động nào của con người, khía cạnh văn hoá đọc được xem xét ở mức độ sáng tạo và nhân văn của con người - cái thể hiện năng lực bản chất người, được kết tinh thành các giá trị và được biểu hiện ra trong các chuẩn mực của hoạt động. Tuỳ vào trình độ và năng lực tư duy của mỗi cá nhân, mỗi nhóm người mà mỗi cá nhân, nhóm người sẽ có phương thức đọc và hiểu văn bản theo những mức độ khác nhau, từ đó hình thành nên các giá trị, chuẩn mực văn hoá đọc của cộng đồng. Với cách hiểu trên, dưới góc độ văn hóa học, văn hóa đọc bao gồm nhiều thành tố bao trùm hoạt động đọc và thể hiện ý nghĩa đạt được từ các hoạt động đó. Vì vậy, văn hóa đọc cần được nghiên cứu ở các khía cạnh giá trị đọc và chuẩn mực đọc. Cách tiếp cận này không chỉ nghiên cứu văn hóa đọc ở phương diện mô tả hoạt động đọc mà nhìn nhận văn hóa đọc trong tính toàn diện từ nhận thức đến hành động đọc và ý nghĩa, giá trị của việc đọc.

Từ cách tiếp cận hệ thống trong nghiên cứu văn hóa, coi văn hóa là hệ thống giá trị và chuẩn mực được hình thành từ hoạt động sáng tạo của con người, kết hợp với việc kế thừa các quan niệm văn hóa đọc của các nhà nghiên cứu đi trước, trong luận án này nghiên cứu sinh quan niệm: *Văn hóa đọc là hệ thống các giá trị, chuẩn*

mục đọc được kết tinh trong hoạt động đọc và kết quả hoạt động đọc nhằm thỏa mãn nhu cầu phát triển của cá nhân, cộng đồng.

1.2.1.4. Khái niệm văn hóa đọc của học viên Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Theo Từ điển Tiếng Việt: “Học viên là người học ở những trường lớp không thuộc hệ thống giáo dục phổ thông hay đại học” [79, tr.599]. Theo cách tiếp cận này, học viên Học viện được hiểu là những người đang học ở Học viện* (trừ những người đang học hệ đào tạo đại học tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền - gọi là sinh viên). Họ là những người đã tốt nghiệp đại học và là những cán bộ, công chức đang công tác (trong biên chế hoặc có hợp đồng lao động từ 01 năm trở lên) trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước, lực lượng vũ trang, doanh nghiệp nhà nước, đoàn thể chính trị - xã hội hưởng lương từ ngân sách nhà nước được cơ quan có thẩm quyền (cơ quan quản lý cấp tỉnh hoặc tương đương) cử đi học.

Từ những khái niệm trên, trong văn bản này chúng tôi quan niệm: *Văn hóa đọc của học viên Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh là hệ thống các giá trị, chuẩn mực đọc được kết tinh trong hoạt động đọc và kết quả hoạt động đọc nhằm thỏa mãn nhu cầu phát triển của học viên Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và cộng đồng.*

Học viên Học viện là những cán bộ, những người đã có trình độ nhất định cả về lý luận và thực tiễn. Việc đọc hiển nhiên là nhu cầu thiết yếu, không thể thiếu trong công việc của họ. Do đó, văn hóa đọc của họ không chỉ thể hiện ở mục đích, nhu cầu, thói quen đọc mà còn thể hiện ở việc họ đọc như thế nào, tiếp thu và vận dụng sáng tạo kiến thức đọc được vào thực tiễn ra sao. Với quan niệm trên, trong nghiên cứu này, nghiên cứu sinh giới hạn nghiên cứu văn hóa đọc ở khía cạnh giá trị đọc và chuẩn mực đọc để mô tả và lý giải văn hóa đọc của học viên Học viện. Trong đó, giá trị đọc được thể hiện qua mục đích đọc, nhu cầu đọc và ý nghĩa của việc đọc. Chuẩn mực đọc được thể hiện ở thói quen đọc, kỹ năng tìm kiếm tài liệu, kỹ năng đọc và ứng xử với tài liệu và môi trường đọc của học viên. Với cách tiếp cận này, luận án đã kế thừa những mặt đạt được và khắc phục những mặt hạn chế trong các luận án đã nêu ở phần tổng quan. Từ đó, việc nhận diện văn hóa đọc của học viên Học viện một cách toàn diện hơn, không chỉ dừng lại ở việc mô tả hoạt động đọc mà còn được nhìn nhận ở khía cạnh giá trị, ý nghĩa của việc đọc được thừa nhận và lan tỏa trong cộng đồng.

* Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh gồm có: Học viện Trung tâm, Học viện Chính trị khu vực I, Học viện Chính trị khu vực II, Học viện Chính trị khu vực III, Học viện Chính trị khu vực IV và Học viện Báo chí và Tuyên truyền

1.2.1.5. Phát triển văn hóa đọc

Trong triết học, phát triển là khái niệm biểu thị quá trình vận động tiến lên từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ kém hoàn thiện đến hoàn thiện hơn của một sự vật, hiện tượng. Phát triển không phải là sự biến đổi tăng lên hay giảm đi đơn thuần về lượng hay sự biến đổi tuần hoàn lặp đi lặp lại ở chất cũ mà là sự biến đổi về chất theo hướng hoàn thiện của sự vật. Phát triển cũng là quá trình phát sinh và giải quyết mâu thuẫn khách quan vốn có của sự vật; là quá trình thống nhất giữa phủ định những nhân tố tiêu cực và kế thừa, nâng cao nhân tố tích cực từ sự vật cũ trong hình thái mới của sự vật.

Từ quan niệm chung về phát triển, tác giả luận án cho rằng, *phát triển văn hóa đọc là quá trình làm thay đổi văn hóa đọc của cá nhân và cộng đồng cả về chất và lượng theo chiều hướng tích cực, từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ kém hoàn thiện đến hoàn thiện hơn.*

Đối với chủ thể đọc, phát triển văn hóa đọc là làm cho họ nhận thức rõ hơn về vai trò, ý nghĩa, mục đích của việc đọc, từ đó hình thành và thúc đẩy nhu cầu đọc, thói quen đọc, nâng cao kỹ năng tìm kiếm, lựa chọn tài liệu, kỹ năng đọc, năng lực lĩnh hội nội dung tài liệu, năng lực vận dụng kiến thức đọc được vào thực tiễn và thái độ ứng xử văn hóa với tài liệu, với môi trường đọc...

Tuy nhiên, văn hóa đọc của cộng đồng cũng như của mỗi cá nhân được phát triển, biến đổi dưới tác động qua lại mật thiết của các yếu tố khách quan và chủ quan như môi trường sống, môi trường học tập, nguồn cung cấp tài liệu,... Vì vậy, phát triển văn hóa đọc cho một cộng đồng hay một cá nhân còn là việc tạo ra những điều kiện và tác động thuận lợi nhất để từng bước hình thành và nâng cao hệ giá trị và chuẩn mực đọc của mỗi cá nhân và cộng đồng.

Trong Luật Thư viện, việc phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng được thực hiện thông qua bốn hoạt động chủ yếu như:

“a) Tổ chức hoạt động hình thành thói quen đọc trong gia đình, trường học, cơ quan, tổ chức trong phạm vi cả nước;

b) Hướng dẫn phương pháp, kỹ năng đọc, khai thác tài nguyên thông tin cho trẻ em tại thư viện cơ sở giáo dục mầm non, thư viện cơ sở giáo dục phổ thông;

c) Phát triển kỹ năng tìm kiếm, khai thác và sử dụng thông tin, mở rộng tri thức cho người sử dụng thư viện;

d) Đẩy mạnh liên thông giữa thư viện công cộng với thư viện khác trên địa bàn, truy cập và khai thác thông tin, tri thức từ thư viện số dùng chung thông qua

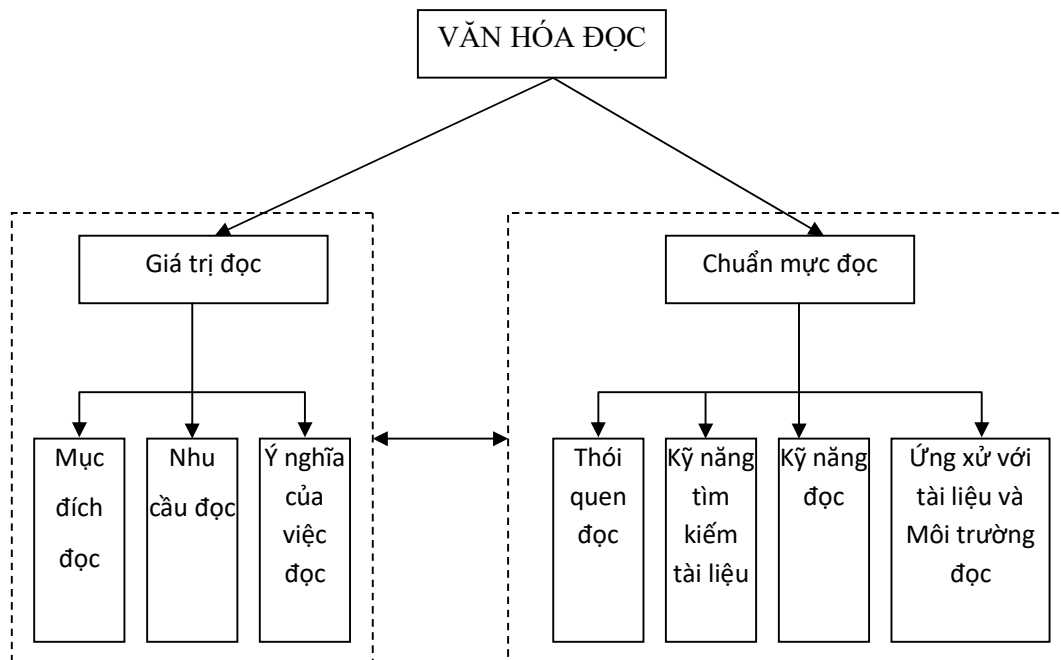
thiết bị điện tử, sử dụng dịch vụ thư viện lưu động và luân chuyển tài nguyên thông tin” [62, tr.15-16].

Như vậy, để phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng, ngoài nỗ lực của mỗi cá nhân, đòi hỏi phải có sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ của nhà trường, gia đình, cơ quan, tổ chức, trong đó có các thiết chế văn hóa, đặc biệt là thư viện.

1.2.2. Các thành tố của văn hóa đọc

Qua khảo cứu các công trình nghiên cứu cho thấy, có nhiều quan điểm và cách lý giải khác nhau về các thành tố của văn hóa đọc. Có quan niệm cho rằng, văn hóa đọc được cấu thành bởi thói quen đọc, sở thích đọc và kỹ năng đọc (Nguyễn Hữu Viêm [84]). Có quan niệm lại cho rằng, văn hóa đọc được cấu thành bởi các yếu tố: năng lực định hướng tới tài liệu, năng lực lĩnh hội tài liệu và ứng xử của chủ thể với tài liệu trong quá trình đọc (Trần Thị Minh Nguyệt [57], Đoàn Tiến Lộc [38], Cao Thanh Phước [61], Nguyễn Chí Trung [78]). Một quan điểm khác lại quan niệm, văn hóa đọc gồm 3 thành phần: văn hóa nhận thức, văn hóa ứng xử và văn hóa tổ chức việc đọc (Nguyễn Hoàng Vĩnh Vương [89]),...

Xuất phát từ quan điểm coi văn hóa đọc là hệ thống các giá trị, chuẩn mực đọc được kết tinh trong hoạt động đọc và kết quả hoạt động đọc nhằm thỏa mãn nhu cầu phát triển của cá nhân, cộng đồng, trong luận án này, văn hóa đọc được xem xét ở 2 khía cạnh có liên quan mật thiết với nhau: giá trị đọc và chuẩn mực đọc.



Sơ đồ 1.1. Các thành tố của văn hóa đọc

1.2.2.1. Giá trị đọc

Theo A. A. Radugin, giá trị là tính chất của một vật thể, một hiện tượng xã hội nào đó, nhằm thoả mãn một nhu cầu, một mong muốn, một lợi ích của chủ thể xã hội (cá nhân, nhóm xã hội, toàn thể một xã hội). Khái niệm “giá trị” thể hiện ý nghĩa của một vật thể hoặc một hiện tượng thực tiễn nào đó đối với một người hoặc ý nghĩa lịch sử - xã hội của nó đối với một xã hội [65].

Tác giả McIntyre cho rằng, “Giá trị là những quan điểm trừu tượng và khái quát về những gì là tốt và mong muốn, nó như sự đối nghịch với những gì là tệ và không mong muốn thực hiện” [112, tr.103]. Đồng quan điểm, tác giả Hoàng Vinh viết: “Giá trị là quan niệm về cái có ý nghĩa được chia sẻ trong một cộng đồng xã hội. Đối với mỗi cá nhân, mỗi cộng đồng, nó vừa là cái được mong muốn, vừa là cái đáng mong muốn và cần phải mong muốn” [87, tr.50].

Tóm lại, giá trị được xem như là kết quả của hoạt động đánh giá từ phía chủ thể (con người). Giá trị là những cái có ý nghĩa được chia sẻ trong cộng đồng xã hội, nó vừa là cái được mong muốn, vừa là cái đáng mong muốn và cần phải mong muốn.

Kế thừa quan niệm của các nhà khoa học đi trước, trong văn bản này nghiên cứu sinh hiểu: *Giá trị đọc là khả năng và lợi ích mà một cá nhân hoặc một cộng đồng nhận được thông qua việc đọc và tiếp thu thông tin từ các nguồn tài liệu. Giá trị đọc còn thể hiện ở mục đích đọc - nó không chỉ đề cập đến việc đọc hiểu nội dung, mà còn đề cập đến khả năng áp dụng và sử dụng thông tin đã đọc để nâng cao kiến thức, tăng cường hiểu biết và kỹ năng làm việc của người đọc.* Giá trị đọc là thành tố cốt lõi, quan trọng trong văn hóa đọc, có vai trò định hướng, chi phối, điều tiết hoạt động đọc của cá nhân và cộng đồng. Giá trị đọc hướng tới thoả mãn những nhu cầu đọc và khát vọng của cộng đồng về những điều tốt đẹp (chân, thiện, mỹ), từ đó nâng cao bản chất Người.

Đối với mỗi cộng đồng, trong những hoàn cảnh lịch sử xã hội cụ thể đều tồn tại giá trị đọc tổng quát và những giá trị đọc bộ phận (hay còn gọi là giá trị riêng lẻ). Giá trị đọc tổng quát là những giá trị chung nhất, mang tính phổ quát, có vai trò định hướng tư duy và hoạt động đọc của cả cộng đồng. Đây là những giá trị cần thiết và quan trọng nhất đối với lợi ích của cá nhân cũng như của cộng đồng, đồng thời cũng là những giá trị được cộng đồng đề cao và mong đợi, được mọi người cùng chia sẻ, lan

tỏa trong cộng đồng. Bên cạnh những giá trị đọc tổng quát, tùy từng lĩnh vực của đời sống cũng như hoạt động thực tiễn khác nhau, có những giá trị chỉ đại diện cho lợi ích của một cá nhân, một nhóm nghề nghiệp nào đó,... đó là những giá trị riêng lẻ, có vai trò định hướng trong từng lĩnh vực riêng lẻ. Khi nghiên cứu văn hóa đọc, để đánh giá tính giá trị hay phi giá trị, giá trị cao hay thấp, phải đặt nó trong tọa độ về mặt không gian, thời gian và chủ thể của văn hóa đọc. Ví dụ, về mặt không gian, đối với các trường đại học, các viện nghiên cứu chuyên ngành khoa học tự nhiên thì giá trị phổ quát mà chủ thể đọc hướng đến là hệ thống tri thức về khoa học tự nhiên, tuy nhiên, đối với các trường đại học, các viện nghiên cứu chuyên ngành khoa học xã hội thì giá trị phổ quát mà chủ thể đọc hướng đến lại là hệ thống tri thức về khoa học xã hội. Về mặt thời gian, nếu trước đây, khi công nghệ thông tin chưa phát triển thì giá trị đọc thể hiện ở việc đọc tài liệu giấy, số lượng người đến thư viện đọc tài liệu là tiêu chí để đánh giá văn hóa đọc. Tuy nhiên, hiện nay, với sự phát triển của công nghệ thông tin, ngoài tài liệu giấy còn có tài liệu dạng số, giá trị đọc không chỉ thể hiện ở việc đọc tài liệu giấy mà còn thể hiện ở việc đọc tài liệu điện tử, số lượng bạn đọc đến thư viện không phải là giá trị duy nhất để đánh giá văn hóa đọc của một cộng đồng mà còn phải tính đến cả số lượng bạn đọc truy cập tài liệu số thông qua mạng Internet. Về mặt chủ thể đọc, tùy vào đặc điểm cá nhân như trình độ, nghề nghiệp, lứa tuổi,... mà mỗi cá nhân có những giá trị đọc khác nhau.

Hoạt động đọc của con người xét đến cùng đều nhằm đáp ứng những nhu cầu của mình. Theo A. A. Radugin, giá trị hình thành do kết quả của chủ thể ý thức được mối tương quan giữa nhu cầu bản thân với khả năng thoả mãn nhu cầu đó, tức là do kết quả của nhận thức về giá trị [65]. Do vậy, giá trị đọc luôn gắn với nhu cầu, mục đích đọc của mỗi cá nhân và cộng đồng. Giá trị đọc là yếu tố mang tính định hướng cho chủ thể đọc để hình thành nên nhu cầu đọc rõ ràng, cụ thể và phục vụ cho một mục đích xác định. Cũng như mọi hoạt động khác, để việc đọc được thực hiện trước tiên phải có động lực thúc đẩy. Giá trị đọc là yếu tố xác định động cơ dẫn đến ứng xử đọc của mỗi người. Khi người đọc xác định rõ: Đọc để làm gì? Tại sao phải đọc tài liệu này? Từ đó, họ mới có thể trả lời được: Đọc sách gì? Tìm ở đâu? Đọc như thế nào?

Giá trị đọc tác động đến thái độ và hành vi đọc, phản ánh ý nghĩa của văn hóa đọc. Để tiến tới hành động đọc thì chủ thể đọc cần phải nhận thức được giá trị

đọc, hiểu được vai trò của việc đọc hoặc có niềm tin vào việc đọc có ích cho cuộc sống. Giá trị đọc được phản ánh trong nhận thức của chủ thể đọc qua thực tiễn của bản thân tương tác với cộng đồng. Do đó, niềm tin đọc của chủ thể đọc vào giá trị, lợi ích của việc đọc sẽ mang lại những ý nghĩa tích cực cho bản thân người đọc.

Như vậy, giá trị đọc là yếu tố nền tảng, chi phối toàn bộ quá trình đọc của chủ thể đọc. Việc nhận thức được giá trị đọc một cách rõ ràng sẽ giúp cho người đọc có định hướng cụ thể, không rơi vào tình trạng đọc tràn lan, tốn công sức và thời gian, giúp người đọc có cách đọc hợp lý, phù hợp với nhiệm vụ và chủ động về thời gian.

Giá trị đọc thường gắn với nghề nghiệp hoặc công việc mà chủ thể đọc đang đảm nhiệm. Việc đọc được coi là giá trị khi nó phù hợp với nhu cầu và có ích cho công việc cũng như nghề nghiệp của chủ thể đọc.

Căn cứ vào đối tượng, mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án, trên cơ sở kế thừa kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học đi trước và thực tiễn văn hoá đọc ở Học viện CTQG HCM, giá trị đọc trong phạm vi nghiên cứu của luận án này tập trung khảo sát, nghiên cứu ở ba nội dung: mục đích đọc, nhu cầu đọc và ý nghĩa của việc đọc.

Mục đích đọc là những đích được đặt ra, để cá nhân, cộng đồng đạt tới thông qua việc đọc. Mục đích đọc là yếu tố xác định động cơ dẫn đến việc đọc, trả lời câu hỏi: Đọc để làm gì? Vì sao đọc? Trong thực tế, người ta có thể đọc với nhiều mục đích khác nhau. Có những mục đích đọc đúng đắn như: đọc để học tập, nghiên cứu khoa học, để phục vụ cho công việc, để tu dưỡng, rèn luyện bản thân, để nắm thông tin, giải trí,... Nhưng cũng có mục đích đọc không đúng đắn như: đọc vì dục vọng thấp hèn, đọc để phô diễn, đánh bóng bản thân, để tuyên truyền phản động, để phục vụ cho những việc làm xấu xa,... Chỉ những hành động đọc xuất phát từ mục đích đúng đắn, mang lại ý nghĩa tích cực cho bản thân và xã hội mới được coi là có văn hóa đọc.

Nhu cầu đọc là đòi hỏi khách quan của con người đối với việc tiếp nhận và sử dụng tài liệu nhằm nâng cao hiểu biết, duy trì và phát triển các hoạt động sống của mình. Các nhu cầu này xuất phát từ yêu cầu của hoạt động sống và được hình thành khi người đọc nhận thấy giá trị của những tri thức chứa đựng trong tài liệu có thể đáp ứng được những yêu cầu để giải quyết nhiệm vụ, vấn đề của họ. Do đó, nhu cầu đọc chịu tác động và gắn với mục đích cụ thể của chủ thể đọc. Một mục đích đọc tích cực sẽ dẫn đến một nhu cầu đọc lành mạnh và ngược lại. Nhu cầu đọc biểu

hiện ở đối tượng mà chủ thể đọc hướng tới, bao gồm: nhu cầu về nội dung của thông tin/tài liệu, nhu cầu về hình thức chuyển tải thông tin/tài liệu, nhu cầu về ngôn ngữ của thông tin/tài liệu.

Ý nghĩa của việc đọc thể hiện ở kết quả thu được từ việc đọc và trả lời cho câu hỏi: Đọc mang lại lợi ích, tác dụng gì? Ý nghĩa của việc đọc thể hiện tính đặc biệt, quan trọng hoặc có tác động sâu sắc đến con người. Trong cuộc sống cá nhân, tùy vào từng chủ thể đọc mà việc đọc mang lại những ý nghĩa khác nhau như: giúp phát triển toàn diện bản thân; đạt được thành công trong công việc; đạt kết quả cao trong học tập; cuộc sống hạnh phúc hơn; tăng năng suất sản xuất; bảo vệ sức khỏe cho bản thân và gia đình; nâng cao kỹ năng sống, kỹ năng lãnh đạo, quản lý;... Nếu như mục đích là điều mà chủ thể đọc hướng đến thì ý nghĩa là những lợi ích, những điều mình có sau khi đạt được mục đích. Đó là những giá trị chủ thể đọc mang lại cho cộng đồng cũng như những niềm vui hoặc những bài học họ nhận lại cho bản thân. Vì vậy, ý nghĩa của việc đọc còn được thể hiện ở việc chủ thể đọc vận dụng tri thức đọc được vào thực tiễn, đây chính là giá trị cao nhất mà văn hóa đọc mang lại cho mỗi cá nhân và cộng đồng.

1.2.2.2. Chuẩn mực đọc

Theo tác giả Mai Văn Hai [27], từ chuẩn mực (norme) có nguồn gốc từ tiếng Latinh, có nghĩa là quy tắc, là cái cần phải theo. Giống như giá trị, từ chuẩn mực được dùng rộng rãi ở nhiều lĩnh vực khác nhau (kinh tế học, đạo đức học, nghệ thuật học, nhân học, v.v...) và trong mỗi lĩnh vực đó, nó cũng hàm chứa những nghĩa khác nhau. Trong đời sống xã hội, chuẩn mực được hiểu là những quy định chung của cả cộng đồng hay một nhóm hạn hẹp, có thể công khai hoặc ngầm ẩn, song buộc các thành viên phải tuân thủ trong mọi hành vi ứng xử của mình. Các chuẩn mực xã hội không chỉ được thể hiện trong phong tục tập quán, mà còn được văn bản hoá trong các bản quy ước, điều lệ, trong hệ thống pháp luật nhằm cổ vũ tính thống nhất, đồng thời trừng phạt những hành vi lệch chuẩn làm suy yếu hoặc phá vỡ sự thống nhất của cộng đồng. Với chức năng là điểm tựa cho hành vi, chuẩn mực xã hội điều chỉnh toàn bộ lĩnh vực quan hệ của con người, chỉ ra và quy định mỗi người cần phải xử sự như thế nào trong những tình huống cụ thể. Đặc điểm của các chuẩn mực xã hội là vừa dựa vào sự tán thành tự nguyện, vừa mang tính bắt buộc thông qua dư luận xã hội và các thiết chế xã hội. Nhờ có những chuẩn mực mà mỗi xã hội có thể vận hành và duy trì được tình trạng ổn định của mình [27].

Trong văn hóa đọc, nếu giá trị đọc là lợi ích và mục đích - cái mà người ta muốn chiếm lĩnh, có tác dụng định hướng cho các hành vi ứng xử đọc của con người, đòi hỏi thực hành một cách tự giác, chưa mang tính bắt buộc, thì chuẩn mực đọc là những quy chuẩn mang tính bắt buộc, trở thành tiêu chuẩn, khuôn mẫu để các thành viên trong cộng đồng noi theo và thực hiện để đạt được giá trị đọc. Những hành vi ứng xử trái hay vượt ra ngoài các chuẩn mực đó (gọi là hành vi “lệch chuẩn”) sẽ bị dư luận xã hội lên án, cao hơn sẽ bị xử phạt với những mức độ khác nhau.

Theo tác giả Nguyễn Hoàng Vĩnh Vương, “Văn hóa đọc là tiểu hệ thống của một nền văn hóa, do đó mỗi cộng đồng có khuôn mẫu ứng xử về quan điểm đối với việc đọc, cách thức đọc khác nhau và hướng đến giá trị văn hóa của việc đọc cũng khác nhau” [88, tr.739].

Bên cạnh những quy định mang tính pháp lý bắt buộc, ở một khía cạnh nào đó, chuẩn mực đọc còn có thể hiểu đó là các quy chuẩn để việc đọc hiệu quả. Trong bối cảnh bùng nổ thông tin và chuyển đổi số như hiện nay, người đọc không chỉ cần có thói quen đọc mà quan trọng hơn cả là phải có kỹ năng tìm kiếm thông tin và kỹ năng đọc. Đây là phương thức giúp người đọc có thể tiếp cận thông tin một cách nhanh nhất; có khả năng hiểu, lĩnh hội và cảm thụ nội dung tài liệu; biến tri thức, kinh nghiệm trong tài liệu thành tri thức, kinh nghiệm của bản thân để có thể vận dụng sáng tạo trong đời sống thực tiễn.

Trong văn hóa đọc, chuẩn mực đọc là các yếu tố để đạt được giá trị đọc. Chuẩn mực đọc xét đến cùng được quy định bởi giá trị đọc, tức bởi sự thỏa mãn các nhu cầu, mục tiêu đọc. Nếu không có những chuẩn mực đọc tương ứng, phù hợp với giá trị đọc thì nhu cầu đọc không được thỏa mãn, mục tiêu đọc không trở thành hiện thực, việc đọc không mang lại ý nghĩa, đồng nghĩa với việc chủ thể đọc không đạt được các giá trị đọc.

Như vậy, chuẩn mực đọc có thể được hiểu là *những quy tắc, khuôn mẫu ứng xử của cá nhân hay một nhóm người (thành văn hoặc bất thành văn) trong hoạt động đọc, được các thành viên thực hiện để đạt được những giá trị đọc mà cộng đồng hoặc nhóm người đó mong đợi.*

Giống như giá trị đọc, trong văn bản này chuẩn mực đọc được tập trung nghiên cứu, khảo sát ở các nội dung: Thói quen đọc; Kỹ năng tìm kiếm tài liệu; Kỹ năng đọc và Ứng xử với tài liệu và môi trường đọc

Thói quen đọc. Muốn tạo dựng một xã hội đọc, một nền văn hóa đọc, thì cần phải bắt đầu từ thói quen đọc của từng cá nhân. Thói quen đọc là những hành vi tích cực được định hình trong hoạt động đọc và trở thành nhu cầu không thể thiếu của mỗi con người. Thói quen đọc không sẵn có mà được hình thành thông qua quá trình học tập, tu dưỡng, rèn luyện của mỗi cá nhân. Thói quen đọc được biểu hiện qua: Thời gian dành cho việc đọc; số lượng tài liệu thường xuyên đọc; địa điểm thường xuyên đọc; các phương tiện, thiết bị thường sử dụng để đọc.

Kỹ năng tìm kiếm tài liệu. Với sự phát triển của công nghệ thông tin, tài liệu được xuất bản rất phong phú, đa dạng với nhiều hình thức khác nhau. Người đọc không chỉ có nhu cầu tìm kiếm, khai thác tài liệu giấy, mà còn có nhu cầu sử dụng tài liệu điện tử, tài liệu số. Để tiếp cận nhanh chóng, chính xác tới tài liệu mình cần, đòi hỏi người đọc phải nắm vững phương pháp tìm kiếm cả truyền thống và hiện đại để có thể tìm kiếm tài liệu từ nhiều nguồn khác nhau. Đối với tài liệu truyền thống, người đọc cần có sự hiểu biết tổng quát về kho tài liệu, hệ thống các sản phẩm và dịch vụ thông tin - thư viện. Đối với tài liệu điện tử, người đọc phải nắm được các cơ sở dữ liệu. Mỗi loại cơ sở dữ liệu sẽ có thiết kế khác nhau và có cách tra cứu khác nhau, người đọc cần biết sử dụng phương pháp tìm kiếm từ cơ bản đến nâng cao theo các dấu hiệu. Đối với tài liệu truy cập từ Internet, người đọc cần biết tự trang bị kỹ năng khai thác và truy cập thông tin trên mạng. Xác định rõ chiến lược tìm, kết hợp linh hoạt với công cụ tìm kiếm, ngôn ngữ tư liệu và có khả năng phân biệt kết quả tìm.

Kỹ năng đọc. Nếu một người có thói quen đọc, nhưng thiếu kỹ năng đọc thì việc đọc sẽ mất nhiều thời gian mà lại không mang lại hiệu quả cao. Ngược lại, nếu nắm vững kỹ năng đọc nhưng không tạo thói quen đọc thì không tiếp cận được nhiều thông tin, do đó kiến thức thu lượm được sẽ không nhiều. Kỹ năng đọc là khả năng vận dụng năng lực cá nhân của chủ thể đọc vào quá trình đáp ứng nhu cầu đọc. Đây là phương thức giúp người đọc tiếp nhận thông tin nhanh nhất và là yếu tố quan trọng quyết định hiệu quả hoạt động đọc của mỗi cá nhân. Người có kỹ năng đọc là người biết đánh giá, lựa chọn tài liệu phù hợp với nhu cầu, mục đích đọc; có phương pháp đọc khoa học để lĩnh hội sâu sắc nội dung tài liệu.

Hiện nay, có khá nhiều tài liệu hướng dẫn các phương pháp đọc sách hiệu quả. Trong cuốn “Phương pháp học tập siêu tốc - Khơi dậy năng lực tiềm ẩn trong bạn”, Bobbi Deporter và cộng sự đưa ra bốn phương pháp đọc cơ bản bao gồm: đọc

bình thường, đọc lướt, đọc quét, đọc nhanh hiểu kỹ [6]. Tác giả Trương Đại Lượng đưa ra bốn phương pháp đọc: Đọc lướt, đọc trọng tâm trọng điểm, đọc nhanh toàn bộ chính văn, đọc nghiên cứu (đọc nghiên ngẫm nội dung tài liệu) [39].

Kỹ năng đọc phụ thuộc vào tri thức, kinh nghiệm và tư duy của mỗi người. Qua nghiên cứu, theo nghiên cứu sinh, kỹ năng đọc đúng và đem lại hiệu quả nên được thực hiện theo các bước sau:

Bước 1: Lựa chọn tài liệu. Người đọc phải đọc lướt để nắm bắt thông tin cơ bản về tài liệu. Bước này yêu cầu tốc độ đọc nhanh, thời gian đọc ngắn, không nên cố gắng hiểu tất cả các từ, trang hay toàn bộ tài liệu, chỉ tập trung vào các thông tin sau đây của tài liệu: tên tài liệu, tên tác giả, các yếu tố xuất bản, phần giới thiệu/lời nói đầu, tóm tắt, mục lục, một số đoạn quan trọng hoặc các từ khóa, công thức, luận cứ luận điểm khoa học,... Cách đọc này nhằm đánh giá sơ bộ nội dung và xác định mức độ phù hợp của tài liệu với nhu cầu đọc để quyết định sẽ đọc chi tiết hay bỏ qua tài liệu.

Bước 2: Đọc kỹ. Việc đọc này tùy thuộc vào mục đích của mỗi người, có thể đọc một lần hoặc nhiều lần, có thể chỉ đọc kỹ một phần tài liệu liên quan đến chủ đề mình quan tâm hoặc đọc kỹ toàn bộ chính văn tài liệu. Cách đọc này giúp người đọc hiểu và lĩnh hội sâu sắc nội dung của tài liệu.

Bước 3: Ghi chép, suy ngẫm sau khi đọc. Đây là công việc rất quan trọng. Sau quá trình đọc, người đọc cần biết ghi chép những ý chính, tư tưởng của tác giả, lập đề cương/bản đồ tư duy, đặt ra các tình huống/câu hỏi có thể xảy ra hoặc suy ngẫm thấu đáo, bình luận (phê bình hoặc đồng tình) hoặc phản biện,...

Ứng xử với tài liệu và môi trường đọc. Người có văn hóa đọc phải là người biết trân trọng, gìn giữ, bảo quản tài liệu; tôn trọng sự sáng tạo của tác giả thông qua việc thực hiện nghiêm túc vấn đề bản quyền tác giả; ứng xử có văn hóa, phù hợp với quy định của cơ quan cung cấp tài liệu cũng như của pháp luật; có ý thức giữ gìn môi trường đọc, không gian đọc và giao tiếp văn minh, lịch sự trong quá trình sử dụng tài liệu tại cơ quan thông tin - thư viện.

Ứng xử với môi trường đọc còn được thể hiện ở sự lan tỏa, truyền cảm hứng giá trị tích cực từ cá nhân sang cá nhân, từ cá nhân sang cộng đồng, xã hội; lan tỏa trong không gian, môi trường đọc công cộng, góp phần hình thành và xây dựng xã hội học tập. Mỗi cá nhân, trong quá trình đọc sách đã tạo nên một tiềm năng văn hóa. Tiềm năng văn hóa ấy sẽ mãi mãi chỉ là tiềm năng nếu cá nhân này không tiếp

xúc, giao lưu với cá nhân khác. Sự tiếp xúc, giao lưu đã làm cho văn hóa thấm thấu, lan tỏa trong mỗi cá nhân và trong cộng đồng. Việc chia sẻ tài liệu/thông tin, tri thức đọc được không những mang ý nghĩa kết nối, phát triển và củng cố các mối quan hệ xã hội, mà còn góp phần lan tỏa các giá trị văn hóa đọc đến với nhiều người.

1.2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến văn hóa đọc

Văn hóa đọc có tác động to lớn đối với xã hội, song cũng giống như các thành tố khác của nền văn hóa, văn hóa đọc cũng bị chi phối bởi nhiều yếu tố như: yếu tố chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục; thể chế, thiết chế; khoa học công nghệ và bản thân người đọc.

1.2.3.1. Yếu tố chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục

Chế độ chính trị của mỗi quốc gia được xây dựng trên nền tảng của một hệ tư tưởng nhất định. Chế độ chính trị đề ra những mục đích, lý tưởng, cách sống phù hợp với xã hội dựa trên thế giới quan và nhân sinh quan của hệ tư tưởng. Chính vì vậy, chính trị là yếu tố quy định các thiết chế xã hội: như tổ chức nhà nước, pháp luật, giáo dục, kinh tế, văn hóa,... các thiết chế ảnh hưởng trực tiếp đến sự hình thành bản chất xã hội của con người. Vì vậy, chính trị là yếu tố có ảnh hưởng mạnh mẽ tới sự hình thành của văn hóa đọc, nó quy định tính chất tiến bộ hay lạc hậu của văn hóa đọc. Trong một xã hội có giai cấp, mọi hoạt động chịu sự chi phối và ràng buộc bởi chế độ chính trị. Sự ảnh hưởng của yếu tố chính trị đến văn hóa đọc thể hiện ở chỗ Đảng và Nhà nước định hướng, quản lý các hoạt động thư viện, báo chí, xuất bản - những hoạt động sản xuất và truyền bá các giá trị văn hóa tư tưởng. Nhà nước cũng lấy quan điểm của giai cấp thống trị để đánh giá, lựa chọn và chỉnh lý tác phẩm văn hóa tinh thần trước khi đưa ra xuất bản nhằm bảo vệ quyền lợi của giai cấp mình. Chế độ nào đề cao đến giáo dục và sách vở thì văn hóa đọc phát triển và ngược lại. Điều này thể hiện rõ trong lịch sử giữa các giai đoạn của một dân tộc.

Bên cạnh yếu tố chính trị, *điều kiện kinh tế* của mỗi quốc gia, mỗi vùng miền cũng ảnh hưởng đến văn hóa đọc. Văn kiện Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII, Đảng ta đã khẳng định: “*Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội*” [19, tr.55]. Là một bộ phận của văn hóa, văn hóa đọc cũng là mục tiêu của sự phát triển kinh tế, xã hội. Hay nói cách khác, kinh tế là cơ sở, điều kiện cho sự hình thành, phát triển văn hóa đọc. Một đất nước có nền kinh tế phát triển sẽ có điều kiện đầu tư cho các thiết chế liên quan đến

hoạt động đọc như thư viện, báo chí, xuất bản,... phát triển, từ đó tạo môi trường thuận lợi thúc đẩy văn hóa đọc phát triển. Đất nước có nền kinh tế phát triển thì đời sống vật chất, văn hóa tinh thần của Nhân dân được nâng cao; đời sống văn hóa tinh thần phong phú là tiền đề thúc đẩy nhu cầu, hứng thú đọc, từ đó làm cho văn hóa đọc phát triển. Ngược lại, đất nước có nền kinh tế kém phát triển, hệ thống thư viện, báo chí, xuất bản lạc hậu, đời sống của Nhân dân còn khó khăn sẽ làm cho Nhân dân không có điều kiện để đọc sách, không có hứng thú đọc, dẫn tới văn hóa đọc bị kìm hãm, không phát triển.

Về yếu tố văn hóa, Diana George và JC. Oguana cùng với các cộng sự của mình cho rằng, văn hóa đọc là sự biểu hiện phong văn hóa của con người nên văn hóa trở thành yếu tố quan trọng tác động đến văn hóa đọc của mỗi cá nhân [115]. Truyền thống văn hóa dân tộc là những hệ giá trị, những phong tục tập quán đã được hình thành cùng với sự phát triển của cộng đồng dân tộc. Những hệ giá trị và tập quán đó được con người vận dụng vào quá trình đọc để hình thành thói quen, thái độ và phương thức đọc. Với những dân tộc đề cao giá trị của tri thức, của sách thì văn hóa đọc rất phát triển và ngược lại. Vì vậy, văn hóa đọc ở mỗi quốc gia là khác nhau.

Giáo dục là yếu tố quan trọng nhất và trực tiếp nhất ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển văn hóa đọc, vì đây là yếu tố trực tiếp hình thành nên con người với đầy đủ những phẩm chất và năng lực của nó.

Nói đến giáo dục trước hết chúng ta phải nói đến giáo dục trong gia đình. Gia đình là tế bào của xã hội, là nơi bắt đầu của các mối quan hệ nhân tính đầu tiên của mỗi con người, đó là điểm khởi đầu nuôi dưỡng các giá trị đạo đức của từng cá nhân. Những chuẩn mực đạo đức đó được truyền thụ tốt ở từng gia đình sẽ dần dần lan tỏa, nhân rộng tạo nên xã hội đạo đức. Vì vậy, nếu cá nhân được sinh ra và lớn lên trong một gia đình nền nếp, có truyền thống hiếu học, coi trọng tri thức, coi trọng sách vở sẽ là môi trường thuận lợi, tạo nên nền tảng cho việc hình thành thói quen tự nghiên cứu, học tập, thói quen đọc của mỗi người.

Cùng với giáo dục trong gia đình, giáo dục trong nhà trường có ảnh hưởng trực tiếp đến văn hóa đọc. Với phương pháp giảng dạy chủ yếu thuyết trình kiến thức qua các bài giảng, giáo trình, sách giáo khoa sẽ dẫn đến phương pháp học tập lắng nghe, ghi chép, cố nhớ để lặp lại các kiến thức đã thu nhận. Người học không có sự tìm

tôi, nghiên cứu, đọc nhiều nguồn tài liệu, từ đó mất đi khả năng sáng tạo, năng lực tư duy độc lập. Kết quả của phương pháp giảng dạy này là đưa đến một nền giáo dục hoàn toàn từ chương. Ngược lại, với phương pháp giảng dạy là nêu vấn đề để đem ra nghiên cứu, thảo luận sẽ dẫn đến phương pháp học tập là buộc người học phải tự sưu tầm và đọc tài liệu trong các thư viện, tự thực hành, thí nghiệm trong các phòng thí nghiệm. Người học phải vận dụng óc phân tích, so sánh, phê bình, đánh giá các thông tin để đi đến tổng hợp cho mình một nhận định. Kết quả của phương pháp giảng dạy này là tạo nên một nền giáo dục có tính nghiên cứu, phát minh và sáng tạo.

1.2.3.2. Yếu tố thể chế, thiết chế liên quan đến hoạt động đọc

Thể chế liên quan đến hoạt động đọc là những quy định có tính pháp luật, luật lệ bảo đảm cho hoạt động đọc thuận lợi, nền nếp, hiệu quả như: pháp lệnh thư viện, luật thư viện, luật xuất bản, qui chế của thư viện, qui định của phòng đọc,... Hệ thống luật và các văn bản dưới luật (nghị định, thông tư, chỉ thị, nghị quyết) của mỗi quốc gia có vai trò định hướng hoạt động đọc, định hướng các loại xuất bản phẩm được phép xuất bản và tất nhiên hệ quả của việc này sẽ ảnh hưởng tới văn hoá đọc. Nếu nhà nước có những quy định, định hướng đúng đắn, phù hợp với thực tiễn sẽ làm cho văn hoá đọc ngày càng phát triển. Ngược lại, nếu nhà nước không quan tâm đến phát triển văn hoá đọc, buông lỏng công tác quản lý đối với các loại xuất bản phẩm thì vô hình chung sẽ làm cho văn hoá đọc phải chịu những tác động không tốt. Quả không sai khi khẳng định rằng: đọc sách là phải có định hướng. Trong thực tế con người có rất nhiều nhu cầu hưởng thụ các cuốn sách với những nội dung khác nhau, lành mạnh có, thiếu lành mạnh cũng có. Vì vậy, không phải cứ đọc nhiều sách đã là người có trình độ văn hoá đọc cao mà ngược lại nếu đọc những cuốn sách không theo định hướng đi ngược lại với giá trị, chuẩn mực của xã hội thì hành vi đọc những cuốn sách đó lại không được coi là có văn hoá đọc. Đọc sách có nội dung lành mạnh, theo định hướng chung của xã hội không những giúp cho người đọc hoàn thiện nhân cách mà còn giúp hình thành một nền văn hoá đọc trong sáng, giàu bản sắc dân tộc.

Thiết chế liên quan đến hoạt động đọc là một trong những thành phần quan trọng trong hệ thống, kết nối giữa tài liệu và người đọc, góp phần nâng cao văn hoá đọc. Các thiết chế ở đây là các cơ quan, tổ chức bộ máy cùng với cơ sở vật chất, trang thiết bị, phòng đọc, tủ sách, hiệu sách,... phục vụ cho việc đọc.

Trong các thiết chế góp phần thúc đẩy văn hoá đọc phát triển, thư viện giữ một vai trò quan trọng. Thư viện là cơ quan chuyên môn có nhiệm vụ thu thập, lưu giữ, bảo quản và phổ biến các giá trị văn hoá của quốc gia và nhân loại, hình thành thói quen đọc sách và tạo dựng một môi trường đọc sách lành mạnh, thích hợp với sự tiến bộ xã hội. Là nơi gìn giữ và lan tỏa những giá trị văn hóa, lịch sử của nhân loại, thư viện có vai trò rất quan trọng trong đời sống xã hội và văn hóa tinh thần của con người. Trên phương diện nào đó, thư viện được xem như “bộ nhớ” lưu trữ và gìn giữ giá trị tri thức, văn hóa của một cộng đồng, quốc gia, dân tộc...; là cầu nối giữa quá khứ và hiện tại để chuẩn bị cho tương lai.

Thực tế ở Việt Nam và các nước trên thế giới đã cho thấy, từ lâu thư viện đã trở thành một biểu tượng của văn hóa đọc, là trung tâm sinh hoạt văn hoá tinh thần, đáp ứng các nhu cầu đọc và sử dụng tài liệu của các đối tượng khác nhau với những mục đích khác nhau. Thư viện là nơi giúp mỗi cá nhân không chỉ phát huy tinh thần tự học, tự hoàn thiện bản thân mà còn là nơi lan tỏa, nâng cao những giá trị đạo đức, văn hóa giúp đời sống vật chất và tinh thần của con người thêm hài hòa và cân bằng hơn. Hiệu quả hoạt động của thư viện là một tiêu chí quan trọng đánh giá sự phát triển văn hoá đọc của một cộng đồng.

Tham chiếu với sự phát triển của các quốc gia chúng ta thấy rằng, quốc gia nào có hệ thống thư viện phát triển, quốc gia đó cường thịnh. Sự hiện đại về cơ sở hạ tầng, sự phong phú về nội dung và đa dạng về hình thức của các sản phẩm và dịch vụ thông tin trong mỗi cơ quan thông tin - thư viện sẽ có ảnh hưởng tích cực tới việc phát triển nhu cầu đọc, thu hút nhiều bạn đọc đến thư viện. Do đó, văn hóa đọc ngày càng phát triển.

Bên cạnh thư viện, nhờ có các cơ quan báo chí, xuất bản, các phương tiện thông tin đại chúng thường xuyên, liên tục tuyên truyền, giới thiệu, quảng bá, tôn vinh giá trị của sách, giá trị của thông tin, tri thức đối với cuộc sống của mỗi người, người đọc tìm đến với thư viện, đến cửa hàng sách nhiều hơn. Sự phát triển đó ảnh hưởng không nhỏ tới người viết sách, tài liệu đọc được phát triển nhiều hơn về số lượng, đa dạng phong phú về nội dung, phù hợp với yêu cầu, nhu cầu của nhiều đối tượng bạn đọc khác nhau.

1.2.3.3. Yếu tố khoa học công nghệ

C. Mác đã chỉ rõ: “Những thời đại kinh tế khác nhau không phải ở chỗ chúng sản xuất ra cái gì, mà là ở chỗ chúng sản xuất bằng cách nào, với những tư liệu lao

động nào” [42, tr.269]. Như vậy, khoa học và công nghệ là yếu tố quan trọng tạo nên sự khác biệt giữa các nền sản xuất vật chất và sản xuất tinh thần, trong đó có văn hóa đọc của mỗi thời kỳ lịch sử.

Trước khi nghề in xuất hiện, tài liệu được phổ biến thông qua việc sao chép bằng tay, văn hóa đọc chưa phổ biến. Khi kỹ thuật in công nghiệp ra đời đã tạo nên bước phát triển có ý nghĩa cách mạng trong hoạt động xuất bản, đưa văn hóa đọc phát triển lên một bước phát triển mới, trở thành kênh truyền thông quan trọng nhất của loài người. Tiếp đến là sự xuất hiện của máy tính điện tử cùng với sự phát triển của công nghệ thông tin đã đưa xuất bản trở thành ngành sản xuất và phân phối tài sản trí tuệ, ngành mũi nhọn trong nền kinh tế tri thức và sách có tính chất là sản phẩm trực tiếp của hoạt động xuất bản đã nhanh chóng khẳng định vị thế của mình trong đời sống văn hóa của nhân loại. Vai trò của sách ngày càng được nâng cao, không chỉ tích lũy và trao truyền kinh nghiệm, không chỉ giúp văn hoá xã hội có tính kế thừa và sáng tạo mà còn giúp các nền văn hoá thế giới hiểu biết lẫn nhau, xích lại gần nhau.

Nếu như trước kia sách là con đường lớn nhất để con người tiếp cận thông tin và tri thức thì ngày nay sự phát triển của khoa học công nghệ đặc biệt là sự phát triển của công nghệ truyền thông và Internet đã tạo ra phương thức đọc mới, từ phương thức đọc truyền thống chuyển sang phương thức đọc điện tử. Các loại hình sách đa dạng hơn và dần chuyển sang các loại ebook, sách điện tử, tạp chí số hóa, sách số hóa, sách công nghệ 3D, 4D,... Với sự phát triển của Internet, người đọc có thể ngồi một chỗ tìm kiếm thông tin trên thế giới, có thể đọc bất cứ gì họ muốn, chỉ cần một máy tính hoặc một chiếc điện thoại thông minh kết nối mạng. Tuy nhiên, sự phát triển của khoa học công nghệ đã khiến cho văn hóa đọc đang đứng trước cả cơ hội và thách thức. Cơ hội bởi người đọc được tiếp cận với một khối lượng tri thức khổng lồ qua các phương tiện truyền thông khác nhau nhưng nó lại tiềm ẩn một nguy cơ làm mai một thói quen đọc. Không nhiều người dành thời gian cho việc tìm đọc những sách, báo in; không nhiều người có thói quen đến thư viện, mà họ tìm đến những phương tiện hiện đại hơn, tiện ích hơn: sách mạng, báo mạng và truyền hình...

1.2.3.4. Yếu tố cá nhân

Việc phát triển văn hóa đọc phụ thuộc rất nhiều vào đặc điểm cá nhân của mỗi chủ thể đọc, bao gồm: lứa tuổi, giới tính, trình độ học vấn, nghề nghiệp, vị trí xã hội,...

Mỗi giai đoạn lứa tuổi của con người có những đặc điểm tâm lý riêng. Các đặc điểm tâm lý lứa tuổi ảnh hưởng khá rõ rệt tới nhu cầu đọc và hứng thú đọc. Với lứa tuổi mẫu giáo, việc hình thành văn hóa đọc cho các em là việc làm hết sức quan trọng và cần thiết ngay từ trong gia đình, rồi mới đến nhà trường và xã hội. Việc định hướng đọc cho lứa tuổi này quyết định rất lớn tới việc hình thành và phát triển văn hóa đọc cá nhân. Với lứa tuổi học sinh, sinh viên, là lứa tuổi văn hóa đọc đã được hình thành, nó cần phải tiếp tục duy trì và phát triển. Lứa tuổi này rất cần được hướng dẫn đọc và định hướng đọc để các em không bị lệch lạc trong việc đọc, không bị sao nhãng hay bị văn hóa nghe nhìn chi phối, lấn át. Với lứa tuổi trưởng thành, việc đọc đã định hình, sở thích đọc, nhu cầu đọc đã được xác định rõ ràng. Chủ thể đọc sẽ đọc tài liệu theo đúng sở thích, nhu cầu của mình.

Trình độ học vấn là yếu tố có ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống tinh thần của con người (nhu cầu hiểu biết và nhu cầu thẩm mỹ phát triển). Là một bộ phận trong hệ thống nhu cầu tinh thần, nhu cầu đọc, hứng thú đọc cũng bị chi phối bởi trình độ văn hóa của mỗi con người (nội dung và phương thức thỏa mãn). Người có trình độ học vấn cao thường nhận thức được vai trò của việc đọc. Họ luôn có nhu cầu đọc và tiếp nhận thông tin để nâng cao trình độ phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu, giảng dạy, cho công việc của họ. Người có trình độ học vấn thấp, do hạn chế về nhận thức, nhu cầu, hứng thú đọc của họ không cao, họ chỉ đọc khi thấy cần thiết hay bắt buộc và đọc những tài liệu dễ hiểu.

Trong bối cảnh bùng nổ thông tin như hiện nay, thông tin rất đa dạng, đa chiều, với chất lượng ở mức độ khác nhau, người ta rất khó kiểm soát lượng thông tin được xuất bản hàng ngày, lại càng khó kiểm soát hơn các thông tin số hoá được truyền đi trên mạng Internet. Do đó, nếu không có trình độ học vấn, chủ thể đọc sẽ bị ngập chìm trong biển tri thức và các giá trị văn hoá mênh mông của nhân loại. Để lựa chọn được những thông tin có giá trị, phù hợp với nhu cầu tin của mình, chủ thể đọc phải có trình độ hiểu biết nhất định và có bản lĩnh trong sử dụng thông tin. Trình độ học vấn, phong văn hoá trở thành sức đề kháng cho chủ thể đọc khi tham gia đọc và trao đổi thông tin đặc biệt là thông tin trên mạng. Những người có trình độ cao sẽ có khả năng lựa chọn có ý thức đề tài hoặc những vấn đề cần đọc cho bản thân, khả năng hiểu và tiếp nhận nội dung tài liệu của họ cũng sẽ cao hơn so với người có trình độ thấp.

Nghề nghiệp cũng là yếu tố quan trọng ảnh hưởng tới nhu cầu, hứng thú đọc của người đọc. Đối với những người làm công tác nghiên cứu, giảng dạy, nhu cầu

đọc tài liệu của họ thường cao hơn so với các nhóm người dùng tin khác. Tùy vào từng lĩnh vực công tác mà chủ thể đọc có nhu cầu đọc tài liệu khác nhau: những người công tác trong lĩnh vực kinh tế sẽ có nhu cầu đọc tài liệu về kinh tế nhiều hơn, những người công tác trong lĩnh vực văn hóa sẽ có nhu cầu đọc tài liệu về lĩnh vực văn hóa nhiều hơn,...

Tóm lại, văn hóa đọc là một hiện tượng xã hội, sự hình thành và phát triển văn hóa đọc trong mỗi cá nhân, cộng đồng hay xã hội đều chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố chủ quan và khách quan. Việc nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng văn hóa đọc là cơ sở để lí giải thực trạng văn hóa đọc và đưa ra các giải pháp phát triển văn hóa đọc hiệu quả.

1.2.4. Vai trò của văn hoá đọc đối với học viên

1.2.4.1. Văn hoá đọc cung cấp thông tin, tri thức để phục vụ việc học tập và nghiên cứu của học viên

Thực chất quá trình nghiên cứu và học tập của người học chính là quá trình thường xuyên, liên tục tiếp nhận và “tiêu hoá” thông tin. Thông tin tư liệu là chất liệu không thể thiếu, là “người thầy” thứ hai trong hoạt động nghiên cứu, giảng dạy và học tập ở các cấp đào tạo.

Hiện nay, giáo dục, đào tạo được đổi mới theo hướng lấy người học là trung tâm. Nội dung giảng dạy được cấu trúc theo hướng 10% lý thuyết cơ bản, 20% kiến thức mở rộng, 70% thảo luận, giải quyết tình huống, thực hành công việc thật. Như vậy, với thời gian có hạn, giảng viên chỉ có thể truyền đạt kiến thức cơ bản của môn học. Để hoàn thành tốt chương trình học, bên cạnh việc tiếp thu các kiến thức do giảng viên truyền đạt, học viên cần phải đọc nhiều loại tài liệu liên quan đến nội dung môn học để có hiểu biết sâu rộng và có hệ thống về các vấn đề mà giảng viên đã nêu. Chỉ có học tập qua sách báo, tài liệu, học viên mới có điều kiện để suy ngẫm, tư duy lại những kiến thức thầy cô giảng trên lớp, từ đó củng cố, mở rộng các kiến thức, tri thức về tất cả các lĩnh vực mà giảng viên chưa thể cung cấp hết.

Thực tế công tác nghiên cứu lý luận cho thấy, bất cứ một vấn đề nghiên cứu nào cũng không thể tiến hành độc lập, riêng biệt tuyệt đối, mà tất cả chúng đều cần có sự tham khảo, kế thừa hoặc tiếp thu các kết quả nghiên cứu trước đó, đặc biệt là các thông tin mang tính khách quan, khoa học. Do đó, người nghiên cứu phải dành ra 50% công sức và thời lượng cho việc tìm kiếm và xử lý thông tin. Cùng với những kiến thức của mình, việc đọc tài liệu sẽ giúp học viên “đứng trên vai những

người không lờ”, kế thừa những kết quả đã có, tiết kiệm thời gian và công sức trong quá trình nghiên cứu. Văn hoá đọc góp phần rèn luyện tính độc lập, tự chủ trong nghiên cứu, nâng cao năng lực vận dụng, giải quyết các vấn đề thực tiễn, hình thành các phương pháp tư duy khoa học cho học viên.

1.2.4.2. Văn hóa đọc góp phần phát triển năng lực nghề nghiệp của học viên

Văn hóa đọc ảnh hưởng đến tư duy, nhận thức, hành vi và cả trình độ văn hóa, hoạt động xã hội của học viên. Mortimer J. Adler - tác giả của tác phẩm kinh điển về đọc sách thông minh đã từng khẳng định: Đọc tốt, hay đọc tích cực, không chỉ tốt cho bản thân việc đọc, cũng không chỉ là một phương tiện giúp ta tiến bộ trong công việc hay nghề nghiệp. Nó còn giúp cho trí óc sống và phát triển [1]. Sách là kho tàng tri thức của nhân loại, là người thầy thông thái về mọi lĩnh vực từ kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học,... Đọc sách giúp học viên có nhiều kiến thức thiết thực trong cuộc sống cũng như trong công việc chuyên môn, từ đó đưa ra được những định hướng đúng đắn trong tương lai và thực hiện nó một cách hiệu quả.

Trong xu thế hội nhập quốc tế cùng với sự phát triển không ngừng của khoa học công nghệ, tri thức của nhân loại luôn luôn được phát triển để theo kịp tiến bộ của xã hội, đòi hỏi mỗi học viên phải luôn vận động, chủ động cập nhật các tri thức mới để thích ứng yêu cầu của xã hội. Vì vậy, hơn bao giờ hết, học viên cần phải đọc sách báo để tiếp thu lĩnh hội các kiến thức, các kinh nghiệm tiên tiến của nhân loại để áp dụng vào thực tiễn một cách sáng tạo, linh hoạt, kịp thời. Những kiến thức mà học viên lĩnh hội được trong sách báo sẽ giúp học viên có được một phương pháp làm việc khoa học, một tư duy sáng tạo, hình thành những sáng kiến mới, ý tưởng mới để giải quyết hiệu quả các công việc thực tiễn đang đặt ra.

1.2.4.3. Văn hoá đọc góp phần nâng cao bản lĩnh chính trị, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, phẩm chất đạo đức của người cán bộ, xây dựng người cán bộ phát triển toàn diện

Trong quá trình đọc sách con người chiếm lĩnh tri thức, chiếm lĩnh văn hóa, nhận thức được những thuộc tính của vật thể và hiện tượng xung quanh, hiểu được những phẩm chất nhân cách của người khác, đồng thời cũng tạo ra sức mạnh và khả năng cho chính mình, nỗ lực phát huy hoặc bổ sung những phẩm chất nhân cách của bản thân nhằm đáp ứng yêu cầu của hoạt động xã hội. Do đó, văn hoá đọc không chỉ bó hẹp trong việc tìm kiếm tri thức để sinh tồn mà còn phát triển tư duy, bồi dưỡng tinh thần, định hình nhân cách, giúp con người phát triển toàn diện.

Có nhiều nhân tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển toàn diện của mỗi cá nhân như giáo dục gia đình, giáo dục nhà trường, các giá trị, chuẩn mực xã hội,... Tuy nhiên, một thành tố khác cũng rất quan trọng, đó là việc mỗi cá nhân tự mình lĩnh hội các tri thức trong sách báo. Thông qua việc đọc, học viên lĩnh hội tri thức và sự hiểu biết, xây dựng nhận thức và ý thức về những vấn đề trong đời sống xã hội, từ đó có cái nhìn tích cực, toàn diện về các vấn đề xã hội, đồng thời có những hành vi ứng xử phù hợp với thực tiễn. Đọc sách báo giúp học viên nhận diện đúng đắn giá trị của các quy tắc ứng xử trong cuộc sống, các chuẩn mực đạo đức, bài trừ các thói hư tật xấu, những hành vi lệch chuẩn, trái đạo đức, vi phạm pháp luật, từ đó hướng tới những giá trị tốt đẹp Chân - Thiện - Mỹ.

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế, bên cạnh những xu hướng phát triển tích cực, cũng chịu tác động của nhiều tiêu cực. Đặc biệt, trên mặt trận tư tưởng, văn hóa, các thế lực thù địch đang ra sức chống phá cách mạng nước ta bằng nhiều âm mưu và thủ đoạn thâm hiểm. Trong đó, sách báo, phim ảnh, tài liệu xấu độc, trái với quan điểm, đường lối của Đảng đang được chúng sử dụng như một vũ khí lợi hại hòng phủ định vai trò lãnh đạo của Đảng, bôi xấu chế độ xã hội chủ nghĩa, kích động bạo lực, tuyên truyền lối sống thực dụng làm xói mòn lòng tin, phai nhạt lý tưởng cách mạng để thực hiện âm mưu xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng, lật đổ chế độ của chúng ta. Để trở thành những cán bộ lý luận có trình độ cao, là chiến sĩ trên mặt trận lý luận, tư tưởng, đòi hỏi học viên phải được giáo dục, bồi dưỡng sâu sắc về lý tưởng cách mạng của Đảng và dân tộc ta. Muốn vậy, bên cạnh việc tiếp thu những kiến thức do giảng viên truyền đạt trên lớp, việc đọc tài liệu lý luận chính trị sẽ giúp học viên hiểu sâu sắc những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, những quan điểm, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, từ đó uốn nắn những lệch lạc, những quan điểm mơ hồ, những biểu hiện dao động về tư tưởng suy giảm niềm tin vào chủ nghĩa xã hội và sự lãnh đạo của Đảng. Thông qua sách báo cách mạng và nguồn thông tin chính luận, văn hoá đọc góp phần giúp cho học viên có khả năng và trình độ để nhận diện, phê phán và bác bỏ những quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin và đường lối, quan điểm của Đảng, nói và làm theo Nghị quyết của Đảng, củng cố và nâng cao niềm tin vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc, vào công cuộc đổi mới theo định

hướng xã hội chủ nghĩa, kiên định và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn Việt Nam. Đó cũng chính là thể hiện bản lĩnh chính trị của Đảng, của mỗi cán bộ, đảng viên đặc biệt là những đảng viên là cán bộ lý luận của Đảng.

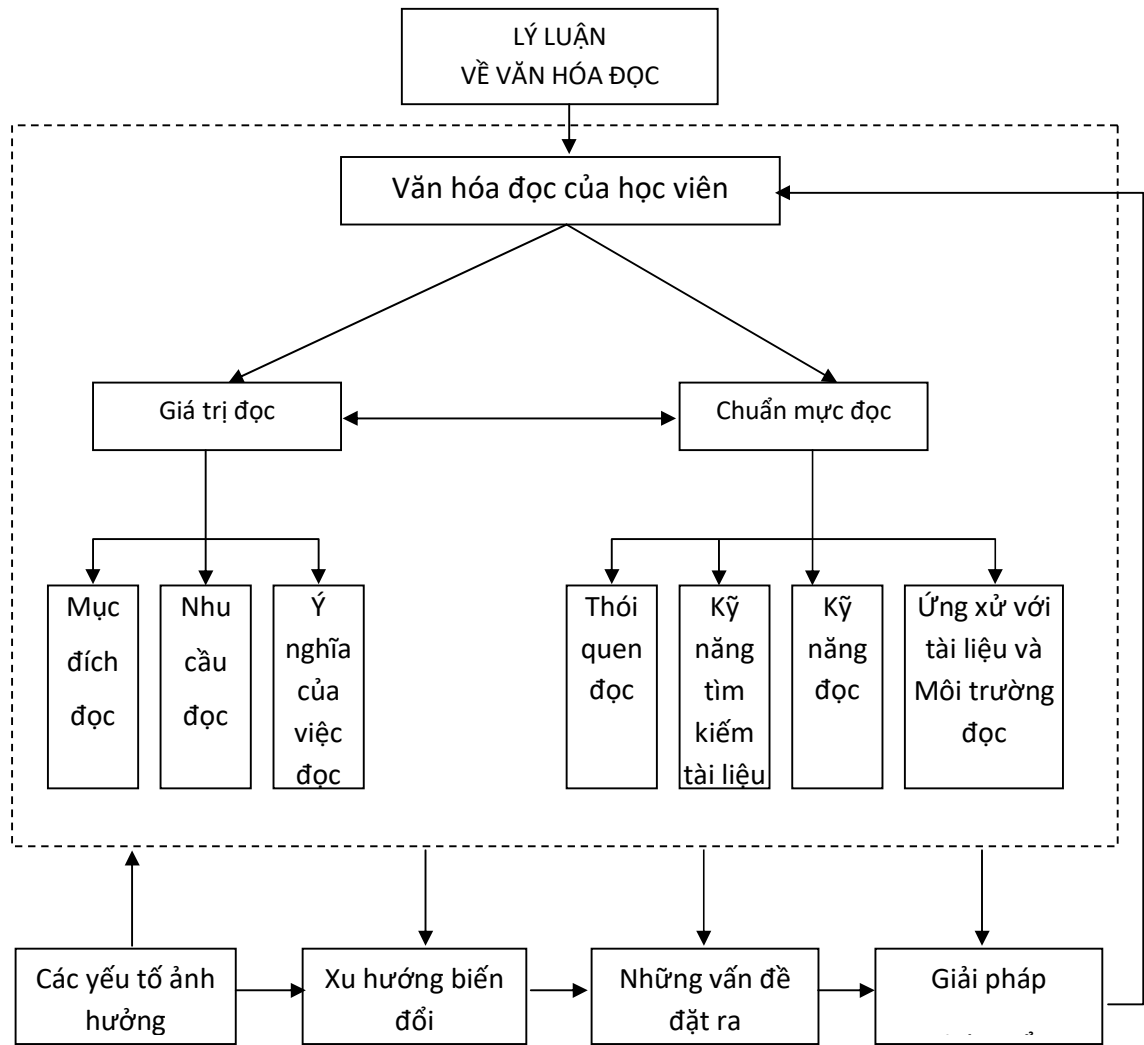
1.2.4.4. Văn hóa đọc đáp ứng nhu cầu thẩm mỹ, giải trí của học viên

Văn học nghệ thuật là lĩnh vực quan trọng, đặc biệt tinh tế của văn hóa. Thông qua văn hóa đọc, học viên được tiếp nhận những giá trị thẩm mỹ từ sáng tạo văn học nghệ thuật. Những sáng tạo đó thể hiện khát vọng chân, thiện, mỹ, có tác động trực tiếp đến giáo dục tư tưởng, thẩm mỹ của học viên mà không một hình thái ý thức xã hội nào có thể thay thế được. Belinxki - nhà phê bình văn học Nga đã từng khẳng định: “Cảm xúc về cái đẹp là một điều kiện làm nên phẩm giá con người”. Văn hóa đọc giúp bồi bổ tâm hồn, hướng tới cái đẹp, nâng cao năng lực mỹ cảm, giúp con người phát triển toàn diện.

Cuộc sống hiện đại ngày nay tạo ra nhiều áp lực trong mưu sinh, trong công việc, trong học tập. Những hoạt động này giúp duy trì sự sống, thúc đẩy sự phát triển của cá nhân và xã hội nhưng lại làm cho con người bị căng thẳng, mệt mỏi, từ đó có nhu cầu nghỉ ngơi, giải trí để tái tạo sức lao động, phát triển năng lực tinh thần. Văn hóa đọc không chỉ giúp cho việc nâng cao tri thức khoa học, tu dưỡng phẩm chất đạo đức mà còn giúp cho mỗi cá nhân có đời sống văn hóa tinh thần thoải mái hơn, hạnh phúc hơn sau những giờ làm việc căng thẳng. Những tác phẩm, những câu chuyện, những bài thơ hay, có nội dung trong sáng, nhẹ nhàng sẽ làm cho người ta quên đi những lo toan, căng thẳng hàng ngày, giúp họ được thư giãn, giải tỏa những mệt mỏi về thể chất và tinh thần, lập lại chế độ cân bằng nội tại để tái sản xuất sức lao động ngày một cao hơn. Ngay cả những khi có tâm trạng buồn, đọc những cuốn sách phù hợp với hoàn cảnh mà họ đang gặp phải sẽ giúp họ vui đi nỗi buồn, an ủi họ, giúp họ lấy lại cân bằng trong cuộc sống.

1.2.5. Khung phân tích nội dung đề tài

Xuất phát từ các vấn đề trên, nghiên cứu sinh xây dựng khung phân tích nội dung cơ bản của đề tài luận án như sau:



Sơ đồ 1.2. Khung phân tích nội dung của đề tài

Hiện nay, có rất nhiều cách tiếp cận khác nhau về văn hóa đọc. Để thực hiện đề tài, luận án cần hệ thống hóa và làm sâu sắc hơn những vấn đề lý luận về văn hóa đọc, từ đó có cơ sở lựa chọn phương pháp tiếp cận phù hợp trong nghiên cứu văn hóa đọc của học viên Học viện CTQG HCM. Từ cơ sở lý luận, luận án lựa chọn cách tiếp cận, nghiên cứu, nhận diện văn hóa đọc của học viên theo các yếu tố cấu thành của văn hóa đọc, bao gồm: giá trị đọc và chuẩn mực đọc. Là một bộ phận của văn hoá, giống như các thành tố khác của nền văn hóa, văn hóa đọc của học viên cũng bị chi phối bởi nhiều yếu tố như: yếu tố môi trường xã hội và yếu tố cá nhân. Để góp phần luận giải, đánh giá thực trạng văn hoá đọc của học viên Học viện, từ đó có những giải pháp phát triển văn hoá đọc của học viên, việc nghiên cứu các yếu

tổ ảnh hưởng đến văn hóa đọc của học viên là rất cần thiết. Trên cơ sở thực trạng văn hóa đọc của học viên, các yếu tố ảnh hưởng, luận án dự báo xu hướng biến đổi và những vấn đề đặt ra đối với văn hóa đọc của học viên, từ đó bàn luận các giải pháp phát triển văn hóa đọc của học viên Học viện CTQG HCM.

1.3. KHÁI QUÁT VỀ HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

Theo Quyết định số 145-QĐ/TW, ngày 8-8-2018 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Học viện CTQG HCM là cơ quan trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương Đảng; đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, toàn diện, thường xuyên của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Học viện CTQG HCM là trung tâm quốc gia đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý trung, cao cấp, cán bộ khoa học lý luận chính trị của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể chính trị - xã hội; là trung tâm quốc gia nghiên cứu khoa học lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, nghiên cứu đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, nghiên cứu khoa học chính trị, khoa học lãnh đạo, quản lý phục vụ giảng dạy, học tập, góp phần cung cấp luận cứ khoa học trong việc hoạch định đường lối, chủ trương của Đảng, Nhà nước [8].

Cơ cấu tổ chức của Học viện gồm có 10 đơn vị chức năng và 18 viện nghiên cứu, giảng dạy và thông tin, xuất bản ở Học viện Trung tâm, bao gồm: Viện Triết học, Viện Kinh tế chính trị học, Viện Chủ nghĩa xã hội khoa học, Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng, Viện Lịch sử Đảng, Viện Xây dựng Đảng, Viện Chính trị học, Viện Kinh tế, Viện Nhà nước và Pháp luật, Viện Văn hóa và Phát triển, Viện Quan hệ quốc tế, Viện Quyền con người, Viện Tôn giáo và Tín ngưỡng, Viện Xã hội học và phát triển, Viện Lãnh đạo học và Chính sách công, Viện Thông tin khoa học, Tạp chí Lý luận chính trị, Nhà xuất bản Lý luận chính trị; 05 Học viện trực thuộc là: Học viện Chính trị khu vực I và Học viện Báo chí và Tuyên truyền ở thành phố Hà Nội; Học viện Chính trị khu vực II, tại thành phố Hồ Chí Minh); Học viện Chính trị khu vực III, tại thành phố Đà Nẵng); Học viện Chính trị khu vực IV, tại thành phố Cần Thơ). Chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế của các đơn vị trực thuộc Học viện do Giám đốc Học viện quyết định.

Về công tác đào tạo, Học viện có nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý trung, cao cấp của hệ thống chính trị, lãnh đạo chủ chốt của các đơn vị

sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước về Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; những vấn đề lý luận và thực tiễn mới trong nước và trên thế giới; khoa học chính trị; khoa học lãnh đạo, quản lý. Đào tạo cao cấp lý luận chính trị cho cán bộ lãnh đạo, quản lý đương chức và trong quy hoạch của hệ thống chính trị. Bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho cán bộ giữ các chức danh lãnh đạo, quản lý của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị theo phân công, phân cấp. Đào tạo, bồi dưỡng giảng viên, nghiên cứu viên, các đối tượng khác về các chuyên ngành khoa học chính trị, khoa học lãnh đạo, quản lý và một số ngành khoa học xã hội và nhân văn. Đào tạo, bồi dưỡng chuyên ngành cho cán bộ làm công tác tuyên giáo, báo chí và truyền thông, tổ chức đảng, kiểm tra đảng, dân vận, văn phòng, tôn giáo... của hệ thống chính trị. Đào tạo đại học và sau đại học chuyên ngành báo chí và truyền truyền. Đào tạo đại học và sau đại học thuộc lĩnh vực đào tạo của Học viện [8].

Hơn bảy mươi năm qua, từ Trường Đảng Nguyễn Ái Quốc đến Học viện CTQGHCM, ở từng giai đoạn cách mạng, Học viện luôn xác định rõ mục tiêu, không ngừng đổi mới nội dung và nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý trung, cao cấp của Đảng và cả hệ thống chính trị. Trong giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội và thực hiện công cuộc đổi mới, đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý của Đảng và Nhà nước cần được đào tạo vừa cơ bản, vừa chuyên sâu; cần được trang bị vững chắc về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chính sách của Đảng; những hiểu biết về quy luật của cách mạng xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; những kiến thức về quản lý kinh tế trong điều kiện nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa; những kiến thức về quản lý nhà nước, về xây dựng Đảng trong điều kiện Đảng cầm quyền; những hiểu biết cần thiết về các ngành khoa học xã hội, nhân văn và về cuộc cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại. Sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội đòi hỏi người cán bộ phải có hiểu biết toàn diện, có tư duy sáng tạo, có bản lĩnh chính trị vững vàng và nhạy bén, có phẩm chất đạo đức trong sáng, đồng thời có năng lực tổ chức thực tiễn, năng lực hành động có hiệu quả. Học viện luôn xác định đúng đắn mục tiêu đào tạo cán bộ, từ đó là cơ sở quan trọng để chiêu sinh đúng, xây dựng chương trình nội dung giáo trình, bài giảng, lựa chọn phương châm,

phương giảng pháp giáo dục phù hợp, xây dựng đội ngũ giảng viên, xây dựng cơ sở vật chất bảo đảm cho quá trình đào tạo [30].

Học viện luôn quán triệt phương châm căn bản trong đường lối giáo dục của Đảng, đó là lý luận liên hệ với thực tế, coi trọng nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn, không ngừng cải tiến phương pháp giáo dục, đào tạo theo hướng giảng dạy và học tập tích cực. Phương châm này đảm bảo cho mỗi cán bộ nắm vững bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối, chính sách của Đảng; đòi hỏi lý luận phải làm rõ những vấn đề của thực tiễn và thực tiễn được soi sáng bởi lý luận, phải có lý luận; đòi hỏi phải chống bệnh giáo điều, sách vở, lý luận suông đồng thời tránh chủ nghĩa kinh nghiệm, chủ nghĩa thực dụng coi thường lý luận [30].

Về công tác nghiên cứu khoa học, Học viện có nhiệm vụ nghiên cứu lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nghiên cứu khoa học chính trị, khoa học lãnh đạo quản lý, một số ngành khoa học xã hội và nhân văn; tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam [8]. Nhiệm vụ nghiên cứu khoa học ở Học viện không chỉ để làm tốt giảng dạy, mà còn tham gia vào tổng kết công tác lý luận chung của Đảng, cung cấp những cơ sở khoa học cho các quyết định của Đảng về đường lối, chủ trương, chính sách, góp phần tích cực bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, bảo vệ đường lối của Đảng, chống chủ nghĩa giáo điều, chủ nghĩa xét lại, chủ nghĩa cơ hội các loại và các luận điệu xuyên tạc.

Bên cạnh đó, Học viện còn thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu, tham mưu, đề xuất, cung cấp luận cứ khoa học cho Trung ương Đảng, Nhà nước trong việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách xây dựng và phát triển đất nước, xây dựng Đảng và Nhà nước, đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị và thực hiện các nhiệm vụ khác do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao [8].

Tiểu kết chương 1

Qua khảo cứu các công trình khoa học liên quan đến đề tài luận án, nghiên cứu sinh nhận thấy các nhà khoa học đã nghiên cứu, tiếp cận văn hoá đọc dưới nhiều góc độ chuyên ngành, lĩnh vực khác nhau như: Thư viện học, Văn hoá học, Giáo dục học, Tâm lý học,... Các công trình trên đã tập trung làm rõ một số vấn đề

lý luận về văn hoá đọc như: Đưa ra các quan niệm khác nhau về văn hoá đọc, đề cập đến các yếu tố cấu thành và vai trò của văn hoá đọc. Một số công trình đã phân tích, luận giải, làm rõ các yếu tố ảnh hưởng đến văn hoá đọc; khảo sát, nghiên cứu thực trạng văn hoá đọc của học sinh, sinh viên trong nhà trường và đưa ra các giải pháp phát triển văn hoá đọc cho các đối tượng này. Đa số các công trình nghiên cứu đã sử dụng phương pháp nghiên cứu phân tích, tổng hợp tài liệu và phương pháp điều tra xã hội học để nghiên cứu. Các công trình này đã gợi mở cho nghiên cứu sinh phương pháp tiếp cận, trình bày vấn đề khi nghiên cứu đề tài luận án dưới góc độ văn hoá học.

Trên cơ sở kế thừa và phát triển các kết quả nghiên cứu đi trước, trong chương 1, luận án đã đưa ra quan niệm về văn hóa đọc. Theo đó, văn hóa đọc được xem xét ở các khía cạnh, bao gồm: Giá trị đọc (mục đích đọc, nhu cầu đọc, ý nghĩa của việc đọc); chuẩn mực đọc (thói quen đọc; kỹ năng tìm kiếm tài liệu; kỹ năng đọc; ứng xử với tài liệu và môi trường đọc). Bên cạnh đó, luận án đã phân tích các yếu tố ảnh hưởng và vai trò của văn hóa đọc đối với học viên.

Chương 2
THỰC TRẠNG VĂN HOÁ ĐỌC CỦA HỌC VIÊN
HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH HIỆN NAY

2.1. GIÁ TRỊ ĐỌC

2.1.1. Mục đích đọc của học viên

2.1.1.1. Đọc để bổ sung kiến thức, nâng cao trình độ lý luận chính trị và cập nhật quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước

Trong dịp đến thăm Trường Đảng Nguyễn Ái Quốc dự lễ khai giảng lớp khóa II (tháng 9-1949), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết vào sổ vàng của Trường lời huấn thị: “Học để làm việc, làm người, làm cán bộ. Học để phụng sự Đoàn thể, giai cấp và nhân dân, Tổ quốc và nhân loại” [49, tr.208]. Lời huấn thị của Người được khắc thành bảng vàng treo trang trọng ở hội trường lớn - nơi thường xuyên diễn ra các hoạt động học tập của học viên, trở thành kim chỉ nam cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Đảng tại Học viện CTQG HCM. Theo chỉ dẫn đó, mục đích đào tạo của trường Đảng không đơn thuần là tri thức lý luận, kỹ năng công tác để làm việc, mà còn là đào tạo để “làm người, làm cán bộ”, có nghĩa là đào tạo cả về đạo đức, nhân cách, lối sống, nhân sinh quan, lý tưởng cách mạng cho người học. Trên nền tảng của triết lý đó, hơn 70 năm qua, mái trường lớn của Đảng đã đào tạo, bồi dưỡng lớp lớp cán bộ “vừa hồng, vừa chuyên”, đủ đức, đủ tài phục vụ sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, xây dựng chủ nghĩa xã hội và công cuộc đổi mới. Bởi vậy, mục đích đọc của học viên Học viện trước hết là để tích lũy tri thức, kinh nghiệm để “làm việc, làm người, làm cán bộ”. Đọc không chỉ phục vụ nhiệm vụ trước mắt là hoàn thành chương trình học tập để đủ điều kiện được cấp văn bằng, chứng chỉ mà đọc còn vì mục đích lâu dài là phục vụ cho công việc, để phát triển và hoàn thiện bản thân, để trở thành những cán bộ vừa “hồng”, vừa “chuyên”. Đọc để bổ sung kiến thức, nâng cao trình độ lý luận chính trị và cập nhật quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Học viên nam, lớp Cao cấp lý luận chính trị hệ tập trung tại Học viện Chính trị Khu vực I cho biết: “Văn hóa đọc có vai trò quan trọng giúp tôi kịp thời cập nhật, nắm vững những chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước để lãnh đạo, chỉ đạo đơn vị thực hiện theo mục tiêu, định hướng của Đảng và Nhà nước...” [Phụ lục 8.9].

Học viên lớp Cao cấp lý luận chính trị tại Học viện Chính trị Khu vực II nói: “Văn hóa đọc có vai trò quan trọng giúp tôi kịp thời cập nhật, nắm vững những chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước để đưa ra những giải pháp phát triển địa phương phù hợp với mục tiêu, định hướng của Đảng và Nhà nước, văn hóa đọc cung cấp tri thức để vận dụng vào công việc thực tiễn” [Phụ lục 8.12].

2.1.1.2. Đọc để phục vụ cho công việc

Kết quả khảo sát của nghiên cứu sinh cho thấy, đọc để phục vụ cho công việc là mục đích được nhiều học viên Học viện lựa chọn nhất (83.9%), tiếp theo là phục vụ cho học tập (70.9%), cho nghiên cứu khoa học 30.3%, để giải trí (41.2%) và cuối cùng là các mục đích khác 23.5% [Phụ lục 2: Bảng 2.2].

Nếu so sánh với mục đích đọc của sinh viên Đại học quốc gia Hà Nội trong nghiên cứu của tác giả Nguyễn Chí Trung [78], chúng tôi thấy có sự khác biệt. Cụ thể: mục đích đọc cao nhất của sinh viên Đại học quốc gia Hà Nội là phục vụ học tập (chiếm tỷ lệ 92,3%), thứ hai là mục đích giải trí (51,7%), thứ ba mới dành cho nhu cầu công việc (34%). Điều này hoàn toàn hợp lý, bởi học viên Học viện đều là cán bộ, bên cạnh việc học tập tại Học viện, họ vẫn còn có trách nhiệm với công việc ở cơ quan, đơn vị công tác, cho nên, học viên Học viện đọc không chỉ để phục vụ việc học tập, mà còn để đáp ứng yêu cầu công việc.

Học viên nữ, lớp cao học chuyên ngành Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật tại Học viện Trung tâm cho biết: “Tôi là giảng viên, nhiệm vụ chuyên môn hàng ngày của tôi là giảng dạy và tham gia nghiên cứu khoa học nên việc thường xuyên nghiên cứu, đọc tài liệu là công việc bắt buộc, gắn với nghề nghiệp của mình, tôi thường đọc tài liệu chuyên ngành để cập nhật, bổ sung, mở rộng kiến thức phục vụ cho bài giảng, cho nghiên cứu của mình” [Phụ lục 8.3].

Học viên nam, lớp Cao cấp lý luận chính trị hệ tập trung K73 tại Học viện Trung tâm cho rằng: “Văn hóa đọc có vai trò rất quan trọng đối với công việc của mình. Khi đọc tài liệu, tôi bổ sung được nhiều kiến thức, thông tin mới. Tôi công tác trong lĩnh vực văn hóa. Ngoài tài liệu lý luận chính trị, tài liệu về kinh tế, tôi thường đọc tài liệu về du lịch, văn hoá, vì đây là tài liệu liên quan đến công việc hàng ngày của tôi” [Phụ lục 8.5].

Học viên nam, lớp Cao cấp lý luận chính trị hệ tập trung tại Học viện Chính trị Khu vực I nói: “Văn hóa đọc cung cấp tri thức để vận dụng vào công việc thực

tiến, phát triển toàn diện bản thân. Văn hóa đọc giúp tôi nâng cao trình độ chuyên môn, mở mang kiến thức xã hội... Tôi thường đọc tài liệu chuyên môn về y tế để cập nhật kiến thức chuyên môn” [Phụ lục 8.9]. Tương tự, học viên lớp Cao cấp lý luận chính trị tại Học viện Chính trị Khu vực II cho biết: “Văn hóa đọc có vai trò quan trọng, giúp học viên bổ sung tri thức, cung cấp kiến thức, kỹ năng phục vụ cho công việc, học tập, hoàn thiện bản thân. Tôi thường đọc sách về chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, các tài liệu nước ngoài về cải cách hành chính nhà nước, về đổi mới, quản trị quốc gia để phục vụ cho công việc của mình” [Phụ lục 8.11].

Như vậy, mặc dù đang trong thời gian đi học nhưng phần lớn học viên của Học viện vẫn còn có trách nhiệm với công việc ở cơ quan, đơn vị. Vì vậy, mục đích đọc để phục vụ cho công việc là nhu cầu thường xuyên, lâu dài của mỗi người. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học công nghệ lần thứ tư đòi hỏi mỗi người, đặc biệt là đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý phải thường xuyên đọc để cập nhật tri thức và những tiến bộ về khoa học công nghệ của nhân loại. Điều này cũng cho thấy trong vài thập kỷ gần đây quan niệm của thế giới về vấn đề giáo dục có nhiều thay đổi. Nhiều nước dần dần hình thành quan niệm và chủ trương xây dựng một xã hội học tập, trong đó phải xây dựng một nền giáo dục suốt đời, nghĩa là không phải sự học tập kết thúc lúc con người không còn đến trường, mà giáo dục phải làm cho những người đang làm việc luôn luôn cập nhật kiến thức mới. Khi việc đọc sách của một cá nhân song hành cùng với việc xây dựng xã hội học tập thì văn hóa đọc của quốc gia sẽ phát triển. Đây là vấn đề có ý nghĩa về mặt xã hội, chính trị, góp phần xây dựng một xã hội phát triển và bền vững.

2.1.1.3. Đọc để phục vụ cho học tập

Khi được cơ quan cử đi học tập trung tại Học viện, hoạt động chủ đạo của học viên là nghiên cứu, học tập, do đó việc đọc phục vụ cho hoạt động học tập là phổ biến. Nhìn chung, kết quả nghiên cứu định lượng lẫn định tính đều cho thấy học viên đọc hướng tới mục đích học tập hơn là vì niềm vui thích (giải trí). Học viên nhận thức được việc đọc cho học tập là cần thiết, vì họ cần nâng cao kiến thức chuyên ngành để có kết quả học tập tốt hơn. Bên cạnh đó, với những người được cơ quan cử đi học, điểm số, kết quả học tập cũng là một trong những tiêu chí để đánh

giá, xếp loại cán bộ cuối năm ở đơn vị công tác. Điều này cũng tạo áp lực cho học viên phải tích cực học tập, nghiên cứu, đọc tài liệu để có kết quả học tập tốt.

Trong những năm gần đây, trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, Học viện đã ban hành nhiều chính sách khuyến khích học viên học tập cũng như tự học để nâng cao chất lượng đào tạo. Quy chế đào tạo và kế hoạch, chương trình học tập quy định, khuyến khích học viên phát triển khả năng tự học, trong đó mỗi chuyên đề quy định học viên có ít nhất 20% thời gian tự học, 20% thời gian cho thảo luận. Qua phỏng vấn, giảng viên Viện Kinh tế chính trị cho rằng: “Văn hóa đọc có vai trò quan trọng đối với học viên. Những học viên chịu khó đọc sẽ làm bài thi và tiểu luận tốt. Đối với học viên cao học và nghiên cứu sinh nếu không đọc thì khó có thể hoàn thành được luận án và luận văn” [Phụ lục 9.2]. Tăng cường đọc tài liệu học viên mới có thể hoàn thành các bài kiểm tra, đánh giá chất lượng. Giảng viên Viện Quan hệ quốc tế cho biết: “Hiện nay Học viện áp dụng nghiêm túc nhiều hình thức để đánh giá việc học tập của học viên như: thi viết tự luận đóng, tự luận mở, vấn đáp, trắc nghiệm, viết tiểu luận, luận án, luận văn,... đòi hỏi học viên phải đọc thêm nhiều tài liệu” [Phụ lục 9.1]. Còn theo giảng viên Viện Nghiên cứu Quyền con người: “Thời gian giảng mỗi chuyên đề trên lớp của giảng viên có giới hạn, khi giảng trên lớp giảng viên không thể truyền đạt hết kiến thức cho học viên nên tôi thường giới thiệu tài liệu cho học viên đọc và đánh giá việc đọc của học viên qua các buổi thảo luận trên lớp, qua bài thi, bài kiểm tra, tiểu luận. Vì vậy học viên phải đọc thêm tài liệu để có kết quả tốt trong học tập” [Phụ lục 9.4].

Khi được hỏi về vai trò của văn hóa đọc đối với bản thân, học viên nam, lớp nghiên cứu sinh chuyên ngành Xây dựng Đảng cho rằng: “Đọc tài liệu giúp cho tôi có nhiều tri thức, hiểu biết, đưa ra được định hướng trong nghiên cứu, kế thừa được những kết quả nghiên cứu của người đi trước, cung cấp các thông tin, dữ kiện để triển khai luận án” [Phụ lục 8.2]. Học viên nữ, lớp cao học chuyên ngành Tư tưởng Hồ Chí Minh cho rằng: “Việc đọc tài liệu giúp cho tôi làm bài kiểm tra và bài thi tốt hơn. Việc viết tiểu luận và làm luận văn cũng cần phải tham khảo nhiều tài liệu. Việc đọc tài liệu vừa cung cấp thông tin để viết luận văn đồng thời cung cấp tri thức để tôi vận dụng vào quá trình nghiên cứu, giảng dạy của mình” [Phụ lục 8.4]. Học viên nữ, lớp cao cấp lý luận chính trị K73 tại Học viện Trung tâm cho rằng: “Tôi thường đọc để có kiến thức, hiểu sâu các nội dung liên quan đến các

chuyên đề học trên lớp để có thể tự tin đưa ra ý kiến trao đổi, thảo luận khi giảng viên yêu cầu” [Phụ lục 8.6].

Như vậy, các quy chế, quy định trong học tập, thi cử cùng với phương pháp giảng dạy “lấy học viên làm trung tâm” đòi hỏi học viên phải đọc thêm tài liệu để có thể hoàn thành tốt chương trình học tập tại Học viện.

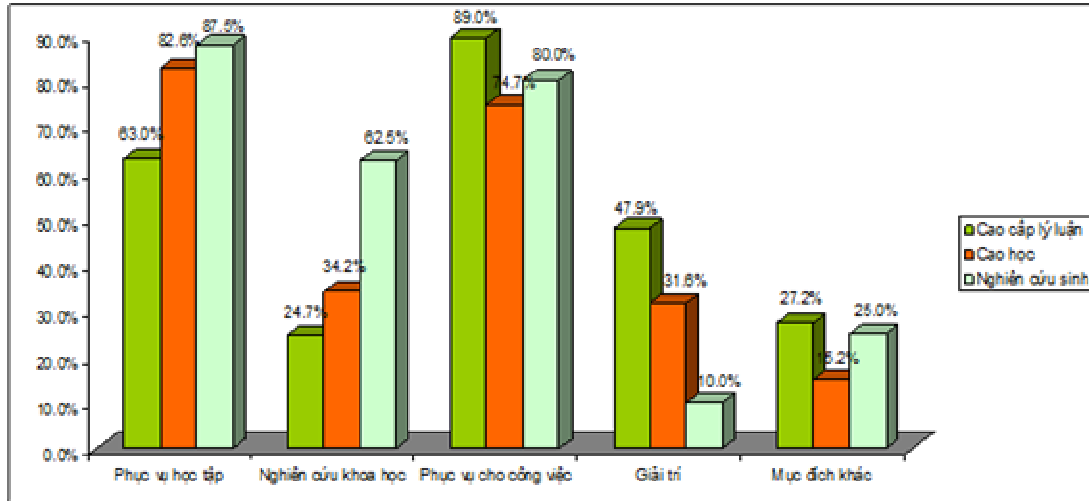
2.1.1.4. Đọc để phục vụ nghiên cứu khoa học

Qua khảo sát, có 30.3% học viên đọc để phục vụ cho nghiên cứu khoa học. Nghiên cứu khoa học là hoạt động góp phần phát triển năng lực sáng tạo, tư duy độc lập, tư duy phản biện, trau dồi tri thức và các phương pháp nhận thức khoa học cho học viên. Không ít học viên là cán bộ nghiên cứu, giảng dạy, vì vậy nghiên cứu khoa học giúp họ có điều kiện đào sâu, nắm bắt chặt chẽ kiến thức chuyên môn, cập nhật các thông tin, kiến thức mới vào bài giảng để bài giảng thêm phong phú, sinh động và thiết thực. Đối với học viên lớp nghiên cứu sinh, học viên phải có các công trình khoa học và các bài báo liên quan đến đề tài luận án mới đủ điều kiện để được bảo vệ luận án tiến sĩ. Vì vậy, đọc để phục vụ nghiên cứu khoa học rất cần thiết đối với học viên. Nó thể hiện tính chủ động, niềm say mê nghiên cứu học thuật của học viên. Tuy nhiên, số lượng học viên đọc để nghiên cứu khoa học chưa nhiều. Điều này đòi hỏi Học viện cần có những chính sách khuyến khích, thúc đẩy học viên nghiên cứu khoa học.

2.1.1.5. Đọc để giải trí

Qua khảo sát có 41.2% học viên đọc để giải trí. Đọc giải trí là mục đích đọc hoàn toàn chính đáng giúp học viên giải tỏa những mệt mỏi, căng thẳng sau giờ học tập và làm việc. Tuy nhiên, mục đích đọc để giải trí của học viên khá cao so với mục đích nghiên cứu khoa học. Vì vậy, học viên cần cân đối giảm bớt mục đích đọc giải trí để tăng cường hơn nữa cho hoạt động đọc phục vụ nghiên cứu khoa học.

Ngoài ra, 23.5% học viên đọc với mục đích khác như: để rèn luyện, tu dưỡng bản thân, phát triển kỹ năng sống, kỹ năng giao tiếp, kiến thức chăm sóc sức khỏe gia đình,... Đây là những vấn đề rất cần thiết giúp học viên phát triển toàn diện bản thân.



Biểu đồ 2.1: Mục đích đọc của học viên

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả luận án

Biểu đồ 2.1 cho thấy mục đích đọc giữa các nhóm học viên có sự khác nhau. Với nhóm học viên cao học và nghiên cứu sinh, mục đích đọc phục vụ cho học tập nhiều nhất, lần lượt là 87.5% và 82.6%, sau đó mới đến phục vụ cho công việc 80% và 74.7%. Điều này xuất phát từ chương trình học tập của học viên cao học và nghiên cứu sinh ngoài thi, kiểm tra, họ phải viết nhiều tiểu luận và viết luận văn, luận án cuối khóa, do đó bắt buộc họ phải tham khảo nhiều tài liệu hơn. Khác với nhóm học viên lớp cao học, nghiên cứu sinh, học viên lớp cao cấp lý luận chính trị lựa chọn đọc để phục vụ cho công việc là giá trị cao nhất (89%), cao hơn cả mục đích phục vụ cho học tập (63%). Học viên lớp cao cấp lý luận chính trị đa phần là cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ chủ chốt ở các cơ quan đơn vị. Nhiệm vụ chính của họ không những chỉ học tập mà còn bị chi phối bởi công việc cơ quan. Chính vì vậy, họ không những cần kiến thức, thông tin phục vụ cho học tập, mà còn thường xuyên phải cập nhật những thông tin mang tính thời sự về tình hình kinh tế, chính trị, xã hội trong nước, thế giới, những thông tin về địa phương, về ngành của họ để phục vụ công tác lãnh đạo, quản lý cũng như công tác chuyên môn của họ.

Mục đích đọc của học viên cũng có sự khác nhau giữa ba cơ sở đào tạo của Học viện CTQG HCM. Học viên học tập trung tại Học viện Trung tâm đọc với mục đích phục vụ cho học tập chiếm tỉ lệ cao nhất. Điều này có thể do tại Học viện Trung tâm, số lượng học viên cao học và nghiên cứu sinh nhiều, đây là đối tượng bắt buộc phải dành nhiều thời gian cho đọc tài liệu mới có thể hoàn thành được luận

án, luận văn. Học viên tại Học viện Khu vực I đọc vì mục đích công việc và học tập như nhau, trong khi học viên học tại Học viện Chính trị khu vực II lại ưu tiên việc đọc phục vụ cho công việc nhiều hơn hẳn so với phục vụ cho học tập. Điều này có thể xuất phát từ văn hóa, tính cách người Nam Bộ. Người Nam Bộ thường sống năng động, thực tế hơn, họ coi trọng thực hành hơn là lý thuyết. Vì vậy, họ coi trọng việc đọc để giải quyết các công việc thực tế đang đặt ra nhiều hơn việc học tập, nghiên cứu mang tính hàn lâm, kinh viện. Điều này cho thấy, đặc điểm văn hóa vùng miền cũng là một trong những yếu tố ảnh hưởng đến văn hóa đọc của học viên.

Tóm lại, trong quá trình học tập tại Học viện CTQG HCM, các học viên đều có mục đích đọc chính đáng và tích cực. Điều này thể hiện qua ý thức và định hướng đọc của học viên. Học viên có thể đọc với một mục đích nhưng có khi đọc với nhiều mục đích cùng một lúc. Mục đích đọc sẽ chi phối toàn bộ quá trình đọc tài liệu của học viên, do đó, việc xác định mục đích đọc tài liệu rất quan trọng, giúp học viên lựa chọn nội dung, cách đọc hợp lý, phù hợp với nhu cầu và thời gian cho phép của mình.

2.1.2. Nhu cầu đọc của học viên

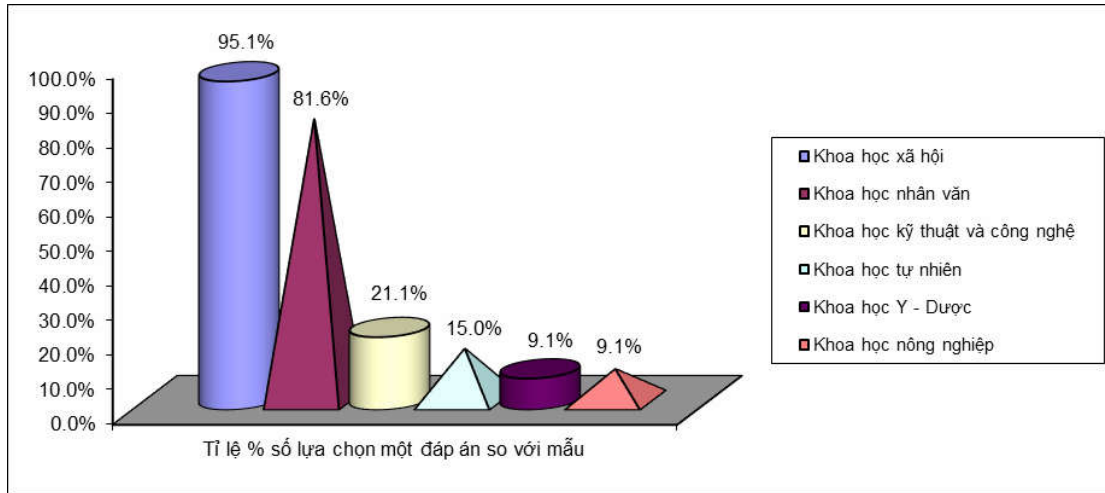
Nhu cầu đọc phản ánh sự cần thiết thông tin/tài liệu của học viên trong quá trình thực hiện một hoạt động nào đó. Trong nghiên cứu này, nhu cầu đọc của học viên được nhận dạng thông qua các biểu hiện ra bên ngoài: Đối tượng mà nhu cầu hướng tới, cụ thể là nhu cầu về nội dung thông tin/tài liệu, nhu cầu về hình thức chuyển tải thông tin/tài liệu, nhu cầu về ngôn ngữ thông tin/tài liệu.

2.1.2.1. Nhu cầu về nội dung tài liệu

Học viện CTQG HCM là “trung tâm quốc gia đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý trung, cao cấp, cán bộ khoa học lý luận chính trị của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể chính trị - xã hội; là trung tâm quốc gia nghiên cứu khoa học lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, nghiên cứu đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, nghiên cứu khoa học chính trị, khoa học lãnh đạo, quản lý phục vụ giảng dạy, học tập, góp phần cung cấp luận cứ khoa học trong việc hoạch định đường lối, chủ trương của Đảng, Nhà nước” [9]. Vì vậy, hệ thống tri thức lý luận chính trị, tri thức về khoa học lãnh đạo, quản lý là những giá trị được các thế hệ cán bộ, giảng viên, học viên tiếp nhận, lan tỏa và chia sẻ trong quá trình học tập, nghiên cứu và rèn luyện tại Học viện CTQG HCM, đây là giá trị phổ quát mang tính bản sắc riêng của Trường Đảng.

Để tìm hiểu cụ thể các lĩnh vực tri thức khoa học được học viên quan tâm, chúng tôi căn cứ vào Quyết định số 2/2008/QĐ-BKHHCN ngày 04 tháng 09 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ để phân loại tài liệu mà học viên thường đọc. Kết quả cho thấy, lĩnh vực khoa học xã hội, trong đó có lĩnh vực lý luận chính trị, được nhiều học viên quan tâm nhất (95.1%), sau đó là khoa học nhân văn (81.6%) [Biểu đồ 2.2]. Lĩnh vực khoa học được học viên quan tâm không có sự khác biệt giữa ba địa bàn nghiên cứu là Học viện Trung tâm, Học viện Chính trị Khu vực I, Học viện Chính trị khu vực II. Nguyên nhân là do chương trình đào tạo của Học viện CTQGHCM được sử dụng thống nhất trong toàn hệ thống. Lĩnh vực khoa học xã hội và lĩnh vực khoa học nhân văn được học viên quan tâm nhiều hơn bởi vì chương trình, nội dung đào tạo của Học viện CTQGHCM chủ yếu liên quan đến hai lĩnh vực khoa học này. Tuy vậy, học viên Học viện Trung tâm thường đọc các tài liệu có nội dung mang tính vĩ mô, còn học viên tại các Học viện trực thuộc thích quan tâm đến tài liệu có nội dung hẹp hơn, những tài liệu liên quan trực tiếp đến địa phương. Nguyên nhân là do học viên học ở Học viện Trung tâm thuộc đối tượng tuyển sinh từ các Ban, Bộ, Ngành Trung ương, còn học viên ở các Học viện trực thuộc là đối tượng ở các địa phương. Ngoài ra, do học viên công tác ở nhiều ngành nghề khác nhau nên một số tài liệu thuộc lĩnh vực khác cũng được học viên tìm đọc như: Khoa học kỹ thuật và công nghệ (21.1%), Khoa học tự nhiên (15%), Khoa học Y - Dược (9.1%), Khoa học nông nghiệp (9.1%).

Lĩnh vực khoa học học viên Học viện quan tâm có sự khác biệt so với sinh viên ở một số cơ sở đào tạo khác. Nếu như tài liệu về lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, trong đó tài liệu về chính trị - xã hội được học viên Học viện CTQGHCM quan tâm nhiều nhất thì với sinh viên Đại học Cần Thơ chỉ có 34,9% sinh viên quan tâm đến lĩnh vực này. Ngoài tài liệu chuyên ngành, lĩnh vực sinh viên Đại học Cần Thơ quan tâm nhiều nhất là kỹ năng sống (80%) [88]. Với sinh viên, những người chưa có nhiều kinh nghiệm thực tiễn, việc trau dồi kỹ năng sống là yếu tố rất quan trọng để hòa nhập vào môi trường lao động hiện đại. Đối với sinh viên Đại học quốc gia Hà Nội thì tài liệu chuyên ngành và tài liệu ngoại ngữ là lĩnh vực họ quan tâm nhiều nhất, chỉ có 29,1% học viên quan tâm đến lĩnh vực chính trị - xã hội [78, tr.108].



Biểu đồ 2.2: Các lĩnh vực khoa học học viên quan tâm

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án.

Để tìm hiểu kỹ hơn về nhu cầu, sở thích đọc của học viên, chúng tôi tiến hành khảo sát tên sách học viên thích đọc, kết quả cụ thể như sau (bảng 2.1).

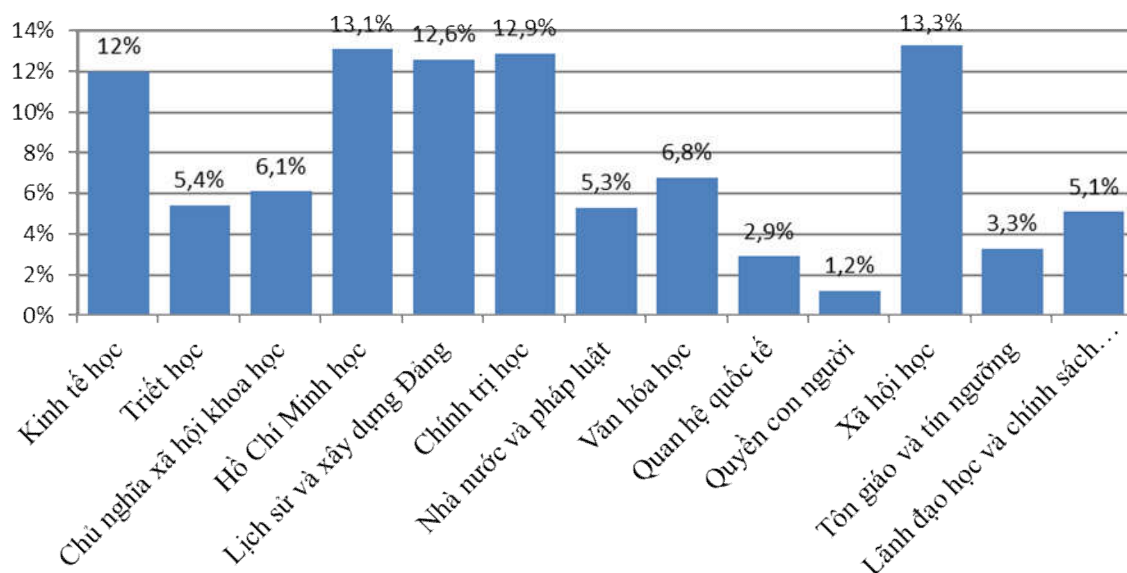
Bảng thống kê cho thấy, các loại sách viết về chính trị, xây dựng Đảng, văn hóa - giáo dục, nhà nước và pháp luật, khoa học lãnh đạo, quản lý là những tài liệu được học viên đọc nhiều nhất, trong đó có một số cuốn được tìm đọc nhiều như: Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc, Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Chủ thuyết Chính trị Việt Nam trong thời đại ngày nay,...

Bảng 2.1: Thống kê thể loại sách học viên thích đọc

| Lĩnh vực | Số lượng tên sách | Tỷ lệ % |
|--------------------------------|-------------------|---------|
| Chính trị | 94 | 15,93 |
| Kinh tế | 52 | 8,81 |
| Văn hoá - giáo dục | 76 | 12,88 |
| Nhà nước và Pháp luật | 66 | 11,19 |
| Triết học | 47 | 7,97 |
| Xây dựng Đảng | 76 | 12,88 |
| Xã hội học | 17 | 2,88 |
| Khoa học lãnh đạo quản lý | 68 | 11,53 |
| Tôn giáo | 35 | 5,93 |
| Văn học | 19 | 3,22 |
| Khoa học kỹ thuật và công nghệ | 11 | 1,86 |
| Các lĩnh vực khác | 29 | 4,92 |

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án.

Bên cạnh khảo sát bằng bảng hỏi, thông qua phần mềm quản trị thư viện tích hợp Millennium, chúng tôi đã tiến hành thống kê tài liệu học viên mượn tại Thư viện Học viện Trung tâm trong thời gian 01 năm, từ tháng 4/2022 đến tháng 4/2023 - thời gian Học viện CTQGHCM chuyển sang trạng thái học tập bình thường sau khi dịch bệnh COVID-19 được kiểm soát. Cụ thể như sau:



Biểu đồ 2.3: Các lĩnh vực học viên tìm đọc tại thư viện

Nguồn: Thống kê của Thư viện Học viện CTQGHCM.

Biểu đồ thống kê 2.3 cho thấy các tài liệu học viên tìm đọc phần lớn liên quan đến các lĩnh vực và chuyên ngành đào tạo của Học viện CTQGHCM, cũng giống như các nội dung tài liệu học viên thích đọc đã thống kê ở trên.

2.1.2.2. Nhu cầu về loại hình tài liệu

Hiện nay, nhu cầu đọc của học viên có sự thay đổi, bên cạnh đọc tài liệu giấy, học viên có xu hướng đọc tài liệu điện tử nhiều. Kết quả khảo sát cho thấy, 86.9% học viên thường đọc tài liệu dạng điện tử, 67.9% học viên thường đọc tài liệu dạng in ấn [Phụ lục 2, Bảng 2.11]. Đối với tài liệu điện tử, học viên đã kể ra 15 website thích đọc, trong đó có một số website được nhiều học viên lựa chọn như: www.nhandan.com.vn, <https://www.qdnd.vn/>, <https://www.tapchiconsan.org.vn/>, <http://thinhvuongvietnam.com/>, <https://vnexpress.net/>, <https://dantri.com.vn/>, <https://vietnamnet.vn/>, <https://laodong.vn/>, <https://thuvienphapluat.vn/>, <https://dantri.com.vn/>, <https://tuoitre.vn/>, <https://thanhnien.vn/>, <https://baomoi.com/>, <https://vtv.vn/>. Đây là những trang điện tử có uy tín hàng đầu Việt Nam, cung cấp

những thông tin về mọi mặt đời sống xã hội: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội,..., cập nhật kịp thời thông tin thời sự trong nước và quốc tế.

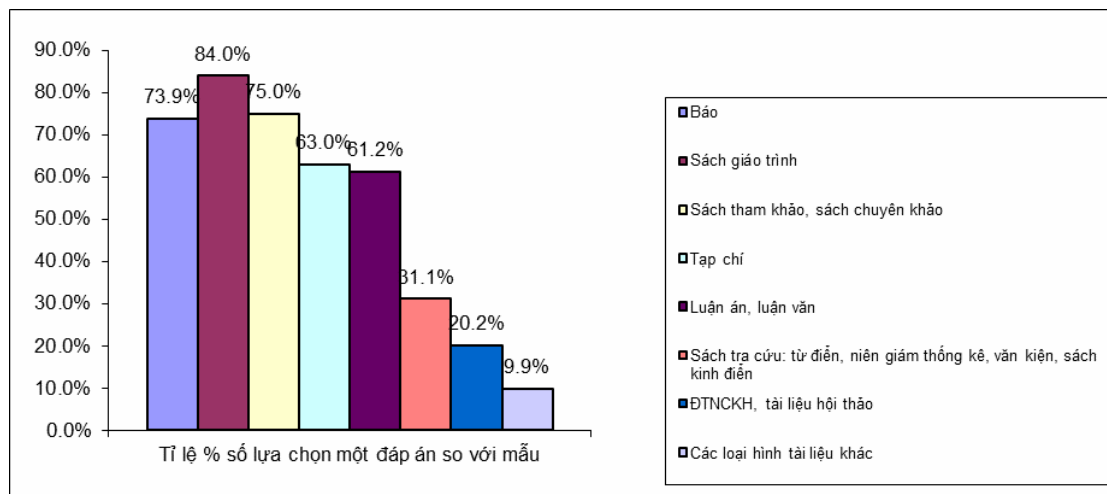
Qua phỏng vấn, học viên lớp Nghiên cứu sinh chuyên ngành Chính trị học cho biết: “Tôi thường đọc tài liệu điện tử vì hiện nay tài liệu này có thể tiếp cận nhanh chóng, dễ dàng trên Internet và có thể đọc bất cứ lúc nào có thời gian. Chỉ cần mua tài khoản, có thể tải tài liệu điện tử về đọc” [Phụ lục 8.1]. Học viên lớp cao cấp lý luận chính trị K73 nói: “Tôi thường đọc tài liệu điện tử trên Internet để cập nhật thông tin. Hiện nay có nhiều báo và nhiều tạp chí đã được xuất bản dưới dạng điện tử như Báo Nhân dân, Tạp chí Cộng sản, Tạp chí Lý luận chính trị và nhiều báo điện tử khác với thông tin có chất lượng rất thuận tiện cho việc đọc” [Phụ lục 8.5]. Học viên lớp cao học chuyên ngành Tư tưởng Hồ Chí Minh thông tin: “Hiện nay thư viện Học viện đã đưa toàn văn nhiều tạp chí lên thư viện số. Việc tìm kiếm theo chủ đề khá thuận tiện. Tôi thường xuyên đọc tài liệu điện tử trên thư viện số của Thư viện Học viện” [Phụ lục 8.4].

Đọc tài liệu điện tử có ưu thế là có thể đọc mọi lúc, mọi nơi, thông tin phong phú, đa phần miễn phí, được hỗ trợ hiệu ứng nghe nhìn, có thể phóng to, thu nhỏ chữ, giúp giảm không gian lưu trữ và tiện lợi mang theo nhiều tài liệu trong một thiết bị nhỏ gọn; tăng khả năng tương tác giữa người đọc và tài liệu, tiết kiệm chi phí. Tuy nhiên, tài liệu điện tử cũng có những hạn chế như: giảm cảm giác đối với việc đọc, người đọc dễ bị xao nhãng trong quá trình đọc; giảm ghi nhớ với nội dung đọc; việc đọc tài liệu điện tử phải sử dụng các phương tiện thiết bị điện tử, nếu dùng lâu dài các thiết bị này có thể gây ra ảnh hưởng không tốt tới sức khỏe của người đọc. Còn đọc tài liệu giấy thường tác động vào thị giác, vào tình cảm và lý trí người đọc, mang lại cho người đọc sự tập trung, suy ngẫm, để lại ấn tượng sâu sắc trong tâm trí, do đó tăng khả năng ghi nhớ nội dung đọc, người đọc có thể đọc mà không bị phụ thuộc thiết bị công nghệ, kết nối mạng và nguồn điện, giảm sự mệt mỏi cho người đọc. Vì vậy, bên cạnh đọc tài liệu điện tử, học viên vẫn có nhu cầu đọc tài liệu giấy. Tùy vào mục đích khác nhau mà học viên lựa chọn dạng tài liệu phù hợp, về vấn đề này, Học viên lớp cao học chuyên ngành Tư tưởng Hồ Chí Minh chia sẻ: “Khi đọc với mục đích phục vụ nghiên cứu tôi thường đọc tài liệu giấy vì các tài liệu này thường có nội dung được hệ thống hóa và nghiên cứu chuyên sâu hơn, hàm lượng khoa học cao, có độ tin cậy về trích dẫn cao. Còn khi đọc với mục đích cập

nhật thông tin thời sự hoặc giải trí thì tôi thường đọc tài liệu trên Internet” [Phụ lục 8.4]. Học viên lớp Nghiên cứu sinh chuyên ngành Xây dựng Đảng cho rằng: “Tôi thường đến Thư viện Học viện đọc tài liệu in. Ở đây có rất nhiều tài liệu lý luận chính trị, đặc biệt là tài liệu chuyên ngành Xây dựng Đảng. Nhiều luận án, luận văn và sách chỉ có ở Thư viện Học viện, không có bản điện tử trên Internet hay thư viện số” [Phụ lục 8.2].

Như vậy, với sự phát triển của Internet và các phương tiện truyền thông, học viên đã có nhiều lựa chọn trong việc đọc tài liệu. Phương thức đọc truyền thống (tài liệu giấy) và phương thức đọc hiện đại (tài liệu điện tử) cùng tồn tại song hành và được học viên sử dụng linh hoạt tùy theo thời gian, tài liệu cần tìm đọc, mục đích đọc.

Để tìm hiểu thể loại tài liệu học viên thường tìm đọc, tác giả đã tiến hành khảo sát, kết quả thể hiện ở biểu đồ sau:



Biểu đồ 2.4: Loại hình tài liệu học viên thường đọc

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án.

Biểu đồ 2.4 cho thấy, thể loại tài liệu học viên thường xuyên sử dụng nhất là giáo trình, bài giảng (84%), đứng thứ hai là các loại sách tham khảo, chuyên khảo (75%). Nếu như giáo trình, bài giảng cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về môn học, làm nền tảng để họ tiếp tục nghiên cứu sâu các vấn đề khác thì sách tham khảo, chuyên khảo cung cấp những kiến thức mang tính hệ thống, chuyên sâu về một lĩnh vực cụ thể.

Báo cũng là loại hình tài liệu cung cấp thông tin thời sự nên được nhiều học viên sử dụng (73.9%). Học viên đã liệt kê tổng số 22 tên báo thích đọc. Trong đó, Báo Nhân dân là tờ báo được nhiều học viên lựa chọn nhất vì đây là tờ báo Đảng

giúp học viên nâng cao trình độ lý luận chính trị, kịp thời cập nhật thông tin thời sự trong nước và quốc tế. Ngoài ra, học viên còn đọc những báo khác như: Pháp luật, Giáo dục thời đại, Lao động, Thanh niên, Tiền phong, An ninh thế giới,..., đây đều là những tờ báo có phiên bản điện tử nên học viên có thể đọc bất cứ khi nào trên Internet.

Bên cạnh báo, 63% học viên sử dụng tạp chí vì đây là loại xuất bản phẩm định kỳ cung cấp thông tin một cách cô đọng, xúc tích, vừa mới, vừa chuyên sâu về chủ đề liên quan đến một ngành, lĩnh vực cụ thể. Học viên đã kể ra 28 tên tạp chí thường đọc, trong đó Tạp chí Cộng sản là tạp chí được nhiều học viên thích đọc nhất. Đây là tạp chí có uy tín trong truyền bá, hướng dẫn lý luận chính trị; tổng kết thực tiễn để bổ sung, phát triển lý luận; đấu tranh với các luận điệu sai trái, thù địch và các biểu hiện suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Việc đọc Tạp chí Cộng sản giúp học viên bổ sung kiến thức cả về mặt lý luận và thực tiễn. Bên cạnh Tạp chí Cộng sản, đa số học viên thích đọc những tạp chí có nội dung liên quan đến chuyên ngành mà họ đang theo học hoặc liên quan đến công việc họ đang đảm nhiệm. Chẳng hạn, đối với học viên cao học và nghiên cứu sinh chuyên ngành Xây dựng Đảng, họ lựa chọn Tạp chí Xây dựng Đảng, Dân vận, Tuyên giáo,... Đối với học viên cao học và nghiên cứu sinh chuyên ngành kinh tế, họ lựa chọn Tạp chí Kinh tế và dự báo, Kinh tế và phát triển, Những vấn đề kinh tế và chính trị thế giới, Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương,... Bên cạnh các loại tạp chí chuyên ngành, một số tạp chí liên ngành, có nội dung thông tin tổng hợp liên quan đến nhiều chuyên ngành cũng được học viên các hệ lớp quan tâm như: Lý luận chính trị, Thông tin khoa học lý luận chính trị, Khoa học xã hội, Thông tin khoa học xã hội,...

Tiếp đến là luận án, luận văn được 61.2% học viên sử dụng. Đây là loại tài liệu cung cấp cho học viên phương pháp nghiên cứu khoa học, giúp học viên có định hướng nghiên cứu đồng thời kế thừa các kết quả nghiên cứu của người đi trước. Ngoài ra, các loại sách tra cứu như: từ điển, bách khoa toàn thư,..., các đề tài nghiên cứu, kỷ yếu hội thảo khoa học và các loại tài liệu khác cũng được một số học viên sử dụng.

Qua phỏng vấn các cán bộ thư viện về các loại hình tài liệu học viên thường đọc tại thư viện, các cán bộ thư viện Học viện Trung tâm cho biết, học viên thường đọc tài liệu sách tham khảo, tạp chí, luận án, luận văn. Đối với học viên cao học và nghiên cứu sinh họ thường đọc tất cả các loại hình tài liệu. Đối với học viên cao cấp

lý luận chính trị thì chủ yếu đọc sách giáo trình, sách tham khảo, tạp chí. Cán bộ thư viện Học viện Chính trị Khu vực I và Học viện Chính trị Khu vực II cho rằng, học viên chủ yếu đọc giáo trình, văn kiện, Nghị quyết của Đảng, báo, tạp chí [Phụ lục 10].

Nhu cầu sử dụng các loại hình tài liệu có sự khác nhau giữa các hệ lớp. Với học viên lớp cao cấp lý luận chính trị, chương trình học tập của họ chưa đòi hỏi thông tin chuyên sâu về một chuyên ngành nào đó như học viên cao học và nghiên cứu sinh, mà chủ yếu cần những thông tin rộng, thiết thực phục vụ cho công việc, học tập, viết tiểu luận. Do vậy, họ có nhu cầu đọc các loại sách giáo trình, văn kiện, Nghị quyết của Đảng, báo và các loại tạp chí chuyên ngành,... Học viên lớp cao học và nghiên cứu sinh đa số là những cán bộ giảng dạy, nghiên cứu ở các trường chính trị, các trường đại học và các viện nghiên cứu trên toàn quốc nên có tác phong nghiên cứu khoa học cao hơn. So với học viên lớp cao cấp lý luận, nhu cầu thông tin của họ không chỉ đa dạng mà còn có tính chuyên ngành, chuyên sâu. Chương trình học tập của các lớp này ngoài việc học các chuyên đề họ còn phải làm luận văn, luận án cuối khóa. Việc tham khảo nhiều tài liệu, đặc biệt là luận án, luận văn giúp họ lựa chọn đề tài nghiên cứu không bị trùng lặp, đồng thời kế thừa được kết quả nghiên cứu của người đi trước. Do vậy, bên cạnh giáo trình, sách tham khảo, luận án, luận văn là loại tài liệu được họ sử dụng nhiều.

Kết quả khảo sát cũng cho thấy có sự khác nhau trong sử dụng các loại hình tài liệu giữa 03 cơ sở đào tạo. Đối với học viên Học viện Chính trị Khu vực I và học viên Học viện Chính trị Khu vực II, học viên thường đọc sách giáo trình nhiều nhất với tỉ lệ lần lượt là 88.7% và 95.5%, sau đó là báo chiếm 70.4% và 82.7%, sách tham khảo chiếm 68.7% và 68.2%, tạp chí chuyên ngành 56.5% và 53.6%. Với các luận văn, luận án học viên Học viện trực thuộc không đọc nhiều, chỉ có 32.2% và 22.7% học viên đọc. Điều này có thể do lượng tài liệu này ở các Học viện trực thuộc rất ít. Ngược lại, đối với học viên Học viện Trung tâm số lượng học viên sử dụng luận án, luận văn cao nhất chiếm 81.6% [Phụ lục 2, Bảng 2.12]. Nguyên nhân là do số lượng học viên cao học và nghiên cứu sinh học tại Học viện Trung tâm nhiều hơn ở các Học viện trực thuộc, đây là đối tượng có nhu cầu sử dụng luận án, luận văn cao học, và hiện nay số lượng các luận án, luận văn Thư viện Học viện Trung tâm đang lưu trữ và phục vụ cũng rất lớn và đầy đủ.

2.1.2.3. Nhu cầu về ngôn ngữ tài liệu

Ngôn ngữ tài liệu được nói đến ở đây được hiểu là ngôn ngữ thể hiện nội dung của tài liệu mà học viên sử dụng trực tiếp không cần dịch.

Tài liệu bằng ngôn ngữ nước ngoài là công cụ giúp con người truyền đạt tri thức của nhân loại từ thế hệ này sang thế hệ khác. Mỗi ngôn ngữ của mỗi tộc người biểu đạt đặc trưng giá trị văn hóa của dân tộc đó. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, ngoại ngữ thực sự trở thành chìa khoá vàng, là công cụ, phương tiện quan trọng để tiếp cận tri thức, khoa học tiên tiến; mở rộng giao lưu và hợp tác giữa các dân tộc. Việc đọc tài liệu bằng ngôn ngữ nước ngoài giúp học viên tiếp cận được các tri thức, thành tựu khoa học của nhân loại, giúp các nhà lãnh đạo, quản lý, các nhà khoa học có điều kiện nghiên cứu, học tập kinh nghiệm thực tiễn của các nước để vận dụng vào thực tiễn Việt Nam, góp phần từng bước đưa Việt Nam tiến gần với trình độ, năng lực của các nước trong khu vực và trên thế giới.

Theo kết quả khảo sát, học viên đọc tài liệu bằng Tiếng Anh là 30.3%, tiếng Pháp là 4.9%, tiếng Nga và tiếng Trung là 2%, tiếng Nhật và các ngôn ngữ khác là 0.5% [Phụ lục 2, Bảng 2.13]. Theo kết quả nghiên cứu của Nguyễn Chí Trung [78] và Nguyễn Hoàng Vĩnh Vương [88], tỉ lệ sinh viên đọc tài liệu nước ngoài bằng tiếng Anh nhiều nhất, lần lượt là 49,3% và 38,3%. Như vậy, so với sinh viên thì tỉ lệ học viên đọc tài liệu tiếng nước ngoài của học viên Học viện thấp hơn sinh viên. Như vậy, trình độ ngoại ngữ vẫn là một rào cản trong việc tiếp cận tài liệu nước ngoài của học viên.

Tuy vậy, việc đọc tài liệu nước ngoài cũng có sự phân loại giữa các đối tượng học viên của Học viện CTQG HCM. Học viên đọc tài liệu bằng tiếng nước ngoài cao nhất là hệ đào tạo trình độ tiến sĩ (100% học viên đọc tài liệu loại này), sau đó mới đến học viên hệ đào tạo cao cấp lý luận chính trị (40.8%) [Phụ lục 2, Bảng 2.13]. Sự khác biệt này có thể xuất phát từ yêu cầu chuẩn đầu vào cũng như chuẩn đầu ra của các hệ đào tạo khác nhau.

Tóm lại, sau tài liệu tiếng Việt, tài liệu tiếng Anh được học viên đọc nhiều nhất. Điều này cho thấy học viên ngày càng quan tâm hơn đến tài liệu gốc để có thể tiếp cận được quan điểm đánh giá của tác giả một cách khách quan mà không phụ thuộc vào năng lực chủ quan của người dịch. Hơn nữa, trong bối cảnh công nghệ số hiện nay, việc đọc được tài liệu bằng tiếng nước ngoài cũng giúp học viên tiếp nhận thông tin một cách nhanh và đầy đủ hơn.

2.1.3. Ý nghĩa của việc đọc

Việc đọc và tiếp thu thông tin từ các nguồn tài liệu giúp cho học viên tăng cường kiến thức, hiểu biết và kỹ năng.

Kết quả khảo sát cho thấy, 86.3% học viên cho rằng đọc giúp phát triển toàn diện bản thân, đây là giá trị cao nhất trong các mục hỏi. Ngoài ra, kết quả nghiên cứu cho thấy, 65.5% học viên cho rằng đọc giúp đạt kết quả học tập tốt hơn, 63% cho rằng đọc mang lại thành công trong công việc, 38.1% nghĩ rằng đọc giúp cuộc sống hạnh phúc hơn [Phụ lục 2, Bảng 2.3].

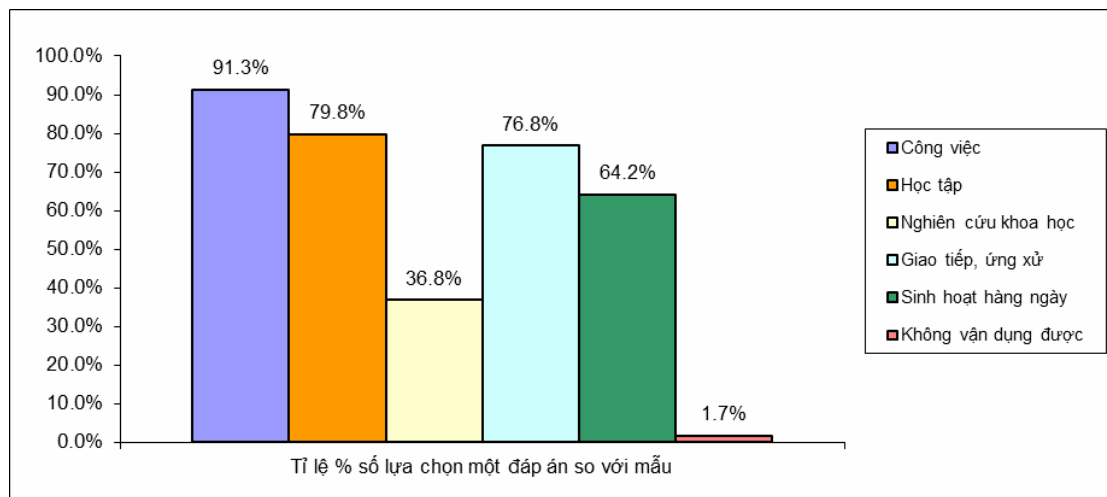
Qua phỏng vấn, học viên lớp nghiên cứu sinh chuyên ngành xây dựng Đảng cho rằng: “Văn hóa đọc giúp tôi trau dồi tri thức lý luận, có kỹ năng giao tiếp, ứng xử, kỹ năng sống, nâng cao năng lực bản thân, mở rộng hiểu biết xã hội, dần hoàn thiện bản thân về mọi mặt” [Phụ lục 8.2]. Học viên lớp cao cấp lý luận chính trị K73 cho rằng: “Việc đọc tài liệu có ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả học tập. Những môn học nào mình tâm huyết, dành nhiều thời gian nghiên cứu, tìm đọc tài liệu thì đều đạt điểm cao khi thi và làm tiểu luận” [Phụ lục 8.11]. “Những kiến thức đọc được giúp tôi giải quyết các công việc của mình một cách hiệu quả và nhanh hơn. Chỉ khi thu nhận và phân tích thông tin đúng, đầy đủ thì mới đưa ra được quyết định đúng đắn và phù hợp với tình hình thực tế” [Phụ lục 8.8].

Như vậy, học viên đã nhận thức rõ mục đích học tập cũng như ý nghĩa của việc đọc của mình là “để làm việc, làm người, làm cán bộ”. Học viên đọc không chỉ vì nhiệm vụ học tập trước mắt, mà còn vì nhu cầu hiểu biết toàn diện để phục vụ cho công việc lâu dài của bản thân. Điều này cho thấy động cơ dẫn đến hoạt động đọc của học viên gắn liền với nhu cầu “học tập suốt đời” là hoàn toàn đúng đắn và cần được khuyến khích phát triển.

Đọc không chỉ để hiểu nội dung, mà còn giúp học viên áp dụng và sử dụng thông tin đã đọc để nâng cao kết quả học tập và chất lượng công tác.

Điều quan trọng nhất của hoạt động đọc là nắm được nội dung cốt lõi của tài liệu và vận dụng nó vào công việc và cuộc sống của mình. Đọc tài liệu là để tìm kiếm thông tin và ý nghĩa của những điều mà mình quan tâm. Cùng một tài liệu nhưng mỗi cá nhân lại có mục đích đọc, phương pháp đọc và nền tảng kiến thức khác nhau, do đó sự tiếp thu, vận dụng các tri thức trong tài liệu khác nhau. Phương châm đào tạo của Học viện CTQG HCM là “học đi đôi với hành”, “lý luận gắn liền

với thực tiễn”. Vận dụng tri thức vào thực tiễn chính là giá trị cao nhất mà văn hóa đọc mang lại cho mỗi học viên. Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hiệp quốc (UNESCO) đã đưa ra triết lý giáo dục gồm 4 trụ cột: học để biết; học để làm; học để chung sống và học để tồn tại. Văn hóa đọc của học viên Học viện CTQG HCM cần hướng tới 4 trụ cột này, trước hết là gắn lý luận với thực tiễn để có thể vận dụng các kiến thức đã đọc vào công việc và cuộc sống, thông qua hành động và tư duy phản biện của mỗi cá nhân. Qua khảo sát cho thấy, có 91% học viên vận dụng kiến thức đã đọc vào công việc, 79.8% vào học tập, 76.8% vào giao tiếp, ứng xử, 64.2% vào sinh hoạt hàng ngày, 36.8% vào nghiên cứu khoa học.



Biểu đồ 2.5: Học viên vận dụng kiến thức đã đọc vào cuộc sống

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

Đánh giá về khả năng vận dụng kiến thức đọc được của học viên vào các hoạt động học tập, giảng viên Viện Quan hệ quốc tế cho rằng: “Nhiều học viên vận dụng các kiến thức đọc được vào làm bài thi, bài kiểm tra khá tốt. Với học viên cao học và nghiên cứu sinh, việc áp dụng kiến thức đọc được vào trong luận án, luận văn được học viên vận dụng một cách sáng tạo, góp phần nâng cao chất lượng luận án, luận văn” [Phụ lục 9.1]. Giảng viên chuyên ngành Kinh tế chính trị cho rằng: “Trong quá trình học tập học viên rất chủ động, tích cực trong chia sẻ thông tin, biết áp dụng kiến thức thực tiễn phong phú vào bài giảng để đưa ra những vấn đề còn chưa rõ để trao đổi, thảo luận” [Phụ lục 9.2].

Như vậy, những kiến thức đọc được rất có ý nghĩa đối với học viên, được học viên vận dụng vào tất cả các hoạt động sống của mình.

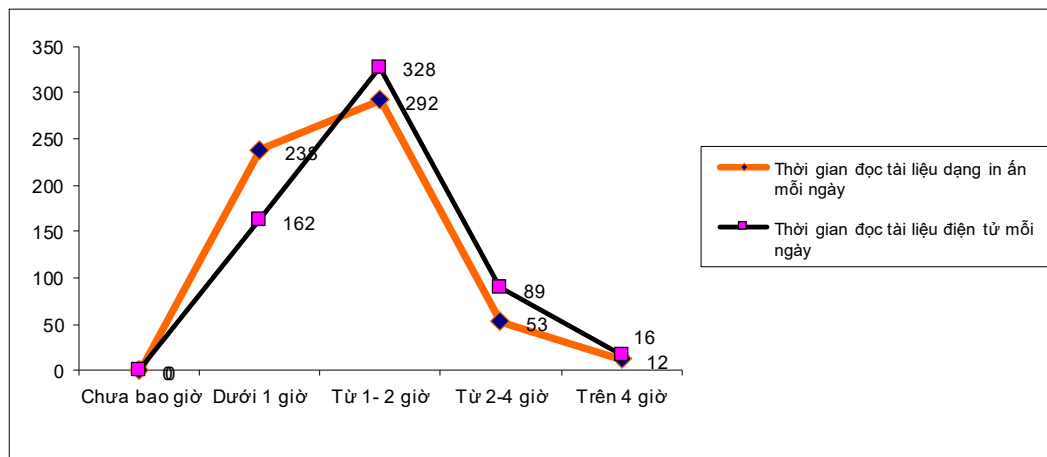
2.2. CHUẨN MỰC ĐỌC CỦA HỌC VIÊN

2.2.1. Thói quen đọc của học viên

Để tìm hiểu thói quen đọc của học viên, tác giả tiến hành khảo sát, tìm hiểu trên các khía cạnh: thời gian dành cho việc đọc, địa điểm thường xuyên đọc, số lượng tài liệu học viên thường đọc, các phương tiện, thiết bị học viên thường sử dụng để đọc.

2.2.1.1. Thời gian dành cho việc đọc

Văn hóa đọc của một cộng đồng chỉ có thể phát triển khi mỗi cá nhân hình thành thói quen đọc. Mỗi ngày học viên dành một khoảng thời gian nhất định cho việc đọc tài liệu sẽ giúp họ xây dựng, củng cố thói quen đọc sách. Trước đây, khi chỉ có tài liệu giấy, việc đọc thường phụ thuộc vào giờ mở cửa của thư viện, ngày nay, tài liệu điện tử, tài liệu số khá phổ biến, học viên có thể ngồi một chỗ truy cập Ineternet để đọc tài liệu điện tử, tài liệu số bất cứ lúc nào.



Biểu đồ 2.6: Thời gian đọc tài liệu giấy và tài liệu điện tử của học viên

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án.

Kết quả khảo sát thể hiện trên Biểu đồ 2.6 cho thấy, thời gian học viên dành cho việc đọc tài liệu điện tử nhiều hơn tài liệu dạng in ấn. Cụ thể, đối với tài liệu dạng in ấn, mỗi ngày, số học viên dành từ 1 đến 2 giờ cho việc đọc chiếm tỷ lệ cao nhất (49.1%), tiếp đến dưới 1 giờ (40%), từ 2 đến 4 giờ (8.9%), và một số học viên dành nhiều thời gian hơn trên 4 giờ (2%). Đối với tài liệu điện tử, mỗi ngày, số học viên dành từ 1 đến 2 giờ cho việc đọc chiếm tỷ lệ cao nhất (55.1%), tiếp đến dưới 1 giờ (27.2%), từ 2 đến 4 giờ (15%), và một số học viên dành trên 4 giờ (2.7%).

Như vậy, so với thời gian đọc trung bình của người dân ở các nước có chỉ số đọc cao thì thời gian đọc của học viên Học viện CTQG HCM không thấp hơn¹.

Bảng Quan hệ tương quan giữa nghề nghiệp và thời gian đọc của học viên cho thấy, thời gian đọc của học viên có sự khác nhau giữa các nhóm nghề nghiệp. Với nhóm học viên là cán bộ nghiên cứu, giảng dạy, do tính chất công việc của họ đòi hỏi phải thường xuyên cập nhật thông tin, tri thức không chỉ để phục vụ cho việc học tập mà còn phục vụ cho công tác chuyên môn lâu dài, vì vậy, họ dành nhiều thời gian hơn cho việc đọc tài liệu so với nhóm cán bộ làm công tác chuyên môn khác. Chẳng hạn, đối với tài liệu in ấn, trong số học viên dành thời gian 2-4 giờ/ngày để đọc tài liệu có 83% học viên là bộ nghiên cứu, giảng dạy, chỉ có 17% là học viên là nhóm cán bộ khác, trong số học viên dành trên 4 giờ/ngày để đọc tài liệu thì có 83.3% học viên là cán bộ nghiên cứu, giảng dạy, chỉ có 16.7% học viên ở nhóm cán bộ khác. Đối với tài liệu điện tử, trong số học viên dành thời gian 2-4 giờ/ngày để đọc tài liệu có 83.2% học viên là bộ nghiên cứu, giảng dạy, chỉ có 16.8% học viên là nhóm cán bộ khác, trong số học viên dành trên 4 giờ/ngày để đọc tài liệu thì có 87.5% học viên là cán bộ nghiên cứu, giảng dạy, chỉ có 12.5% học viên ở nhóm cán bộ khác [Phụ lục 3].

Kết quả khảo sát cũng cho thấy có sự khác nhau về sử dụng thời gian đọc giữa học viên Học viện Trung tâm và học viên Học viện trực thuộc. Học viên Học viện Trung tâm dành nhiều thời gian đọc tài liệu hơn so với học viên Học viện trực thuộc [Phụ lục 2, Bảng 2.8]. Nguyên nhân là do học viên ở hai Học viện trực thuộc phần lớn là học viên Cao cấp lý luận chính trị, chương trình học tập trên lớp chiếm phần lớn thời gian, cho nên thời gian dành cho việc đọc tài liệu ít hơn so với thời gian đọc trung bình của Học viện Trung tâm - cơ sở có nhiều học viên sau đại học hơn.

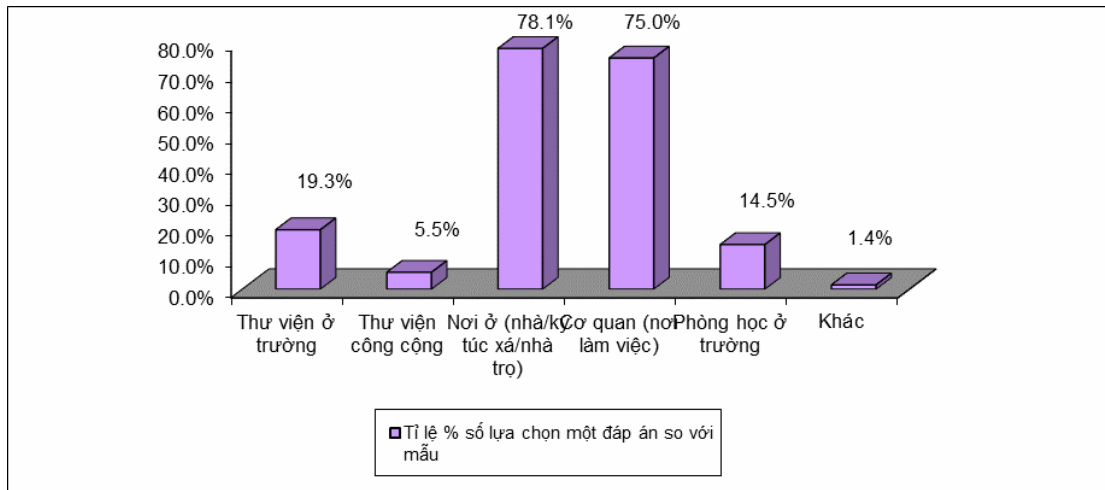
Qua khảo sát hoạt động học viên thường làm trong thời gian rỗi cho thấy, tìm kiếm và đọc tài liệu vẫn được khẳng định là nhu cầu bức thiết, một cách thường thức văn hoá trí tuệ được nhiều học viên thực hiện (69% học viên đọc tài liệu vào thời gian rỗi). Bởi lẽ, đây vẫn là công việc tất yếu, thường xuyên và bắt buộc mà nếu thiếu nó học viên không thể có chuyên môn tốt, và một kiến thức nền tảng phong phú để phục vụ đắc lực cho học tập và công tác chuyên môn. Tuy nhiên, bên

¹ Theo con số thống kê của Tổ chức NOP World Culture Score, Ấn Độ là quốc gia hàng đầu thế giới về “chỉ số đọc” với trung bình mỗi tuần người dân đọc sách 10,7 giờ; tiếp đến là Thái Lan 9,4 giờ; Trung Quốc 8 giờ; Nga 7,1 giờ; Australia 6,3 giờ; Mỹ 5,7 giờ; Anh 5,3 giờ; Nhật Bản 4,1 giờ; Hàn Quốc 3,1 giờ.

cạnh thời gian đọc tài liệu, phần lớn học viên sử dụng thời gian rỗi để truy cập mạng xã hội (76.1%), xem tivi, nghe đài (62.1%), chơi thể thao (56.2%). Ngoài ra, một số học viên còn sử dụng thời gian rỗi vào các hoạt động khác như: mua sắm, du lịch, đi làm thêm, chơi điện tử... [Phụ lục 2, Bảng 2.9].

2.2.1.2. Địa điểm thường xuyên đọc tài liệu

Do tính chất đặc thù là cán bộ đi học, nên học viên của Học viện CTQG HCM thường ít có thời gian dành cho việc đến thư viện (do thư viện chỉ mở trong giờ hành chính, trùng với thời gian học của lớp), nên họ thường đọc tài liệu trên mạng Internet, đối với các tài liệu không có tài liệu số hoặc không tìm đọc được trên mạng Internet thì họ mượn hoặc mua về để tranh thủ đọc trong thời gian rảnh rỗi ở nhà (vào các buổi trưa, buổi tối hoặc các ngày nghỉ...). Biểu đồ 2.7 cho thấy, 78,1% học viên đọc ở nơi ở và cơ quan, 19,3% học viên đọc tại thư viện của Học viện, 14,5% đọc ở phòng học trong giờ nghỉ, 5,5% đọc ở thư viện công cộng, 1,4% đọc ở các địa điểm khác (quán cà phê, nhà ga, trên tàu, máy bay...). So với sinh viên, số lượng học viên đọc tài liệu tại thư viện ít hơn khá nhiều (theo kết quả khảo sát của tác giả Nguyễn Hoàng Vĩnh Vương cho biết 74,7% sinh viên Đại học Cần Thơ đọc tài liệu tại thư viện [88]). Theo nghiên cứu sinh, sinh viên đến thư viện đọc nhiều hơn là do các bạn có nhiều thời gian hơn, cộng với điều kiện về cơ sở vật chất, không gian sinh hoạt của sinh viên không thể thuận tiện cho việc đọc sách như của học viên Học viện CTQG HCM.



Biểu đồ 2.7: Địa điểm thường xuyên đọc tài liệu của học viên

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án.

Tại Học viện CTQG HCM, qua thực tế phục vụ bạn đọc tại thư viện cũng cho thấy, số lượng học viên đọc tài liệu tại thư viện không nhiều.

Ngoài số lượng trên, từ năm 2018 đến năm 2021, trong Kế hoạch giảng dạy của Học viện đối với học viên lớp cao cấp lý luận chính trị hệ tập trung, học viên bắt buộc phải nghiên cứu tài liệu tại thư viện 01 buổi/tuần như một buổi học chính khóa. Với quy định này, số lượng học viên lên thư viện rất đông theo thời gian biểu của từng lớp, trung bình mỗi ngày khoảng 2 lớp, tương đương với khoảng 90 học viên. Cùng với đó, lượng tài liệu, đặc biệt là sách học viên đọc rất lớn, trung bình khoảng 150 cuốn/ngày. Tuy nhiên, từ năm 2022, Học viện không quy định bắt buộc học viên phải đến thư viện, việc đọc tài liệu tại thư viện phụ thuộc vào tính tự giác và chủ động từ học viên, vì vậy, số lượng học viên đến thư viện giảm.

Bảng 2.2: Số lượt học viên đến thư viện từ năm 2019 đến tháng 4/2023

| Đối tượng | Năm 2019 | Năm 2020 | Năm 2021 | Năm 2022 | T1-4/2023 |
|------------------|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|------------------|
| Học viên Cao học | 1.192 | 598 | 782 | 1.467 | 915 |
| Học viên NCS | 1.069 | 432 | 677 | 1.261 | 721 |
| Học viên CCLLCT | 305 | 243 | 312 | 651 | 184 |

Nguồn: Số liệu thống kê của Thư viện Học viện CTQG HCM

Qua quan sát tại Thư viện Học viện và phỏng vấn cán bộ thư viện cho thấy, học viên đến đọc tài liệu tại thư viện nhiều nhất vào thời điểm chuẩn bị làm đề cương luận án, luận văn và trước các kỳ thi [Phụ lục 10]. Các cán bộ thư viện cho biết, trong 05 năm gần đây, số lượng học viên trực tiếp đến Thư viện ngồi đọc ít hơn so với các năm trước nhưng số lượng học viên truy cập, đọc tài liệu trực tuyến trên thư viện điện tử/thư viện số của Học viện CTQG HCM lại tăng nhanh. Học viên lớp cao cấp lý luận chính trị K73 tại Học viện Trung tâm cho biết: “Học viên hiện nay chủ yếu đọc giáo trình, tài liệu của giảng viên cung cấp, đọc trên mạng. Vì lịch học trên lớp đã gần như kín hết thời gian, thư viện chỉ mở cửa phục vụ trong giờ hành chính nên học viên ít có thời gian đến thư viện. Tôi thường tìm kiếm thông tin từ các trang web chính thống vì trang web thuận tiện tra cứu, tiếp cận” [Phụ lục 8.8]. Học viên lớp cao học chuyên ngành Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật

tại Học viện Trung tâm nói: “Tôi thường tranh thủ đến thư viện để mượn hoặc phô tô tài liệu mình cần về nghiên cứu tại nhà, không có nhiều thời gian để đọc tài liệu tại thư viện” [Phụ lục 8.3]. Học viên lớp Nghiên cứu sinh chuyên ngành Xây dựng Đảng cho rằng: “Hiện nay đa số các thư viện đều ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động thư viện, số hóa tài liệu, vì vậy rất thuận lợi cho người đọc tìm kiếm tài liệu. Tôi thường tìm tài liệu qua mạng Internet, khi cần thì đến thư viện phô tô tài liệu về đọc. Tôi thường mua tài khoản truy cập đọc toàn văn tài liệu điện tử. Tài liệu trên mạng cũng khá nhiều. Thỉnh thoảng tôi đến Thư viện Học viện đọc tài liệu in. Ở đây có rất nhiều tài liệu lý luận chính trị, đặc biệt là tài liệu chuyên ngành Xây dựng Đảng. Nhiều luận án, luận văn và sách chỉ có ở Thư viện Học viện, không có bản điện tử trên Internet hay thư viện số” [Phụ lục 8.2]. Đánh giá về văn hóa đọc của học viên, giảng viên chuyên ngành Kinh tế chính trị cho rằng: “Với sự phát triển của các phương tiện thông tin và truyền thông như hiện nay, học viên có rất nhiều phương thức để tiếp cận thông tin. Tuy nhiên, học viên có xu hướng sử dụng tài liệu điện tử nhiều, sự đam mê với phương thức đọc truyền thống như đến thư viện đọc tài liệu in có xu hướng giảm sút. Điều này đòi hỏi thư viện phải đổi mới phương thức phục vụ để đáp ứng kịp thời nhu cầu của học viên” [Phụ lục 9.2].

Như vậy, có nhiều lý do, cả lý do khách quan lẫn chủ quan khiến học viên không dành nhiều thời gian đến thư viện để đọc tài liệu. Tuy nhiên, lý do cơ bản nhất là học viên đọc tài liệu trên mạng internet thay vì đến thư viện.

Bảng 2.4 cũng cho thấy, tỉ lệ học viên đến thư viện cũng có sự khác nhau giữa các hệ lớp. Tỉ lệ học viên lớp nghiên cứu sinh chủ động đến thư viện nhiều nhất, tiếp đến học viên lớp cao học. Sở dĩ, học viên cao học và nghiên cứu sinh chủ động đến thư viện nhiều hơn các lớp cao cấp lý luận chính trị là do học viên cao học và nghiên cứu phải làm luận án, luận văn cuối khóa, nên việc tham khảo tài liệu tại thư viện để viết luận án, luận văn rất cần thiết đối với họ. Điều này cho thấy rằng, chương trình học tập có thể tạo ra áp lực nhất định, ảnh hưởng đến hành vi đọc tài liệu của học viên.

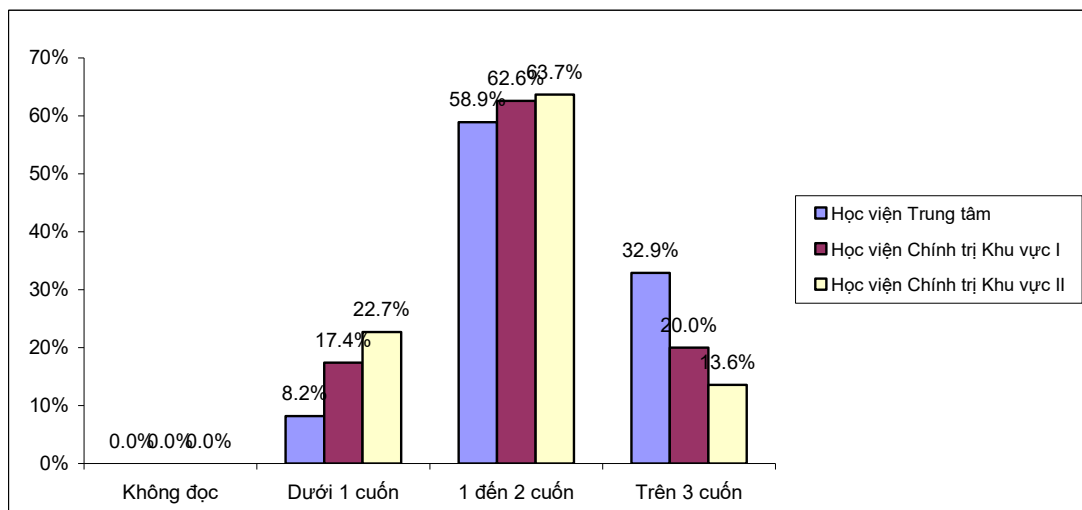
Qua thói quen sử dụng không gian đọc cho thấy, địa điểm đọc được học viên sử dụng phổ biến là nơi ở và nơi làm việc. Vì vậy, thư viện cần chú trọng phát triển nguồn tài liệu dạng điện tử để học viên có thể tiếp cận dễ dàng khi đọc ở nơi ở. Bên

cạnh đó, thư viện cần cải tiến không gian đọc để thu hút nhiều học viên đến đọc, đóng góp vai trò tích cực thúc đẩy phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng.

2.2.1.3. Số lượng tài liệu thường đọc

Kết quả khảo sát cho thấy, số lượng sách học viên đọc trong một tháng như sau: 60.5% học viên đọc 1-2 cuốn/tháng, 26.9% đọc 03 cuốn trở lên/tháng, 12.6% đọc dưới 01 cuốn/tháng [Phụ lục 2, Bảng 2.10].

Như vậy, so với số lượng sách trung bình người Việt Nam đọc trong một năm hiện nay là 1,4 đầu sách/người/năm [5] thì học viên Học viện CTQG HCM đọc nhiều hơn, đó cũng là lẽ đương nhiên, bởi họ là những cán bộ trẻ, có trình độ và đang ở độ tuổi và vị trí việc làm cần tìm hiểu và cập nhật thông tin nhất. Số lượng sách đọc trung bình của học viên Học viện CTQG HCM tương đương với số lượng sách trung bình của người dân ở một số quốc gia được đánh giá là có tỉ lệ đọc cao như Israel, Phần Lan, Pháp, Nhật Bản (20 cuốn sách/năm), Singapore, Malaysia, Thái Lan (14 cuốn sách/năm) [74].



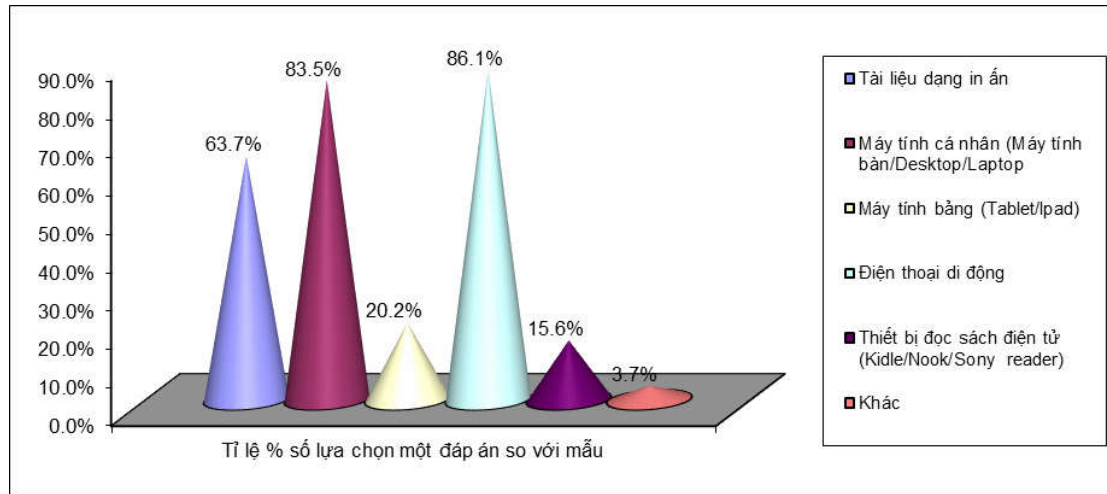
Biểu đồ 2.8: Số cuốn sách học viên đọc trung bình một tháng

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án.

Tuy vậy, theo kết quả khảo sát thể hiện trong Biểu đồ 2.8 dưới đây, cho thấy có sự khác nhau về số lượng sách đọc trong một tháng giữa học viên ở các cơ sở đào tạo khác nhau: Nhóm học viên học tại Học viện Trung tâm đọc số lượng sách nhiều nhất, sau đó đến nhóm học viên học tại Học viện Chính trị Khu vực I, nhóm học viên học tại Học viện Chính trị Khu vực II đọc số lượng sách ít hơn. Điều này có thể do điều kiện môi trường học tập, môi trường sống khác nhau nên có sự khác nhau về thói quen đọc.

2.2.1.4. Các phương tiện, thiết bị thường sử dụng để đọc

Nếu như trước đây, phương tiện, thiết bị đọc chủ yếu là tài liệu giấy, thì hiện nay, với sự phát triển của công nghệ thông tin, học viên có thể đọc trên nhiều phương tiện, thiết bị khác nhau.



Biểu đồ 2.9: Phương tiện/thiết bị sử dụng khi đọc tài liệu của học viên

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án.

Biểu đồ 2.9 cho thấy, học viên sử dụng nhiều phương tiện, thiết bị để đọc tài liệu: Điện thoại di động (86.1%), máy tính cá nhân (83.5%), tài liệu dạng in ấn (63.7%), máy tính bảng (Tablet/Ipad) (20.2%), thiết bị đọc sách điện tử (Kidle/Nook/Sony reader) (15.6%). Như vậy, những thiết bị dùng để đọc tài liệu dạng điện tử như điện thoại di động và máy tính cá nhân (máy tính bàn/Desktop/Laptop), là phương tiện được học viên sử dụng nhiều nhất. Kết quả này có sự tương đồng giữa học viên tại ba cơ sở đào tạo của Học viện và cũng tương đồng với kết quả nghiên cứu văn hóa đọc của sinh viên của các tác giả Nguyễn Chí Trung [78], Nguyễn Hoàng Vĩnh Vương [88], Trương Đại Lượng [39]. Đây là đặc điểm mà các thư viện và các cơ quan thông tin cần lưu ý để đẩy mạnh số hóa tài liệu, phát triển các dịch vụ thông tin ứng dụng trên giao diện điện thoại di động và máy tính. Bên cạnh các phương tiện hiện đại, tài liệu dạng in ấn vẫn được người học sử dụng nhiều. Vì vậy, vẫn cần phát triển cả loại hình tài liệu giấy cùng với tài liệu điện tử.

2.2.2. Kỹ năng tìm kiếm tài liệu của học viên

2.2.2.1. Địa chỉ tìm kiếm tài liệu

Qua khảo sát tác giả nhận thấy, học viên tìm tài liệu từ nhiều nguồn khác nhau, trong đó nhiều nhất là từ Internet (92,1%), tiếp theo ở các hiệu sách (62%),

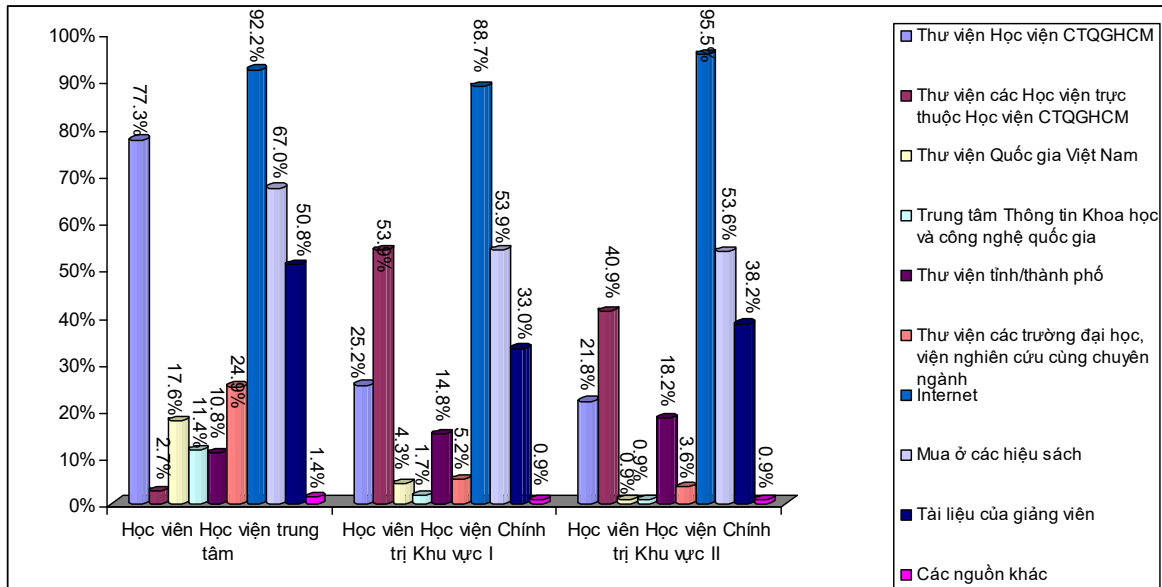
Thư viện Học viện (57%), từ tài liệu của giảng viên (45%). Ngoài ra, học viên còn tìm kiếm tài liệu ở các nguồn khác như: Thư viện các Học viện trực thuộc, phòng tư liệu của các Viện chuyên ngành thuộc Học viện CTQG HCM, Thư viện Quốc gia Việt Nam, Trung tâm Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia, Thư viện tỉnh/thành phố, Thư viện các trường đại học, viện nghiên cứu cùng chuyên ngành,... [Phụ lục 2, Bảng 2.4]. Số lượng học viên tìm kiếm thông tin trên mạng Internet chiếm số lượng cao nhất (92,1%). Internet là phương tiện tiếp cận thông tin phổ biến hiện nay. Kết quả nghiên cứu của tác Nguyễn Chí Trung [78], Nguyễn Hoàng Vĩnh Vương [88], Trương Đại Lượng [39] cũng cho thấy, Internet là địa chỉ được nhiều sinh viên lựa chọn để tìm tài liệu nhất. Thông qua Internet chủ thể đọc có thể nhanh chóng, dễ dàng cập nhật thông tin ở bất cứ đâu, bất cứ thời gian nào, giúp họ khắc phục được khó khăn về mặt thời gian. Tuy nhiên thông tin trên mạng rất khó kiểm soát. Nếu không có kỹ năng định hướng, lựa chọn thông tin, học viên rất dễ bị lạc trong biển tri thức mênh mông đó. Phỏng vấn học viên lớp cao cấp lý luận chính trị K73 cho biết: “Hiện nay nguồn thông tin trên Internet khá phong phú, tìm kiếm nhanh và thuận tiện, nên tôi thường vào các trang web chính thống của Đảng và Nhà nước để tìm kiếm thông tin mình cần, tìm đọc các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước liên quan đến vấn đề mình đang nghiên cứu” [Phụ lục 8.7].

Bên cạnh khai thác thông tin từ nguồn Internet, 62% học viên khai thác thông tin từ nguồn sách mua ở các hiệu sách. Do là những cán bộ đi học, nên học viên của Học viện CTQG HCM có điều kiện kinh tế để có thể mua những cuốn sách yêu thích. Kết quả khảo sát cho thấy: 52.1% học viên được hỏi cho biết hàng tháng chi từ 101.000 đồng - 200.000 đồng để mua sách, 20.8% chi từ 201.00 đồng - 300.000 đồng, 13.3% chi từ 50.000 đồng - 100.000 đồng, 8.1% chi dưới 50.000 đồng và 5.7% chi trên 300.000 đồng để mua sách hàng tháng [Phụ lục 2, Bảng 2.5].

Với thói quen mua sách hàng tháng, nhiều học viên sở hữu số lượng sách khá lớn: 65% học viên có từ 100 đến 150 cuốn sách, 22% sở hữu 3 cuốn trở lên, 13% sở hữu 01 cuốn [Phụ lục 2, Bảng 2.6]. Điều này cũng dễ hiểu, bởi sách không chỉ có ý nghĩa với việc học mà còn là tài liệu tham khảo hữu ích trong công tác quản lý cũng như các hoạt động chuyên môn của học viên.

Với ưu thế của một thiết chế văn hoá thực hiện nhiệm vụ xây dựng, xử lý, lưu giữ, bảo quản, cung cấp tài nguyên thông tin phục vụ nhu cầu nghiên cứu, học

tập của người học, hệ thống thư viện trong trường học, dù không phải là nguồn được tìm kiếm nhiều nhất nhưng thư viện luôn đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng cho học viên tiếp cận đến với những tài liệu chính thống, có giá trị khoa học. Cho nên, chúng tôi cho rằng, thư viện là môi trường tự học, tự nghiên cứu tốt nhất của học viên nói chung, học viên của Học viện CTQG HCM nói riêng.



Biểu đồ 2.10: Các nguồn học viên tìm tài liệu

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

Nói về vai trò của thư viện, học viên nữ, lớp cao học chuyên ngành Lý luận Lịch sử Nhà nước và Pháp luật cho biết: “Thư viện Học viện có nhiều tài liệu đặc biệt là tài liệu lý luận chính trị rất phong phú. Tôi thường đến thư viện để tìm tài liệu khi thi, viết tiểu luận và luận văn. Không gian các phòng đọc cũng rất yên tĩnh, rộng rãi, thoáng mát. Rất tiếc, nhiều học viên chưa đến thư viện nên không biết ở thư viện có nhiều tài liệu hay. Vì vậy, rất cần có hình thức quảng bá, giới thiệu thư viện tới nhiều học viên” [Phụ lục 8.3]. Học viên lớp cao cấp lý luận chính trị K73 cho biết: “Qua quan sát thấy học viên ít khi lên thư viện để tìm đọc các đầu sách phục vụ cho việc học. Riêng cá nhân em thì yêu thích lên thư viện để tìm đọc sách và tài liệu trước các ngày thi vì ở thư viện yên tĩnh, không gian thoải mái để tập trung đọc và hiểu tài liệu hơn” [Phụ lục 8.8]. Học viên lớp Nghiên cứu sinh chuyên ngành Chính trị học cho biết: “Trong quá trình tham gia học tập tại Học viện bản thân tôi và các anh chị học viên trong lớp đã tiếp thu tối đa các kiến thức mà thầy, cô truyền đạt; làm tốt việc mượn sách, đọc sách và nghiên cứu tại Thư viện Học

viện, đồng thời cũng tra cứu, nghiên cứu thêm các tài liệu trên các trang mạng chính thống của Đảng, Nhà nước để làm phong phú thêm cho tư duy, kiến thức phục tốt cho học tập và ứng dụng thực tiễn trong công tác của mình” [Phụ lục 8.1].

Biểu đồ 2.10 cho thấy, nguồn tìm tài liệu của học viên Học viện Trung tâm, Học viện Chính trị khu vực I, Học viện Chính trị khu vực II có sự khác nhau. Ngoài nguồn tìm tài liệu chủ yếu từ Internet, mua ở các hiệu sách, từ giảng viên, tùy vào điều kiện thuận lợi về mặt địa lý mà học viên lựa chọn một số nơi khác để tìm tài liệu như: Học viên Học viện Trung tâm tìm tài liệu ở thư viện Học viện Trung tâm, Thư viện quốc gia, thư viện các trường đại học, viện nghiên cứu cùng chuyên ngành tại Hà Nội. Học viên Học viện Chính trị khu vực I tìm tài liệu tại thư viện Học viện khu vực I, thư viện Học viện Trung tâm. Học viên Học viện Chính trị khu vực II lại tìm ở thư viện Học viện Khu vực II, thư viện tỉnh, thành phố...

2.2.2.2. Kỹ năng tra cứu tài liệu

Qua quan sát ở phòng đọc và kết quả khảo sát, có thể dễ dàng nhận thấy phần lớn học viên sử dụng thành thạo công cụ tìm kiếm trên Internet nhưng lại không biết cách tìm kiếm trên phần mềm ứng dụng của thư viện, cụ thể: 100% học viên trả lời dễ dàng tra cứu tài liệu trên Internet [Phụ lục 2, Bảng 2.31]. Điều này cho thấy Internet là nơi học viên thường xuyên truy cập để tìm kiếm tài liệu nên học viên sử dụng khá thành thạo công cụ tra cứu trên Internet.

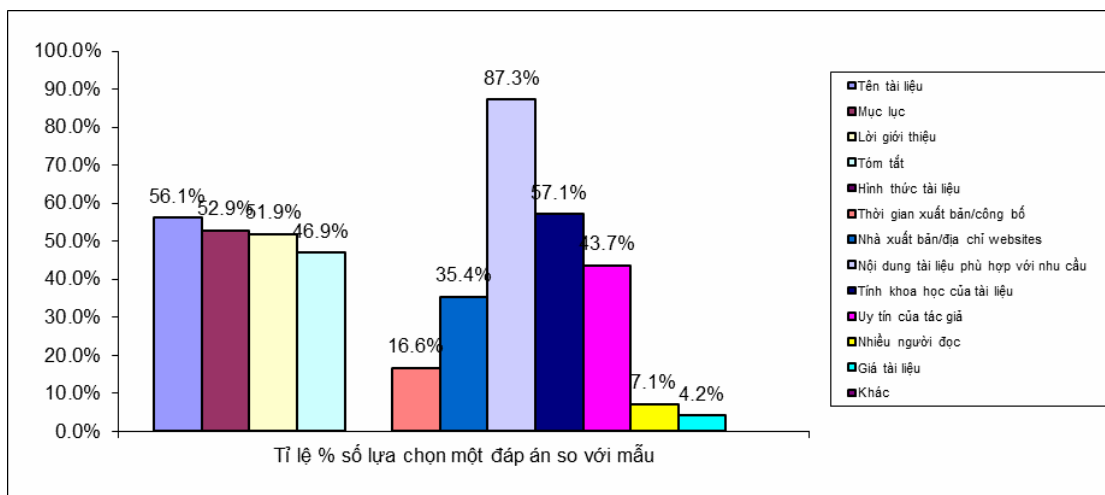
Tuy nhiên, số lượng học viên chưa thành thạo trong tra cứu tài liệu vẫn còn nhiều, cụ thể: 25% học viên cảm thấy khó khăn khi tra cứu tài liệu trên Website của hệ thống thư viện Học viện CTQG HCM, 35% học viên cảm thấy khó khăn khi tra cứu tài liệu trên Website của các thư viện khác [Phụ lục 2, Bảng 2.31]. Qua phỏng vấn, cán bộ Thư viện Học viện Trung tâm cho rằng: “Đa số học viên trong Học viện chưa có nhiều kỹ năng tìm tài liệu. Họ chưa thạo tìm tài liệu trên OPAC của các cơ quan thông tin thư viện bên ngoài Học viện. Vì vậy, cán bộ thư viện phải hỗ trợ học viên tìm tài liệu thông qua dịch vụ tìm tin theo chuyên đề, dịch vụ giải đáp thông tin” [Phụ lục 10.1]. Hạn chế này có thể xuất phát từ nguyên nhân cả chủ quan và khách quan. Do học viên chưa thực sự quan tâm, dành thời gian cho việc tìm hiểu các công cụ tra cứu tài liệu của thư viện. Do việc hướng dẫn học viên phương pháp tra cứu tài liệu của thư viện chưa thực sự hiệu quả. Hàng năm, theo kế hoạch học tập của Học viện, thư viện đã có 60 phút hướng dẫn học viên sử dụng thư viện, tuy nhiên đối tượng được hướng dẫn là học viên lớp cao cấp lý luận chính trị hệ tập

trung, chưa có các đối tượng học viên khác. Hơn nữa, với thời gian ngắn (60 phút), thư viện chỉ hướng dẫn học viên cách tra cứu tài liệu của thư viện Học viện, chưa hướng dẫn cho học viên cách tra cứu tài liệu từ nhiều nguồn khác, và học viên chưa có thời gian thực hành tìm kiếm tài liệu.

2.2.3. Kỹ năng đọc của học viên

2.2.3.1. Khả năng đánh giá, lựa chọn tài liệu

Hiện nay, sự phát triển của Internet đã giúp học viên dễ dàng tiếp cận thông tin từ nhiều nguồn khác nhau ở mọi nơi, mọi lúc. Tuy nhiên, môi trường Internet là môi trường mà bất cứ một tổ chức, cá nhân nào cũng có thể đưa thông tin lên. Do vậy, tình trạng thông tin chưa được kiểm chứng, thông tin giá trị và thông tin phi giá trị, thông tin chính thống và thông tin phi chính thống xuất hiện khá phổ biến. Người đọc phải có trình độ nhất định mới có thể đánh giá, lựa chọn được thông tin có giá trị, phù hợp với nhu cầu của bản thân. Học viên Học viện CTQG HCM phần lớn đã có trình độ nhất định cả về mặt lý luận và thực tiễn, vì vậy họ có khả năng đánh giá, lựa chọn tài liệu khá tốt. Theo kết quả khảo sát thể hiện trên Biểu đồ 2.11 cho thấy, đa số học viên biết sử dụng các tiêu chí để đánh giá, lựa chọn tài liệu phù hợp: 87.3% học viên căn cứ vào tiêu chí nội dung tài liệu phù hợp với nhu cầu để lựa chọn tài liệu, tiếp đến là các tiêu chí: tính khoa học của tài liệu (57.1%), tên tài liệu (56.1%), mục lục (52.9%), lời giới thiệu (51.9%), tóm tắt (46.9%), uy tín của tác giả (43.7%), nhà xuất bản/địa chỉ website (35.4%), xem xét, thời gian xuất bản (16.6%), thấy có nhiều người đọc (7.1%), giá tài liệu (4.2%).



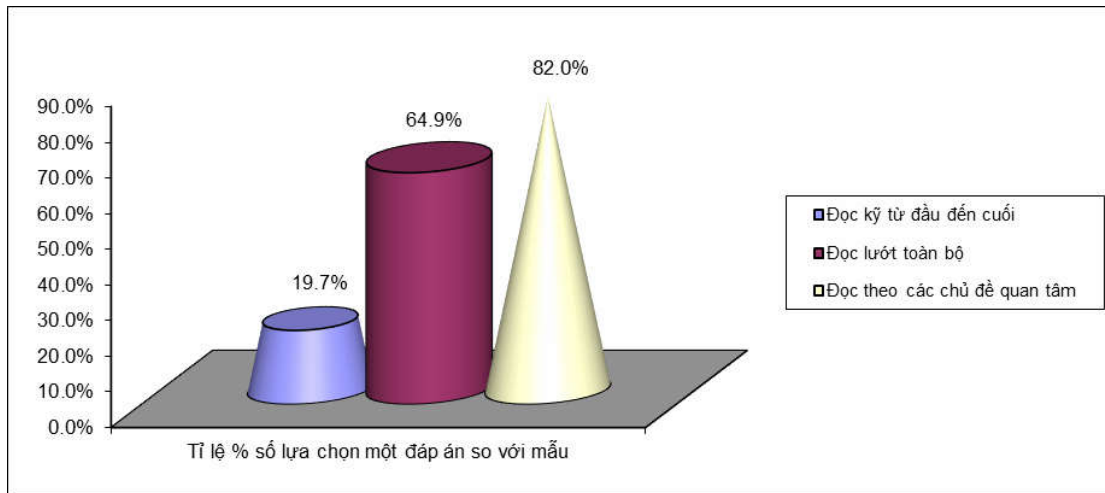
Biểu đồ 2.11: Tiêu chí lựa chọn tài liệu của học viên

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án.

Như vậy, nội dung, chất lượng của tài liệu chính là yếu tố quyết định tạo nên sức hút, sức lan tỏa đối với học viên chứ không phải hình thức tài liệu hay uy tín của tác giả và nhà xuất bản. Chính vì vậy, học viên chủ yếu lựa chọn các tài liệu có nội dung phù hợp với mục đích sử dụng và có giá trị khoa học. Bên cạnh đó, một số tiêu chí được nhiều học viên sử dụng như: Tên tài liệu, mục lục, lời giới thiệu, tóm tắt. Đây là những tiêu chí giúp học viên xác định nhanh nội dung của tài liệu để quyết định có tiếp tục đọc tài liệu nữa hay không. Việc lựa chọn tài liệu đọc của học viên có tính tự chủ cao và ít bị ảnh hưởng bởi xu hướng đọc theo phong trào (thấy nhiều người đọc). Học viên trong Học viện là những người tự chủ về tài chính nên giá tài liệu không phải tiêu chí đáng quan tâm khi chọn tài liệu.

2.2.3.2. Phương pháp đọc

Do quỹ thời gian của học viên không nhiều như sinh viên hoặc những người chưa đi làm ở các cơ sở đào tạo khác, nên tùy thuộc vào mục đích đọc, loại hình tài liệu, năng lực và thời gian rỗi của bản thân mà học viên của Học viện CTQGHCM sử dụng các phương pháp đọc khác nhau.



Biểu đồ 2.12: Phương pháp đọc tài liệu của học viên

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án.

Kết quả khảo sát cho thấy 19.7% học viên lựa chọn phương pháp đọc kỹ từ đầu đến cuối, 64.9% lựa chọn phương pháp đọc lướt và 82% lựa chọn phương pháp đọc theo chủ đề. Phân tích kết quả khảo sát cho thấy, việc ít học viên lựa chọn phương pháp đọc từ đầu đến cuối là vì phương pháp này đòi hỏi người đọc phải có nhiều thời gian, trong khi đọc lướt và đọc theo chủ đề tiết kiệm được thời gian và

phù hợp với năng lực và khả năng của học viên Học viện CTQG HCM. Đọc theo chủ đề quan tâm là cách đọc được học viên lựa chọn nhiều nhất vì đây là cách đọc có chủ đích, không những giúp học viên hiểu sâu, nhớ lâu vấn đề mình quan tâm và mà còn giúp học viên đạt được những giá trị mình mong muốn.

Khả năng ghi nhớ của con người vốn có hạn, do đó nếu không có sự ghi chép, tri thức của việc đọc hôm nay có thể mai một vào hôm sau. Mặt khác, với quỹ thời gian dành cho việc đọc có hạn thì việc ghi chép càng có ý nghĩa hơn khi nó giúp học viên có thể chủ động nắm bắt được các kiến thức cốt lõi, đặc trưng của tài liệu và lưu lại để sử dụng khi cần. Vì vậy, biện pháp vừa đọc vừa “note” lại những ý, đoạn quan trọng trong tài liệu là phương pháp khá phổ biến được học viên sử dụng: 52.4% học viên ghi chép lại những ý, đoạn tâm đắc, 34.3% ghi tóm tắt nội dung sau khi đọc, 22.3% viết ra những ý tưởng nảy sinh trong quá trình đọc [Phụ lục 2, Bảng 2.17].

Trí nhớ và tư duy của người đọc có vai trò quan trọng trong quá trình đọc, ảnh hưởng đến khả năng hiểu, nhớ, lĩnh hội nội dung tài liệu. Học viên Học viện có độ tuổi bình quân từ 35 - 40 tuổi. Với độ tuổi này, trí nhớ và tư duy của học viên đã được hình thành và phát triển, sự tập trung, chú ý cũng cao. Hơn nữa, học viên Học viện đã trải qua các cấp học. Với những kiến thức nền tảng đã có kết hợp với kinh nghiệm thực tiễn phong phú đã giúp học viên hiểu được nội dung của tài liệu sau khi đọc. Kết quả khảo sát cho thấy, 68% hiểu được nội dung cơ bản của tài liệu, 63.2% học viên hiểu sâu một số nội dung mình quan tâm, 15% học viên nhớ một vài chi tiết khi đọc, chỉ có 0.9% học viên không nhớ gì sau khi đọc [Phụ lục 2, Bảng 2.18].

Bảng 2.3: Mối quan hệ giữa trình độ người đọc và hiệu quả đọc

| | | Hiểu được nội dung cơ bản của tài liệu | | Hiểu sâu một số nội dung mình quan tâm | | Chỉ nhớ một vài chi tiết | | Không nhớ gì sau khi đọc | |
|----------------------------|---------|--|--------|--|-------|--------------------------|-------|--------------------------|------|
| | | Số lượng | % | Số lượng | % | Số lượng | % | Số lượng | % |
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân | 187/392 | 47.7% | 211/392 | 53.83 | 66/392 | 16.84 | 3/392 | 0.77 |
| | Thạc sỹ | 100/191 | 52.36% | 58/191 | 30.37 | 15/191 | 78.53 | 1/191 | 0.52 |
| | Tiến sỹ | 12/12 | (100%) | 9/12 | 75 | 1/12 | 83.33 | 0/12 | 0 |
| Tổng cộng | | 299 | | 278 | | 82 | | 4 | |

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án.

So với sinh viên, việc đọc của học viên đạt hiệu quả cao hơn. Theo kết quả nghiên cứu của tác giả Nguyễn Chí Trung, chỉ có 9.1% sinh viên hiểu sâu một số nội dung mình quan tâm, 25% sinh viên không hiểu hết nội dung. Điều này cho thấy ưu thế về độ tuổi, về trình độ tri thức của học viên có vai trò to lớn đối với việc hình thành và phát triển văn hóa đọc. Để tìm hiểu kỹ hơn về mối liên hệ giữa trình độ và khả năng đọc hiểu, tác giả đã tiến hành khảo sát ba đối tượng học viên ở ba trình độ khác nhau. Kết quả cho thấy hiệu quả đọc không tỷ lệ thuận với số lượng đọc mà phụ thuộc nhiều hơn vào trình độ của người đọc. Học viên càng có trình độ cao thì khả năng hiểu nội dung tài liệu nhiều hơn.

2.2.4. Ứng xử với tài liệu và môi trường đọc của học viên

Sách/tài liệu là sản phẩm trí tuệ của con người, chứa đựng những giá trị tri thức của nhân loại được kết tinh trong quá khứ cũng như hiện tại. Thái độ và cách sử dụng tài liệu cũng thể hiện nhân cách và đạo đức của một con người. Khi nhận thức được được đầy đủ, toàn diện giá trị từ hình thức đến nội dung của một cuốn tài liệu, người đọc sẽ biết cách nâng niu, trân trọng, giữ gìn nó, để giá trị của tài liệu được lưu truyền và sử dụng lâu dài qua nhiều thế hệ.

Qua khảo sát cho thấy, khi đọc tài liệu của thư viện, 56.8% học viên có thói quen ghi chép những đoạn thú vị, 50.2% học viên có ý thức không làm thay đổi cả hình thức và nội dung tài liệu của thư viện [Phụ lục 2, Bảng 2.22]. Trong quá trình đọc tài liệu, việc ghi chép là rất cần thiết, nó không chỉ tăng sự tập trung cho người đọc mà còn giúp người đọc nhớ được những nội dung mà mình thấy tâm đắc. Hơn nữa, ghi chép còn giúp người đọc có thể nhanh chóng tìm lại mà không phải lặp lại quy trình đọc hoặc đọc lại cả cuốn tài liệu. Việc ghi chép không gây tổn hại đến hình thức và nội dung của tài liệu mà vẫn thu nhận được đầy đủ nội dung, ý nghĩa của nó.

Ngoài ra, việc lưu trữ, sắp xếp tài liệu cẩn thận, ngăn nắp, khoa học cũng thể hiện văn hóa ứng xử với tài liệu. Kết quả khảo sát cho thấy, đa số học viên biết cách sắp xếp tài liệu theo những tiêu chí riêng để dễ dàng sử dụng: 45.3% sắp xếp tài liệu theo nội dung, 31.3% sắp xếp tài liệu theo loại hình tài liệu. Đối với tài liệu điện tử, đa số học viên biết lưu trữ tài liệu trong máy tính theo chủ đề (64.2%). Việc sắp xếp các tài liệu như trên thể hiện tính cách và tư duy khoa học của người đọc. Tuy nhiên, vẫn có 8.1% học viên không sắp xếp tài liệu theo tiêu chí nào [Phụ lục 2, Bảng 2.23].

Để tìm hiểu hành vi ứng xử với môi trường đọc của học viên, chúng tôi sử dụng phương pháp quan sát tại phòng đọc. Kết quả cho thấy, đa phần học viên đều có thái độ nghiêm túc trong quá trình đọc, có ý thức trân trọng tài liệu và không gian đọc, ứng xử lịch sự khi giao tiếp với thủ thư và bạn đọc khác. Không có hiện tượng học viên nói chuyện, vứt rác, hút thuốc, ăn uống hay ngủ gật trong phòng đọc. Qua phỏng vấn một số cán bộ thư viện về thái độ, hành vi của học viên trong việc chấp hành nội quy, quy định của thư viện, chúng tôi nhận được những đánh giá sau:

- *“Đa số học viên chấp hành tốt nội quy, quy định của thư viện. Học viên đều là những cán bộ có trình độ, có hiểu biết nên họ rất chuẩn mực trong giao tiếp, ứng xử với cán bộ thư viện”* [Phụ lục 10.1].

- *“Nhìn chung, học viên chấp hành đúng nội quy, quy định của thư viện. Tuy nhiên, tình trạng một số học viên đọc tài liệu ở phòng tự chọn xong không để đúng vị trí theo quy định dẫn đến tài liệu bị để sai vị trí trên giá, gây khó khăn cho bạn đọc khác khi tìm tài liệu”* (Cán bộ thư viện Học viện Chính trị Khu vực I) [Phụ lục 10.3].

- *“Đa số học viên thực hiện tốt nội quy thư viện, có ý thức giữ gìn tài liệu của thư viện. Tuy nhiên, hàng năm, vẫn còn tình trạng một số ít học viên mượn sách quá hạn không đến trả, một số học viên ra trường rồi vẫn chưa trả sách thư viện khiến cán bộ thư viện phải gọi điện để nhắc nhở, thậm chí có học viên còn làm mất sách của thư viện”* [Phụ lục 10.5].

Như vậy, đa số học viên trong Học viện đều có ý thức khi đọc tài liệu ở thư viện, chỉ một số ít học viên có những hành vi không tốt như: làm mất sách của thư viện, mượn sách quá hạn, để không đúng vị trí tài liệu khi sử dụng. Những hành vi không tốt trên của một số ít học viên đã làm ảnh hưởng không tốt đến việc đọc của học viên khác.

Trong xã hội thông tin, vấn đề sở hữu trí tuệ trở thành công cụ để nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, đặc biệt là kinh tế tri thức. Vì vậy, vấn đề sở hữu trí tuệ luôn được tôn trọng và đề cao ở các quốc gia trên thế giới. Với một nhà khoa học thực thụ thì vấn đề trân trọng thành tựu trí tuệ của con người chính là một phẩm chất rất quan trọng. Vì vậy, ý thức tôn trọng bản quyền tác giả là một trong những tiêu chí quan trọng đánh giá thái độ ứng xử đối với tài liệu của học viên trong quá trình nghiên cứu, học tập. Việc sử dụng tài liệu được đánh giá là có văn hóa khi học viên có sự hiểu biết về vấn đề bản quyền và có kỹ năng trích dẫn tài liệu tham khảo. Đây cũng

là một trong những yêu cầu quan trọng trong nghiên cứu, giảng dạy và học tập ở Học viện CTQG HCM hiện nay. Kết quả khảo sát cho thấy, đa số học viên có nhận thức tốt về bản quyền và sở hữu trí tuệ: 59% học viên cho rằng mình nắm vững những quy định về trích dẫn khoa học, 37.6% có biết nhưng không nắm vững (hoặc hoàn toàn không nắm vững (3.4%) [Phụ lục 2, Bảng 2.24]. Do chưa nắm vững những quy định trong trích dẫn, nên một số ít học viên thực hiện chưa nghiêm quy định chỉ dẫn tài liệu tham khảo. Trong tổng số học viên trả lời, có 61% học viên thực hiện tốt việc chỉ dẫn nguồn trích dẫn, 35.3% học viên thực hiện nhưng chưa tốt (chưa đúng quy định, còn sai nguồn trích...), 3.7% học viên thực hiện chưa nghiêm [Phụ lục 2, Bảng 2.25].

Qua phỏng vấn, giảng viên Viện quan hệ quốc tế cho rằng: “Từ năm 2019 trở lại đây, Học viện thực hiện nghiêm túc quy định quét trùng lặp đối với luận án, luận văn thạc sĩ và đề tài nghiên cứu khoa học. Vì vậy, đa số học viên cao học và nghiên cứu sinh nắm vững và thực hiện nghiêm túc quy định trích dẫn nguồn tài liệu tham khảo khi làm luận án, luận văn. Tuy nhiên, vẫn còn tình trạng một số học viên chưa thực hiện nghiêm túc chỉ dẫn nguồn trích khi làm tiểu luận” [Phụ lục 9.1].

Giảng viên Viện Kinh tế chính trị cho rằng: “Nhìn chung đa số học viên thực hiện nghiêm túc vấn đề trích dẫn tài liệu tham khảo. Viện tôi thường giao chủ đề viết tiểu luận hoặc bài thu hoạch khác nhau giữa các học viên, các chủ đề thay đổi từng năm nên tránh được tình trạng học viên sao chép của nhau. Vấn đề này còn phụ thuộc nhiều vào cách thức đánh giá của giảng viên” [Phụ lục 9.2].

Như vậy, những quy định trong công tác đào tạo tại Học viện đã góp phần hạn chế được tình trạng vi phạm bản quyền tác giả, đặt ra yêu cầu đối với học viên khi đọc tài liệu là phải sáng tạo khi kế thừa kết quả nghiên cứu của người đi trước. Vì vậy, đa số học viên nắm vững và thực hiện nghiêm túc quy định trích dẫn nguồn tài liệu tham khảo. Đây là yếu tố quan trọng góp phần phát triển văn hóa đọc lành mạnh, đảm bảo tính kế thừa và sáng tạo trong nghiên cứu của học viên.

Văn hóa đọc của học viên còn thể hiện ở sự lan tỏa, thấm thấu văn hóa giữa các cá nhân trong cộng đồng. Việc chia sẻ các giá trị đọc được sẽ góp phần truyền cảm hứng, lan tỏa văn hóa đọc đến với nhiều người. Với vị trí công tác và thế mạnh của mình, đa số học viên tích cực chia sẻ tri thức, chia sẻ tài liệu với những người thân và cộng đồng, từ đó, tạo nên ý nghĩa tích cực cho sự phát triển của cộng đồng và xã hội. Phân tích giá trị trung bình kết quả khảo sát cho thấy, học viên chia sẻ

kiến thức đọc được với bạn bè, đồng nghiệp nhiều nhất (3.65/5), sau đó là chia sẻ trong hoạt động giảng dạy (3.46/5), trao đổi với giảng viên (3.37/5), chia sẻ qua hoạt động nghiên cứu khoa học (3.27/5), chia sẻ với người thân trong gia đình (3.27/5), chia sẻ trên các tạp chí khoa học (2.97/5), xuất bản giáo trình, tài liệu học tập (2.79/5), chia sẻ lên mạng xã hội (2.78/5) [Phụ lục 2, Bảng 2.21].

Với học viên Học viện CTQG HCM, bạn bè, đồng nghiệp là đối tượng được học viên chia sẻ, lan tỏa thông tin đọc được nhiều nhất. Bạn bè, đồng nghiệp là những người cùng chuyên môn, chuyên ngành với nhau nên những suy nghĩ, quan điểm về vấn đề chuyên môn dễ dàng trao đổi và chia sẻ hơn. Bên cạnh đó, thầy cô và gia đình luôn là những người đồng hành được học viên tin tưởng chia sẻ trong suốt quá trình học tập của mình. Không ít học viên là cán bộ nghiên cứu, giảng dạy nên việc chia sẻ thông tin đọc được trong các hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học, qua các bài viết công bố trên các tạp chí cũng được học viên thực hiện. Trong bối cảnh mạng internet phát triển, việc sử dụng mạng xã hội để lan tỏa, chia sẻ giá trị đọc với cộng đồng là một việc làm rất ý nghĩa được một số học viên sử dụng. Các hoạt động trên đã góp phần lan tỏa những giá trị văn hóa đọc trong cộng đồng.

Bên cạnh đó, học viên hưởng ứng và tham gia tích cực các hoạt động lan tỏa văn hóa đọc do Viện Thông tin khoa học tổ chức như: triển lãm sách, nhận và trao tặng sách giữa thư viện và bạn đọc nhân ngày Sách và Văn hóa đọc Việt Nam 21/4. Trong các hoạt động này, học viên luôn là nhân tố tích cực, tạo nên động lực thúc đẩy phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng.

2.3. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN VĂN HÓA ĐỌC CỦA HỌC VIÊN HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

2.3.1. Các yếu tố về chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục

2.3.1.1. Yếu tố chính trị

Thế chế chính trị của Việt Nam là nhất nguyên, Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo toàn diện cách mạng Việt Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng luôn coi trọng việc đào tạo, huấn luyện cán bộ, coi đây là nhiệm vụ quan trọng của Đảng. Sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh thường nói “Huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng” là muốn nhấn mạnh đến ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác đào tạo cán bộ của Đảng.

Học viện CTQGHCM là trung tâm quốc gia - trường Đảng cao cấp của Đảng Cộng sản Việt Nam, Học viện có nhiệm vụ đào tạo cán bộ lãnh đạo, quản lý về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; về khoa học chính trị và các khoa học xã hội nhân văn khác.

Những yếu tố chính trị này là cơ sở nền tảng và giữ vai trò định hướng đối với văn hóa đọc của học viên Học viện. Hay nói khác đi, yếu tố chính trị (quan điểm, nội dung tài liệu, mục tiêu đào tạo...) tạo nên giá trị đọc và chuẩn mực đọc của học viên.

2.3.1.2. Yếu tố kinh tế

Học viên trong Học viện có điều kiện kinh tế ổn định, có khả năng tự chủ về kinh tế. Đây là điều kiện thuận lợi giúp học viên có khả năng mua các tài liệu giấy hoặc mua tài khoản truy cập vào các cơ sở dữ liệu (CSDL) tài liệu số.

Bên cạnh đó, hàng năm, kinh phí dành cho việc nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị và bổ sung vốn tài liệu cho thư viện, xuất bản sách giáo trình được Học viện quan tâm đầu tư. Mỗi năm, thư viện Học viện Trung tâm được cấp khoảng 300 triệu mua sách, 150 triệu mua báo, tạp chí quốc văn, 255 triệu mua tài liệu ngoại văn, 45 triệu mua CSDL PROQUEST. Thư viện các Học viện trực thuộc được cấp trung bình khoảng 500 triệu đồng/năm. Việc cung cấp kinh phí thường xuyên cho công tác bổ sung tài liệu đã giúp cho các thư viện đáp ứng một phần nhu cầu đọc của học viên, góp phần phát triển văn hóa đọc.

Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay, nhu cầu truy cập tài liệu trực tuyến của học viên ngày càng cao. Quản lý và phát triển tài nguyên số là lĩnh vực đòi hỏi nguồn đầu tư kinh phí rất lớn và liên tục. Kinh phí đầu tư cho hạ tầng kỹ thuật, mua sắm hệ thống máy chủ, hạ tầng mạng, các phần mềm ứng dụng, CSDL,... là những hạng mục có chi phí rất cao đến hàng trăm tỷ đồng. Công tác số hóa nguồn tài nguyên thông tin cũng đòi hỏi nguồn kinh phí khá lớn. Với nguồn kinh phí được cấp hiện nay, các thư viện Học viện chủ yếu chỉ mua được tài liệu giấy, chưa mua được các CSDL tài liệu điện tử nên chưa đáp ứng tốt nhu cầu đọc trực tuyến của học viên. Việc đầu tư kinh phí mua các trang thiết bị, phần mềm ứng dụng chưa đồng bộ nên chưa thực hiện được việc chia sẻ dữ liệu giữa các thư viện trong hệ thống Học viện. Điều này đã hạn chế cơ hội truy cập đến các nguồn tài liệu của học viên.

2.3.1.3. Yếu tố văn hóa

Việt Nam vốn là một đất nước có truyền thống hiếu học. Trong xã hội phong kiến, đọc sách được xem là hành vi thanh tao, tao nhã của bậc hiền nhân, quân tử: “*Vạn ban giai hạ phẩm. Duy hữu độc thư cao*” [82] (Tất cả các công việc đều thấp kém, chỉ có đọc sách là cao đẹp). Người xưa rất coi trọng sách, họ quan niệm rằng: “*Thiên kim di tử bất như nhất thư*” (Để cho con cháu nghìn vàng không bằng để lại một cuốn sách). Truyền thống hiếu học cùng với triết lý về đọc của ông cha ta được truyền dạy và tác động tích cực đến ngày nay.

Hiện nay, người Việt Nam vẫn rất coi trọng tri thức và việc học, do vậy, việc xây dựng thói quen đọc trong cộng đồng đang là vấn đề được toàn xã hội quan tâm. Khi việc đọc được nhiều người cho rằng có ích và được thực hiện bởi nhiều người thì nó sẽ có tác dụng lan tỏa rộng rãi trong cộng đồng, tạo thành một chuẩn mực để mọi người thực hiện. Trong nhận thức của học viên, văn hóa đọc có vai trò quan trọng. Việc duy trì thói quen đọc thường xuyên là một chuẩn mực, một nét đẹp văn hóa.

Nhận thức rõ vai trò của văn hóa đối với công tác giáo dục và học tập, trong những năm qua, Học viện đã xây dựng và ban hành *Văn hóa trường Đảng* nhằm tạo dựng một môi trường giảng dạy, học tập và rèn luyện giàu tính Đảng. Các bộ tiêu chí trong *Văn hóa trường Đảng* có vai trò to lớn trong công tác “huấn luyện” đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt của Đảng và cả hệ thống chính trị. Học tập trong môi trường văn hóa trường Đảng, học viên được hướng đến những giá trị mang tính chuẩn mực về tri thức, niềm tin, giá trị, thói quen, lý tưởng, truyền thống,... được thể hiện cốt lõi ở những chuẩn mực trong quy tắc ứng xử, giao tiếp trong thực thi công việc, trong tư tưởng, đạo đức, lối sống. Những giá trị, chuẩn mực đó ảnh hưởng đến mục đích, thái độ học tập của học viên, do đó cũng ảnh hưởng đến thái độ đọc của học viên.

Ngoài ra, văn hóa đọc của người Việt nói chung, văn hóa đọc ở Học viện CTQGHCM nói riêng cũng có những tác động nhất định đến văn hóa đọc của học viên. Kết quả khảo sát của nghiên cứu sinh cho thấy, không ít học viên cho rằng, xã hội tôn trọng tri thức, nhiều người thích đọc ảnh hưởng đến việc đọc của họ với giá trị trung bình ở mức 3.89/5 [Phụ lục 2: Bảng 2.28].

2.3.1.4. Yếu tố giáo dục

Giáo dục là hoạt động tác động đến người học nhằm mục tiêu hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực của người học. Phương châm đào tạo, bồi dưỡng của

Học viện hiện nay là đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đảm bảo cả kiến thức, kỹ năng và tư tưởng. Theo đó, mục tiêu đào tạo bao gồm: Về kiến thức, trang bị cho học viên một cách hệ thống, toàn diện về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước. Về kỹ năng, nâng cao tầm nhìn và tư duy chiến lược, phương pháp luận khoa học; Cập nhật kiến thức mới có tính thời sự cao về các lĩnh vực trọng yếu của đời sống xã hội trong nước và quốc tế; Nâng cao kiến thức và kỹ năng lãnh đạo, quản lý; Phát triển kỹ năng xử lý tình huống, vận dụng, chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm thực tế gắn với địa phương, ngành, lĩnh vực. Về tư tưởng, củng cố niềm tin của học viên vào chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tạo động lực và khát vọng thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo; Có bản lĩnh chính trị, lập trường tư tưởng vững vàng; rèn luyện đạo đức, tác phong của người cán bộ cách mạng [52]. Mục tiêu giáo dục của Học viện đã ảnh hưởng đến lĩnh vực tài liệu học viên nghiên cứu, đó là hệ thống tài liệu lý luận chính trị.

Bên cạnh đó, trong những năm gần đây, Học viện tăng cường đổi mới phương thức giảng dạy theo hướng phát huy tính chủ động, sáng tạo của người học. Giảng viên không chỉ lên lớp để thuyết trình, trao đổi những vấn đề học viên thắc mắc mà còn hướng dẫn, hỗ trợ và đánh giá trình độ, khả năng của học viên qua việc tự học, tự nghiên cứu tài liệu. Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến thói quen đọc của học viên. Kết quả khảo sát cho thấy, trong quá trình giảng dạy, đa số giảng viên Học viện CTQGHCM đã thực hiện khá nghiêm túc việc hướng dẫn, hỗ trợ học viên đọc và nghiên cứu tài liệu như: Giới thiệu các tài liệu cần đọc (83.5%), trao đổi với học viên về những điều đã đọc (43%), hướng dẫn học viên cách đọc hiệu quả (37.1%) [Phụ lục 2: Bảng 2.29]. Qua phỏng vấn, giảng viên Viện Lịch sử Đảng cho rằng: “Do thời gian giảng trên lớp không thể truyền đạt sâu rộng những kiến thức liên quan đến môn học, vì vậy trong quá trình giảng dạy, tôi thường giới thiệu những tài liệu liên quan để học viên tìm đọc, những cuốn tài liệu tôi có tôi thường cho lớp mượn phô tô để nghiên cứu. Để kích thích học viên đọc nhiều, tôi thường đặt ra các vấn đề để học viên trao đổi, thảo luận. Qua tiểu luận, qua các bài kiểm tra, bài thi, bài thu hoạch tôi có thể đánh giá được học viên nào đọc tài liệu, học viên nào không” [Phụ lục 9.3]. Giảng viên Viện Kinh tế chính trị cho rằng: “Đối với một

chuyên đề, khi giảng dạy yêu cầu bắt buộc đối với giảng viên là cung cấp hệ thống danh mục tài liệu tham khảo liên quan đến chuyên đề, bao gồm danh mục tài liệu bắt buộc phải đọc và danh mục tài liệu đọc thêm. Điều này tạo cho học viên thói quen đọc” [Phụ lục 9.2]. Qua khảo sát, phương pháp giảng dạy của giảng viên là một trong những yếu tố có mức độ ảnh hưởng nhiều đến văn hóa đọc của học viên, đứng thứ tư trong các yếu tố ảnh hưởng với giá trị trung bình 3.97/5 [Phụ lục 2: Bảng 2.28].

Trong bối cảnh quốc tế và trong nước tiếp tục đan xen giữa thuận lợi, thời cơ, khó khăn và thách thức. Toàn Đảng, toàn dân phải thực hiện thành công các mục tiêu, nhiệm vụ rất cấp bách, to lớn, nặng nề vào các năm 2025, 2030 và 2045. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Đảng phải đảm bảo huấn luyện đủ đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là cấp chiến lược ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ trong thời kỳ mới. Học viện xác định: “Mục tiêu đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Học viện phải trở thành trung tâm quốc gia hàng đầu, ngang tầm khu vực và thế giới, có uy tín cao về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý của Đảng và Nhà nước, nghiên cứu khoa học lý luận về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, khoa học lý luận chính trị, khoa học lãnh đạo, quản lý, xứng đáng là trường Đảng Trung ương mang tên Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại” [68, tr.9].

Có thể nói, môi trường giáo dục, cùng với triết lý giáo dục, phương châm hành động, mục tiêu, tầm nhìn, sứ mệnh của Học viện là những giá trị được các thế hệ cán bộ, học viên Học viện theo đuổi thực hiện. Đây là những giá trị có vai trò định hướng toàn bộ các hoạt động của Học viện trong đó có các hoạt động liên quan đến văn hóa đọc. Đó cũng là những giá trị cốt lõi, giúp học viên xác định động cơ, mục đích nghiên cứu, học tập, mục đích đọc tài liệu của mình, từ đó có những ứng xử đọc phù hợp để đạt được những giá trị mong muốn.

2.3.2. Các yếu tố về thể chế, thiết chế liên quan đến hoạt động đọc

2.3.2.1. Yếu tố thể chế

Nhận thức tầm quan trọng của văn hóa đọc, trong thời gian qua, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương, chính sách nhằm phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng. Những chủ trương, chính sách này đã phát huy hiệu lực, ảnh hưởng tích cực đến ứng xử đọc của các cơ quan, tổ chức cũng như mọi người dân trong đó có học viên Học viện CTQG HCM. Có thể kể đến một số quy tắc, quy định của Nhà nước liên quan đến văn hóa đọc như: Luật Thư viện đã được Quốc hội thông qua ngày 21/11/2019 và có hiệu lực từ ngày 1/7/2020; Quyết định số 329/QĐ-TTg,

ngày 15/3/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Luật Xuất bản; Luật Báo chí,... Các văn bản pháp luật này đã đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng, điều chỉnh hoạt động của các thiết chế văn hóa đọc, thúc đẩy các thiết chế này phát triển đúng hướng, tạo môi trường đọc thuận lợi cho học viên.

Hiện nay, chuyên đổi số và sự phát triển của internet đã mang lại nhiều thuận lợi cho việc tiếp nhận và chia sẻ thông tin. Tuy nhiên, tình trạng lệch chuẩn trên môi trường số đã và đang diễn ra. Nhiều thông tin, bài viết sai sự thật lan truyền trên mạng xã hội làm tổn hại đến uy tín của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân; tình trạng vi phạm bản quyền diễn ra ngày càng phổ biến. Tình trạng này nếu không được ngăn chặn kịp thời bằng những chế tài từ luật pháp sẽ gây nên nhiều hệ lụy tiêu cực cho xã hội, làm xói mòn các giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc, xóa nhòa ranh giới giữa cái thật và giả, cái đẹp và cái xấu. Để điều chỉnh các hành vi tiêu cực trong sử dụng và chia sẻ thông tin, Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật như: Luật số 104/2016/QH13: Luật Tiếp cận thông tin; Luật số 24/2018/QH14: Luật an ninh mạng; Nghị định số 72/2013/NĐ-CP và Nghị định số 27/2018/NĐ-CP về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; Bộ Quy tắc ứng xử trên mạng xã hội (Ban hành kèm theo Quyết định số 874/QĐ-BTTTT ngày 17 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông); Luật số: 07/2022/QH15: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 36/2009/QH12 và Luật số 42/2019/QH14; Quy định số 85-QĐ/TW, ngày 07/10/2022 của Ban Bí thư về việc cán bộ, đảng viên thiết lập và sử dụng trang thông tin điện tử cá nhân trên internet, mạng xã hội,... Đây là những văn bản pháp lý đưa ra những chuẩn mực thái độ, hành vi ứng xử, nhằm định hướng, khuyến khích những hành vi đúng, điều chỉnh, nghiêm cấm đối với những hành vi tiêu cực, định hình chuẩn mực văn hóa trong việc sử dụng và chia sẻ thông tin, nâng cao văn hóa ứng xử cho người dùng mạng xã hội nói chung và học viên Học viện nói riêng. Các quy định này đã hình thành cho học viên ý thức thực hiện các chuẩn mực đọc như: Đọc thông tin từ các nguồn tin chính thống, những tài liệu có nội dung lành mạnh; Bảo mật thông tin của nhà nước; Tích cực đưa ra những luận cứ, luận chứng khoa học đấu tranh, phê phán, bác bỏ những thông tin xấu độc, thù địch, phản động

và bảo vệ quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; Chủ động đăng tải, chia sẻ, lan tỏa thông tin tích cực nhằm định hướng dư luận xã hội; Không like, không share những thông tin chưa được kiểm chứng, thẩm định; Trân trọng tài liệu, thực hiện nghiêm túc vấn đề bản quyền trong sử dụng và chia sẻ thông tin. Kết quả khảo sát cho thấy, học viên cho rằng hệ thống chính sách khuyến khích đọc của Nhà nước ảnh hưởng đến việc đọc của họ có giá trị trung bình ở mức 2.93/5 [Phụ lục 2: Bảng 2.28].

Bên cạnh đó, các quy tắc, quy định về giáo dục, đào tạo của Học viện CTQGHCM đã tác động trực tiếp đến văn hóa đọc của học viên.

Hiện nay, với phương pháp đào tạo lấy học viên làm trung tâm, tăng cường tính chủ động, sáng tạo của học viên, Học viện CTQGHCM đã ban hành khung chương trình, quy chế đào tạo các hệ lớp; quy chế giảng viên; quy định về quản lý học viên các hệ lớp; quy chế đánh giá chất lượng đào tạo; xây dựng Bộ Tiêu chí đánh giá chất lượng đào tạo; quy định kiểm tra trùng lặp nội dung đối với luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ... Nội dung các quy chế, quy định này hướng tới mục tiêu khuyến khích tư duy sáng tạo, năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn và rèn luyện kỹ năng của học viên; đánh giá được trình độ của học viên theo các mức: Biết (tái hiện), hiểu, áp dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá. Đây là bước tiến mới trong công tác lãnh đạo, quản lý, góp phần nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng của Học viện.

Ngày 26/10/2017, Giám đốc Học viện CTQGHCM ban hành Quy định về ứng xử văn hóa của Học viện CTQGHCM và các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (kèm theo Quyết định số 5029/QĐ-HVCTQG), trong đó quy định trong học tập và rèn luyện học viên phải có tinh thần, thái độ học tập nghiêm túc; tích cực trao đổi, thảo luận, chia sẻ kinh nghiệm; chủ động, tích cực khai thác các nguồn tài liệu phục vụ việc học tập.

Để việc đọc sách trở thành một thói quen, một chuẩn mực bắt buộc đối với giảng viên và học viên, ngày 10 tháng 11 năm 2021, Học viện Chính trị Khu vực I ban hành Quyết định số 1773-QĐ/HVCTKVI ban hành Quy định về phát triển văn hóa đọc tại Học viện Chính trị Khu vực I. Với Quy định này, giới thiệu sách được quy đổi ra giờ giảng hoặc kinh phí nên đã khuyến khích nhiều giảng viên tham gia. Các quy định trên đã đưa việc đọc sách trở thành một chuẩn mực, làm cho phong trào đọc sách tăng lên, góp phần vào việc phát triển văn hóa đọc tại Học viện Chính

trị Khu vực I. Vì vậy, biện pháp này rất cần được lan tỏa, áp dụng rộng rãi trong toàn hệ thống Học viện.

Có thể nói, nội dung khung chương trình, quy chế, quy định trong giảng dạy và học tập tại Học viện đòi hỏi học viên học phải đọc nhiều tài liệu liên quan đến chương trình học tập, học đi đôi với hành, gắn lý luận với thực tiễn, tăng cường tính tự học, tự nghiên cứu của bản thân, tạo lập cho mình thói quen và phương pháp đọc tài liệu, do đó góp phần nâng cao văn hóa đọc của học viên. Qua khảo sát cho thấy, học viên cho rằng, hệ thống chính sách khuyến khích đọc của Học viện ảnh hưởng đến việc đọc của họ với giá trị trung bình ở mức 3.64/5. Đặc biệt, những quy định, yêu cầu trong chương trình học tập có ảnh hưởng nhiều nhất đến việc đọc của học viên với giá trị trung bình ở mức 4.13/5, xếp thứ nhất trong các yếu tố ảnh hưởng [Phụ lục 2: Bảng 2.28].

Cùng với các quy chế, quy định trong đào tạo, để tạo môi trường đọc thuận lợi cho học viên, Học viện đã ban hành các quy chế, quy định đối với các thiết chế văn hóa đọc nhằm chỉ đạo, định hướng các thiết chế này hoạt động đúng hướng, đáp ứng ngày càng tốt nhu cầu đọc của học viên, phục vụ đắc lực cho công tác nghiên cứu, đào tạo tại Học viện.

Với công tác thư viện, Giám đốc Học viện đã ban hành Quy chế hoạt động Thư viện (kèm theo Quyết định số 2327-QĐ/HVCTQG ngày 09 tháng 5 năm 2019). Quy chế quy định cụ thể các chuẩn nghiệp vụ áp dụng trong các thư viện của hệ thống Học viện, quy định về việc nộp tài liệu lưu trữ tài liệu nội sinh về thư viện. Đây là những quy định nhằm chuẩn hóa, thống nhất nghiệp vụ thư viện trong toàn hệ thống Học viện, tạo điều kiện thuận lợi cho việc số hóa, phát triển bộ sưu tập số tài liệu nội sinh của thư viện, hướng tới kết nối, chia sẻ dữ liệu trong toàn hệ thống Học viện, đáp ứng nhu cầu tra cứu tài liệu trực tuyến của học viên.

Với công tác báo chí, năm 2022, Giám đốc Học viện ký Quyết định số 10444-QĐ/HVCTQG ngày 28/7/2022 về việc phê duyệt Đề án sắp xếp, phát triển hệ thống báo chí Học viện đến năm 2025, hướng tới năm 2030. Đề án xác định rõ định hướng, lộ trình phát triển, chuẩn hóa quy trình xuất bản tạp chí khoa học của Học viện nhằm chuyên nghiệp hóa, bắt kịp xu thế báo chí hiện đại.

Với công tác xuất bản, ngày 11-10-2013, Giám đốc Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh đã ra Quyết định số 3820/QĐHVCT-HCQG ban

hành Quy chế Quản lý hoạt động xuất bản. Quy chế quy định rõ quy trình xuất bản; trách nhiệm của các đơn vị trực thuộc Học viện trong hoạt động xuất bản,... Cùng với đó, năm 2013, Nhà xuất bản được Ban Giám đốc Học viện tạo điều kiện cho phép mở Trung tâm phát hành sách. Đây vừa là nơi trưng bày, giới thiệu, quảng bá, vừa là nơi bán, phát hành các sách, tài liệu lý luận chính trị phục vụ nhu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên và học viên ở Trung tâm Học viện.

Các quy chế, quy định trên đã tạo hành lang pháp lý để phát triển các thiết chế văn hóa đọc, tạo điều kiện để các thiết chế này phát huy tích cực vai trò chia sẻ, lan tỏa giá trị văn hóa đọc tới học viên.

2.3.2.2. Yếu tố thiết chế

Sự phát triển của hệ thống thư viện và các cơ quan báo chí, xuất bản, phát hành ở nước ta đã tạo điều kiện thuận lợi cho học viên tiếp cận với nguồn tài liệu phong phú, đa dạng. Hiện nay, hệ thống thư viện gồm: Thư viện Quốc gia Việt Nam; 63 thư viện cấp tỉnh, 667 thư viện cấp huyện, 100 thư viện chuyên ngành thuộc các Bộ, ngành, các viện nghiên cứu, trung tâm nghiên cứu khoa học; gần 400 thư viện thuộc các trường đại học và cao đẳng [14]. Cả nước có 127 cơ quan báo; 670 cơ quan tạp chí (có 327 tạp chí lý luận chính trị và khoa học, 72 tạp chí văn học nghệ thuật) [81]; 57 nhà xuất bản, trong đó có 24 nhà xuất bản được xác nhận đăng ký hoạt động xuất bản phẩm điện tử [59]. Các thiết chế này phát triển đã góp phần lan tỏa văn hóa đọc, tạo môi trường đọc thuận lợi cho học viên.

Bên cạnh đó, các thiết chế liên quan đến văn hóa đọc ở Học viện CTQG HCM bao gồm: thư viện, cơ quan báo chí, cơ quan xuất bản đã ảnh hưởng trực tiếp đến văn hóa đọc của học viên, tạo điều kiện thuận lợi cho học viên về không gian đọc, thời gian đọc, tài liệu đọc.

1) Hệ thống thư viện Học viện

Đối với một cơ sở nghiên cứu, đào tạo, công tác thông tin - thư viện có vai trò đặc biệt quan trọng, góp phần nâng cao chất lượng nghiên cứu, giảng dạy và học tập. Chính vì vậy, ngay từ những năm đầu mới thành lập, Nghị quyết về công tác tư liệu ngày 01-4-1969 của Ban Giám đốc Trường Đảng Nguyễn Ái Quốc Trung ương (nay là Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh) đã khẳng định: “...*không có tư liệu thì không thể nghiên cứu, giảng dạy được*”; “*làm công tác tư liệu tốt tức là một nửa công tác nghiên cứu và giảng dạy đã được giải quyết*”. Nghị quyết có vai trò

định hướng hoạt động, trở thành động lực thúc đẩy sự phát triển của công tác tư liệu, thư viện trong Trường.

Trong những năm qua, Học viện CTQGHCM đã đầu tư khá lớn vào việc xây dựng, hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các thư viện, tăng cường số lượng tài liệu và các dịch vụ thông tin nhằm đáp ứng ngày càng tốt nhu cầu đọc của học viên.

Về cơ sở vật chất, không gian đọc

Tại Học viện Trung tâm, thư viện nằm trong tòa nhà 7 tầng với diện tích 1.500m². Các phòng đọc - mượn đều được trang bị đầy đủ hệ thống điều hòa, hệ thống chiếu sáng, hệ thống camera, máy phôtô, bàn ghế ngồi đọc,... Thư viện Học viện Trung tâm đã tổ chức phục vụ bạn đọc theo các hình thức như: 1) Phục vụ đọc tại chỗ gồm 3 phòng: Phòng đọc báo, tạp chí; Phòng đọc sách tự chọn; Phòng đọc luận án, luận văn, đề tài nghiên cứu khoa học. Các phòng đọc được phục vụ theo hình thức kho mở nhằm tạo sự thoải mái, thuận tiện nhất cho học viên khi tiếp cận tới tài liệu; 2) Phục vụ cho mượn về nhà gồm 01 phòng: Phòng mượn sách.

Theo xu hướng chung của các thư viện trong nước và trên thế giới, Thư viện Học viện Trung tâm đang từng bước hướng đến việc chuyển đổi số nhằm đáp ứng linh hoạt nhu cầu của người dùng tin trên nền tảng các dịch vụ thông tin trực tuyến. Thư viện đã xây dựng CSDL thư mục (quản lý tài liệu giấy) trên phần mềm thư viện điện tử Millennium và xây dựng cơ sở dữ liệu toàn văn (quản lý tài liệu số) trên phần mềm thư viện số DSpace. Các CSDL trên thường xuyên được cập nhật lên Website của Viện Thông tin khoa học để bạn đọc tra cứu từ xa mà không phải đến Thư viện. Nhìn chung, cơ sở vật chất, không gian đọc của thư viện đã đáp ứng tốt nhu cầu của bạn đọc. Điều này được thể hiện qua kết quả khảo sát, 75% học viên đánh giá ở mức tốt, chỉ có 0.6% học viên đánh giá ở mức chưa đáp ứng [Phụ lục 2, Bảng 2.27].

Bên cạnh Thư viện Học viện Trung tâm, trụ sở của một số Trung tâm Thông tin khoa học tại các Học viện trực thuộc được bố trí các phòng làm việc, phòng đọc, phòng mượn rộng rãi với trang thiết bị, hạ tầng kỹ thuật khá tốt.

Trung tâm Thông tin khoa học Học viện Chính trị Khu vực I có tổng diện tích tòa nhà thư viện khoảng 3.000m². Năm 2022, với Dự án Xây dựng thư viện thông minh, Trung tâm được trang bị các phần mềm hiện đại để phát triển thư viện điện tử/thư viện số, gồm: Phần mềm quản lý tài nguyên số Dspace, phần mềm quản

lý tài liệu điện tử Sierra, phần mềm tìm kiếm tập trung Encore, phần mềm Portal quản trị nội dung số thông minh, ngoài ra Trung tâm được trang bị nhiều thiết bị công nghệ hiện đại như: máy mượn tài liệu tự động, máy trả tài liệu tự động, máy scan, máy phô tô, máy in mã vạch, máy nạp/khử từ, máy kiểm kê, cổng từ, Touch màn hình cảm ứng... Vì vậy, rất thuận tiện trong việc quản trị, nhập dữ liệu và phục vụ bạn đọc khai thác, sử dụng tài liệu trực tuyến. Thư viện được thiết kế theo không gian mở, hiện đại với hệ thống các phòng chức năng: phòng đọc, phòng hội thảo, phòng học nhóm, phòng chiếu phim. Bạn đọc có thể mượn/trả qua quầy thông tin hoặc qua các thiết bị mượn/trả tự động.

Trung tâm Thông tin khoa học tại Học viện Chính trị khu vực II cũng có trụ sở riêng với tổng diện tích tòa nhà thư viện là 1.800m² với các phòng đọc, phòng mượn rộng rãi. Tuy nhiên hạ tầng kỹ thuật còn rất yếu và thiếu: chưa có máy chủ riêng; máy tính nghiệp vụ, máy tính phòng đọc trực tuyến rất hạn chế; chưa có cổng từ; chưa có thiết bị số hóa chuyên dụng, chưa có phần mềm thư viện điện tử, thư viện số; tài liệu được quản lý ở mức độ rất cơ bản bằng phần mềm Excel. Vì vậy, không gian phục vụ học viên là thư viện truyền thống, chưa có hình thức phục vụ đọc trực tuyến.

Qua khảo sát, 65% học viên cho rằng cơ sở vật chất, không gian đọc tại thư viện Học viện trực thuộc đáp ứng tốt nhu cầu đọc, 33.5% học viên đánh giá ở mức đáp ứng một phần, 1.5% đánh giá ở mức chưa đáp ứng [Phụ lục 2, Bảng 2.27].

Về tài liệu phục vụ bạn đọc

Về tài liệu giấy, theo số liệu thống kê của Thư viện Học viện Trung tâm vào tháng 12 năm 2022, thư viện có khoảng 36.000 tên sách tiếng Việt với gần 100.000 bản; Sách ngoại văn khoảng 1.689 cuốn (chủ yếu là sách từ nguồn Quỹ Châu Á biếu tặng, gồm sách tiếng Anh, Nga, Pháp, Trung quốc, Đức). Trong đó, chia theo loại hình tài liệu gồm: Sách tra cứu (từ điển, niên giám thống kê, sách kinh điển, sách văn kiện,...) chiếm khoảng 30%; Sách giáo trình chiếm khoảng 10%; Sách tham khảo, sách chuyên khảo chiếm khoảng 60%. Chia theo nội dung gồm: sách chính trị - xã hội khoảng 85%; Sách văn học - nghệ thuật khoảng 10%; Sách khoa học - kỹ thuật khoảng 5%.

Với truyền thống hơn 70 năm xây dựng và phát triển, Học viện CTQGHCM đã đạt được nhiều thành tựu trong công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học. Điều này thể hiện rõ qua số lượng luận án, luận văn và đề tài nghiên cứu, kỷ yếu hội thảo khoa học được lưu trữ tại thư viện. Tính đến tháng 12/2022, Thư viện đang lưu giữ

và phục vụ 3.600 cuốn đề tài nghiên cứu, hội thảo khoa học; 1.793 cuốn luận án tiến sĩ; 9.835 cuốn luận văn thạc sĩ; 11.923 cuốn luận văn cử nhân và luận văn cao cấp lý luận; 1.200 cuốn đề án tốt nghiệp lớp dự nguồn cao cấp. Ngoài ra, thư viện còn có 74 loại báo và 70 loại tạp chí tiếng Việt; 17 loại tạp chí ngoại văn.

Về tài liệu điện tử, để phục vụ bạn đọc tra cứu tài liệu trực tuyến, toàn bộ tài liệu có trong thư viện Học viện đã được xử lý trên phần mềm thư viện điện tử. Tính đến tháng 12-2022, Thư viện đã xây dựng CSDL sách, luận án, luận văn, đề tài nghiên cứu khoa học, bài trích tạp chí với 129.453 biểu ghi thư mục. Bên cạnh đó, để phục vụ nhu cầu đọc tài liệu số, thư viện đã thực hiện số hóa tài liệu và xây dựng CSDL toàn văn trên phần mềm thư viện số, gồm các tài liệu nội sinh như: luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ, đề tài nghiên cứu khoa học, bài của 12 tạp chí trong hệ thống Học viện (từ năm 2018 đến nay), các tài liệu dịch từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt, ấn phẩm Thông tin chuyên đề,... với số lượng 19.450 biểu ghi toàn văn. Tuy nhiên đối với luận án, luận văn, đề tài nghiên cứu khoa học, Thư viện mới đưa 17 trang đầu lên thư viện số, chưa đưa toàn văn. Bên cạnh đó, các tác phẩm kinh điển như: V.I.Lênin toàn tập, Hồ Chí Minh toàn tập, Văn kiện Đảng toàn tập cũng được đưa lên thư viện số để bạn đọc tra cứu trực tuyến.

Từ năm 2018, Thư viện Học viện đã mua tài khoản truy cập online Bản tin Thông tấn xã Việt Nam phục vụ Ban Giám đốc, cán bộ lãnh đạo cấp Vụ, Viện của Học viện và phục vụ bạn đọc đọc trực tuyến. Từ năm 2021, Thư viện mua quyền truy cập CSDL của Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia, gồm: CSDL toàn văn về tài liệu khoa học và công nghệ Việt Nam, do Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia xây dựng và cập nhật từ năm 1987; CSDL Proquest Central là bộ CSDL lớn bao gồm 25 CSDL đa ngành, xử lý trên 19.000 tạp chí nước ngoài, trong đó hơn 13.000 tạp chí toàn văn. Ngoài ra, thư viện còn đưa lên thư viện số một số cuốn sách điện tử từ nguồn biếu tặng, mua quyền truy cập 04 tạp chí tiếng Anh dạng điện tử, mua bản điện tử các tài liệu dịch từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt của Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam.

Bên cạnh Thư viện Học viện Trung tâm, các Trung tâm Thông tin khoa học của các Học viện trực thuộc là những mắt khâu quan trọng trong việc đáp ứng văn hoá đọc của học viên. Hiện nay, các Trung tâm Thông tin khoa học tại các Học viện trực thuộc đã xây dựng được số lượng tài liệu khá phong phú và đa dạng.

Bảng 2.4: Số lượng tài liệu tại Trung tâm Thông tin khoa học Học viện Chính trị Khu vực I

| 1. Tài liệu giấy | Số lượng (tên tài liệu) | Số lượng (bản) |
|---|--|-----------------------|
| Giáo trình | 182 | Hơn 2.500 |
| Sách tham khảo, chuyên khảo | Khoảng 10.000 | Hơn 30.0000 |
| Sách tra cứu | Khoảng 30 | Hơn 3.000 |
| Khoá luận cử nhân chính trị (Lào) | 164 | 164 |
| Luận văn CCLLCT | 233 | 233 |
| Đề án CCLLCT | 3.723 | 3.723 |
| Luận văn thạc sĩ | 1.018 | 1.018 |
| Luận án tiến sĩ | 08 | 08 |
| Đề tài nghiên cứu khoa học | 290 | 290 |
| Báo | 20 | 40 |
| Tạp chí (2 năm gần đây) | 80 | Khoảng 3.000 |
| Tài liệu khác:..... | | |
| 2. Tài liệu điện tử | | |
| <i>Cơ sở dữ liệu nội sinh</i> | Biểu ghi thư mục | Biểu ghi toàn văn |
| CSDL Sách | 771 | 771 |
| CSDL Luận văn, luận án, khoá luận | 915 | 915 |
| CSDL Đề tài nghiên cứu khoa học | 54 | 54 |
| CSDL Ấn phẩm nội sinh | 115 | 115 |
| Sách điện tử | Giáo trình: 66 tên | |
| <i>Cơ sở dữ liệu truy cập bên ngoài</i> | Sử dụng các CSDL miễn phí: IGLibrary, Proquest | |

Nguồn: Số liệu thống kê của Trung tâm Thông tin khoa học Học viện Chính trị khu vực I vào tháng 12 năm 2022

Bảng 2.5: Số lượng tài liệu tại Trung tâm Thông tin khoa học Học viện Chính trị Khu vực II

| 1. Tài liệu giấy | Số lượng (tên tài liệu) | Số lượng (bản) |
|------------------------------|------------------------------------|-----------------------|
| Giáo trình | 400 | 2.476 |
| Sách tham khảo, chuyên khảo | 13.200 | 29.000 |
| Sách tra cứu | 500 | 60.000 |
| Luận văn thạc sĩ | 161 | 161 |
| Luận án tiến sĩ, phó tiến sĩ | 20 | 20 |
| Thông tin chuyên đề | 259 | 309 |
| Đề tài nghiên cứu khoa học | 268 | 276 |
| Báo | 3 | 720 |
| Tạp chí | 68 | 2.448 |
| 2. Tài liệu điện tử | Không có | |

Nguồn: Số liệu thống kê của Trung tâm Thông tin khoa học Học viện Chính trị khu vực II vào tháng 12 năm 2022

Nhìn chung, nguồn tài nguyên thông tin của các Trung tâm Thông tin khoa học Học viện trực thuộc chủ yếu là sách, báo và tạp chí; nguồn tài liệu nội sinh chủ yếu là các luận văn cử nhân, đề án của hệ cao cấp lý luận, đề tài khoa học cơ sở; các tài liệu luận án tiến sĩ, đề tài cấp bộ còn rất hạn chế hoặc chưa có.

Nhìn một cách tổng thể, vốn tài liệu dạng truyền thống của thư viện Học viện, đặc biệt là tài liệu lý luận chính trị rất phong phú, đa dạng, bao quát đầy đủ các lĩnh vực Học viện đang nghiên cứu và giảng dạy, đáp ứng tương đối tốt nhu cầu tin của học viên, hỗ trợ đắc lực cho công tác giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học. Tuy nhiên, tài liệu dạng điện tử còn hạn chế nên chưa đáp ứng tốt nhu cầu đọc trực tuyến của học viên trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay. Qua khảo sát cho thấy, đối với thư viện Học viện Trung tâm, 75% học viên cho rằng vốn tài liệu đã đáp ứng tốt nhu cầu đọc của học viên, 24.4% học viên cho rằng đáp ứng một phần, chỉ có 0.6% học viên đánh giá ở mức chưa đáp ứng. Đối với thư viện Học viện trực thuộc, học viên đánh giá ở mức độ thấp hơn so với thư viện Học viện Trung tâm: 65% học viên cho rằng vốn tài liệu đã đáp ứng tốt nhu cầu đọc của học viên, 33.5% học viên cho rằng đáp ứng một phần, 1.5% học viên đánh giá ở mức chưa đáp ứng [Phụ lục 2, Bảng 2.27]. Qua phỏng vấn, đa số học viên và giảng viên đề xuất thư viện nên phát triển thêm nguồn tài liệu điện tử để bạn đọc có thể đọc trực tuyến [Phụ lục 9, Phụ lục 10].

Hoạt động tuyên truyền, hỗ trợ học viên

Để giúp đỡ, hướng dẫn học viên tiếp cận nhanh chóng tới nguồn tài liệu, từ đó kích thích nhu cầu đọc của học viên, thư viện Học viện đã tổ chức các dịch vụ: Dịch vụ hỏi - đáp thông tin; Dịch vụ tìm tin theo chuyên đề; Dịch vụ cung cấp bản sao tài liệu gốc; Dịch vụ tìm tin có chọn lọc; Biên soạn thư mục thông báo tài liệu mới, thư mục chuyên đề, giới thiệu sách dưới dạng bản điện tử hoặc video đưa lên website; Tổ chức trưng bày, triển lãm sách theo chủ đề nhân dịp các ngày lễ lớn hoặc các sự kiện trọng đại của đất nước, của Học viện, nhân ngày Sách và Văn hóa đọc Việt Nam; Tổ chức Tủ sách Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; Tổ chức Không gian lan tỏa văn hóa đọc tại thư viện (nơi thường xuyên diễn ra hoạt động trao tặng sách giữa thư viện với bạn đọc). Các hoạt động này đã góp phần giới thiệu, quảng bá các xuất bản phẩm hay, có giá trị khoa học và thực tiễn tới đông đảo cán bộ, học viên; tăng cường xây dựng môi trường trao đổi học thuật, đổi mới sáng tạo và phát triển không gian văn hóa Trường Đảng; tuyên truyền, phát triển văn hóa đọc sách lý luận

chính trị trong đội ngũ cán bộ và học viên của Học viện; góp phần triển khai thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII về xây dựng, phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam; góp phần xây dựng đời sống văn hóa tinh thần, phát huy những giá trị đạo đức, truyền thống hiếu học của dân tộc Việt Nam.

Nhằm giới thiệu cho học viên các sản phẩm và dịch vụ thông tin của thư viện, hướng dẫn họ cách khai thác tài liệu phục vụ nghiên cứu và học tập, vào đầu khóa học, thư viện có chương trình giới thiệu về thư viện và hướng dẫn học viên phương pháp, kỹ năng khai thác tài liệu bằng cả phương thức truyền thống và hiện đại. Hoạt động này rất có ý nghĩa, góp phần thu hút học viên đến thư viện. Tuy nhiên, hoạt động này mới chỉ thực hiện đối với đối tượng là học viên cao cấp lý luận chính trị hệ tập trung, chưa thực hiện đối với các đối tượng học viên khác.

Bên cạnh các sản phẩm và dịch vụ thông tin, tinh thần, thái độ phục vụ của cán bộ thư viện cũng là một trong những yếu tố tác động đến văn hóa đọc của học viên. Theo quan sát của tác giả, nhìn chung cán bộ thư viện trong hệ thống Học viện có thái độ thân thiện, nhiệt tình hỗ trợ học viên trong quá trình đọc tài liệu. Kết quả khảo sát cho thấy, 86.1% học viên cho biết cán bộ thư viện đã hướng dẫn, giúp đỡ họ tìm tài liệu. Ngoài ra, cán bộ thư viện còn trao đổi với học viên về cách đọc hiệu quả (31.5%), trao đổi về những điều đã đọc (14.2%). Tuy nhiên, vẫn còn một số ý kiến cho rằng, cán bộ thư viện chưa có sự trợ giúp kịp thời khi học viên đến tìm đọc tài liệu tại thư viện (6.9%) [Phụ lục 2, Bảng 2.30]. Về mức độ đáp ứng của cán bộ thư viện ở Học viện Trung tâm, 83.2% học viên đánh giá ở mức đáp ứng tốt, 16.3% học viên đánh giá ở mức đáp ứng một phần, 0.5% học viên đánh giá ở mức chưa đáp ứng. Đối với cán bộ thư viện Học viện trực thuộc, 80% học viên đánh giá ở mức đáp ứng tốt, 19.4% học viên đánh giá ở mức đáp ứng một phần, 0.6% học viên đánh giá ở mức chưa đáp ứng [Phụ lục 2, Bảng 2.27].

Qua đánh giá của học viên cho thấy, cán bộ thư viện của Học viện cơ bản có trình độ, năng lực, tinh thần trách nhiệm trong công việc, đã đáp ứng tốt nhu cầu đọc của học viên thông qua việc phục vụ và trao đổi với họ.

2) Hệ thống cơ quan báo chí, xuất bản, phát hành sách trong Học viện

Bên cạnh hệ thống thư viện, hệ thống báo chí, xuất bản, phát hành sách của Học viện là kênh cung cấp thông tin chính thống cho học viên trong quá trình nghiên cứu, học tập tại Học viện.

Hệ thống cơ quan báo chí

Học viện có hệ thống các đơn vị nghiên cứu, giảng dạy lý luận chính trị, khoa học lãnh đạo, quản lý và khoa học xã hội và nhân văn, thông tin khoa học có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục quốc gia. Gắn với đó là các cơ quan báo chí, một cấu phần quan trọng của một cơ quan nghiên cứu, đào tạo. Tạp chí khoa học thể hiện vị thế, uy tín khoa học và là nhịp cầu tri thức giữa các nhà khoa học với độc giả, giữa giảng viên và học viên, là cầu nối giữa lý luận và thực tiễn.

Tính đến tháng 5-2023, Học viện đã có 13 tạp chí; 06 bản tin và 04 trang thông tin điện tử. Các tạp chí Học viện thuộc nhóm báo chí Trung ương, vừa là cơ quan lý luận chính trị vừa là tạp chí khoa học chuyên ngành. Hầu hết các tạp chí xuất bản 01 ấn phẩm in tiếng Việt, có một số tạp chí xuất bản 2 hoặc 3 ấn phẩm là tạp chí in tiếng Việt, tiếng Anh, và tạp chí điện tử. Hệ thống tạp chí, bản tin của Học viện đăng tải nhiều bài viết nghiên cứu, trao đổi, cụ thể hoá đường lối, nghị quyết của Đảng, đưa chính sách, pháp luật vào cuộc sống, chia sẻ những mô hình, cách làm hay tại các địa phương. Đây là những thông tin khoa học rất thiết thực và hữu ích đối với học viên.

Các tạp chí Học viện đóng góp tích cực vào công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nghiên cứu khoa học, công tác tư tưởng lý luận, thông tin, tuyên truyền, giáo dục chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thông tin, phản ánh các thành tựu nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn của Học viện, của cả nước; bảo vệ nền tảng tư tưởng lý luận của Đảng, đấu tranh, phê phán các quan điểm sai trái, thù địch.

Các tạp chí luôn chú trọng đăng tải các bài viết có nội dung liên quan đến các vấn đề Học viện đang nghiên cứu, giảng dạy, là nguồn tài liệu tham khảo hữu ích cho học viên trong quá trình nghiên cứu, học tập tại Học viện. Thông qua các tạp chí, học viên không chỉ được cung cấp những kiến thức nền tảng về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, những thông tin chính thống về đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước mà còn được cập nhật những thông tin mới, đa chiều về những vấn đề lý luận và thực tiễn, có giá trị tham khảo khi tham gia xây dựng, hoạch định đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Đặc biệt là, hệ thống các tạp chí, bản tin của Học viện nói chung và các ấn phẩm thông tin của Viện Thông tin khoa học nói riêng đã đăng tải các bài viết làm rõ những điểm mới

trong các Văn kiện, Nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; cung cấp những vấn đề lý luận và kinh nghiệm thực tiễn của các nước trên thế giới nhằm luận chứng những luận cứ khoa học, tính đúng đắn của các đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, củng cố thêm kiến thức và niềm tin cho các học viên - các nhà lãnh đạo, quản lý của đất nước.

Bên cạnh đó, trong bối cảnh các thế lực thù địch luôn tìm mọi cách chống phá Đảng, Nhà nước ta, công tác đấu tranh trên mặt trận tư tưởng lý luận nhằm bảo vệ nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng diễn ra ngày càng khốc liệt, đã và đang đặt ra nhiều yêu cầu mới đối với công tác báo chí, xuất bản. Trong bối cảnh đó, thông tin khoa học lý luận chính trị tại Học viện đã trực tiếp cung cấp nhiều thông tin chuyên ngành, chính thống, được thực hiện qua các khâu kiểm duyệt chặt chẽ về các vấn đề chính trị - xã hội, mang tính Đảng, tính giai cấp và tính nhân dân sâu sắc. Những thông tin này có vai trò vô cùng quan trọng giúp các học viên có được những thông tin tham khảo cần thiết trước khi đưa ra các quan điểm, luận cứ sắc bén, hợp lý nhằm bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới.

Hiện nay, Học viện đào tạo đại học và sau đại học hàng chục ngành/ chuyên ngành. Trong đó, hầu hết các ngành/chuyên ngành mà Học viện đào tạo đều có tạp chí được Hội đồng Giáo sư Nhà nước tính điểm công trình khoa học cho điểm chuyên ngành. Các tạp chí Học viện là diễn đàn để học viên đăng tải nội dung các công trình nghiên cứu của mình, tạo môi trường khuyến khích học viên nghiên cứu, đọc tài liệu để viết bài.

Cơ quan xuất bản, phát hành sách

Ngày 20-10-2003, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 650/QĐ-HVCTQG thành lập Nhà xuất bản Lý luận chính trị. Nhà xuất bản Lý luận chính trị có các nhiệm vụ xuất bản và phát hành sách, tài liệu phục vụ giảng dạy và học tập của Học viện và các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các trường cán bộ của bộ, ngành, đoàn thể Trung ương; sách, tài liệu phục vụ nghiên cứu khoa học của Học viện; các xuất bản phẩm khác có nội dung chuyên ngành về lý luận chính trị, khoa học hành chính, quản lý nhà nước và các khoa học xã hội và nhân văn có liên quan; lịch và văn hóa phẩm khác; các xuất bản phẩm và ấn phẩm do Học viện và cơ quan khác đặt hàng phục vụ nhiệm vụ chính trị đột xuất.

Nhận thức rõ vai trò của xuất bản sách lý luận chính trị trong thực hiện công tác tư tưởng của Đảng, trong những năm qua, Nhà xuất bản Lý luận chính trị chú trọng xuất bản sách lý luận chính trị, bao gồm: Giáo trình, tài liệu phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; tài liệu tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối đổi mới của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tài liệu trực tiếp đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch.

Trong những năm gần đây, việc biên soạn giáo trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng luôn được Học viện xác định là nhiệm vụ trọng tâm đối với hoạt động đào tạo, bồi dưỡng; nghiên cứu khoa học của Học viện. Học viện đã bổ sung nội dung mới mang tính thực tiễn, hiện đại để xuất bản Bộ Giáo trình Cao cấp lý luận chính trị sử dụng thống nhất trong toàn hệ thống Học viện và các cơ sở đào tạo của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an. Học viện đã hoàn thành việc bổ sung, cập nhật 19 bộ giáo trình cao cấp lý luận chính trị và biên soạn mới 10 giáo trình trung cấp lý luận chính trị, tài liệu bồi dưỡng đối tượng 3, đối tượng 4 theo hướng quán triệt sâu sắc Nghị quyết, văn kiện của Đại hội XIII của Đảng và bám sát các vấn đề thực tiễn mới trong nước và quốc tế. Đây là nguồn tài liệu hữu ích, cung cấp cho học viên những kiến thức nền tảng trong quá trình học tập, nghiên cứu tại Học viện.

Bên cạnh nhiệm vụ xuất bản, Nhà xuất bản có 01 cửa hàng sách tại Học viện trung tâm nhằm giới thiệu, cung cấp các loại sách của Nhà xuất bản tới học viên. Tại đây học viên có thể mua những cuốn sách do Nhà xuất bản Lý luận chính trị xuất bản.

2.3.3. Yếu tố khoa học công nghệ

Với sự phát triển của công nghệ thông tin và truyền thông, tài liệu được xuất bản dưới dạng điện tử ngày càng phổ biến. Bên cạnh tài liệu giấy, học viên Học viện có thể đọc tài liệu điện tử ở những định dạng khác nhau và bằng các thiết bị khác nhau: máy tính cá nhân, máy tính bảng, điện thoại di động, thiết bị kỹ thuật số chuyên dụng cho việc đọc (máy đọc sách điện tử,... Công nghệ thông tin và truyền thông phát triển đã giúp học viên có cơ hội tiếp cận các nguồn thông tin phong phú (siêu văn bản, hình ảnh, video,...) và tham gia trao đổi thông tin trong môi trường số. Tuy nhiên, với sự phát triển công nghệ thông tin và truyền thông, số lượng thông tin không ngừng tăng lên theo cấp số nhân với các định dạng tài liệu khác nhau, chất lượng thông tin và các nguồn tin khác nhau. Thực tế trên mạng hiện nay

có không ít những thông tin giật gân, chỉ mang tính chất mua vui, câu like, câu view, những thông tin vô bổ, không chính thống và độc hại hướng người đọc đến những suy nghĩ lệch lạc, có nguy cơ “tự diễn biến” khi tiếp cận các thông tin này. Sự bùng nổ xuất bản và thông tin mạng khiến học viên đứng trước khối lượng sách báo, thông tin khổng lồ và đa chiều. Nếu không có khả năng lựa chọn, gạn lọc những thông tin cần thiết, phù hợp với nhu cầu đọc của bản thân thì dẫn đến những hệ quả của việc nhiễu thông tin khiến học viên mất đi định hướng cho việc đọc, không nâng cao được năng lực của bản thân mà còn làm suy thoái dần về mặt đạo đức. Vì vậy, đòi hỏi học viên phải hết sức tinh táo và thông minh trong việc lựa chọn các thông tin để tiếp cận. Học viên Học viện cần tự nâng cao khả năng “tự miễn dịch”, chống tự diễn biến trước các thông tin sai trái, phản động của các thế lực thù địch, phải có kỹ năng đọc nâng cao vượt xa những gì cần thiết để hiểu một văn bản giấy truyền thống. Các kỹ năng đó bao gồm: kỹ năng tìm kiếm và điều hướng để chọn các trang web và siêu liên kết có liên quan mà tránh bị lạc trong không gian rộng; tích hợp nhiều phần thông tin và nhiều định dạng trình bày thông tin (văn bản từ các trang web khác nhau, văn bản và hình ảnh động); đánh giá thông tin (ví dụ: đánh giá mức tin cậy của thông tin trên một trang web và đánh giá chất lượng của một bình luận từ một mạng xã hội).

Hiện nay, thư viện Học viện Trung tâm và thư viện Học viện Chính trị Khu vực I đang nỗ lực ứng dụng công nghệ thông tin để hiện đại hóa thư viện. Việc số hóa, xây dựng CSDL đã giúp học viên tra cứu tài liệu dễ dàng, thuận tiện. Vì vậy, tuy số lượng học viên đến thư viện ít đi nhưng số lượng học viên truy cập trực tuyến lại tăng lên.

2.3.4. Yếu tố cá nhân

Trong những năm gần đây, số lượng học viên học tập tại Học viện CTQG HCM ngày càng tăng, tính từ năm 2011 đến năm 2020 có 52.952 học viên hệ đào tạo cao cấp lý luận chính trị, 19.396 hệ đào tạo cử nhân, 6.412 thạc sĩ, 1.102 tiến sĩ, 26.675 học viên hệ bồi dưỡng các chức danh [24]. Trong thực tế, chủ thể văn hóa đọc của học viên Học viện bao gồm học viên của các hệ đào tạo tập trung, không tập trung ở các trình độ cao cấp, cử nhân, sau đại học, các lớp bồi dưỡng chức danh... Do giới hạn bởi điều kiện và thời gian của một luận án tiến sĩ, nên trong luận án này chỉ tập trung vào ba đối tượng chính: học viên cao cấp lý luận chính trị, học viên cao học và học viên là nghiên cứu sinh của hệ đào tạo tập trung.

Về độ tuổi, những năm gần đây số lượng học viên học tập tại Học viện ngày càng được trẻ hoá. Kết quả khảo sát cho thấy, học viên ở độ tuổi từ 41-50 chiếm 49,9%, 30-40 tuổi chiếm 42%, dưới 30 tuổi chiếm 5,1% và trên 51 tuổi chỉ chiếm 3% [Phụ lục 2, Bảng 2.1]. Như vậy, đa phần học viên có độ tuổi trung niên. Đây là lứa tuổi trưởng thành cả về thể chất lẫn nhân cách, là độ tuổi có đủ độ chín trong nhận thức cũng như kinh nghiệm thực tiễn, cho nên khả năng tự học, tiếp thu thông tin, áp dụng và sử dụng thông tin đọc được khá tốt.

Về nghề nghiệp, học viên trong Học viện là những cán bộ đang công tác tại các cơ quan Đảng, Nhà nước, lực lượng vũ trang, doanh nghiệp nhà nước, đoàn thể chính trị - xã hội, hưởng lương từ ngân sách nhà nước. Họ là những cán bộ có ít nhất 2 năm kinh nghiệm công tác trên các lĩnh vực nên họ là những người có kiến thức thực tiễn khá phong phú. Theo kết quả khảo sát, học viên là giảng viên của các trường đại học, trường chính trị chiếm 38.2%, học viên là cán bộ công tác tại các cơ quan, ban, ngành khác từ Trung ương đến địa phương chiếm 61.8% [Phụ lục 2, Bảng 2.1]. Yêu cầu thực tiễn luôn đòi hỏi họ phải thường xuyên cập nhật kiến thức cả về lý luận và thực tiễn để xử lý kịp thời những vấn đề phát sinh trong thực tiễn công tác mà mình phụ trách. Đọc tài liệu chính là một trong những phương thức cập nhật phổ biến mà học viên thường sử dụng trước khi đến Học viện CTQGHCM học tập. Do công tác ở nhiều lĩnh vực, ngành nghề khác nhau nên nhu cầu đọc của họ khá phong phú và đa dạng cả về nội dung và hình thức đọc.

Kết quả khảo sát cho thấy, nghề nghiệp, yêu cầu của công việc có ảnh hưởng rất lớn tới việc đọc của học viên, xếp thứ hai trong các yếu tố ảnh hưởng với giá trị trung bình 4.11/5 [Phụ lục 2: Bảng 2.28].

Về địa vị xã hội, chính trị, do yêu cầu tuyển sinh nên so với các cơ sở đào tạo khác trên cả nước, học viên của Học viện là cán bộ lãnh đạo, quản lý chiếm tỷ lệ cao (71.3%) [Phụ lục 2: Bảng 2.1]. Đa số họ là những cán bộ có năng lực, có tín nhiệm, là những cán bộ chủ chốt, cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ nguồn trong diện quy hoạch được cơ quan cử đi học. Hiện tại và trong tương lai đa số họ sẽ trở thành những nhà quản lý, nhà lãnh đạo ở các Ban, Ngành, địa phương trên cả nước. Nhiệm vụ của họ đòi hỏi họ phải đề xuất, quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền của mình, đồng thời, chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức cấp dưới thực hiện những vấn đề đó. Việc đọc sách báo sẽ giúp cho họ hiểu biết sâu rộng về tất cả các lĩnh

vực, mở rộng tầm nhìn, nâng cao tầm tư duy chiến lược, giúp cho họ đưa ra được những quyết định đúng đắn trong công tác quản lý, trong việc hoạch định chính sách. Hầu hết học viên là đảng viên, đã ít nhiều trải qua thực tiễn công tác Đảng và là hạt nhân tiêu biểu ở các đơn vị công tác. Họ là những người đã có những kỹ năng, năng lực quản lý nhất định, có tác phong đĩnh đạc, đúng mực trong quá trình xử lý các mối quan hệ. Những yếu tố nêu trên là những điều kiện thuận lợi để xây dựng và phát triển văn hóa đọc trong Học viện CTQG HCM nói riêng và trên cả nước nói chung.

Về trình độ học vấn, học viên Học viện có trình độ khá đồng đều. Hầu hết đã có ít nhất một bằng đại học chuyên ngành được cấp trong nước hoặc ở nước ngoài, một số đã là Thạc sĩ, Tiến sĩ, Phó Giáo sư....

Kết quả khảo sát cho thấy, học viên có trình độ tiến sĩ chiếm 2,0%, thạc sĩ chiếm 32,1%, cử nhân 65,9% [Phụ lục 2, Bảng 2.1]. Như vậy, học viên Học viện CTQG HCM đều là những cán bộ đã có trình độ lý luận nhất định. Vì vậy, họ có khả năng phát hiện và giải quyết các vấn đề đặt ra từ thực tiễn, có khả năng phân tích, tổng hợp thông tin tốt. Phong văn hóa của họ là yếu tố thuận lợi cho quá trình lựa chọn và tiếp thu nội dung tài liệu.

Qua khảo sát, đa số học viên cho rằng, trình độ, kinh nghiệm chuyên môn có ảnh hưởng tới việc đọc của họ (giá trị trung bình 4.02/5) [Phụ lục 2: Bảng 2.28].

Trình độ ngoại ngữ, kết quả khảo sát cho thấy có 59% học viên tự đánh giá có trình độ ngoại ngữ ở mức trung bình, 23% là khá, 10,1% là kém, chỉ có 7,9% ở mức tốt [Phụ lục 2, Bảng 2.1].

Học viên Học viện phần lớn học viên thuộc thế hệ 7x, 8x, nhiều người công tác ở các tỉnh xa, ít có điều kiện sử dụng ngoại ngữ nên nếu so với sinh viên thế hệ “Gen Z” đang học tại các trường đại học thì trình độ ngoại ngữ của học viên Học viện CTQG HCM có phần thua thiệt. Đây cũng là một khó khăn trong việc tiếp cận và đọc tài liệu nước ngoài.

Trình độ tin học, kết quả khảo sát cho thấy: 58,7% học viên đánh giá trình độ tin học ở mức khá, 23,5% ở mức trung bình, 17,1% ở mức tốt, 0,7% ở mức kém [Phụ lục 2, Bảng 2.1].

Như vậy, nếu so sánh với ngoại ngữ thì trình độ tin học của học viên Học viện khá hơn. Đây là một thuận lợi để học viên sử dụng các thiết bị hiện đại trong

quá trình đọc. Tuy nhiên, tần suất thay đổi của khoa học công nghệ hiện nay rất nhanh, vì vậy, học viên cần thường xuyên cập nhật những tiến bộ của khoa học công nghệ để khai thác hiệu quả ưu thế của những thành tựu thời kỳ công nghiệp 4.0 trong hoạt động đọc của mình.

Về điều kiện kinh tế, học viên Học viện là những người đã có công việc ổn định, đa số có mức thu nhập khá, từ 5 đến 10 triệu đồng/tháng chiếm 51,9%, trên 10 triệu đồng/tháng chiếm 46,1%, dưới 5 triệu đồng 2% [Phụ lục 2, Bảng 2.1]. Trong khi đó, kinh phí đào tạo được Nhà nước trợ cấp, chỗ ở kí túc xá đảm bảo các điều kiện học tập, rèn luyện, có kết nối mạng Internet... Đây là những điều kiện thuận lợi để học viên có thể áp dụng nhiều phương thức đọc khác nhau, như đọc tài liệu có sẵn của Học viện CTQG HCM hoặc có thể mua thêm các tài liệu hoặc tài khoản để truy cập vào các cơ sở dữ liệu (CSDL) tài liệu số.

Bên cạnh những thuận lợi nêu trên, học viên Học viện cũng có những khó khăn. Chẳng hạn như: Việc chuyển đổi từ trạng thái công việc mang tính chủ động sang trạng thái học tập theo giờ giấc và theo kế hoạch; chuyển đổi từ vị trí cán bộ lãnh đạo, quản lý sang vị trí học viên; sự thay đổi về thời gian, về môi trường sinh hoạt (ăn, nghỉ, cư trú)... đã ít nhiều ảnh hưởng đến tâm lý của bản thân. Hoặc phần lớn học viên khi đi học đều giữ vị trí trọng trách trong cơ quan (cán bộ lãnh đạo, chuyên viên chính...), đã và đang theo dõi, triển khai cùng lúc nhiều công việc, có thể liên quan đến nhiều lĩnh vực, nhiều ban ngành... Cho nên, khó có thể bàn giao toàn bộ công việc ngay lập tức cho người khác. Nghĩa là, học viên dù đi học vẫn cần có sự trao đổi, thông tin để cùng với cơ quan xử lý các công việc đang triển khai. Bởi vậy, ngoài thời gian chính dành cho học tập, họ vẫn phải dành thời gian xử lý các công việc còn tồn đọng ở cơ quan. Đây là một trong những nguyên nhân mà học viên dành thời gian cho việc đọc ít hơn mong muốn của chính họ. Và cuối cùng, phần lớn học viên khi đến Học viện học tập đều đã có gia đình riêng, việc đi học phải xa gia đình (đối với học viên ngoại tỉnh) cũng phần nào ảnh hưởng đến tâm lý của học viên với trách nhiệm người vợ, người chồng, người cha, người mẹ, đặc biệt là những học viên nữ có con nhỏ.

2.4. ĐÁNH GIÁ CHUNG

2.4.1. Về văn hóa đọc của học viên Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

2.4.1.1. Ưu điểm

Về giá trị đọc, kết quả nghiên cứu cho thấy, đa số học viên xác định mục đích đọc đúng đắn của bản thân, đó là đọc để có tri thức phục vụ cho việc học tập,

phục vụ cho công việc, cho nghiên cứu khoa học và giải trí. Động lực chính thúc đẩy học viên duy trì văn hóa đọc là sự phát triển kỹ năng phân tích và phân biệt các vấn đề chính trị, văn hóa, xã hội. Do công tác ở nhiều ngành nghề khác nhau nên nhu cầu đọc của học viên khá phong phú, đa dạng. Tuy nhiên, xuất phát từ nhiệm vụ của Học viện là đào tạo cán bộ lãnh đạo, quản lý về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; về khoa học chính trị và các khoa học xã hội nhân văn khác, vì vậy, tài liệu khoa học xã hội và nhân văn, đặc biệt là tài liệu lý luận chính trị, về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; về khoa học chính trị; tài liệu về khoa học lãnh đạo, quản lý là những tài liệu được học viên tiếp nhận, lan tỏa và chia sẻ trong quá trình học tập và rèn luyện tại Học viện CTQGHCM, đây là giá trị phổ quát mang tính bản sắc riêng của Trường Đảng nói chung và văn hóa đọc của học viên nói riêng so với cơ sở đào tạo khác, trong khi các tài liệu về lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật ít phổ biến hơn. Hầu hết học viên đều có trình độ từ cử nhân trở lên, đã được trang bị những kiến thức nền tảng ở bậc đại học, vì vậy, loại tài liệu họ quan tâm không phải là tài liệu cung cấp những kiến thức phổ thông mà là những tài liệu mang tính tổng hợp, chuyên sâu, có hàm lượng giá trị khoa học cao như sách tham khảo, sách chuyên khảo,...

Hầu hết học viên nhận thức được tầm quan trọng của văn hóa đọc đối với việc phát triển tư duy và nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý. Việc đọc đã mang lại nhiều ý nghĩa quan trọng đối với học viên, giúp học viên phát triển toàn diện bản thân, đạt kết quả tốt trong học tập, thành công trong công việc và có cuộc sống hạnh phúc hơn. Quan trọng nhất là học viên biết vận dụng vào thực tiễn những nội dung đã đọc để hoàn thiện bản thân, phát triển công việc và cải thiện cuộc sống của chính họ. Với thể mạnh của mình, họ đã phát huy vai trò quan trọng trong việc lan tỏa văn hóa đọc trong cộng đồng thông qua việc tích cực chia sẻ thông tin đọc được với bạn bè, đồng nghiệp, giảng viên, người thân trong gia đình, thông qua các hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học, đăng tải bài viết trên tạp chí, trên Internet.

Về chuẩn mực đọc, hầu hết học viên có thói quen đọc lành mạnh. Do ít có thời gian đến thư viện, bên cạnh tài liệu dạng giấy, học viên có xu hướng sử dụng tài liệu điện tử nhiều hơn. Họ sử dụng nhiều loại phương tiện, thiết bị để

đọc, bao gồm cả truyền thống và hiện đại, trong đó điện thoại di động và máy tính cá nhân là phương tiện được sử dụng nhiều nhất. Là những người đã có nền tảng kiến thức cơ bản cùng với kinh nghiệm thực tiễn phong phú, học viên Học viện là những người độc lập, tự chủ trong suy nghĩ, có khả năng đánh giá, lựa chọn tài liệu cần đọc, biết định hướng nguồn tài liệu cần thiết cho bản thân, không bị ảnh hưởng bởi xu hướng đọc theo phong trào, biết vận dụng các phương pháp đọc phù hợp để củng cố và đào sâu những nội dung trong tài liệu, có khả năng tiếp nhận tối đa và sâu sắc nội dung tài liệu.

Học viên có hành vi ứng xử văn hóa với tài liệu và môi trường đọc. Đa số học viên có ý thức nâng niu, trân trọng, giữ gìn tài liệu; biết cách sắp xếp tài liệu cẩn thận, ngăn nắp, khoa học để dễ dàng bảo quản và sử dụng tài liệu. Đa phần học viên đều có thái độ nghiêm túc trong quá trình đọc, có ý thức giữ gìn không gian đọc; ứng xử hòa nhã, lịch sự, chuẩn mực khi giao tiếp với thủ thư và bạn đọc khác; chấp hành nghiêm túc nội quy, quy định của thư viện. Học viên có nhận thức tương đối tốt về vấn đề bản quyền và sở hữu trí tuệ, tôn trọng bản quyền tác giả và sở hữu trí tuệ, thực hiện nghiêm túc các quy định về trích dẫn khoa học.

So với sinh viên đại học nói chung, văn hóa đọc của học viên HVCTQGHCN có một số điểm khác biệt quan trọng do tính đặc thù của môi trường học tập và đặc điểm cá nhân học viên. Trước hết về nhận thức, học viên Học viện CTQGHCN có thể nhận thức rõ hơn về tầm quan trọng của văn hóa đọc đối với sự phát triển tư duy lý luận và năng lực lãnh đạo, quản lý. Văn hóa đọc được coi là yếu tố quan trọng để hoàn thiện bản thân, nâng cao kiến thức chính trị và chuẩn bị cho vai trò lãnh đạo trong tương lai. Đọc không chỉ để phục vụ học tập mà còn là trách nhiệm trong việc cập nhật và nắm bắt những thay đổi trong chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước để vận dụng vào công việc thực tiễn. Sinh viên đại học có thể chưa nhận thức sâu sắc được vai trò của văn hóa đọc đối với sự phát triển cá nhân và sự nghiệp trong tương lai. Đối với nhiều sinh viên, văn hóa đọc vẫn mang tính tự nguyện và gắn liền với sở thích cá nhân, thay vì một phần của quá trình học tập chuyên nghiệp hay sự nghiệp.

Văn hóa đọc của học viên tại Học viện CTQGHCN chủ yếu tập trung vào mục tiêu trau dồi tri thức lý luận chính trị và kỹ năng lãnh đạo, quản lý. Họ thường đọc các tài liệu phục vụ cho việc nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ

Chí Minh, đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, các khoa học chính trị, khoa học lãnh đạo, quản lý. Vì vậy, học viên thường tiếp cận các tài liệu mang tính chuyên sâu và học thuật hơn. Trong khi đó, sinh viên đại học thường có xu hướng đọc tài liệu đa dạng hơn, tùy thuộc vào chuyên ngành và sở thích cá nhân. Bên cạnh các tài liệu chuyên ngành, sinh viên thường đọc sách về văn hóa, xã hội, kỹ năng mềm, tiểu thuyết hoặc các lĩnh vực ngoài chương trình học để giải trí hoặc phát triển kỹ năng sống của bản thân. Mục đích đọc của sinh viên cũng khá linh hoạt, bao gồm cả việc tìm kiếm thông tin, giải trí và mở rộng tầm nhìn.

Loại tài liệu mà học viên Học viện CTQG HCM tiếp cận thường mang tính chuyên ngành sâu về lý luận chính trị. Các tài liệu này có thể là giáo trình, sách chuyên khảo, bài phát biểu của các lãnh đạo Đảng, các văn bản, nghị quyết của Đảng và Nhà nước. Việc đọc tập trung vào những tài liệu chính thống, giúp củng cố kiến thức lý luận và phục vụ cho công tác nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chính trị-xã hội. Đối với sinh viên, họ thường đọc các tài liệu phong phú hơn như giáo trình, sách tham khảo, sách văn học, sách khoa học phổ thông và tài liệu online, kể cả các tài liệu không chính thống từ mạng xã hội và các blog cá nhân.

Cách tiếp cận của học viên Học viện CTQG HCM thường mang tính hệ thống và có chiều sâu, tập trung vào việc đọc để phân tích, phản biện và xây dựng luận điểm, nhằm phục vụ cho việc thảo luận và học tập chính trị. Học viên thường đọc các tài liệu chính trị với mục tiêu hiểu sâu về lý luận, phân tích và đánh giá các vấn đề chính sách, tư tưởng. Cách tiếp cận này yêu cầu tư duy phản biện cao và việc đọc thường đi kèm với viết luận, nghiên cứu khoa học và thực hành chính trị. Trong khi đó, sinh viên có xu hướng đọc đa dạng và thoải mái hơn, với nhiều phương pháp khác nhau. Nhiều sinh viên tiếp cận việc đọc theo cách nhanh chóng, tóm tắt ý chính, hoặc chỉ đọc để phục vụ cho các kỳ thi. Bên cạnh đó, sinh viên cũng có xu hướng đọc theo sở thích cá nhân và ít chú trọng đến chiều sâu lý luận.

Do áp lực học tập và yêu cầu về nghiên cứu, học viên Học viện CTQG HCM có thể có tần suất đọc nhiều hơn so với sinh viên đại học, đặc biệt là đối với các tài liệu lý luận chính trị. Động lực đọc của họ thường xuất phát từ yêu cầu học tập, nghiên cứu và chuẩn bị cho công tác sau này. Tần suất đọc của sinh viên có thể không đều đặn, mà phụ thuộc vào nhu cầu cá nhân, lịch học và kỳ thi. Động lực đọc của sinh viên chủ yếu đến từ việc giải trí, mở rộng kiến

thức chuyên môn, hoặc theo sở thích - như là một hình thức thư giãn, khác với việc đọc tài liệu mang tính bắt buộc trong học tập.

Như vậy, văn hóa đọc của học viên Học viện CTQG HCM có xu hướng tập trung vào tri thức lý luận chính trị, với sự chuyên sâu và hệ thống hơn, nhằm phục vụ cho công tác lãnh đạo và quản lý và công tác chuyên môn. Trong khi đó, sinh viên đại học lại có xu hướng tiếp cận văn hóa đọc đa dạng hơn, linh hoạt và gắn liền với sở thích cá nhân cũng như nhu cầu giải trí.

2.4.1.2. Hạn chế và nguyên nhân của hạn chế

Hạn chế:

Bên cạnh những mặt tích cực, văn hóa đọc của học viên vẫn còn một số hạn chế như: Số học viên đọc với mục đích nghiên cứu khoa học chưa nhiều, nhu cầu đọc tài liệu ngoại văn của học viên chưa cao, thời gian dành cho việc đọc tài liệu chưa tương xứng với vị trí, vai trò của học viên. Học viên chưa có thói quen đọc tài liệu tại thư viện. Việc đọc tài liệu của một số học viên còn mang tính thụ động, chưa xuất phát từ nhu cầu tự thân, vẫn còn hiện tượng ngại đọc, lười đọc các tác phẩm kinh điển. Một số học viên chưa có kỹ năng tìm kiếm tài liệu. Trong ứng xử với tài liệu, một số ít học viên chưa chấp hành đúng việc trích dẫn tài liệu tham khảo khi viết tiểu luận. Còn có tình trạng học viên có hành vi làm ảnh hưởng đến nội dung và hình thức của tài liệu như: chèn thêm ghi chú vào trang tài liệu (7.9%), dùng bút đánh dấu những đoạn lưu ý (21.1%), gấp trang tài liệu (25.9%), cá biệt có tình trạng xé trang tài liệu mang về (0,67%) [Phụ lục 2, Bảng 2.22]. Chúng tôi cho rằng, hành vi này có thể chỉ là bột phát nhưng nó không chỉ vi phạm nghiêm trọng nội quy của thư viện, mà còn làm xấu đi hình ảnh văn hoá đọc của học viên và của Học viện, nên cần phải được chấm dứt ngay lập tức.

Nguyên nhân của hạn chế:

Thứ nhất, học viên đa số ở tuổi trung niên, đã có gia đình, họ là những cán bộ đang công tác ở các ban, ngành ở Trung ương và địa phương, không ít người là những cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt, vì vậy quỹ thời gian của họ tương đối bận, thời gian không chỉ dành hoàn toàn cho việc học tập như sinh viên các trường đại học mà còn bị chi phối bởi gia đình, công việc, các mối quan hệ xã hội khác. Vì vậy họ có ít thời gian đến các thư viện tìm đọc tài liệu. Trình độ ngoại ngữ của học viên chưa cao nên đã hạn chế việc đọc tài liệu nước ngoài của học viên.

Thứ hai, một số ít học viên chưa xác định đúng đắn động cơ học tập. Mục đích đi học của họ không phải để trau dồi kiến thức, nâng cao trình độ cho bản thân mà là do cần những văn bằng, chứng chỉ để đủ điều kiện chuyển ngạch bậc lương, quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ, v.v... Chính từ động cơ hạn hẹp này cộng với sự ngại học, lười học của một số ít cán bộ mà xuất hiện hiện tượng học qua loa, đại khái, trung bình chủ nghĩa, dẫn tới việc đọc tài liệu không xuất phát từ nhu cầu tự thân, mà chỉ tìm đọc tài liệu khi cần cho thi, kiểm tra, viết tiểu luận hay luận văn, đọc theo kiểu đối phó, chưa có thói quen, sự say mê hay chủ động trong việc đọc tài liệu. Chỉ khi nào người học nhận thức được rằng, học tập là nhu cầu của chính bản thân mình, của sự đòi hỏi của công việc, của nghề nghiệp mình đang và sẽ làm, thì mới có được tính chủ động trong học tập và rèn luyện. Từ đó, người học mới dành nhiều thời gian và tâm huyết cho việc đọc và nghiên cứu tài liệu.

Thứ ba, hiện nay, Học viện chưa có chiến lược về phát triển văn hóa đọc cho học viên trong toàn hệ thống Học viện. Hoạt động giáo dục văn hóa đọc tại Học viện chưa được quan tâm đúng mức. Các khóa đào tạo, giáo dục cho học viên về văn hóa đọc chưa trở thành mục tiêu trọng tâm được quan tâm trong chương trình đào tạo của Học viện.

Thứ tư, công tác thông tin - thư viện vẫn còn một số hạn chế, bất cập như: Nguồn lực thông tin của các thư viện trong hệ thống Học viện chủ yếu là tài liệu truyền thống (dạng giấy), số lượng tài liệu điện tử còn ít (vì theo Quy chế Hoạt động thư viện, Thư viện Học viện Trung tâm mới chỉ đưa 17 trang đầu, chưa đưa toàn văn các tài liệu nội sinh (luận văn, luận án, đề tài nghiên cứu khoa học) lên thư viện số. Vì vậy, việc đáp ứng nhu cầu đọc trực tuyến tài liệu của học viên còn hạn chế. Bên cạnh đó, vấn đề chia sẻ nguồn lực thông tin giữa các thư viện trong hệ thống Học viện và với các cơ quan thông tin - thư viện trong nước và quốc tế chưa được thực hiện, vì vậy chưa tạo điều kiện cho học viên được tiếp cận đến các nguồn thông tin một cách phong phú, đầy đủ nhất. Các sản phẩm và dịch vụ thông tin - thư viện chủ yếu là thông tin về tài liệu gốc, các sản phẩm thông tin có giá trị gia tăng cao, mang tính chiều sâu, khái quát và tổng kết khoa học, thích hợp với hoạt động nghiên cứu khoa học như tổng luận, tổng quan chuyên đề chưa được phát triển. Thư viện Học viện Chính trị Khu vực II có cơ sở vật chất, trang thiết bị nghèo nàn, lạc hậu. Các sản phẩm và dịch vụ thông tin đơn điệu, vẫn theo phương thức truyền

thống, vì vậy, hiệu quả phục vụ chưa cao. Hoạt động đào tạo kỹ năng tìm kiếm thông tin chưa thực sự hiệu quả. Thư viện chưa có nhiều hình thức tuyên truyền, quảng bá nguồn lực thông tin cũng như các sản phẩm và dịch vụ thông tin - thư viện tới học viên. Vì vậy số lượng học viên biết và sử dụng các sản phẩm, dịch vụ thông tin - thư viện còn khiêm tốn so với tổng số học viên trong toàn hệ thống Học viện.

Thứ năm, một số giảng viên còn thiên về sử dụng các phương pháp truyền thống, nặng về giảng lý thuyết và ít hoặc không đòi hỏi cao sự tương tác từ phía học viên, chỉ tập trung truyền đạt kiến thức hơn là rèn luyện năng lực tự thực hành, khả năng tự học, tư duy sáng tạo, tư duy độc lập cho học viên, không thường xuyên giới thiệu tài liệu cho học viên đọc, hoặc chưa chú ý đến việc kiểm tra, đánh giá việc đọc tài liệu của học viên. Vì vậy, việc đọc tài liệu của học viên chủ yếu phụ thuộc vào tính tự giác của từng học viên, chưa thực sự trở thành áp lực để bắt buộc học viên phải đọc, nghiên cứu tài liệu. Qua khảo sát, 1.3% học viên cho rằng, giảng viên không giới thiệu, hỗ trợ họ trong quá trình đọc tài liệu.

Với mong muốn trang bị cho người học một lượng kiến thức càng nhiều càng tốt để họ có thể có một nền tảng vững chắc khi ra trường, nên chương trình học tại Học viện, đặc biệt là chương trình cao cấp lý luận chính trị, mặc dù có nhiều đổi mới, song vẫn còn nặng về thời lượng các môn học. Hiện nay, trên thế giới, mục tiêu giáo dục nhấn mạnh vào kỹ năng xử lý vấn đề đặt ra trong cuộc sống hơn là tập trung vào việc làm đầy kiến thức đã có, do đó, phương pháp giảng dạy rất linh hoạt, dựa trên tinh thần phát huy vai trò của người học, tạo điều kiện tối đa cho người học có thể tự học, tự nghiên cứu. Một thống kê và so sánh cho thấy, thời gian học 4 năm đại học ở Mỹ là 1.380 giờ, trong khi ở Việt Nam là 2.138 giờ. Như vậy chương trình học ở Việt Nam dài hơn 60% so với Mỹ. Với thời gian học nhiều như vậy, người học khó tránh khỏi trạng thái luôn bị áp lực về việc hoàn thành các chương trình môn học, ít có thời gian để tự học, tự nghiên cứu. Ở Học viện hiện nay, chương trình học các hệ lớp vẫn gồm nhiều môn học, cụ thể như: Chương trình học cao học được thực hiện trong thời gian 18 tháng với số lượng 20 đến 25 môn học (tuỳ theo từng chuyên ngành); chương trình cao cấp lý luận được thực hiện trong thời gian 8 tháng gồm 20 môn học (thuộc 12 khối kiến thức). Các môn học nối tiếp nhau liên tiếp khiến học viên chủ yếu chỉ kịp đọc bài giảng, giáo trình, không có nhiều thời gian tự đọc, tự nghiên cứu thêm các tài liệu liên quan để mở rộng kiến

thức, đặc biệt là đọc theo kiểu tìm tòi, suy luận và nghiên cứu vấn đề. Chính vì vậy, không tránh khỏi tình trạng một số học viên sau khi tốt nghiệp lĩnh vực nào cũng biết nhưng lại không hiểu sâu về lĩnh vực nào. Qua kết quả phỏng vấn, một số học viên cho rằng, một trong những khó khăn trong việc tiếp cận tài liệu của họ là do lịch học trên lớp đã kín thời gian nên họ không có thời gian đọc tài liệu tại thư viện.

Thứ sáu, sự phát triển của các dịch vụ trên Internet khiến cho thời gian đọc tài liệu của học viên phần nào bị ảnh hưởng. Thực tế, không ít học viên vào mạng không phải để tìm kiếm, đọc tài liệu phục vụ cho việc học, mà vào mạng để lướt Facebook, Zalo, xem Youtube... Internet sẽ mang lại rất nhiều lợi ích cho học viên nếu biết sử dụng đúng cách. Ngược lại, nếu học viên không kiểm soát được bản thân, không biết cân đối giữa thời gian sử dụng Internet cho việc nghiên cứu, học tập với thời gian giải trí, học viên rất dễ bị lôi cuốn đến những thú vui khác mà bỏ qua việc đọc tài liệu.

2.4.2. Về các yếu tố ảnh hưởng đến văn hóa đọc của học viên Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Văn hóa đọc của học viên Học viện bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố, bao gồm cả môi trường xã hội (Yếu tố chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục, thể chế, thiết chế liên quan đến văn hóa đọc, khoa học công nghệ) và yếu tố cá nhân (độ tuổi, nghề nghiệp, trình độ,...).

Yếu tố chính trị là cơ sở nền tảng, có vai trò định hướng đối với văn hóa đọc của học viên. Yếu tố kinh tế giúp cho học viên có điều kiện sở hữu được các tài liệu, thông tin mong muốn. Yếu tố văn hóa, giáo dục là động lực củng cố, duy trì, lan tỏa văn hóa đọc trong học viên. Các yếu tố về thể chế tạo hành lang pháp lý để phát triển các thiết chế văn hóa đọc, đồng thời tác động trực tiếp đến văn hóa đọc của học viên. Yếu tố thiết chế và yếu tố khoa học công nghệ tạo cơ hội tiếp cận các nguồn thông tin đa dạng, phong phú và tham gia trao đổi thông tin rộng khắp, qua đó nâng cao chất lượng văn hóa đọc.

Trong các yếu tố trên, các yếu tố như: các quy định, yêu cầu của chương trình học, phương pháp giảng dạy của giảng viên, yêu cầu của công việc, trình độ, kinh nghiệm chuyên môn được học viên đánh giá có ảnh hưởng nhiều nhất đến văn hóa đọc của họ.

Học viện CTQG HCM là trung tâm quốc gia - trường Đảng cao cấp của Đảng Cộng sản Việt Nam, Học viện có nhiệm vụ đào tạo cán bộ lãnh đạo, quản lý về chủ

nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; về khoa học chính trị và các khoa học xã hội nhân văn khác. Đây yếu tố cơ sở nền tảng và giữ vai trò định hướng đối với văn hóa đọc của học viên Học viện. Đặc biệt, trong những năm gần đây, Học viện tăng cường đổi mới phương thức giảng dạy theo hướng phát huy tính chủ động, sáng tạo của người học. Nội dung khung chương trình, quy chế, quy định trong giảng dạy và học tập tại Học viện đòi hỏi học viên học phải phải tự nghiên cứu, đọc nhiều tài liệu. Môi trường giáo dục, cùng với triết lý giáo dục, phương châm hành động, mục tiêu, tầm nhìn, sứ mệnh của Học viện là những giá trị có vai trò định hướng toàn bộ các hoạt động của Học viện trong đó có các hoạt động liên quan đến văn hóa đọc của học viên.

Qua nghiên cứu thực trạng văn hóa đọc của học viên Học viện cho thấy, khoa học công nghệ là yếu tố có tác động không nhỏ đến văn hóa đọc của học viên. Sự phát triển của khoa học công nghệ kéo theo sự phát triển của các phương tiện truyền thông mới, nhất là Internet đã làm dịch chuyển văn hóa đọc: quan niệm về văn hoá đọc, loại hình, thể loại tài liệu đọc, phương thức đọc đều thay đổi. Với sự phát triển của khoa học công nghệ, sách báo và những tài liệu in giấy không còn là kênh thông tin duy nhất của học viên, mà thêm vào đó là các phương tiện viễn thông như amazon, ebook, audio book, các trang blog, các trang mạng,... Tuy vậy, công nghệ cũng có tác động hai mặt, lượng ấn phẩm được xuất bản lớn, có nhiều sách in lậu, sách kém chất lượng về nội dung và hình thức xuất hiện tràn lan trên thị trường, thông tin trên mạng thì đa chiều, có cả thông tin hữu ích và cả thông tin độc hại. Việc tìm được những thông tin hữu ích đòi hỏi học viên phải có một trình độ và bản lĩnh nhất định, phải biết tìm ở đâu, tìm như thế nào, chọn lọc và thẩm định một cách khoa học. Nếu không có đủ kỹ năng và bản lĩnh, học viên sẽ chìm ngập trong biển thông tin hỗn độn.

Trong những năm qua, các thiết chế trong Học viện bao gồm: thư viện, cơ quan báo chí, cơ quan xuất bản đã tạo điều kiện thuận lợi cho học viên về không gian đọc, thời gian đọc, tài liệu đọc. Thư viện Học viện đã phát huy vai trò là một thiết chế văn hóa có ảnh hưởng đến việc giữ gìn và phát triển văn hóa đọc của học viên, “góp phần tạo môi trường học tập suốt đời cho Nhân dân, xây dựng xã hội học tập, nâng cao dân trí, xây dựng con người Việt Nam toàn diện”. Thư viện Học viện đã xây dựng được vốn tài liệu giấy tương đối lớn, đặc biệt là tài liệu lý luận chính

trị. Thư viện đã bám sát nội dung chương trình, ngành đào tạo tại Học viện để bổ sung tài liệu phù hợp với chuyên ngành Học viện đang nghiên cứu, giảng dạy. Hệ thống sản phẩm và dịch vụ thông tin - thư viện được tổ chức tương đối đa dạng, đáp ứng phần lớn nhu cầu thông tin của học viên. Thư viện đã tổ chức một số hoạt động có tính chất tuyên truyền, chỉ dẫn, giới thiệu về giá trị nội dung và hình thức của tài liệu, có tác dụng tích cực trong việc hướng dẫn và phát triển nhu cầu, hứng thú đọc của học viên, thu hút họ tới thư viện. Từ đó, giúp học viên khai thác hiệu quả các tài liệu có trong thư viện. Bên cạnh thư viện, các cơ quan báo chí và xuất bản của Học viện đã cung cấp nguồn thông tin lý luận chính trị phong phú, có giá trị khoa học, phục vụ đắc lực cho công tác nghiên cứu, đào tạo của Học viện.

Tuy nhiên, các thiết chế liên quan đến văn hóa đọc của Học viện vẫn còn một số hạn chế, bất cập. Về hệ thống thư viện, Học viện chưa xây dựng chiến lược nhằm phát triển tổng thể, đồng bộ hoạt động thông tin - thư viện trong toàn hệ thống Học viện. Vì vậy, các thư viện trong hệ thống Học viện được đầu tư không đồng đều, thiếu tính đồng bộ (mỗi thư viện được đầu tư các thiết bị công nghệ và phần mềm quản lý thư viện khác nhau); các thư viện vẫn hoạt động riêng lẻ, biệt lập, chưa có sự liên kết, chia sẻ dữ liệu trong toàn hệ thống Học viện, gây lãng phí tài nguyên học liệu và chi phí cho các hoạt động số hóa, chưa đáp ứng tốt nhất nhu cầu đọc trực tuyến tài liệu của học viên. Các sản phẩm và dịch vụ thông tin - thư viện như tổng luận, tổng quan chuyên đề chưa phát triển nên chưa đáp ứng tốt yêu cầu cung cấp thông tin nhanh, tổng hợp cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý. Hạ tầng mạng, trang thiết bị công nghệ thông tin tại Thư viện Học viện Chính trị Khu vực II còn nghèo nàn, lạc hậu, chưa đáp ứng yêu cầu cho chuyên đổi số, các sản phẩm và dịch vụ thông tin đơn điệu, vẫn theo phương thức truyền thống, vì vậy, hiệu quả phục vụ chưa cao. Công tác tuyên truyền, quảng bá nguồn lực thông tin cũng như các sản phẩm và dịch vụ thông tin - thư viện tới học viên chưa thực sự phong phú, đa dạng. Vì vậy, số lượng học viên biết và sử dụng các sản phẩm, dịch vụ thông tin - thư viện còn khiêm tốn so với tổng số học viên trong toàn hệ thống Học viện. Về cơ quan báo chí, các tạp chí của Học viện chưa thực sự quan tâm tìm hiểu nhu cầu đọc của học viên; thiếu thông tin khoa học lý luận chính trị mang tính định hướng, dự báo, những thông tin phục vụ cho việc xây dựng mục tiêu, kế hoạch, chiến lược trong quá trình hoạt động thực tiễn và ra quyết định của đội ngũ cán bộ lãnh đạo,

quản lý. Công tác tạp chí chưa gắn chặt với chương trình, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Học viện, chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và báo chí, nên các ấn phẩm báo chí của Học viện chưa thực sự trở thành nguồn tài liệu tham khảo, học liệu bắt buộc cho việc học tập, nghiên cứu của học viên các hệ lớp. Vì vậy, trong quá trình học tập, nghiên cứu, học viên chưa dành nhiều sự quan tâm, tham khảo, trích dẫn các bài trên các tạp chí của Học viện. Về hoạt động xuất bản sách, chất lượng chính trị, khoa học, tính thực tiễn, tính chiến đấu, tính thuyết phục và hấp dẫn của sách lý luận, chính trị còn hạn chế, chưa có nhiều đầu sách hay, có giá trị cao về lý luận và thực tiễn, vì vậy, chưa tạo nhiều hứng thú cho học viên trong việc tìm đọc. Công tác báo chí, xuất bản chưa chú trọng xuất bản các xuất bản phẩm dưới dạng điện tử nên chưa đáp ứng tốt nhu cầu đọc trực tuyến của học viên trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

Yếu tố cá nhân cũng có ảnh hưởng đến văn hóa đọc của học viên. Đa số học viên ở độ tuổi trung niên. Đây là độ tuổi có đủ độ chín về trình độ lý luận chính trị cũng như kinh nghiệm thực tiễn, vì thế, đội ngũ học viên có khả năng tự đọc, tự phân tích, nắm vững vấn đề cao. Với học viên Học viện, không ít người là giảng viên và nghiên cứu viên, việc đọc sách báo nhằm tích lũy kiến thức, nâng cao trình độ phục vụ cho bài giảng, cho các công trình nghiên cứu của họ là rất cần thiết. Bên cạnh đó, số lượng học viên là cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý ở các ban, ngành, địa phương chiếm tỷ lệ tương đối lớn, việc đọc sách báo sẽ giúp cho họ hiểu biết sâu rộng về tất cả các lĩnh vực, mở rộng tầm nhìn, nâng cao tầm tư duy chiến lược, giúp cho họ đưa ra được những quyết định đúng đắn trong công tác quản lý, trong việc hoạch định chính sách. Với nghề nghiệp và địa vị xã hội của học viên, nhu cầu đọc tài liệu của họ tương đối cao. Học viên Học viện là những người có trình độ nhất định cả về mặt lý luận và thực tiễn, vì vậy, họ có khả năng phân tích, tổng hợp thông tin tốt. Phong trình độ văn hóa của họ là yếu tố thuận lợi cho quá trình lựa chọn và tiếp thu nội dung tài liệu. Tuy nhiên, trình độ ngoại ngữ, tin học của học viên Học viện chưa cao. Điều này đã hạn chế khả năng tra cứu, tiếp cận, đọc tài liệu nước ngoài và các nguồn tin khác.

Tóm lại, các yếu tố chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục; thể chế, thiết chế đọc; khoa học công nghệ và yếu tố cá nhân của mỗi học viên đều có tác động hai mặt, cả tích cực và không tích cực đối với văn hóa đọc của học viên Học viện

CTQGHCM hiện nay. Để phát triển văn hóa đọc của học viên Học viện CTQGHCM trong thời gian tới, cần phát huy mạnh mẽ tính tích cực, đồng thời hạn chế các yếu tố không tích cực một cách hiệu quả và phù hợp với điều kiện thực tiễn của đất nước nói chung, của Học viện CTQGHCM nói riêng.

Tiểu kết chương 2

Chương 2 luận án đã nhận diện văn hóa đọc của học viên Học viện trên các phương diện: giá trị đọc và chuẩn mực đọc; phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến văn hóa đọc của học viên.

Mục đích đọc của học viên là đọc để “làm việc, làm người, làm cán bộ”. Việc đọc mang lại giá trị quan trọng đối với học viên, không chỉ giúp học viên hoàn thành tốt chương trình học tập mà còn mang lại thành công trong công việc, phát triển toàn diện bản thân, mang lại hạnh phúc trong cuộc sống. Nội dung đọc tài liệu của họ khá phong phú, đa dạng với nhiều mức độ nông sâu khác nhau. Họ thường đọc tài liệu thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, đặc biệt là tài liệu lý luận chính trị, những tài liệu phục vụ thiết thực cho quá trình nghiên cứu, học tập tại Học viện cũng như công tác chuyên môn của họ. Đa số học viên trong Học viện có thói quen đọc lành mạnh. Đa số học viên có khả năng lựa chọn tài liệu phù hợp với nhu cầu đọc của bản thân, có cách đọc tài liệu hiệu quả, khả năng lĩnh hội những kiến thức trong tài liệu khá cao. Với vị trí công tác của mình, học viên tích cực chia sẻ thông tin, tri thức đọc được với bạn bè, người thân và cộng đồng, góp phần lan tỏa các giá trị văn hóa đọc đến với nhiều người.

Tuy nhiên, văn hóa đọc của học viên trong Học viện còn có một số hạn chế như: Giá trị đọc vì mục đích nghiên cứu khoa học còn thấp, số lượng học viên đọc tài liệu ngoại văn chưa nhiều, học viên chưa có thói quen đọc tài liệu tại thư viện, thời gian dành cho việc đọc tài liệu còn ít, học viên còn lười nghiên cứu tác phẩm kinh điển, đa số học viên chưa có kỹ năng tìm kiếm thông tin đặc biệt là trong môi trường điện tử. Nguyên nhân dẫn đến những hạn chế trên xuất phát từ cả nguyên nhân chủ quan và nguyên nhân khách quan: ý thức tự học, tự đọc, tự nghiên cứu của học viên chưa cao; ít có thời gian đến thư viện đọc tài liệu; những bất cập trong công tác giảng dạy, đào tạo tại Học viện; những hạn chế trong công tác thông tin thư viện; sự cuốn hút của văn hóa nghe nhìn,... Văn hóa đọc của học viên chịu sự chi phối và tác động của nhiều yếu tố, trong đó môi trường học tập có vai trò quyết định.

Chương 3

BÀN LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN VĂN HOÁ ĐỌC CỦA HỌC VIÊN HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH HIỆN NAY

3.1. XU HƯỚNG BIẾN ĐỔI VĂN HÓA ĐỌC CỦA HỌC VIÊN HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

3.1.1. Xu hướng đọc tài liệu điện tử song hành cùng với phương thức đọc truyền thống

Ngày nay, trong bối cảnh xã hội thông tin, nền kinh tế tri thức, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ, khối lượng sách báo, tài liệu và các vật mang tin khác tăng theo cấp số nhân và ngày càng trở nên phong phú, đa dạng về hình thức. Nếu như trước đây, thông tin được lưu trữ trên giấy dưới dạng chữ viết và hình ảnh, thì hiện nay, thông tin còn được lưu trữ trên đĩa CD, DVD, băng từ, đĩa từ, hoặc dưới dạng âm thanh, video. Với việc áp dụng các thành tựu tiên tiến của khoa học công nghệ vào công tác báo chí, xuất bản, các xuất bản phẩm không chỉ dừng lại ở dạng truyền thống như trước đây mà thêm vào đó là những hình thức xuất bản mới theo hướng hiện đại - xuất bản điện tử.

Ở Việt Nam hiện nay, nhiều báo, tạp chí được phát hành dưới dạng điện tử. Tính đến tháng 4/2022, nước ta có 816 cơ quan báo chí in và điện tử, trong đó: 137 báo, 370 tạp chí, 309 tạp chí khoa học; 125/137 báo thực hiện loại hình điện tử, 191/679 tạp chí thực hiện loại hình điện tử [86]. Theo báo cáo tổng kết năm 2021 của Cục Xuất bản, In và Phát hành, số cấp các đăng ký hoạt động xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử tăng 66,67% so với năm 2020. Năm 2022 hướng tới đưa số lượng nhà xuất bản đăng ký hoạt động xuất bản phẩm điện tử chiếm 25% [90]. Hiện tại, rất nhiều trang web có sách online miễn phí với nhiều cuốn sách hay như Tramdoc.vn, Ybook.vn, Epub.vn,..., nhiều trang điện tử bán sách trực tuyến, đọc sách trực tuyến như: Stbook.vn, thuvienoso.vn, Book365.vn, tiki.vn, Vinabook.com, Fahasha.com,... có thể đáp ứng nhu cầu đọc sách điện tử của bạn đọc. Theo dự báo, trong tương lai gần, xuất bản điện tử sẽ là một phương thức cơ bản của hoạt động xuất bản.

Đối với hoạt động thư viện, ngày 11/2/2021, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số ngành thư viện đến năm 2025, định hướng đến

năm 2030”. Mục tiêu chung của đề án là ứng dụng mạnh mẽ, toàn diện công nghệ thông tin, nhất là công nghệ số nhằm nâng cao năng lực hoạt động của các thư viện và hình thành mạng lưới thư viện hiện đại; bảo đảm cung ứng dịch vụ đáp ứng nhu cầu của người sử dụng; thu hút đông đảo người dân quan tâm, sử dụng dịch vụ thư viện, góp phần nâng cao dân trí, xây dựng xã hội học tập [73]. Trong bối cảnh chuyển đổi số, thư viện không chỉ là thư viện vật lý đơn thuần mà còn có thư viện số, thư viện thông minh. Thông qua việc ứng dụng công nghệ phần mềm, công nghệ web, các thư viện thực hiện truyền thông, cung cấp dịch vụ truy cập trực tuyến cho bạn đọc mọi lúc, mọi nơi, không bị giới hạn về không gian và thời gian: từ đăng ký thẻ, tra cứu thư mục trực tuyến, hỏi đáp trực tuyến, đặt, mượn - trả tài liệu trực tuyến, sinh hoạt câu lạc bộ bạn đọc qua forum, facebook... Chỉ cần có tài khoản từ các thư viện và trung tâm thông tin, học viên hoàn toàn có thể thực hiện đọc tài liệu ngay trên các thiết bị cá nhân có kết nối internet (Smartphone, Iphone, Ipad, máy tính bàn,...) mà không nhất thiết phải đến thư viện.

Với những thay đổi trên, chuyển đổi số khiến cho tài liệu giấy không còn là phương thức tiếp cận tri thức duy nhất của học viên. Xu hướng đọc tài liệu điện tử, sử dụng các dịch vụ thông tin - thư viện trực tuyến sẽ trở lên phổ biến. Thư viện sẽ ngày càng thiếu vắng học viên đến đọc, lượng sách báo giấy được thu hẹp về số lượng thay vào đó là tài liệu điện tử.

Trong Lễ Kỷ niệm 70 năm ngày thành lập Học viện (tháng 9/2019), Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nhấn mạnh: “Học viện phải trở thành một trường học hiện đại, bản sắc và hội nhập, chú trọng mở rộng, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác quốc tế nhằm tiếp thu có chọn lọc những thành tựu, kinh nghiệm của thế giới trong đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân sự cao cấp và trong nghiên cứu khoa học, nhất là khoa học chính trị, khoa học lãnh đạo, quản lý tiên tiến”. Trong bước đường sắp tới, xu hướng phát triển trong thời đại công nghệ 4.0 đặt ra yêu cầu xây dựng Học viện trở thành “Học viện thông minh”. Để tương thích với mô hình “Học viện thông minh”, xu hướng phát triển thư viện Học viện trở thành thư viện thông minh là điều tất yếu. Trên tinh thần đó, trong 5 năm gần đây, Thư viện Học viện đang tích cực thúc đẩy chuyển đổi số thông qua việc số hóa tài liệu nội sinh, xây dựng CSDL cho thư viện điện tử/ thư viện số. Coi việc khai thác tối đa các tiện ích của thư viện số trong thời kỳ công nghệ phát triển là một cách làm hiệu quả để thúc đẩy văn hóa đọc của học viên.

Đối với học viên Học viện, ngoài nhiệm vụ học tập, học viên bị chi phối thời gian cho công việc, gia đình và các mối quan hệ xã hội khác, vì vậy, ít có thời gian đến thư viện đọc tài liệu. Việc đọc tài liệu trực tuyến bằng smartphone, máy đọc sách sẽ mang lại nhiều sự tiện lợi, giúp học viên khắc phục được khó khăn về thời gian, có thể đọc mọi nơi, mọi lúc.

Mặc dù phương thức đọc tài liệu điện tử chiếm ưu thế nhưng không có nghĩa là phương thức đọc tài liệu giấy của học viên mất đi mà nó vẫn tồn tại song hành, mang lại sự đa dạng trong văn hóa đọc.

Một số nghiên cứu trên thế giới đã chỉ ra rằng, mặc dù việc sử dụng các nguồn tài liệu điện tử và thói quen đọc trực tuyến khác nhau tùy theo lĩnh vực nhưng nhiều người vẫn thích in tài liệu điện tử ra để đọc. Nguyên nhân là do tài liệu số thường có độ phân giải thấp khiến cho việc đọc từ màn hình chậm hơn tới 30% so với đọc trên trang in. Đọc tài liệu giấy vẫn mang lại nhiều cảm xúc, người đọc có thể vừa đọc, vừa nghiền ngẫm, lật đi lật lại những trang tài liệu, đỡ gây mỏi mắt cho người đọc so với tài liệu điện tử, vì vậy tri thức sẽ được thu nhận sâu sắc hơn.

Với Học viện CTQGHCM, diện tài liệu chủ yếu là tài liệu lý luận chính trị, trong đó không ít tài liệu được xếp vào diện tài liệu mật, tài liệu hạn chế. Những tài liệu này không được phổ biến rộng rãi trên internet mà chỉ được lưu trữ, phục vụ tại thư viện dưới dạng giấy. Vì vậy, để việc đọc mang lại hiệu quả nhất, học viên vẫn phải kết hợp giữa đọc tài liệu giấy và tài liệu điện tử. Cho dù sau này, khi xã hội sẽ phát triển cao hơn, con người có thể đọc sách trong thư viện điện tử hay qua mạng Internet, thì vẫn chắc chắn một điều là: tài liệu giấy vẫn không hề mất đi giá trị văn hoá truyền thống lâu đời vốn có của nó. Thực tế trên thế giới đã chứng minh, ở các nước phát triển, hệ thống thư viện số rất phát triển nhưng tài liệu giấy vẫn không mất đi mà vẫn tồn tại song hành cùng tài liệu điện tử.

3.1.2. Không gian, thời gian đọc, kỹ năng tìm kiếm tài liệu, cách thức, phương tiện đọc thay đổi

Trước đây, khi tài liệu tồn tại dưới dạng giấy, không gian đọc của học viên chủ yếu ở các thư viện, phòng đọc và nhà sách. Hiện nay, với sự phát triển của công nghệ thông tin, dữ liệu lớn kết hợp với trí tuệ nhân tạo trên nền tảng Internet kết nối vạn vật tạo nên lượng thông tin khổng lồ sản sinh liên tục trong thời gian thực qua các nền tảng xã hội: Facebook, Twitter, Instagram, Youtube...; hệ thống dữ liệu lớn

của: Google, Microsoft, Amazon, Alibaba...; từ các tổ chức số như: thư viện số, chính phủ số, doanh nghiệp số, văn phòng số, đại học số,... Bối cảnh này đã mở ra không gian đọc rộng lớn cho học viên, việc đọc không chỉ diễn ra trong phạm vi thư viện, nhà sách, phòng đọc mà còn cả trên không gian mạng.

Công nghệ số và internet đã tạo điều kiện cho việc tiếp cận thông tin trở lên dễ dàng, thuận tiện hơn. Trước đây, với tài liệu giấy, thời gian đọc tài liệu phụ thuộc vào thời gian mở cửa của thư viện hay nhà sách. Hiện nay, với tài liệu điện tử, thời gian đọc tài liệu linh hoạt và không cố định, học viên có thể tranh thủ thời gian rỗi, đọc tài liệu ở mọi nơi, mọi lúc. Thời gian đọc tài liệu do vậy có xu hướng tăng lên.

Tuy nhiên, môi trường mạng là nơi bất cứ ai cũng có thể đưa thông tin lên mà không qua kiểm soát. Do đó, thông tin trên mạng rất phong phú, đa dạng, nhiều chiều. Theo số liệu của Tập đoàn Dữ liệu quốc tế (IDC), dung lượng dữ liệu được dự báo sẽ tăng gấp đôi sau mỗi 2 năm trong thập niên tới. Tuy nhiên, chỉ có 0,5% trong tổng số dữ liệu được phân tích và sử dụng [17]. Đứng trước “biển” thông tin đó, việc đánh giá, lựa chọn, thu thập thông tin thực sự có giá trị, phù hợp với nhu cầu là một thách thức đối với học viên. Nếu như trước đây, với tài liệu giấy, đòi hỏi người đọc chỉ cần biết chữ là có thể đọc tài liệu, thì hiện nay, với tài liệu điện tử, đòi hỏi người đọc phải có kiến thức và kỹ năng sử dụng phần cứng, phần mềm khai thác và đọc tài liệu, đặc biệt là phải có kỹ năng tìm kiếm, đánh giá và lựa chọn thông tin. Từ yêu cầu này khiến cho kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin, tài liệu của học viên vì thế cũng có điều kiện phát triển ở mức độ cao hơn.

Trước đây, lượng sách xuất bản không nhiều, người ta có thể đọc đi đọc lại một cuốn sách mà không thấy chán, đó là những cuốn sách “gối đầu giường”. Với tài liệu giấy, thông tin được trình bày theo trật tự tuyến tính vì vậy cách đọc chủ yếu là đọc tuyến tính. Hiện nay, với tài liệu số, thông tin đôi khi không được trình bày theo trật tự tuyến tính, người đọc có thể nhấn vào đường link để tới các liên kết khác nhau trong văn bản hoặc giữa các văn bản, vì vậy xu hướng đọc phi tuyến tính (đọc nhảy từ đoạn này sang đoạn khác, hoặc từ nguồn thông tin này đến nguồn thông tin khác) là phương thức đọc khá phổ biến hiện nay. Trong bối cảnh bùng nổ thông tin như hiện nay, lượng tài liệu được xuất bản nhiều, trong khi thời gian dành cho việc đọc thì có giới hạn, vì vậy học viên phải dành nhiều thời gian hơn cho việc đánh giá, lựa chọn tài liệu, do đó phương thức đọc lướt, đọc một lần, đọc phi tuyến tính

để tìm những thông tin phục vụ cho mục đích của mình tăng, phương thức đọc theo kiểu nghiền ngẫm, chuyên sâu có xu hướng giảm.

Về phương tiện đọc, trước đây, với tài liệu giấy, người đọc chỉ cần đọc bằng mắt thường. Hiện nay, với tài liệu điện tử, người đọc phải có các phương tiện và thiết bị đọc được kết nối mạng như: máy tính, điện thoại thông minh, ipad, phần mềm chuyên dụng. Do đó, cùng với xu hướng sử dụng tài liệu điện tử, xu hướng sử dụng các phương tiện, thiết bị đọc hiện đại (điện thoại thông minh, máy đọc sách của học viên sẽ ngày càng phổ biến.

3.2. NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI VĂN HÓA ĐỌC CỦA HỌC VIÊN HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH HIỆN NAY

3.2.1. Quan điểm, chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam về học tập lý luận chính trị của cán bộ, đảng viên

Sinh thời Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Lý luận như cái kim chỉ nam, nó chỉ phương hướng cho chúng ta trong công việc thực tế” [45, tr.273]. Người xác định một trong 12 tiêu chuẩn của một đảng cách mạng chân chính là: “Cán bộ của Đảng phải hiểu biết lý luận cách mạng, và lý luận cùng thực hành phải luôn luôn đi đôi với nhau” [44, tr.289]. Với người cán bộ, đảng viên, người cách mạng thì việc học tập nói chung và học tập lý luận nói riêng có vai trò đặc biệt quan trọng. Chính vì vậy, trong mọi giai đoạn cách mạng, Đảng ta luôn quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận cho đội ngũ cán bộ.

Đánh giá về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Đảng và hệ thống chính trị, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4, khóa XII đã chỉ ra một trong những hạn chế, yếu kém đó là: “Công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, giảng dạy và học tập nghị quyết của Đảng chưa được coi trọng đúng mức, kém hiệu quả, nội dung và phương pháp giáo dục, truyền đạt chậm đổi mới” [21].

Trong giai đoạn hiện nay, các thế lực thù địch thường xuyên tấn công vào nền tảng tư tưởng, xuyên tạc, phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, mưu đồ xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, phủ nhận mục tiêu, lý tưởng, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta nhằm làm chệch hướng nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân ta. Trong bối cảnh đó, Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22-10-2018 của Bộ Chính trị về tăng cường bảo vệ nền tảng tư

tướng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới xác định, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là một trong những nhiệm vụ trọng yếu, quyết định sự tồn vong của Đảng và của chế độ. Đây là nhiệm vụ chính trị của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân, mà trước hết là của đội ngũ cán bộ, đảng viên, và do đó, cũng là nhiệm vụ chính trị quan trọng đối với học viên Học viện. Nếu không có trình độ lý luận, không nắm vững thực chất lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng thì chúng ta không thể giành được thắng lợi trong cuộc đấu tranh này. Vì vậy, nhận thức một cách sâu sắc và đầy đủ về vai trò, vị trí của lý luận chính trị, ra sức học tập nhằm không ngừng nâng cao trình độ lý luận chính trị là yêu cầu thường xuyên và cấp thiết đối với cán bộ, đảng viên. Đây là điều kiện tiên quyết để mỗi cán bộ, đảng viên luôn đứng vững trên quan điểm lập trường của mình, từ đó lan tỏa và thực hiện hiệu quả việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh ngăn chặn các quan điểm sai trái, thù địch, làm cho hệ tư tưởng của Đảng, của giai cấp công nhân, lý tưởng xã hội chủ nghĩa, những giá trị tốt đẹp trong truyền thống văn hóa dân tộc, những tinh hoa văn hóa thế giới chiếm vị trí chủ đạo trong đời sống tinh thần xã hội, góp phần quan trọng thực hiện thắng lợi mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” mà Đảng ta đã đề ra.

Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về học tập lý luận, nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới, Đảng ta đã đưa ra các quan điểm chỉ đạo, trong đó coi việc học tập lý luận chính trị là nhiệm vụ quan trọng của người cán bộ, đảng viên: “Phải tự nguyện, tự giác, xem công tác học tập cũng là một nhiệm vụ mà người cán bộ cách mạng phải hoàn thành cho được” [21]. “Không ngừng nâng cao trình độ lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên” [22, tr.41]; “nâng cao lập trường bản lĩnh chính trị, trí tuệ, tính chiến đấu của toàn Đảng và mỗi cán bộ, đảng viên ...; tích cực đấu tranh, phản bác có hiệu quả quan điểm sai trái của các thế lực thù địch” [23, tr.231]; “đưa việc bồi dưỡng lý luận chính trị, cập nhật kiến thức mới cho cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt các cấp đi vào nền nếp, nâng cao chất lượng, hiệu quả và phù hợp với từng đối tượng. Kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa học tập lý luận với rèn luyện, thử thách cán bộ trong thực tiễn để nâng cao bản lĩnh chính trị, khắc phục tình trạng ngại học, lười học lý luận chính trị trong cán bộ, đảng viên” [23, tr.235-236]. Chỉ thị số 44-CT/TW, ngày 16/4/2020 của Ban

Bí thư về đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xuất bản, phát hành và nghiên cứu, học tập sách lý luận, chính trị nhân mạnh: “Cần xác định nghiên cứu, học tập sách lý luận, chính trị là nhiệm vụ thường xuyên của cán bộ, đảng viên, là một trong những hoạt động chính trong sinh hoạt định kỳ của tổ chức cơ sở đảng. Khuyến khích phát triển phong trào đọc, nghiên cứu, học tập sách, trong đó có sách lý luận, chính trị cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nhằm giáo dục, nâng cao trình độ lý luận cho cán bộ, đảng viên, đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới; đấu tranh phòng, chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và các biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ” [3]. Đây là đòi hỏi cấp bách của thực tiễn xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên “vừa hồng, vừa chuyên” trong tình hình mới. Thực hiện triệt để vấn đề này sẽ khắc phục được tình trạng học hình thức, đối phó, qua loa, học cho có bằng cấp, chứng chỉ để bỏ nhiệm, quy hoạch, luân chuyển, nâng ngạch...

Như vậy, đọc và nghiên cứu tài liệu lý luận chính trị, đặc biệt là các tác phẩm kinh điển Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là một nhiệm vụ rất quan trọng đối với học viên. Tuy nhiên, thực tế có thể nhận thấy, một bộ phận không nhỏ học viên còn có biểu hiện ngại học, lười học lý luận chính trị. Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII của Đảng đã chỉ rõ một trong chín biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị của đội ngũ cán bộ, đảng viên là: “Nhận thức sai lệch về ý nghĩa, tầm quan trọng của lý luận và học tập lý luận chính trị; lười học tập Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước” [21]. Nguyên nhân của tình trạng trên là do việc xác định mục tiêu, động cơ học tập lý luận chính trị của một số cán bộ chưa đúng đắn, coi việc học tập lý luận chính trị chủ yếu để có văn bằng, chứng chỉ để đủ điều kiện đề bạt, bổ nhiệm, quy hoạch, thăng tiến. Vì chưa có động cơ trong sáng dẫn đến thiếu ý thức tự giác trong học tập, rèn luyện, học theo kiểu đối phó, chỉ đọc tài liệu phục vụ cho thi, kiểm tra...

Thực tế phục vụ bạn đọc tại Thư viện Học viện cho thấy, khi nghiên cứu tài liệu kinh điển, rất ít học viên tâm huyết, dành nhiều thời gian cho nghiên cứu, tìm đọc tài liệu gốc. Qua phỏng vấn, cán bộ Thư viện Học viện cho biết: “Số lượng học viên đến thư viện mượn các tác phẩm kinh điển Mác - Ăngghen, Lênin, Hồ Chí Minh toàn tập về nghiên cứu không nhiều. Tôi nhớ, trước đây, vào đầu khóa học, đa số học viên các lớp cao cấp lý luận chính trị hệ tập trung thường đến thư viện mượn các tài liệu kinh điển về nghiên cứu, thư viện phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu học

viên thường mượn để phục vụ. Hiện nay, rất ít học viên mượn tài liệu này, đa số học viên chỉ lên thư viện tìm và phô tô các bài tạp chí viết về các tác phẩm kinh điển để đọc, ít người mượn tài liệu gốc về nghiên cứu” [Phụ lục 10.1]. Với cách đọc này, học viên không mất nhiều thời gian đọc tài liệu gốc mà vẫn nắm được nội dung cơ bản của tác phẩm, tuy nhiên điều này làm cho học viên tiếp thu một cách thụ động các ý kiến, đánh giá của người khác mà không có sự tìm tòi, sáng tạo, đánh giá của bản thân.

Trong bối cảnh các thế lực thù địch đang đẩy mạnh các hoạt động chống phá Đảng và Nhà nước ta, việc nghiên cứu, đọc tài liệu lý luận chính trị có vai trò đặc biệt quan trọng đối với cán bộ, đảng viên nhằm củng cố niềm tin vào nền tảng tư tưởng, giữ vững sự thống nhất nhận thức, hành động đối với lý tưởng, mục tiêu và con đường mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn; phòng ngừa, giảm thiểu sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên trước tác động tiêu cực của kinh tế thị trường và những mặt trái của mở cửa, hội nhập; xây dựng con người mới với những năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới. Vì vậy, trong Văn kiện Đại hội XIII, Đảng ta tiếp tục chỉ đạo: “Khắc phục tình trạng ngại học, lười học lý luận chính trị trong cán bộ, đảng viên” [22, tr.236].

Từ những quan điểm, chủ trương trên của Đảng cùng với thực trạng nghiên cứu, học tập lý luận chính trị của học viên hiện nay, vấn đề đặt ra đối với Học viện CTQG HCM là cần tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý. Từ đó, thúc đẩy nhu cầu nghiên cứu, học tập, đọc tài liệu lý luận chính trị của đội ngũ cán bộ, đảng viên, coi đó là một nhiệm vụ thường xuyên để đảm bảo mỗi cán bộ, đảng viên có đủ năng lực, phẩm chất đáp ứng với yêu cầu trong tình hình mới.

3.2.2. Cách mạng công nghiệp 4.0 và quá trình chuyển đổi số

Hiện nay, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã và đang tác động đến mọi lĩnh vực đời sống kinh tế - xã hội. Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 là cuộc cách mạng dựa trên nền tảng công nghệ số và tích hợp tất cả các công nghệ thông minh như trí tuệ nhân tạo (Artificial intelligence - AI), kết nối vạn vật (Internet of Things - IoT), thực tế ảo (Virtual reality - VR), tương tác thực tại ảo (Augmented reality - AR), mạng xã hội, điện toán đám mây, di động, phân tích dữ liệu lớn (SMAC),... để chuyển hoá toàn bộ thế giới thực thành thế giới số, hình thành nên hệ thống sản xuất thực - ảo (Cyber - Physical System - CPS),..., trên cơ sở đó, sức mạnh của số hoá

và công nghệ thông tin được khai thác tối đa cho những mục đích khác nhau của con người.

Các công nghệ mới ra đời từ cuộc cách mạng này không chỉ tác động đến các hoạt động sản xuất mà còn tạo ra những thời cơ và thách thức, ảnh hưởng mạnh mẽ tới mọi mặt của đời sống xã hội, lao động, việc làm, an ninh chính trị, văn hoá,... trong đó có văn hoá đọc.

Trước đây, với phương thức phục vụ truyền thống, học viên chủ yếu thu thập tài liệu tại các thư viện, các nhà sách, sạp báo in,... Hiện nay, cách mạng công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số đã tạo ra các sản phẩm và dịch vụ thông tin mới đáp ứng nhu cầu người đọc với chi phí thấp. Internet, điện thoại thông minh và hàng ngàn ứng dụng khác đang làm cho việc khai thác, sử dụng thông tin của học viên trở nên dễ dàng, tiện ích và chất lượng hơn. Học viên có thể ngồi một chỗ mà vẫn có thể thu thập được các tài liệu thông qua việc truy cập vào các cổng thông tin điện tử của các cơ quan Nhà nước, các trang báo điện tử, các website của các cơ quan thông tin - thư viện, nhà xuất bản, công ty phát hành sách hoặc tham gia vào các mạng xã hội.

Ở lĩnh vực thư viện, những tiến bộ của công nghệ được ứng dụng trong cả không gian vật lý (thư viện truyền thống: cơ sở vật chất, phòng đọc, thiết bị, máy móc thư viện,...) và không gian số (thư viện số: sưu tập số, CSDL, website, cổng thông tin, dịch vụ online, email,...) đã xóa bỏ ranh giới và kết nối không gian vật lý với không gian số của thư viện, tạo kết nối vô tận đến nguồn tri thức của nhân loại, đồng bộ hoá theo thời gian thực giữa các thiết bị công nghệ - dữ liệu - con người,... giúp các thư viện trở nên thông minh hơn. Cán bộ thư viện và người dùng tin được giải phóng sức lao động chân tay, trí tuệ của họ được hỗ trợ bởi trí tuệ nhân tạo máy tính để quản trị và khai thác tối đa tài nguyên thông tin của thư viện, thúc đẩy văn hoá đọc cho xã hội học tập suốt đời, làm nền tảng kiến tạo nên xã hội thông minh trong thời đại 4.0.

Ở lĩnh vực xuất bản, nhờ có nền tảng công nghệ cao và tích hợp của cách mạng công nghiệp 4.0, những tính năng khác biệt và nổi trội của xuất bản phẩm ngày càng phát huy những lợi thế, cho phép ngành xuất bản tạo ra những sản phẩm tinh tế, đa dạng về chủng loại (sách in, sách nói, sách điện tử), với hình thức thể hiện vô cùng tiện ích và hấp dẫn. Bỏ qua các công đoạn in, chế bản, phát hành truyền thống phức tạp, chiếm nhiều thời gian, tốn kém các nguồn lực vật chất và

công sức người lao động, sách điện tử ra đời cùng với các thiết bị, phần mềm hỗ trợ đọc đã góp phần đảm bảo tính tiện ích trong thoả mãn nhu cầu đọc và phát triển tri thức của con người.

Sự tích hợp các nền tảng công nghệ, trong đó nền tảng Internet kết nối vạn vật làm trung tâm, đã tạo ra một môi trường hấp dẫn cho những giao dịch trực tuyến về sách điện tử. Các tập đoàn công nghệ thông tin với sự góp mặt của các tên tuổi lớn như Google, Yahoo, Facebook,... kết hợp với các nhà sản xuất như Apple, Samsung, Nokia, Sony,... tích hợp sẵn sản phẩm sách điện tử trên điện thoại di động hoặc cho phép tải sách điện tử qua Appstore, Google play,... nhằm gia tăng giá trị ứng dụng của các sản phẩm công nghệ thông tin. Sự kết hợp này đã tạo nên nguồn tài liệu khổng lồ với hàng chục triệu đầu sách trên toàn thế giới (chỉ riêng trang Google Play Books cho phép người đọc đọc và tải hơn 4 triệu tên sách). Người đọc không mất nhiều thời gian đến các thư viện, trung tâm sách, nhà sách truyền thống để tìm sách mà có thể thực hiện ngay bằng các giao dịch trực tuyến trên hệ thống Internet kết nối toàn cầu. Khi sử dụng dịch vụ trực tuyến, người dùng có thể kết nối và chia sẻ với cộng đồng độc giả đang đọc cùng cuốn sách, có thể tương tác và chia sẻ thông tin với tác giả, cán bộ thư viện, nhà xuất bản về cuốn sách thay vì chỉ được đọc nội dung cuốn sách nếu mua theo phương thức truyền thống,...

Cùng với hệ thống thư viện và cửa hàng sách, trên nền tảng Internet vạn vật kết nối, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, mạng xã hội trở thành công cụ chuyển tải những giá trị văn hoá của nhân loại, là môi trường rộng lớn để cung cấp, chia sẻ, khai thác và sử dụng thông tin một cách nhanh chóng, tiện lợi. Với những đặc trưng cực nhanh (chỉ một thao tác nhấp chuột là có được thông tin đi hoặc đến), cực rộng (toàn thế giới) và phạm vi tương tác đa chiều không phân biệt thời gian, không gian, đối tượng, mạng xã hội là nơi chứa đựng lượng tri thức khổng lồ của nhân loại. Chỉ với một chiếc điện thoại thông minh hay một chiếc máy tính bảng, máy tính cá nhân có kết nối Internet, học viên có thể tham gia vào mạng xã hội, có thể khai thác, tìm thấy ở đây những kiến thức vô giá về mọi lĩnh vực phục vụ cho học tập, công việc và cuộc sống của mình.

Sự phát triển của công nghệ thông tin và truyền thông tạo cơ hội cho học viên tiếp cận với nguồn thông tin phong phú nhưng cũng đòi hỏi họ phải có kỹ năng tìm kiếm tài liệu trong môi trường số. Hiện nay, kỹ năng tìm kiếm tài liệu của học viên

Học viện chưa cao. Học viên chưa biết phát huy tối đa năng lực, chưa đánh giá đúng mức về nguồn tìm kiếm và thu thập tài liệu. Trong thời đại thông tin số, có rất nhiều nguồn học liệu mở của các cơ quan thông tin, các viện nghiên cứu, các trường đại học trong nước và quốc tế cho phép người đọc truy cập miễn phí trên Internet. Tuy nhiên, đa số học viên chưa biết khai thác nguồn học liệu này. Một số học viên dường như đã thỏa mãn với các tài liệu từ nguồn Internet, từ giảng viên, từ nguồn tài liệu cá nhân mua mà bỏ qua các nguồn tra cứu hữu ích từ hệ thống thư viện Học viện, thư viện công cộng, thư viện các viện nghiên cứu, các trường đại học cùng khối ngành. Nhiều học viên chưa biết cách tra cứu tài liệu trên các CSDL của các thư viện trong nước và trên thế giới, vì vậy, chưa tận dụng được những lợi thế để tiếp cận được nguồn tri thức phong phú của nhân loại. Do đó, vấn đề quan trọng đặt ra hiện nay là học viên phải nâng cao hơn nữa kỹ năng tìm kiếm thông tin. Đây chính là chìa khóa giúp học viên tiếp cận đến kho tàng tri thức của nhân loại.

Sự bùng nổ thông tin và môi trường mạng không chỉ tạo ra những khó khăn cho học viên trong việc tìm kiếm tài liệu mà còn trong việc xác định tính chân thực, phù hợp, tính cập nhật thông tin tìm được. Chúng ta đều biết, trong môi trường trực tuyến mang tính ảo, chủ thể của môi trường trực tuyến đều dùng tài khoản tượng trưng để truyền đi và tiếp nhận thông tin trong môi trường số hoá, mọi tương tác đều không diễn ra trong không gian thực, mà được truyền tải bằng những thuật toán dữ liệu. Thông tin trên mạng Internet rất phong phú, đa dạng và đến từ nhiều nguồn, trong đó, nhiều thông tin chưa được kiểm chứng, có sự tồn tại của thông tin chính thống và phi chính thống, thông tin thật và thông tin giả, người đọc đôi khi rơi vào ma trận của những yếu tố giá trị và phản giá trị, văn hoá và phản văn hoá, nếu không có khả năng đánh giá, chọn lọc thông tin, học viên sẽ dễ bị tiêm nhiễm những thông tin xấu, độc, dễ bị lôi kéo, kích động dẫn đến những nhận thức và hành vi lệch chuẩn. Theo tác giả Trần Minh Văn, “tự do Internet” có thể là công cụ để một số nước can thiệp vào đời sống dư luận của các quốc gia khác, thậm chí hậu thuẫn cho mục đích thay đổi chế độ. Họ lợi dụng vị thế bá quyền trên không gian mạng để truyền bá, áp đặt các giá trị của mình cho các quốc gia khác. Văn hoá của các dân tộc và quốc gia không nói tiếng Anh sẽ bị nhấn chìm trong lượng thông tin tiếng Anh khổng lồ, không khác gì so với quá trình “thực dân văn hoá”. Kiểu thực dân văn hoá này khởi nguồn từ đặc tính cạnh tranh ảo trên môi trường Internet, tạo ra

những tác động tiêu cực nhất định đến việc bồi đắp tinh thần dân tộc và các giá trị truyền thống [83, tr.17].

Ở Việt Nam, thông qua các nền tảng mạng xã hội, các thế lực thù địch đăng tải những quan điểm mácxít và giả mácxít, đúng sai lẫn lộn làm cho người đọc mất phương hướng, không phân biệt được đúng - sai, thiện - ác; phát tán các tài liệu có nội dung sai trái, xuyên tạc tình hình thực tế của Việt Nam; xuyên tạc về bản chất chế độ xã hội chủ nghĩa, xuyên tạc, hạ uy tín các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước nhằm gây dao động về tư tưởng, gây mất lòng tin, kích động, chia rẽ nội bộ để chống phá Đảng và Nhà nước, chế độ. Nếu không có bản lĩnh trong việc tiếp nhận thông tin, học viên dễ bị tiêm nhiễm thông tin xấu độc dẫn đến suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, tự chuyển hóa”. Chính vì vậy, vấn đề đặt ra là học viên phải có khả năng đánh giá, lựa chọn thông tin, phải có kỹ năng đọc nâng cao, vượt xa những gì cần thiết để hiểu một văn bản giấy truyền thống.

Hiện nay, với sự phát triển của ngành công nghệ số, điện thoại thông minh và mạng di động, không ít học viên bị cuốn hút bởi các dịch vụ trực tuyến và dành nhiều thời gian với chúng, thời gian dành cho việc đọc tài liệu ít hơn. Do đó, văn hoá đọc có thể đứng trước nguy cơ bị suy giảm nếu học viên không có ý thức trong việc đọc. Trong môi trường điện tử, học viên có thể tiếp cận thông tin, tài liệu một cách dễ dàng ở bất cứ đâu, bất cứ thời gian nào. Tuy nhiên, với khả năng dễ dàng truy cập và sao chép tài liệu, nếu thiếu ý thức tôn trọng pháp luật, bản quyền tác giả học viên rất dễ vi phạm bản quyền tác giả. Vì vậy, một vấn đề đặt ra nữa đối với học viên hiện nay là vấn đề ứng xử trên môi trường mạng.

Như đã đề cập ở trên, chuyển đổi số khiến cho tài liệu giấy không còn là phương thức tiếp cận tri thức duy nhất của học viên. Xu hướng đọc tài liệu điện tử, sử dụng các dịch vụ thông tin - thư viện trực tuyến của học viên trở nên phổ biến. Thư viện sẽ ngày càng thiếu vắng học viên đến đọc, lượng sách báo giấy được thu hẹp về số lượng thay vào đó là tài liệu điện tử. Vì vậy, đối với các thư viện Học viện, trước xu hướng thay đổi về nhu cầu, thói quen đọc của học viên, nếu không kịp thời nắm bắt cơ hội, ứng dụng các thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 vào các hoạt động thư viện, thiết chế này sẽ phải đối mặt với nguy cơ tụt hậu và dần đánh mất vị trí, vai trò là nơi cung cấp thông tin chính yếu cho học viên. Chính vì vậy, chuyển đổi số, đổi mới phương thức phục vụ là vấn đề quan trọng đặt ra hiện nay đối với các thư viện Học viện.

3.2.3. Yêu cầu đổi mới nội dung, chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy và kiểm tra, đánh giá ở Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Trong thời gian gần đây, Việt Nam đã và đang đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực, tăng cường tương tác, phát huy tính chủ động, sáng tạo của người học. Để phát huy hiệu quả của mô hình đào tạo này, ngoài nỗ lực từ phía nhà trường trong việc xây dựng chương trình đào tạo phù hợp, đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cấp cơ sở vật chất, sắp xếp lại hệ thống và quy trình quản lý thì bản thân người học phải chủ động trong học tập, tự xây dựng cho mình kế hoạch học tập riêng, không ngừng tự học, tự đọc, tự nghiên cứu tài liệu.

Đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, Nghị quyết số 32-NQ/TW ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị về Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ lãnh đạo, quản lý đã chỉ ra nhiệm vụ, giải pháp: “Đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học, lấy người học làm trung tâm, người học tham gia tích cực vào quá trình đào tạo; giúp học viên tiếp tục tự học, bổ sung, mở rộng và nâng cao kiến thức, rèn luyện về phương pháp tư duy, khả năng vận dụng giải quyết tình huống thực tiễn” [8]. Đến Đại hội XIII, Đảng ta chỉ rõ: “Đổi mới căn bản nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục lý luận chính trị theo hướng khoa học, sáng tạo, hiện đại và gắn lý luận với thực tiễn” [23, tr.235].

Đối với Học viện CTQGHCN, Bộ Chính trị khóa IX đã ban hành Nghị quyết số 52-NQ/TW “về đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và nghiên cứu khoa học của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh” (2005). Nghị quyết đã đưa ra những định hướng và giải pháp, trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, chú trọng “áp dụng phương pháp giảng dạy hiện đại và học tập theo phong cách nghiên cứu nhằm phát huy cao độ tính chủ động, tích cực, khả năng độc lập suy nghĩ, sáng tạo của người học”; “đổi mới mạnh mẽ công tác quản lý khoa học; tăng cường công tác thông tin khoa học” [7]. Ngày 04-11-2011, Đảng ủy Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh đã ban hành Nghị quyết số 387-NQ/ĐU về “Một số chủ trương, giải pháp nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng của Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay” (nay là Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh). Năm 2021, tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 387-NQ/ĐU, Đảng ủy Học viện đã đưa ra một trong những nhiệm vụ trong thời gian tới là:

Tập trung nâng cao chất lượng xây dựng các chương trình bồi dưỡng, đào tạo được phân cấp đồng thời quán triệt nhiệm vụ nâng cao chất lượng các hệ đào tạo, bồi dưỡng theo phương châm “Học viên là trung tâm, giảng viên là động lực, nhà trường là nền tảng” [24]. Để nâng cao chất lượng đào tạo, đảm bảo đánh giá khách quan chất lượng học tập, nghiên cứu của học viên, Học viện đã ban hành Kế hoạch số 249-KH/HVCTQG ngày 8-6-2021 về việc rà soát, chỉnh sửa và xây dựng ngân hàng câu hỏi thi kết thúc học phần/môn học cho các hệ đào tạo tại Học viện với bốn hình thức thi: tự luận đóng, tự luận mở, vấn đáp và trắc nghiệm. Theo đó, nội dung câu hỏi thi được xây dựng theo hướng khuyến khích tư duy sáng tạo, năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn và rèn luyện kỹ năng của học viên; đánh giá được trình độ của học viên theo các mức: Biết (tái hiện), hiểu, áp dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá [31].

Với các chủ trương, định hướng trên, phương pháp giảng dạy truyền thống, phương pháp giảng dạy một chiều nặng về lý thuyết, áp đặt trong quá trình dạy học, bắt người học phải tuân theo những chân lý có sẵn không còn phù hợp nữa. Thay vào đó là đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng lấy người học làm trung tâm, chuyển việc truyền thụ kiến thức bằng phương pháp thuyết trình, giảng giải sang phát triển năng lực người học, tăng khả năng tự học, tạo cơ hội học tập mọi lúc, mọi nơi, cá nhân hóa việc học, góp phần xây dựng xã hội học tập và học tập suốt đời.

Việc đổi mới phương pháp giảng dạy đòi hỏi giảng viên phải thường xuyên cập nhật thông tin, mở rộng kiến thức thực tế để có thể định hướng đúng cho quá trình tự nghiên cứu của học viên. Phương pháp giảng dạy mới đòi hỏi học viên phải học theo kiểu tư duy, sáng tạo, gắn lý luận với thực tiễn, tích cực tương tác với người dạy và tham gia vào quá trình giảng dạy. Vì vậy, mỗi học viên phải chủ động cập nhật các thông tin, tri thức trên nền tảng tri thức lý luận cơ bản mà giảng viên cung cấp để hiểu đầy đủ, toàn diện vấn đề, và coi tự học là nhu cầu, thói quen, hành vi hằng ngày, là một tiêu chuẩn, một giá trị đạo đức của người cán bộ, đảng viên.

Có thể nói, môi trường học và phương pháp đào tạo đã tạo điều kiện và cả thói quen bắt buộc cho việc đọc của học viên. Việc đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng giảm tải chương trình, tăng cường sự chủ động của người học, hạn chế tình trạng thầy đọc, trò chép trong lớp là một trong những hướng đi chiến lược góp phần giải quyết một cách dây chuyền những hạn chế có liên quan với nhau, trong đó có việc lười đọc của học viên.

Hiện nay, công tác đào tạo tại Học viện CTQGHCM vẫn còn một số bất cập: Công tác quản lý việc tự học cũng như sinh hoạt của học viên ở Học viện có phần lơi lỏng, chưa có sự giám sát chặt chẽ của giáo viên chủ nhiệm và Ban cán sự lớp và trên hết đó chính là ý thức tự giác học tập của bản thân người học viên, đã góp phần làm cho công tác giảng dạy chưa đạt được mục tiêu đề ra. Việc bố trí, sắp xếp lịch học một số môn chưa hợp lý. Một số môn bố trí lịch học cả ngày sau đó cho học viên nghỉ liền mấy ngày để đọc tài liệu. Tuy nhiên, một số giảng viên chưa thực sự sát sao trong việc kiểm tra, đánh giá việc đọc tài liệu của học viên, vì vậy, thay vào việc đọc tài liệu trong mấy ngày nghỉ, đa số học viên ở các địa phương tranh thủ về quê. Vì vậy, đây cũng là nguyên nhân khiến học viên luôn cảm thấy thiếu thời gian cho việc đọc tài liệu. Trong chương trình học ở Học viện, thời gian dành cho việc giới thiệu, nghiên cứu các tác phẩm kinh điển Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh chưa ngang tầm với đòi hỏi công tác đào tạo đội ngũ cán bộ lý luận chính trị. Việc nghiên cứu tác phẩm kinh điển đòi hỏi thời gian tương đối nhiều để đọc và hiểu tác phẩm gốc. Tuy nhiên quỹ thời gian dành cho phần nghiên cứu tác phẩm kinh điển chỉ chiếm khoảng 10-15 đơn vị học trình. Vì vậy, học viên không có nhiều thời gian cho việc đọc, nghiên cứu các tác phẩm kinh điển. Cách thức kiểm tra, đánh giá của một số môn học chưa thực sự bắt buộc người học phải đọc thêm nhiều tài liệu tham khảo. Họ chỉ cần đọc những giáo trình, tập bài giảng, một số sách tham khảo do giảng viên cung cấp mà vẫn đáp ứng được yêu cầu, do vậy chưa tạo áp lực cho học viên phải đọc nhiều tài liệu. Về vấn đề này, giảng viên Viện Văn hóa và Phát triển chia sẻ: “Qua chấm bài thi cho thấy, những bài viết có thông tin mới, có đóng góp mới rất ít, có nhiều bài chép nguyên văn từ giáo trình. Vì vậy, cần có quy định những bài thi trùng 30% thì không đạt chất lượng”. Hiện nay, một số môn học, việc đánh giá kết quả học tập của học viên chủ yếu thông qua hình thức thi viết. Đề thi đa số là đề mở nhưng một số đề thi còn chưa mang tính tổng hợp, nội dung đề thi chủ yếu đã có sẵn trong giáo trình, tập bài giảng, chưa thực sự bắt buộc học viên phải đọc và tổng hợp từ nhiều nguồn tài liệu khác nhau, vì vậy, chưa đánh giá được năng lực thu thập và xử lý thông tin, năng lực nghiên cứu khái quát lý luận của học viên.

Chia sẻ kinh nghiệm đào tạo cán bộ tại Trường Đảng Trung ương Trung Quốc qua chuyến đi nghiên cứu thực tế tại Bắc Kinh, giảng viên Viện Văn hóa và Phát triển cho biết, để quản lý học viên và kích thích tinh thần học tập chủ động,

sáng tạo, triết lý của Trường Đảng Trung ương Trung Quốc là đào tạo cán bộ cho Đảng, cán bộ phải là những người tham gia hiến kế cho Đảng. Phương pháp đánh giá họ quan tâm nhất là kiểm tra vấn đáp và viết tiểu luận. Bài tiểu luận được đánh giá chất lượng hay không là ở chỗ học viên đã hiến kế được gì. Với hình thức đánh giá này buộc học viên phải học, phải đọc tài liệu nhiều. Để kích thích học viên nghiên cứu, đọc tài liệu, trong chương trình học có quy định học viên phải viết về những cuốn sách đã đọc, những thông tin lý luận của Đảng Cộng sản Trung Quốc hiện nay, những tư liệu mới. Giáo vụ và chi bộ sẽ giám sát, kiểm tra việc đọc của học viên, mỗi một tuần học viên phải viết một đoạn ngắn về những gì học viên đã đọc được. Sách được bố trí ở khắp nơi trong Trường Đảng. Tại ký túc xá, tầng 1 có một giá sách để học viên đọc. Trường có quy định trong 3 tháng đầu tiên học viên phải đọc các tác phẩm kinh điển và báo cáo việc đọc của mình. Chi bộ thường xuyên giám sát và báo cáo tình hình đọc tài liệu của học viên. Như vậy, việc đọc tài liệu của học viên được Trường Đảng Trung ương Trung Quốc đặc biệt quan tâm trong chương trình đào tạo cán bộ. Các hình thức trên đã rèn luyện cho học viên hình thành thói quen tự học, tự đọc tài liệu, từ đó, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

Từ năm 2018 đến năm 2021, trong chương trình học tập của các lớp cao cấp lý luận hệ tập trung, Học viện có quy định mỗi tháng học viên có 02 buổi nghiên cứu tài liệu tại thư viện như một buổi học chính khóa. Cán bộ thư viện điểm danh, theo dõi việc đọc tài liệu của học viên. Khi đến thư viện, được trực tiếp tiếp xúc với tài liệu đã tạo nên nhu cầu đọc cho học viên. Tại phòng đọc sách tự chọn, mỗi buổi số lượng sách học viên lấy ra đọc khá lớn, trung bình 01 cuốn/người. Thư viện phải huy động nhiều cán bộ để xếp tài liệu sau mỗi buổi lên thư viện của học viên. Một số học viên chia sẻ, nhờ có các buổi lên thư viện mà họ viết được mấy bài báo. Như vậy, hình thức này cũng có tác dụng nhất định trong việc tạo ra nhu cầu, hứng thú đọc tài liệu cho học viên. Tuy nhiên, từ năm 2022 trở lại đây, trong chương trình học tập của học viên có thời gian tự nghiên cứu tài liệu nhưng không bắt buộc, vì vậy, số lượng học viên đến thư viện rất ít.

Từ những thực trạng trên, vấn đề đặt ra hiện nay đối với Học viện CTQG HCM là cần tiếp tục đổi mới phương thức đào tạo, phương thức kiểm tra, đánh giá để tạo áp lực cho học viên phải đọc tài liệu.

3.3. MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ NHẪM PHÁT TRIỂN VĂN HOÁ ĐỌC CỦA HỌC VIÊN HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

3.3.1. Đối với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

3.3.1.1. Ban hành chính sách phát triển văn hóa đọc trong hệ thống Học viện

Chính sách phát triển văn hóa đọc có vai trò quan trọng trong việc xây dựng chuẩn mực đọc cho học viên, tạo ra hành lang pháp lý phát triển tài liệu đọc có giá trị và lành mạnh, tạo sự thuận tiện, bình đẳng trong việc tiếp cận với tài liệu, tạo môi trường đọc thân thiện và hiện đại cho học viên. Đó là các chính sách phát triển toàn diện đối với các lĩnh vực có liên quan đến văn hóa đọc như: giáo dục, thư viện, báo chí, xuất bản. Hiện nay, Học viện chưa có chiến lược về phát triển văn hóa đọc cho học viên trong toàn hệ thống Học viện. Kinh nghiệm trên thế giới cho thấy, hầu hết các nước có văn hóa đọc phát triển đều đã có những đạo luật, văn bản quy định và chính sách đảm bảo cho văn hóa đọc phát triển. Chẳng hạn như, ở Hàn Quốc, từ những năm 1960 -1970, Bộ Giáo dục đã bắt đầu phát động các chiến dịch khuyến đọc cho thanh thiếu niên trên phạm vi toàn quốc. Đến năm 2006, nhận thấy tầm quan trọng của việc đọc, Chính phủ Hàn Quốc đã chính thức ban hành Đạo luật Phát triển văn hóa đọc. Đạo luật này đã chỉ thị thiết lập một Chương trình phát triển văn hóa đọc, thành lập Ủy ban Khuyến đọc và yêu cầu tất các cơ quan từ trung ương đến địa phương phải cung cấp cơ hội đọc sách bình đẳng cho mọi trẻ em, trong đó quy định rõ vai trò của cộng đồng, nhà trường và thậm chí cả các công ty tư nhân đối với việc khuyến đọc. Tương tự, ở Nhật Bản, Luật Khuyến đọc dành cho trẻ em được thông qua vào năm 2001, là cơ sở để Bộ Giáo dục ban hành Kế hoạch Khuyến đọc trên toàn quốc và năm 2005 Nhật Bản ban hành Luật Chấn hưng văn hóa đọc nhằm thúc đẩy văn hóa đọc trong dân chúng [55]. Ở Trung Quốc việc đọc đã được luật hóa, chuyển từ "chỉ tiêu mềm" về xây dựng văn hóa thành "chỉ tiêu cứng" và được đưa vào kế hoạch phát triển kinh tế và xã hội. Sau khi được luật hóa, việc khuyến khích đọc sách của người dân được quy hoạch, tổ chức thống nhất, đảm bảo hỗ trợ tài chính được thực hiện. Để thúc đẩy văn hóa đọc, cùng với công tác thư viện, công tác xuất bản được chú trọng phát triển. Theo số liệu của Beijing Open Book, từ năm 2015 đến năm 2019, thị trường sách Trung Quốc liên tục tăng trưởng hơn 10%/năm [55].

Đối với Học viện CTQG HCM, để phát triển văn hóa đọc, cần ban hành các chính sách phát triển văn hóa đọc. Trên cơ sở thực trạng và xu hướng biến đổi văn

hóa đọc của học viên, Học viện cần xây dựng chiến lược phát triển văn hóa đọc nhằm thiết lập các mục tiêu và đề ra các chính sách phù hợp để phát triển văn hóa đọc của học viên trong toàn hệ thống Học viện. Chiến lược cần quy định trách nhiệm của từng khoa, Vụ, Viện, từng giảng viên trong việc tổ chức, hướng dẫn, giới thiệu sách chuyên môn và kết quả các công trình nghiên cứu khoa học cho học viên. Đưa ra lộ trình, bước đi cụ thể nhằm phát triển tổng thể, đồng bộ hoạt động thông tin - thư viện, báo chí, xuất bản trong toàn hệ thống Học viện. Trong đó, quy định trách nhiệm của Viện Thông tin khoa học và các Trung tâm Thông tin khoa học trong việc xây dựng hệ thống thông tin - thư viện thông minh, kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các thư viện trong hệ thống với nhau và với các thư viện trong nước và quốc tế; tạo lập, cung cấp sản phẩm thông tin - thư viện và dịch vụ thư viện hiện đại đáp ứng nhu cầu của học viên; xây dựng cơ sở dữ liệu, phát triển thư viện số; triển khai trang thông tin điện tử, cổng thông tin điện tử và các dịch vụ thư viện trên không gian mạng; phát triển kỹ năng tìm kiếm, khai thác và sử dụng thông tin, mở rộng tri thức cho người sử dụng thư viện. Quy định trách nhiệm của các đơn vị báo chí, xuất bản trong hệ thống Học viện trong việc tổ chức xuất bản, phát hành xuất bản phẩm phục vụ chương trình đào tạo, bồi dưỡng trong hệ thống Học viện. Quy định trách nhiệm của học viên trong việc chủ động, tự giác xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển văn hoá đọc của cá nhân; nghiêm túc thực hiện hoạt động tự nghiên cứu, tự học tại giảng đường, tại thư viện trong và ngoài giờ hành chính theo quy định; thực hiện nhiệm vụ đọc tài liệu liên quan đến nhiệm vụ học tập.

Việc phát triển nguồn tài nguyên thông tin điện tử đặc biệt là tài liệu lý luận chính trị là một chiến lược vô cùng quan trọng nhằm tạo lập CSDL điện tử có giá trị cao và mang tính bản sắc của Học viện trong quá trình chuyển đổi số. Trong thời gian tới, Học viện cần có chính sách đưa toàn văn luận văn, luận án, đề tài nghiên cứu khoa học lên thư viện số, số hoá hệ thống giáo án, giáo trình, bài giảng điện tử cho từng môn học để đưa lên thư viện số phục vụ học viên đọc trực tuyến.

Để nâng cao nhu cầu đọc của học viên, Học viện cần có chính sách khuyến khích học viên nghiên cứu khoa học, đăng tải các bài viết trên các tạp chí, bản tin của Học viện.

3.3.1.2. Đổi mới quyết liệt phương pháp giảng dạy; đa dạng hóa hình thức kiểm tra, đánh giá

Trong những năm qua, Học viện CTQG HCM rất quyết liệt trong việc cải tiến phương pháp giảng dạy, đặc biệt là áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực trong hầu hết các hệ đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao chất lượng bài giảng, tăng hiệu quả trong truyền tải những kiến thức lý luận vốn được xem là khô cứng. Tuy nhiên, hiện nay chương trình học các hệ lớp đặc biệt là lớp cao cấp lý luận chính trị hệ tập trung vẫn còn nặng về thời lượng học tập trên lớp, nên học không có nhiều thời gian nghiên cứu, đọc tài liệu tại thư viện. Vì vậy, chương trình học tập cần bố trí, tăng cường thời gian học viên tự nghiên cứu, đọc tài liệu tại thư viện.

Việc vận dụng các phương pháp giảng dạy tích cực có vai trò quan trọng trong việc phát huy tính chủ động của học viên và ảnh hưởng trực tiếp đến mục đích, nhu cầu và thói quen đọc của học viên. Vì vậy, để nâng cao văn hoá đọc của học viên, Học viện cần tiếp tục đẩy mạnh áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực với phương châm lấy người học làm trung tâm, trong đó đề cao tính tự học, tự nghiên cứu, tính độc lập, sáng tạo của học viên; đưa nhiệm vụ phải đọc tài liệu tham khảo để củng cố, bổ sung, mở rộng kiến thức của bài giảng, giáo trình là yêu cầu bắt buộc đối với học viên, từ đó hình thành nhu cầu, thói quen đọc cho học viên.

Để kích thích nhu cầu đọc của học viên, trước hết giảng viên phải là người định hướng, khơi gợi hứng thú học tập, lan tỏa cảm hứng khám phá tri thức cho học viên. Muốn vậy, cần tổ chức hoạt động nhận thức của học viên theo hướng gợi mở, phát hiện và giải quyết vấn đề. Với cách dạy này, đòi hỏi giảng viên phải sử dụng có hiệu quả phương pháp dạy học mới như: phương pháp dạy học giải quyết vấn đề, phương pháp dạy học nghiên cứu, phương pháp hợp tác,...

Giảng viên cần tạo môi trường học tập tương tác, trao đổi cởi mở. Tăng cường các hình thức trao đổi, thảo luận, yêu cầu người học phải nghiên cứu tài liệu, mở xẻ vấn đề ở các khía cạnh khác nhau để có thể tham gia đóng góp ý kiến hoặc tranh luận để bảo vệ ý kiến của mình. Việc thảo luận và thuyết trình nhóm buộc học viên phải đọc và nghiên cứu tài liệu để tìm ra phương án tốt nhất cho bài thuyết trình. Trong thảo luận, thuyết trình, giảng viên cần khuyến khích chất vấn, tranh luận, lôi cuốn sự tham gia đồng đảo của học viên; có nhận xét, đánh giá tinh thần làm việc, chất lượng bài thảo luận, thuyết trình...; khích lệ, động viên đúng mức, tạo động lực để gia tăng tinh thần nghiên cứu, học tập của học viên.

Bên cạnh áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực, cần đa dạng hoá hình thức thi, kiểm tra đánh giá. Kết hợp các hình thức kiểm tra tự luận đóng với tự luận mở, vấn đáp và trắc nghiệm. Để thúc đẩy và khuyến khích học viên chủ động và sáng tạo trong học tập, biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo, nâng cao chất lượng học tập của học viên thì hình thức, cơ chế đánh giá chất lượng học tập của học viên cần phải linh hoạt và đa dạng hơn. Việc đánh giá từng môn học nên thông qua nhiều hình thức: kiểm tra viết giữa môn, viết tiểu luận, ý kiến đóng góp thảo luận tại các buổi Xêmina và thi vấn đáp hết môn. Nội dung đề thi phải mang tính tổng hợp, bao gồm kiến thức ở nhiều học phần khác nhau, kể cả kiến thức học viên tự học, tự đọc, tự nghiên cứu từ các tài liệu tham khảo và đảm bảo yêu cầu vừa kiểm tra kiến thức cơ bản, vừa đánh giá năng lực vận dụng vào thực tế. Việc đánh giá kết quả đào tạo, bồi dưỡng phải thực sự khách quan, nghiêm túc, tránh tình trạng nể nang hoặc chạy theo thành tích. Điều này sẽ giúp học viên từng bước làm quen với yêu cầu đọc, nhu cầu đọc, nhận thấy rõ hơn giá trị đọc ngay ở kết quả kiểm tra, đánh giá, qua đó góp phần hình thành thói quen đọc.

Các Viện chuyên ngành, các bộ môn nên có nhiều hình thức khuyến khích học viên đọc sách như: Học viên nộp bút ký sau khi đọc sách liên quan đến môn học, tổ chức các cuộc thi thuyết trình giới thiệu sách, hùng biện sách,..., khuyến khích, động viên học viên tham gia viết bài cho các bản tin, tạp chí của Viện chuyên ngành, tham gia viết chuyên đề cho các đề tài nghiên cứu khoa học trong Học viện.

3.3.1.3. Nâng cao chất lượng nội dung giáo trình, sách lý luận chính trị đáp ứng nhu cầu đọc của học viên

Phát triển văn hóa đọc phải bắt đầu từ công tác xuất bản. Sách hay về chất lượng, đẹp về hình thức, đa dạng về nội dung, phù hợp với từng đối tượng học viên khác nhau,... là những yếu tố đầu tiên, cơ bản hấp dẫn học viên, góp phần thúc đẩy văn hóa đọc.

Trong những năm gần đây, việc biên soạn giáo trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng luôn được Học viện xác định là nhiệm vụ trọng tâm đối với hoạt động đào tạo, bồi dưỡng; nghiên cứu khoa học của Học viện. Học viện đã bổ sung nội dung mới mang tính thực tiễn, hiện đại để xuất bản Bộ Giáo trình Cao cấp lý luận chính trị sử dụng thống nhất trong toàn hệ thống Học viện và các cơ sở đào tạo của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an. Học viện đã hoàn thành việc bổ sung, cập nhật 19 bộ

giáo trình cao cấp lý luận chính trị và biên soạn mới 10 giáo trình trung cấp lý luận chính trị, tài liệu bồi dưỡng đối tượng 3, đối tượng 4 theo hướng quán triệt sâu sắc Nghị quyết, văn kiện của Đại hội XIII của Đảng và bám sát các vấn đề thực tiễn mới trong nước và quốc tế. Đây là nguồn tài liệu hữu ích, cung cấp cho học viên những kiến thức nền tảng trong quá trình học tập, nghiên cứu tại Học viện. Bên cạnh đó, công tác xuất bản sách lý luận chính trị đã đạt được những kết quả quan trọng. Nhiều tác phẩm lý luận chính trị có giá trị lớn được xuất bản và công bố đáp ứng đồng thời các yêu cầu về tính định hướng, tính chiến đấu và tính hấp dẫn, có tác dụng lan tỏa trong đời sống xã hội, giải đáp nhiều vấn đề quan trọng về lý luận chính trị, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, về xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, về thành tựu và kinh nghiệm tiến hành công cuộc đổi mới. Tuy nhiên, công tác xuất bản sách lý luận, chính trị vẫn còn những hạn chế như: chưa có nhiều đầu sách hay, có giá trị cao về lý luận và thực tiễn. Nội dung một số sách lý luận chính trị chưa giải đáp trúng, sâu sắc những vấn đề thực tiễn công cuộc đổi mới đặt ra. Phương thức xuất bản, phát hành còn nhiều bất cập, việc xuất bản điện tử, phát hành trên mạng internet chưa được quan tâm đúng mức,...

Theo kết quả khảo sát, sách giáo trình và sách tham khảo, chuyên khảo là loại tài liệu được học viên sử dụng nhiều nhất (84% và 75%). Trong thời gian tới, để đáp ứng nhu cầu sách lý luận chính trị của học viên, trước hết, Học viện cần kịp thời cập nhật chương trình, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của Học viện CTQG HCM để nắm bắt được nội dung học tập cũng như nhu cầu tài liệu của học viên, trên cơ sở đó, xác định được thể loại sách sẽ xuất bản.

Đối với mảng sách giáo trình, thực hiện Đề án 1677 của Thủ tướng Chính phủ, Học viện đã xây dựng xong các Khung chương trình, giáo trình đào tạo, bồi dưỡng. Tuy nhiên, để tiếp tục nâng cao hơn nữa chất lượng các chương trình, giáo trình đào tạo qua từng năm học, các viện chuyên ngành cần tiếp tục cập nhật các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, cập nhật thực tiễn, chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện để nâng cao hơn nữa chất lượng chương trình, giáo trình đào tạo; nội dung sách giáo trình cần bảo đảm sự thống nhất của các chương trình về chuẩn tri thức, tính sư phạm, tính hệ thống, tính cập nhật,... bảo đảm có đủ sách công cụ học tập cho tất cả các chương trình đào tạo, bồi dưỡng của Học viện. Bên cạnh đó,

cần tập trung biên soạn và xuất bản mảng sách chính trị, sách đấu tranh trực diện với các quan điểm sai trái, phản động nhằm bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước ta để phục vụ trực tiếp cho công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý của Học viện. Đối với mảng sách kinh điển, cần tăng cường thể loại sách chuyên đề bám sát các nhiệm vụ chính trị, phục vụ cho việc học tập tra cứu của các đối tượng học viên, các sách nghiên cứu, sách giới thiệu nguyên gốc các tác phẩm kinh điển, các tác phẩm lý luận cổ điển phục vụ cho việc nghiên cứu, học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, trong đó đặc biệt chú ý đến các ấn phẩm tuyên truyền về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh dưới dạng hỏi đáp, trắc nghiệm, tự luận. Ngoài ra, có thể chọn lọc để dịch và xuất bản các tác phẩm nghiên cứu lý luận của nước ngoài làm tài liệu tham khảo cho việc nghiên cứu lý luận chính trị, đấu tranh lý luận bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin. Đối với mảng sách văn kiện Đảng, nghiệp vụ công tác Đảng, sách pháp luật, cần chú trọng những đề tài nghiên cứu, giải thích Nghị quyết của Đảng, giải thích pháp luật của nhà nước, các sách chuyên đề văn kiện phục vụ cho những nhiệm vụ chính trị cụ thể... Mảng sách nghiên cứu lý luận chính trị cần bám sát công tác nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn của Đảng, quán triệt phương hướng, nhiệm vụ công tác tư tưởng, lý luận theo tinh thần của Đảng.

Hiện nay, với sự phát triển của các nền tảng mạng xã hội cùng các thiết bị đọc thông minh, việc đọc sách nói chung và sách lý luận chính trị nói riêng dưới dạng sách điện tử ngày càng trở nên phổ biến. Nhận thức được xu thế tất yếu của hình thức xuất bản điện tử, Chỉ thị số 44-CT/TW, ngày 16/4/2020, của Ban Bí thư về đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xuất bản, phát hành và nghiên cứu, học tập sách lý luận, chính trị đã đưa ra quan điểm chỉ đạo: “Đa dạng hóa các thể loại sách và phương thức xuất bản, phát hành sách lý luận, chính trị, đặc biệt là xuất bản sách điện tử và phát hành sách trên mạng internet...”. Bám sát chủ trương trên, Học viện cần chỉ đạo Nhà xuất bản Lý luận chính trị hiện đại hoá, áp dụng khoa học và công nghệ vào hoạt động xuất bản để xuất bản những bộ sách lý luận chính trị trọng điểm dưới hình thức sách điện tử. Đồng thời tăng cường tuyên truyền, giới thiệu sách lý luận chính trị trên mạng Internet. Khi tận dụng được những ưu thế vượt trội của công nghệ số, sách lý luận chính trị sẽ trở thành loại sách chủ lực đóng góp vào

sự hình thành và phát triển văn hóa chính trị Việt Nam thời kỳ đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

3.3.1.4. Nâng cao chất lượng thông tin khoa học lý luận chính trị trên các tạp chí, bản tin của Học viện

Các Tạp chí, bản tin cần bám sát nhiệm vụ chính trị của Đảng, Chính phủ và của Học viện trong từng thời kỳ để tổ chức xây dựng kế hoạch xuất bản, đặt bài, khai thác thông tin trong hoạt động xuất bản của các tạp chí; bảo đảm tính thống nhất, tính chính thể của báo chí toàn Học viện trên cơ sở xác định dung lượng thông tin, nội dung phù hợp, đặc thù, thế mạnh của từng tạp chí.

Cần tiếp tục phát huy vai trò hữu hiệu của tạp chí điện tử trong việc cung cấp thông tin khoa học lý luận chính trị phục vụ công tác học tập và nghiên cứu của học viên. Đây là hình thức cung cấp thông tin đạt hiệu quả tối ưu nhất hiện nay nhằm tăng sự tương tác, chia sẻ, phát triển thông tin khoa học lý luận chính trị trên nhiều bình diện, nhiều phương thức khác nhau, góp phần phục vụ tốt hơn công tác nghiên cứu khoa học, học tập của học viên; đồng thời, tích hợp những thành tựu lý luận chính trị của Học viện và của đất nước để quảng bá ra thế giới.

Để đáp ứng yêu cầu hiện nay, Tạp chí, Bản tin cần tích cực và chủ động đổi mới nội dung và phương thức cung cấp thông tin, chú trọng hơn nữa việc khai thác các nguồn tin cả trong nước và quốc tế. Tiếp cận các cơ sở dữ liệu số hóa, đặc biệt là các cơ sở dữ liệu ở nước ngoài. Lãnh đạo Học viện và cơ quan chủ quản các tạp chí, bản tin cần xem xét xuất bản tạp chí in song hành với tạp chí điện tử nhằm thích ứng với xu hướng đọc trực tuyến của học viên hiện nay.

3.3.2. Đối với các thư viện của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Với nhiệm vụ thu thập, lưu giữ, bảo quản và phổ biến các giá trị tri thức, văn hoá của quốc gia và nhân loại, thư viện có vai trò quan trọng trong việc hình thành thói quen đọc và tạo dựng một môi trường đọc sách lành mạnh, thích hợp với sự tiến bộ xã hội.

Là nơi lưu trữ, gìn giữ và lan tỏa các giá trị tri thức, văn hóa của một cộng đồng, quốc gia, dân tộc..., thư viện luôn được coi là một biểu tượng của văn hóa đọc, là trung tâm sinh hoạt văn hoá tinh thần, đáp ứng các nhu cầu đọc và sử dụng tài liệu của các đối tượng khác nhau với những mục đích khác nhau. Vì vậy, việc phát triển văn hóa đọc của học viên cần gắn với việc phát triển hệ thống thư viện Học viện.

3.3.3.1. Nâng cao chất lượng nguồn lực thông tin

Bất cứ một cơ quan thông tin - thư viện nào muốn hoàn thành chức năng, nhiệm vụ của mình, muốn đạt được hiệu quả phục vụ tốt nhất, điều đầu tiên phải quan tâm đến là xây dựng nguồn lực thông tin đầy đủ, lớn về số lượng, có định hướng, phù hợp với nhu cầu ngày càng cao của bạn đọc. Đây là yếu tố quan trọng thu hút bạn đọc tìm đến thư viện. Đối với thư viện Học viện, để phát triển nguồn lực thông tin cần phải xây dựng chính sách bổ sung nguồn tư liệu dựa trên nhu cầu tin của học viên kết hợp với việc xem xét nhiệm vụ chiến lược của Học viện theo từng thời kỳ. Do kinh phí bổ sung có hạn trong khi khối lượng tài liệu trong xã hội vô cùng lớn, vì vậy thư viện phải xác định được diện tài liệu, loại hình ngôn ngữ, số lượng tài liệu, v.v... để bổ sung sao cho phù hợp, cân đối. Thư viện cần thường xuyên khảo sát nhu cầu thông tin, tài liệu của học viên để kịp thời xác định nhu cầu thông tin ngắn hạn cũng như dài hạn, phục vụ công tác đào tạo và giảng dạy lý luận chính trị của Học viện. Kết quả khảo sát sẽ giúp công tác phát triển nguồn lực thông tin nói chung và thông tin khoa học lý luận chính trị nói riêng của thư viện đáp ứng đầy đủ hơn nhu cầu khai thác sử dụng của người dùng tin. Bên cạnh đó, cán bộ thư viện cũng cần tổ chức, thực hiện đánh giá định kỳ nguồn lực thông tin hiện có tại đơn vị thông qua các phương pháp khảo sát ý kiến của cán bộ, giảng viên, học viên, thống kê tần suất khai thác, phân tích các yêu cầu thông tin trong quá trình phục vụ... Từ đó, có thể đưa ra những điều chỉnh về diện bổ sung tài liệu khoa học, kịp thời phục vụ công tác đào tạo và giảng dạy lý luận chính trị tại Học viện.

Về nội dung tài liệu, trong chính sách phát triển nguồn lực thông tin cần ưu tiên lĩnh vực, chủ đề theo các chuyên ngành đào tạo tại Học viện, trong đó mảng thông tin, tài liệu về lý luận chính trị là chủ đạo.

Về loại hình tài liệu, trong bối cảnh chuyển đổi số, thư viện cần chú trọng tới việc xây dựng nguồn lực thông tin số, đặc biệt là các CSDL thư mục và toàn văn về lý luận chính trị. Việc bổ sung tài liệu điện tử có ý nghĩa quan trọng với hoạt động thư viện vì tài liệu này chứa đựng lượng thông tin lớn, cùng một thời điểm có thể phục vụ nhiều người, tiết kiệm thời gian, chi phí, dễ tham khảo chéo, tạo ra kênh thông tin hai chiều giữa người sử dụng thông tin và người sáng tạo thông tin, đồng thời người dùng tin có thể dễ dàng liên kết tới các trích dẫn, các nguồn tham khảo. Trước mắt, thư viện cần tăng cường số hóa tài liệu nội sinh để phục vụ bạn đọc như

các luận án, luận văn, đề tài nghiên cứu khoa học, sách giáo trình, bài giảng được xuất bản tại Học viện, các tài liệu pháp luật, tài liệu kinh điển. Sau đó, tạo thành các bộ sưu tập số có giá trị cao về nội dung để phục vụ bạn đọc trực tuyến.

Bên cạnh đó, muốn phát triển nguồn tin điện tử phong phú, thư viện cần tham gia các liên hiệp bổ sung tài liệu điện tử theo địa lý, mua tài khoản sử dụng sách điện tử (e-books), mua quyền truy cập CSDL toàn văn trực tuyến dùng chung cho các thư viện trong toàn hệ thống, tích hợp các nguồn học liệu mở của các đơn vị trong và ngoài nước, xây dựng các liên kết tạo khả năng truy cập đến các nguồn tin trên Internet. Cách làm này vừa tận dụng được lợi ích kinh tế, vừa đáp ứng về mặt thời gian.

Sự bùng nổ thông tin toàn cầu trong một thế giới phẳng hiện nay khiến lượng thông tin về khoa học, xã hội, kinh tế, chính trị, các tin tức thời sự nóng bỏng trên thế giới viết bằng các thứ tiếng ngày càng nhiều đặc biệt là tiếng Anh. Hiện nay, cơ cấu nguồn lực tài liệu tại các thư viện Học viện có sự chênh lệch khá lớn giữa tiếng Việt và tiếng Anh. Tài liệu tiếng Việt chiếm đến 99%, tài liệu tiếng Anh của thư viện chủ yếu là sách được tài trợ, nguồn biếu tặng và một số tạp chí tiếng Anh mua từ nguồn kinh phí bổ sung hàng năm. Trong thời gian tới, Học viện tăng cường hợp tác quốc tế về đào tạo cũng như nghiên cứu khoa học, vì vậy, thư viện cần chú trọng bổ sung thêm tài liệu bằng tiếng Anh và các tiếng khác như tiếng Trung, Tiếng Nga, Tiếng Lào,... Bổ sung tài liệu ngoại văn thông qua các loại hình tài liệu điện tử như CSDL, sách điện tử, sách in... sẽ giúp cán bộ, giảng viên, học viên tiếp cận được những thành tựu, thông tin mới nhất của thế giới.

3.3.2.2. Đổi mới phương thức hoạt động của hệ thống thư viện Học viện nhằm thích ứng với xu hướng đọc của học viên hiện nay

Phát triển dịch vụ thông tin - thư viện trực tuyến.

Bối cảnh chuyển đổi số đã và đang tác động mạnh mẽ đến hoạt động thông tin - thư viện cả chất và lượng. Ngày nay, các cơ quan thư viện phải luôn tự đổi mới, tìm tòi các giải pháp để nâng cao và hoàn thiện chất lượng hệ thống sản phẩm và dịch vụ thông tin - thư viện để thích ứng với nhu cầu ngày càng cao của người dùng tin. Để không bị lép vế trước các phương tiện truyền thông khác, các thư viện hiện đại có xu hướng tăng cường phát triển các dịch vụ thông tin - thư viện trực tuyến trên nền tảng dịch vụ thư viện truyền thống như: 1) Dịch vụ tra cứu dữ liệu

trực tuyến thông qua mục lục tra cứu trực tuyến (OPAC) giúp tìm kiếm thông tin, tài liệu được nhanh chóng, chính xác và tiết kiệm thời gian; 2) Dịch vụ quản lý mượn trả tài liệu qua mạng giúp người dùng tin đăng ký mượn tài liệu qua mạng, quản lý và gia hạn tài liệu quá hạn chủ động và thuận tiện; 3) Dịch vụ hỏi đáp tư vấn thông tin thư viện trực tuyến được hỗ trợ 24/7 thông qua các chatbox trả lời tự động; 4) Dịch vụ cung cấp tài liệu theo yêu cầu phát triển dựa trên dịch vụ tra cứu trực tuyến kết hợp dịch vụ sao chụp tài liệu để cung cấp tài liệu được sao chụp tới người dùng tin theo yêu cầu (dịch vụ tính phí); 5) Dịch vụ khai thác tài liệu điện tử trực tuyến thông qua cung cấp quyền truy cập các tài liệu điện tử toàn văn trong kho tài nguyên thông tin điện tử (dịch vụ có tính phí), v.v... Để nâng cao hiệu quả hoạt động thông tin - thư viện trong kỷ nguyên số, góp phần thúc đẩy văn hóa đọc phát triển, cùng với việc nâng cao chất lượng các dịch vụ thư viện truyền thống, các thư viện Học viện cần đẩy mạnh phát triển các dịch vụ thông tin - thư viện trực tuyến. Trước hết, thư viện cần tăng cường số hoá, đưa toàn văn các tài liệu nội sinh lên thư viện số; chú ý bổ sung thêm các tài liệu điện tử; mua quyền truy cập CSDL của một số cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước để phục vụ học viên đọc trực tuyến. Ứng dụng các mạng xã hội như Facebook, Zalo, Twitter... trong việc triển khai các dịch vụ liên quan tới người dùng tin, đặc biệt trong công tác hỗ trợ, tư vấn và giải đáp các thắc mắc của bạn đọc. Thư viện cần tăng cường tổ chức các buổi thông tin chuyên đề, hội thảo, tọa đàm trao đổi thông tin dưới hình thức trực tuyến để học viên có thể tiếp cận thông tin mà không gặp những rào cản về không gian và thời gian.

Xây dựng không gian đọc thân thiện, tạo hứng thú cho học viên đến thư viện.

Hệ thống thư viện của Học viện CTQGHCM cần tập trung xây dựng và phát triển dịch vụ thông tin thư viện, đa dạng hóa các sản phẩm thông tin và các loại hình dịch vụ nhằm đáp ứng các nhu cầu khác nhau của học viên như: nghiên cứu, học tập, làm việc nhóm, thư giãn, giải trí hoặc thực hành, sáng tạo, phát triển năng lực cá nhân,... Để làm được việc này, các thư viện cần tái cấu trúc không gian phục vụ, tổ chức lại các tiện ích thư viện truyền thống đảm bảo sự thân thiện và hiệu quả trong sử dụng. Không gian cần được thiết kế với mục đích khuyến khích học viên học tập chứ không chỉ đơn thuần phù hợp với hoạt động của thư viện. Cần kết hợp giữa các dịch vụ thư viện với các dịch vụ giá trị gia tăng, dịch vụ thông tin giải trí,... nhằm thu hút học viên đến thư viện. Thiết kế một số phòng đọc thành không

gian học tập, làm việc hay thư giãn, đảm bảo tính linh hoạt trong đáp ứng các nhu cầu khác nhau của học viên.

Thư viện cần đẩy mạnh hợp tác và chia sẻ sản phẩm và dịch vụ thông tin thư viện giữa các thư viện trong hệ thống Học viện và với các thư viện ngoài Học viện nhằm mở rộng không gian đọc cho học viên.

Trong xã hội thông tin, việc tồn tại các trung tâm thông tin thư viện độc lập, rời rạc có thể hạn chế sự luân chuyển và phát huy sức mạnh của tài nguyên thông tin. Do đó, tăng cường hợp tác và chia sẻ tài nguyên thông tin giữa các trung tâm thông tin - thư viện với nhau là một trong những giải pháp nhằm sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên thông tin. Học viện cần xây dựng, nâng cấp thư viện điện tử/thư viện số, thực hiện kết nối giữa thư viện Học viện trung tâm với 05 thư viện Học viện trực thuộc và thư viện của 63 trường chính trị trong cả nước để tạo thành kho dữ liệu số dùng chung, trong đó Học viện là trung tâm kết nối, lưu trữ, cấp phép quyền truy cập cho người dùng trên toàn quốc. Điều này tạo điều kiện cho học viên có cơ hội tiếp cận các nguồn tư liệu thông tin khoa học một cách đầy đủ nhất, hiệu quả nhất trên không gian mạng.

Trên thế giới hiện nay đang phát triển 02 mô hình hợp tác và chia sẻ sản phẩm và dịch vụ thông tin thư viện sau: Thứ nhất là mô hình hợp tác tập chung, nghĩa là tạo một cổng thông tin dùng chung. Các trung tâm thông tin thư viện trong hệ thống sẽ cùng nhau xây dựng chung một hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung và thống nhất mô hình cung cấp dịch vụ thông tin cho người dùng tin. Thứ hai là mô hình hợp tác phân tán, nghĩa là mỗi trung tâm thông tin thư viện trong hệ thống sẽ đóng vai trò riêng biệt trong mắt xích chuỗi cung ứng sản phẩm và dịch vụ thông tin thư viện cho người dùng tin, giữa các trung tâm thông tin thư viện sẽ có những thỏa thuận trong cung ứng sản phẩm và dịch vụ thông tin thư viện cho người dùng khi có yêu cầu. Hiện tại, hệ thống thư viện Học viện CTQGHCM đang áp dụng mô hình hợp tác phân tán. Mỗi trung tâm thông tin thư viện trong hệ thống Học viện đang hoạt động riêng lẻ, ít có sự kết nối, do đó hoạt động thông tin thư viện chưa phát huy hết hiệu quả. Vì vậy, các trung tâm thông tin thư viện trong hệ thống Học viện cần nghiên cứu và thống nhất phương thức hợp tác chia sẻ sản phẩm và dịch vụ thông tin thư viện. Sự hợp tác này sẽ tạo điều kiện để các trung tâm thông tin thư viện hỗ trợ nhau cùng phát triển, tăng cường sức mạnh của tài nguyên thông tin thư viện,

tạo cơ sở để hình thành những trung tâm tri thức đáp ứng nhu cầu toàn diện của người dùng tin.

Bên cạnh việc chia sẻ nguồn lực thông tin trong toàn hệ thống, các thư viện Học viện có thể chia sẻ nguồn lực thông tin với các cơ quan thông tin - thư viện hoặc các cơ quan, tổ chức có nguồn lực thông tin hay một phần nguồn lực thông tin phù hợp với nhu cầu tin của cơ quan mình như: Hội đồng Lý luận Trung ương, Trung tâm Thông tin khoa học của Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, Học viện Chính trị công an nhân dân, Thư viện Văn phòng Chính phủ, Thư viện Quân đội, Thư viện Quốc gia Việt Nam, v.v...

3.3.2.3. Hướng dẫn học viên các kỹ năng cần thiết nhằm phát triển văn hóa đọc cho học viên

Sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin đem lại nhiều cơ hội cũng như thách thức cho mọi thành viên trong xã hội. Để có thể sống, học tập và làm việc hiệu quả trong môi trường số ngày càng đa dạng, học viên cần được trang bị những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho việc tìm kiếm, đánh giá và sử dụng hiệu quả nguồn tài liệu sẵn có bên trong và bên ngoài thư viện. Thư viện cần đào tạo, hướng dẫn học viên các nội dung sau:

- Giới thiệu cho học viên hiểu và nắm được hệ thống dịch vụ thông tin thư viện trong Học viện, một số thư viện trong nước và quốc tế có nguồn tài liệu phù hợp với nhu cầu đọc của học viên.

- Hướng dẫn cách thức tìm kiếm, khai thác nguồn tài nguyên, sản phẩm, dịch vụ tại thư viện; Chính sách, nội quy và quy trình sử dụng thư viện; Cách tổ chức kho tài liệu của thư viện.

- Hướng dẫn cách tra cứu thông tin trên mục lục trực tuyến OPAC, giới thiệu các CSDL và phạm vi thông tin của CSDL; Kỹ thuật tìm kiếm và truy cập thông tin từ công cụ hỗ trợ tìm tin trên CSDL.

- Hướng dẫn cách tìm kiếm thông tin trên Internet: Giới thiệu các nguồn thông tin chính thống, đáng tin cậy trên Internet; Hướng dẫn kỹ thuật tìm kiếm và truy cập thông tin từ các công cụ tìm kiếm trên Internet.

- Hướng dẫn khai thác các nguồn thông tin mở (open - access) và các công kết nối thông tin theo chủ đề (SBIG) của các cơ quan, tổ chức trong nước và trên thế giới.

- Cung cấp và hướng dẫn cho học viên cách sử dụng các công cụ quản lý dữ liệu tham khảo trên môi trường số như phần mềm EndNote, RefWorks,

Zotero,...các phần mềm tiện ích như Microsoft Office, các sản phẩm của công nghệ Web 2.0 như SurveyMonkey, Blog, Del.icio.us, Furl, Google Bookmark để hỗ trợ cho việc thu thập, tổ chức, lưu trữ, trình bày và chia sẻ thông tin một cách hiệu quả.

- Trang bị cho học viên kỹ năng đánh giá và lựa chọn tài liệu, đặc biệt trong môi trường số, kỹ năng trao đổi và chia sẻ thông tin, kỹ năng làm việc với tài liệu,... nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu, tư duy phê phán và phản biện, kỹ năng giải quyết vấn đề của học viên.

- Phổ biến vấn đề sở hữu trí tuệ và vấn đề bản quyền tác giả để học viên nắm rõ, không vi phạm khi sử dụng tài liệu.

Việc hướng dẫn học viên cần được tiến hành một cách thường xuyên, liên tục, bằng nhiều hình thức để học viên có thể tiếp cận ở mọi nơi, mọi lúc như: Tổ chức các lớp đào tạo ngắn hạn với hình thức tập trung hoặc triển khai trực tuyến thông qua các video clip minh họa hoặc qua tờ rơi, hệ thống các bảng chỉ dẫn, hướng dẫn người dùng tin trực tiếp tại thư viện. Đối tượng tham gia các hoạt động đào tạo không chỉ tập trung vào đối tượng là học viên cao cấp lý luận chính trị hệ tập trung mà cần mở rộng đến tất cả các đối tượng học viên khác.

3.3.2.4. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về văn hóa đọc nhằm kích thích nhu cầu, hứng thú đọc của học viên

Học viện cần tổ chức nhiều hoạt động, sự kiện tuyên truyền, tôn vinh giá trị của sách và văn hoá đọc nhằm lan tỏa rộng rãi văn hóa đọc tới cán bộ, học viên, hình thành không gian văn hóa đọc, đưa văn hóa đọc trở thành một nét đẹp trong văn hóa trường Đảng. Công tác tuyên truyền văn hóa đọc có thể được thực hiện với nhiều hình thức và nội dung khác nhau nhưng đòi hỏi phải có sự phối kết hợp chặt chẽ giữa các đơn vị trong Học viện, đặc biệt là sự ủng hộ tích cực và có hiệu quả từ phía Đảng ủy, Ban Giám đốc Học viện. Các hoạt động tuyên truyền văn hóa đọc cho học viên cần chú trọng cả nội dung và hình thức nhằm phát huy tối đa hiệu quả. Viện Thông tin khoa học cần phối kết hợp với các đơn vị liên quan đẩy mạnh các hoạt động hưởng ứng ngày Sách và Văn hóa đọc Việt Nam 21-4 hằng năm như: Phát động tuần lễ đọc sách; tổ chức triển lãm sách, giới thiệu sách, bình sách; quyên góp sách, trao tặng sách cho bạn đọc; tổ chức các cuộc thi đọc sách với các giải thưởng nhất định, nhằm khuyến khích, thu hút đông đảo học viên tham gia và thúc đẩy thói quen đọc sách trong học viên; tổ chức các buổi tọa đàm, nói chuyện chuyên

đề nhằm trao đổi về các kỹ năng tự học, phương pháp đọc sách, cách thu nhận và sử dụng tri thức vào thực tế có hiệu quả.

Trong kỷ nguyên thông tin số, nhiều học viên cho rằng, họ có thể tìm kiếm thông tin họ cần trên mạng Internet mà không cần phải đến thư viện. Đây là nhận thức chưa đúng. Bởi lẽ, khác với các tài liệu trên mạng Internet, tất cả các tài liệu trong các cơ quan thông tin - thư viện đều được đánh giá, lựa chọn, kiểm duyệt trước khi đưa vào phục vụ bạn đọc. Đó là những tài liệu chính thống, có hàm lượng tri thức khoa học cao, có nội dung phù hợp với đối tượng phục vụ, nhiều tài liệu không được phổ biến trên mạng Internet. Vì vậy, thông qua hoạt động tuyên truyền, thư viện cần làm cho học viên hiểu rõ các sản phẩm và dịch vụ thông tin - thư viện hiện có tại thư viện, cũng như những lợi ích mà các dịch vụ này mang đến cho học viên, đặc biệt là các sản phẩm và dịch vụ thông tin mới, có giá trị, từ đó thu hút họ đến thư viện tìm đọc tài liệu. Hoạt động marketing sản phẩm và dịch vụ thông tin - thư viện có thể thực hiện qua nhiều kênh như: mạng xã hội, website, email, bảng tin, thông báo...; hoặc thông qua nhiều hình thức khác như: tổ chức các buổi hội thảo, hội nghị bạn đọc, triển lãm, tổ chức các lớp tập huấn giới thiệu và hướng dẫn sử dụng các sản phẩm và dịch vụ thông tin - thư viện; phát hành các tờ rơi hay biên soạn cẩm nang, video giới thiệu về các sản phẩm và dịch vụ thông tin - thư viện.

3.3.2.5. Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ thông tin - thư viện

Trong hoạt động đọc, cán bộ thư viện là "chiếc cầu nối" giữa học viên với tài liệu, hướng dẫn học viên khai thác nguồn thông tin, tài liệu tốt nhất có trong thư viện, góp phần giáo dục, hình thành và phát triển văn hóa đọc của học viên.

Xu hướng phát triển của thư viện hiện nay đang dần thay đổi từ thư viện truyền thống sang thư viện điện tử, thư viện số và trong tương lai là thư viện thông minh. Hầu hết các hoạt động nghiệp vụ thư viện không còn mang tính chất thủ công hoặc bán thủ công mà sẽ tự động hoá hoàn toàn với sự trợ giúp của máy tính. Nhiệm vụ của người làm công tác thư viện không chỉ là người trông coi sách, thụ động lấy sách ra, cất sách vào theo yêu cầu của bạn đọc mà còn là một chuyên gia thông tin. Cán bộ thông tin - thư viện phải là người có trình độ tin học, có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác thư viện; làm chủ được những công nghệ mới, các phương tiện kỹ thuật hiện đại để tạo ra các sản phẩm và dịch vụ thông tin có chất lượng, làm gia tăng giá trị sử dụng của thông tin tài liệu cả về mặt nội dung lẫn hình thức, phù hợp với nhu cầu sử dụng của học viên.

Trong bối cảnh bùng nổ thông tin như hiện nay, nếu như không có sự hỗ trợ, định hướng, học viên sẽ rất dễ bị chơi voi giữa biển thông tin rộng lớn. Vai trò “hoa tiêu trên biển thông tin” - vai trò cầu nối giữa tài liệu với học viên của cán bộ thư viện càng trở nên vô cùng cần thiết. Với những kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ được đào tạo, cán bộ thư viện sẽ là “ngọn hải đăng” định hướng cho học viên tiếp cận được tài liệu một cách đầy đủ, chính xác nhất. Để làm tốt nhiệm vụ này, bên cạnh nghiệp vụ chuyên môn, cán bộ thư viện phải có tri thức hiểu biết rộng về các lĩnh vực Học viện đang nghiên cứu, giảng dạy để có thể đánh giá, lựa chọn được các nguồn tài liệu phù hợp với học viên, từ đó có thể định hướng, khơi gợi cho học viên những nhu cầu thông tin mới, giúp họ có kỹ năng xác định đúng nhu cầu về thông tin của mình.

Cán bộ thư viện trong thời đại mới phải là người có khả năng làm việc nhóm, khả năng giao tiếp, khả năng thuyết trình,... để có thể quảng bá hình ảnh của thư viện, giới thiệu những dịch vụ và sản phẩm thông tin của thư viện tới học viên, thu hút được ngày càng đông học viên đến với thư viện và sử dụng các dịch vụ của thư viện.

Để đáp ứng được các yêu cầu trên, Học viện cần thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và công nghệ thư viện cho cán bộ đang làm công tác thông tin thư viện, cử cán bộ học các lớp đào tạo chuyên sâu về thông tin thư viện, tăng cường các chương trình thực tế, kết nối với các thư viện trong và ngoài Học viện để cán bộ thư viện được trao đổi và học hỏi kinh nghiệm. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ về nhiều mặt như lý luận chính trị, tin học, ngoại ngữ, kỹ năng giao tiếp,... để đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ mới.

3.3.3. Đối với học viên Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

3.3.3.1. Nâng cao nhận thức của học viên về giá trị đọc

Học viên Học viện đều là cán bộ, đa số là cán bộ lãnh đạo, cán bộ chủ chốt ở các ban, ngành, địa phương. Vị trí công tác của họ đòi hỏi họ phải có năng lực, bản lĩnh để định hướng, lãnh đạo, tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ chính trị được giao. Muốn vậy, học viên phải không ngừng học tập, tu dưỡng, rèn luyện, trau dồi những tri thức tiến bộ, tinh hoa của xã hội.

Hiện nay, với sự phát triển của Internet, học viên có thể ngồi một chỗ tìm kiếm thông tin trên thế giới, có thể đọc bất cứ gì họ muốn, chỉ cần một máy tính hoặc một chiếc điện thoại thông minh kết nối mạng. Tuy nhiên, sự phát triển của khoa học công nghệ đã khiến cho văn hóa đọc của học viên đang đứng trước cả cơ hội và thách thức. Cơ hội bởi học viên được tiếp cận với một khối lượng tri thức

không lờ qua các phương tiện truyền thông khác nhau nhưng nó lại tiềm ẩn một nguy cơ làm mai một thói quen đọc. Không nhiều học viên dành thời gian cho việc tìm đọc những sách, báo in hay có thói quen đến thư viện đọc tài liệu, mà họ tìm đến những phương tiện hiện đại hơn, tiện ích hơn: sách mạng, báo mạng và truyền hình... Việc đọc tài liệu của một số học viên còn mang tính thụ động, chưa xuất phát từ nhu cầu tự thân. Họ chỉ đọc tài liệu khi đến kỳ thi, kiểm tra hết môn. Tỷ lệ học viên đọc tài liệu với mục đích nghiên cứu khoa học còn thấp.

Trong thời đại của cách mạng khoa học kỹ thuật, kinh tế tri thức, thời đại giao lưu, hội nhập, hợp tác cùng phát triển giữa các nước trên thế giới, một cá nhân không thể trở thành một người có tài năng nếu không biết ngoại ngữ, một dân tộc không thể vươn lên nhanh chóng để sánh vai cùng các nước khác nếu dân tộc đó kém về ngoại ngữ. Tuy nhiên, hiện nay, trình độ ngoại ngữ vẫn là trở ngại trong việc tiếp cận tài liệu của học viên, vì vậy, số lượng học viên đọc các tài liệu viết bằng tiếng nước ngoài chưa nhiều. Những hạn chế nêu trên đặt ra vấn đề là cần phải nâng cao hơn nữa nhận thức của học viên về giá trị đọc.

Trước hết, học viên cần nhận thức được vai trò, trọng trách của mình để tự xác định đúng động cơ, mục đích của việc học tập, đó là “Học để làm việc, làm người, làm cán bộ. Học để phụng sự Đoàn thể, giai cấp và nhân dân, Tổ quốc và nhân loại” [46, tr.208]. Xác định mục đích học là yếu tố kích thích, tạo động lực bên trong để người học say mê chiếm lĩnh tri thức phục vụ cho mục đích của mình. Từ đó, thôi thúc học viên tự nghiên cứu, tự đọc tài liệu để chiếm lĩnh tri thức.

Khi có nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của văn hóa đọc và ý nghĩa của tri thức, đặc biệt là tri thức lý luận chính trị đối với cuộc sống và nghề nghiệp của bản thân, học viên sẽ khắc phục bệnh lười học, lười đọc, chủ động, tự giác, tích cực trong tìm kiếm tài liệu để học tập, nghiên cứu nhằm đạt kết quả cao trong học tập, trong lĩnh vực công tác và phát triển toàn diện bản thân. Chính sự tích cực, chủ động này sẽ giúp học viên hình thành thói quen đọc thường xuyên, từ đó nâng cao năng lực thông tin và rèn luyện phương pháp đọc hiệu quả.

3.3.3.2. Tăng cường học tập lý luận chính trị thông qua tự học, tự đọc tài liệu để hình thành thói quen đọc

Việc học tập, trong đó có học tập lý luận là việc làm thường xuyên và lâu dài của người cán bộ. Hồ Chí Minh đã từng nói: “Học hỏi là một việc phải tiếp tục suốt

đòi. Suốt đời phải gắn liền lý luận với công tác thực tế. Không ai có thể tự cho mình đã biết đủ rồi, biết hết rồi. Thế giới ngày ngày đổi mới, nhân dân ta ngày càng tiến bộ, cho nên chúng ta phải tiếp tục học và hành để tiến bộ kịp nhân dân” [47, tr.377]. Học viên cần nhận thức sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng về học tập lý luận, khắc phục tình trạng ngại đọc, lười đọc hoặc đọc qua loa đại khái, đọc theo kiểu đối phó, dẫn đến vấn đề gì cũng biết nhưng không hiểu sâu, nắm vững về vấn đề gì.

Mục tiêu và chuẩn đầu ra trong đào tạo của Học viện là học để làm việc, để vận dụng các kiến thức lý luận vào giải quyết những vấn đề từ thực tiễn, trong đó có một mục tiêu quan trọng về kỹ năng là học viên phải có được khả năng nhận diện, phê phán và đấu tranh bác bỏ các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Thực tế cho thấy, phần lớn những vấn đề mà các thế lực thù địch đang xuyên tạc, bóp méo nhằm kích động, chống phá Đảng, Nhà nước và Nhân dân ta hiện nay đều liên quan trực tiếp tới các nội dung thuộc lĩnh vực lý luận chính trị. Việc nghiên cứu, đọc tài liệu lý luận chính trị sẽ giúp cho học viên nhận thức đúng đắn và đầy đủ hơn về tính cách mạng, tính khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; trang bị cơ sở lý luận và phương pháp luận cho người làm công tác lý luận; là cơ sở định hướng cho việc nghiên cứu, tiếp thu những nhân tố tiến bộ, những thành tựu đạt được của tri thức đương đại để bổ sung, hoàn thiện, phát triển tri thức kinh điển, phê phán những nhân tố lạc hậu trong các lý luận ngoài Mác - Lênin; từ đó trang bị cho học viên vũ khí lý luận sắc bén để nhận diện, phê phán, đấu tranh bác bỏ các quan điểm sai trái, thù địch, góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, bảo vệ Cương lĩnh chính trị, đường lối của Đảng.

Hiện nay, vấn đề đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị nhằm nâng cao trình độ trí tuệ, trình độ lý luận cho cán bộ, đảng viên luôn được Học viện CTQG HCM quan tâm. Trong chương trình học tập, các vấn đề rường cột của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước được hệ thống theo dạng chuyên đề để học viên dễ dàng tiếp thu. Các vấn đề lý luận gắn với thực tiễn, với giải quyết các vấn đề thực tiễn luôn được cập nhật. Việc lồng ghép nội dung bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng được chú trọng trong tất cả các hoạt động giảng dạy và học tập của học viên từ giáo trình, bài giảng, hoạt động thực tế đến khâu kiểm tra, đánh giá học viên.

Là những cán bộ, đảng viên, đồng thời cũng là học viên trường Đảng mang tên Bác, học viên Học viện CTQGHCM phải là người tiên phong, gương mẫu trong việc nhận thức sâu sắc, đầy đủ các giá trị lý luận mang tính nền tảng, không ngừng học tập nâng cao trình độ năng lực, “có hiểu biết cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước” [20, tr.300]. Từ đó, thông qua hoạt động thực tiễn của mình ở địa phương, tích cực tuyên truyền, lan tỏa và làm cho các giá trị lý luận thâm nhập sâu hơn vào trong đời sống xã hội, làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân hiểu rõ những giá trị và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tin tưởng, làm theo và đi theo hệ tư tưởng, “kim chỉ nam” - chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

3.3.3.3. Rèn luyện chuẩn mực đọc

Để đạt hiệu quả trong học tập, ngoài việc nghe giảng trên lớp học viên cần rèn luyện cho mình thói quen tự học, tự nghiên cứu. Việc tự học diễn ra ở mọi nơi. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng căn dặn: “Học ở trường, học ở sách vở, học lẫn nhau và học nhân dân” [46, tr.361]. Vì vậy, phương pháp học tốt nhất là đọc nhiều tài liệu. Học viên cần xây dựng cho mình kế hoạch đọc tài liệu, dù bận rộn đến mấy cũng phải ưu tiên thời gian cho việc đọc. Trước khi lên lớp, học viên nên nghiên cứu, đọc trước các tài liệu liên quan đến nội dung bài giảng/chuyên đề để chuẩn bị kiến thức, chuẩn bị những vấn đề cần trao đổi, thảo luận, tương tác với giảng viên trong quá trình học. Trong giờ học, học viên cần chú ý nghe giảng để tiếp thu tri thức từ giảng viên, tích cực trao đổi, thảo luận với giảng viên về những vấn đề cần làm rõ, từ đó mới có thể so sánh, phân tích, nắm vấn đề sâu sắc hơn, biến tri thức từ sách vở, từ thầy cô và từ nhiều nguồn khác thành tri thức của mình. Trong quá trình đọc, học viên cần thực hiện phương châm học đi đôi với hành, lý luận gắn liền với thực tiễn. Bởi lẽ, “thực tiễn không có lý luận hướng dẫn thì thành thực tiễn mù quáng. Lý luận mà không liên hệ với thực tiễn là lý luận suông” [48, tr.95]. Bên cạnh việc lĩnh hội các nội dung trong tài liệu, điều quan trọng là học viên phải liên hệ, áp dụng những gì đã đọc được với hoạt động thực tiễn, thông qua thực tiễn làm sáng tỏ nội dung tri thức, kiểm nghiệm tri thức, biến tri thức thành kỹ năng của mình. Muốn vậy, trong quá trình đọc tài liệu, học viên phải nêu cao tác phong độc lập suy nghĩ, có tư duy phản biện, tư duy phán đoán, mạnh dạn đưa ý kiến nhận xét, thắc mắc của mình mà

không quá phụ thuộc vào tài liệu và bài giảng của giảng viên. “Phải đào sâu, hiểu kỹ, không tin một cách mù quáng từng câu một trong sách, có vấn đề chưa thông thì mạnh dạn đề ra và thảo luận cho vỡ lẽ. Đối với bất cứ vấn đề gì đều phải đặt câu hỏi “vì sao”, đều phải suy nghĩ kỹ càng xem nó có hợp với thực tế không, có thật là đúng lý không, tuyệt đối không nên nhắm mắt tuân theo sách vở một cách xuôi chiều” [48, tr.98-99]. Đây là yếu tố quan trọng để hình thành cho học viên khả năng phê phán, tư duy đổi mới, sáng tạo, tránh được bệnh giáo điều và việc đọc mới mang lại nhiều lợi ích thiết thực.

Trong bối cảnh bùng nổ thông tin như hiện nay, học viên cần không ngừng nghiên cứu, học hỏi kỹ năng tìm kiếm tài liệu, kỹ năng đọc, đồng thời nâng cao trình độ chuyên môn, trình độ ngoại ngữ, trình độ tin học để có khả năng tìm kiếm, lựa chọn, xử lý tài liệu từ nhiều nguồn khác nhau với các định dạng, ngôn ngữ khác nhau. Để có khả năng vận dụng kiến thức đọc được vào trong thực tế cuộc sống, học viên cần có môi trường để thực hành các kỹ năng đọc. Nghiên cứu khoa học và các hoạt động ngoại khóa là môi trường lý tưởng để cho học viên trải nghiệm tất cả các kỹ năng được học trong trường, trong đó có kỹ năng đọc. Vì vậy, học viên cần chủ động, tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, viết bài đăng tạp chí và các hoạt động ngoại khóa nhằm tạo cho bản thân nhu cầu và kỹ năng đọc tài liệu.

KIẾN NGHỊ

*** Đối với lãnh đạo Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

Thứ nhất, tiếp tục nâng cao nhận thức về vai trò, tầm quan trọng của văn hóa đọc đối với công tác nghiên cứu khoa học, đào tạo, giảng dạy và học tập lý luận chính trị của Học viện. Cần làm cho các chủ thể tác động đến văn hóa đọc của học viên trong phạm vi nhà trường như: học viên, giảng viên, cán bộ thư viện có nhận thức đúng, đầy đủ, sâu sắc về tầm quan trọng, tính cấp bách phải đặc biệt quan tâm phát triển văn hóa đọc cho học viên trong điều kiện đổi mới công tác đào tạo và bùng nổ của công nghệ thông tin.

Thứ hai, chú trọng công tác ban hành các chính sách, kế hoạch, chiến lược về phát triển văn hóa đọc trong toàn hệ thống Học viện, gắn với thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 3048 -KH/HVCTQG ngày 18 tháng 3 năm 2024 về thực hiện Phong trào “Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh hưởng ứng thi đua xây dựng xã hội học tập suốt đời” (giai đoạn 2024-2030).

Thứ ba, quan tâm phát triển đồng bộ thiết chế thư viện. Tiếp tục đầu tư nâng cấp, cải thiện cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động đọc của học viên (thư viện, nguồn học liệu, hệ thống internet,...). Trang bị các thiết bị công nghệ và phần mềm quản lý hiện đại cho các thư viện trong toàn hệ thống Học viện nhằm đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong toàn hệ thống Học viện và các cơ quan thông tin - thư viện trong và ngoài nước. Nâng cấp hệ thống mạng LAN, internet, wifi tốc độ cao để phục vụ tốt nhu cầu đọc trực tuyến của học viên.

Thứ tư, quan tâm và chỉ đạo sát sao đến công tác bổ sung phát triển nguồn tài nguyên thông tin thư viện. Chỉ đạo các đơn vị thực hiện nghiêm túc chính sách nộp lưu chiểu tài liệu trong toàn hệ thống Học viện (đặc biệt là đề tài khoa học và các giáo trình, sách tham khảo, chuyên khảo do các đơn vị, cá nhân trong Học viện xuất bản); tăng cường thêm nguồn kinh phí mua quyền truy cập các loại hình CSDL điện tử cho thư viện.

Thứ năm, quan tâm công tác giáo dục văn hóa đọc cho học viên. Trong kế hoạch học tập của các hệ lớp cần tăng cường thời lượng nội dung tập huấn về kỹ năng đọc, kỹ năng tìm kiếm và xử lý tài liệu cho học viên; nâng cao năng lực số cho học viên nhằm đáp ứng yêu cầu học tập mọi lúc, mọi nơi, học tập suốt đời.

Thứ sáu, tăng cường triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học trong học viện và cần có cơ chế, chính sách khuyến khích học viên tham gia nghiên cứu khoa học và viết bài đăng trên các tạp chí của Học viện, tạo môi trường khuyến khích học viên chủ động, tích cực, tự giác tham gia học tập và học tập suốt đời.

Thứ bảy, chú trọng xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ làm công tác thông tin - thư viện có đủ phẩm chất chính trị, đạo đức và năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

*** Đối với lãnh đạo Viện Thông tin khoa học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

Một là, phát huy vai trò là đầu mối nghiệp vụ thông tin, tư liệu, thư viện của toàn hệ thống thư viện Học viện, chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc hệ thống thư viện Học viện thống nhất chuẩn nghiệp vụ xử lý tài nguyên thông tin, hướng tới đảm bảo đồng bộ, chia sẻ dữ liệu khi dùng chung phần mềm thư viện điện tử, thư viện số. Tiếp tục chú trọng quan tâm hơn nữa tới công tác quản lý hệ thống sản

phẩm và dịch vụ thông tin - thư viện, làm nền tảng phát triển của hoạt động thông tin khoa học trong toàn hệ thống, đáp ứng những yêu cầu đặt ra của chuyển đổi số.

Hai là, chỉ đạo các bộ phận chuyên môn phối hợp với các đơn vị khác trong Học viện xây dựng các chương trình, kế hoạch, đề án phát triển hệ thống sản phẩm và dịch vụ thông tin - thư viện trong bối cảnh chuyển đổi số như: tăng cường số hóa các nguồn tài nguyên thông tin trong toàn hệ thống Học viện; đẩy mạnh công tác số hóa, thu thập tài nguyên số nội sinh, kết nối các cơ sở dữ liệu trong nước và quốc tế làm nguyên liệu đầu vào cho công tác phát triển hệ thống sản phẩm và dịch vụ thông tin - thư viện.

Ba là, quan tâm, chú trọng hơn nữa tới vấn đề đào tạo đội ngũ cán bộ thư viện như: thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ thư viện, tạo điều kiện cho cán bộ tham gia các hội thảo, nghiên cứu thực tế, học tập kinh nghiệm từ các cơ quan thông tin - thư viện hiện đại, coi công tác này là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng năm cũng như là mục tiêu chiến lược phát triển lâu dài của Thư viện.

Bốn là, tập trung xây dựng các kế hoạch dài hạn, trung hạn, ngắn hạn để Học viện có cơ sở cấp kinh phí đầu tư, nâng cấp hệ thống thông tin - thư viện trong bối cảnh chuyển đổi số. Trước mắt, cần nghiên cứu, tham mưu cho Ban Giám đốc Học viện giải pháp triển khai giai đoạn tiếp theo của dự án “Đổi mới công nghệ, nâng cấp thư viện thành thư viện thông minh tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh”, xây dựng thư viện Học viện xứng đáng là nơi cung cấp thông tin cho một cơ sở đào tạo cán bộ lãnh đạo, quản lý của đất nước.

*** Đối với lãnh đạo các Học viện trực thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

Một là, xây dựng kế hoạch phát triển văn hóa đọc phù hợp với thực tiễn của đơn vị trong từng giai đoạn cụ thể.

Hai là, tiếp tục quán triệt đội ngũ giảng viên vận dụng các phương pháp giảng dạy tích cực nhằm rèn luyện cho học viên khả năng tự học, tự nghiên cứu. Tăng cường lồng ghép các biện pháp nhằm kích thích tính tự giác của học viên trong việc đọc, nghiên cứu tài liệu.

Ba là, quan tâm xây dựng chiến lược phát triển thư viện một cách tổng thể theo hướng hiện đại hóa. Cần có sự đầu tư đúng mức về kinh phí và cơ sở vật chất cho thư viện nhằm xây dựng môi trường đọc thân thiện, hiện đại, hiệu quả cho học viên.

Bốn là, chỉ đạo Trung tâm Thông tin khoa học có trách nhiệm đóng góp vào sự nghiệp phát triển chung của công tác thư viện, tích cực chia sẻ nguồn lực thông tin với các thư viện trong hệ thống Học viện CTQGHCM.

Năm là, xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác thông tin - thư viện đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

Tiểu kết chương 3

Hiện nay, cách mạng công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số đã tác động đến mọi mặt của đời sống xã hội trong đó có hoạt động thông tin - thư viện, báo chí, xuất bản. Với sự phát triển của Internet và các thiết bị cá nhân như: Iphone, Ipad, Kindle, Nook, Smartphone, Smartpad,... xu hướng đọc tài liệu giấy, đọc sách điện tử và sử dụng các dịch vụ thông tin - thư viện trực tuyến sẽ ngày càng phổ biến. Bên cạnh đó, không gian đọc, thời gian đọc, kỹ năng tìm kiếm tài liệu, cách thức, phương tiện đọc của học viên Học viện CTQGHCM cũng thay đổi.

Có nhiều vấn đề đặt ra đối với văn hóa đọc của học viên Học viện CTQGHCM. *Thứ nhất*, từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đến nay, công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị luôn được Đảng ta quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo. Đặc biệt, trong thời kỳ đổi mới, Đảng ta đã ban hành nhiều quy định về học tập lý luận chính trị đối với cán bộ, đảng viên. Để đáp ứng được yêu cầu trong tình hình mới, mỗi cán bộ, đảng viên phải không ngừng tự học tập, đọc, nghiên cứu tài liệu lý luận chính trị. *Thứ hai*, Cách mạng công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số đã đặt ra vấn đề đối với học viên là phải có khả năng đánh giá, lựa chọn thông tin, phải có kỹ năng đọc nâng cao, vượt xa những gì cần thiết để hiểu một văn bản giấy truyền thống, vấn đề ứng xử trên môi trường mạng để không vi phạm quy định về bản quyền tác giả. Đối với các thư viện, để tránh nguy cơ bị tụt hậu và lép vế trước các phương tiện truyền thông khác, vấn đề quan trọng đặt ra hiện nay là tăng cường chuyển đổi số và đổi mới phương thức phục vụ. *Thứ ba*, trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, cốt lõi của đổi mới giáo dục là đổi mới phương pháp, nâng cao khả năng tự học, tự cập nhật kiến thức của học viên. Trong thời gian tới, vấn đề đặt ra đối với Học viện CTQGHCM là cần tiếp tục đổi mới phương thức đào tạo, phương thức kiểm tra, đánh giá để tạo áp lực cho học viên phải đọc tài liệu, điều này đòi hỏi học viên phải dành nhiều thời gian hơn cho việc đọc tài liệu.

Phát triển văn hóa đọc là quá trình tự bản thân mỗi người nâng cao năng lực sáng tạo trong quá trình đọc dưới tác động của các yếu tố như môi trường sống, môi trường học tập, hoạt động của hệ thống thông tin - thư viện, xuất bản, báo chí,... Phát triển văn hóa đọc cho học viên Học viện CTQGHCM không phải là việc của một cơ quan, tổ chức riêng lẻ mà là kết quả của sự phối hợp chặt chẽ và hiệu quả của các bên liên quan, trong đó có bản thân học viên, giảng viên, cơ quan thông tin - thư viện,... theo một cơ chế thích hợp. Tùy từng điều kiện cụ thể và mục tiêu cần đạt tới, sự phối hợp giữa các đơn vị, cá nhân tham gia phát triển văn hóa đọc có thể thực hiện theo những cách thức khác nhau.

Chương 3 luận án đã dự báo xu hướng biến đổi, xác định những vấn đề đặt ra đối với văn hóa đọc của học viên, đồng thời đưa ra các khuyến nghị nhằm phát triển văn hóa đọc của học viên Học viện CTQGHCM hiện nay.

KẾT LUẬN

Hiện nay, văn hoá đọc đang là vấn đề được nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước quan tâm. Tuy nhiên, chưa có quan niệm thống nhất về văn hoá đọc, tùy từng góc độ tiếp cận mà mỗi tác giả đưa ra quan niệm khác nhau về văn hoá đọc. Nghiên cứu văn hóa đọc của học viên dưới góc độ văn hóa học, tác giả luận án tiếp cận văn hóa đọc ở các khía cạnh: Giá trị đọc và chuẩn mực đọc. Cũng giống như các thành tố khác của nền văn hóa, văn hóa đọc của học viên cũng bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố như: yếu tố môi trường xã hội (truyền thống văn hóa, chính trị, kinh tế, khoa học công nghệ, giáo dục, hệ thống thông tin - thư viện,...); yếu tố cá nhân (lứa tuổi, trình độ học vấn, nghề nghiệp, vị trí xã hội...). Văn hóa đọc có vai trò quan trọng đối với học viên, không chỉ cung cấp thông tin, tri thức để phục vụ việc học tập và nghiên cứu khoa học của học viên tại Học viện CTQG HCM, mà còn phát triển năng lực nghề nghiệp, nâng cao bản lĩnh chính trị, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, phẩm chất đạo đức của người cán bộ, đảng viên, xây dựng người cán bộ phát triển toàn diện đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn cách mạng hiện nay.

Với chỉ dẫn của V.I.Lênin: “Không có lý luận cách mạng thì cũng không thể có phong trào cách mạng” [36, tr.30] và “chỉ Đảng nào được một lý luận tiên phong hướng dẫn thì mới có khả năng làm tròn vai trò chiến sĩ tiên phong” [36, tr.32], gắn với chức năng, nhiệm vụ của Học viện, giá trị đọc của học viên Học viện là hệ thống tri thức khoa học xã hội và nhân văn, trong đó tri thức lý luận chính trị là chủ đạo, được học viên tiếp nhận, lan tỏa và chia sẻ trong quá trình nghiên cứu, học tập và rèn luyện tại Học viện. Trên cơ sở triết lý giáo dục của Hồ Chí Minh “Học để làm việc, làm người, làm cán bộ. Học để phụng sự Đoàn thể, giai cấp và nhân dân, Tổ quốc và nhân loại” [46, tr.208], mục tiêu đào tạo cán bộ của Học viện là đào tạo cán bộ “vừa hồng, vừa chuyên”, đủ đức, đủ tài phục vụ sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, xây dựng chủ nghĩa xã hội và công cuộc đổi mới. Vì vậy, mục đích đọc của học viên Học viện CTQG HCM là đọc để phục vụ cho học tập, cho công việc và hướng đến các giá trị chân, thiện, mỹ nhằm phát triển toàn diện cả về thể lực, trí tuệ và nhân cách của người cán bộ, đảng viên.

Với phương châm đào tạo của Học viện là “lấy học viên làm trung tâm, giảng viên làm động lực và nhà trường làm nền tảng”, tăng cường tương tác, đổi

thoại giữa giảng viên và học viên, Học viện đã ban hành nội dung khung chương trình đào tạo, các nội quy, quy chế học tập đòi hỏi học viên phải tự nghiên cứu, đọc tài liệu, đưa văn hóa đọc trở thành một chuẩn mực đối với mỗi học viên, góp phần ngăn chặn tình trạng “ngại học, lười học” lý luận chính trị của một bộ phận cán bộ, đảng viên, học viên.

Đa số học viên nhận thức được vai trò của văn hóa đọc và có thói quen tích cực đối với việc đọc sách. Học viên tìm đọc tài liệu chủ yếu từ 04 nguồn: Internet, mua ở các hiệu sách, thư viện Học viện và tài liệu của giảng viên. Thói quen đọc của học viên thể hiện xu hướng đọc tài liệu số đang gia tăng. Internet, mạng xã hội, tài liệu điện tử, điện thoại thông minh là nguồn đọc và phương tiện đọc phổ biến của học viên. Là những người có trình độ nhất định cả về mặt lý luận và thực tiễn, học viên có khả năng đánh giá, lựa chọn tài liệu, có phương pháp đọc khoa học để hiểu và lĩnh hội nội dung tài liệu, có khả năng vận dụng những tri thức đã đọc vào thực tiễn và tích cực chia sẻ, lan tỏa các tri thức đọc được với cộng đồng.

Bên cạnh những mặt đạt được, văn hóa đọc của học viên vẫn còn những hạn chế như: Số học viên đọc với mục đích nghiên cứu khoa học chưa nhiều, một số học viên chưa dành nhiều thời gian cho việc đọc và nghiên cứu tài liệu, ngại nghiên cứu các tác phẩm kinh điển, việc đọc còn thụ động, chưa duy trì thói quen đọc tài liệu ở thư viện, kỹ năng tìm kiếm tài liệu trên môi trường số còn hạn chế,... Những hạn chế này xuất phát từ nhiều nguyên nhân, trong đó có cả nguyên nhân chủ quan và khách quan như: Một số học viên chưa xác định đúng đắn động cơ học tập, Học viện chưa ban hành chính sách phát triển văn hóa đọc trong toàn hệ thống Học viện, chưa có các quy định mang tính bắt buộc nhằm tạo áp lực cho học viên phải đọc tài liệu, thư viện Học viện phục vụ chủ yếu theo phương thức truyền thống, tài liệu điện tử và các dịch vụ trực tuyến chưa phát triển mạnh,... Văn hóa đọc của học viên Học viện CTQG HCM được phát triển và biến đổi dưới tác động của các yếu tố khách quan và chủ quan. Văn hóa đọc của học viên sẽ được nâng cao dưới tác động thuận lợi của các yếu tố khách quan như môi trường sống, môi trường học tập.

Trong bối cảnh hiện nay, Đảng ta đã ban hành nhiều quy định đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên phải không ngừng tự học tập, nghiên cứu tài liệu lý luận chính trị. Học viện CTQG HCM tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, toàn diện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đòi hỏi học viên phải tích cực, chủ động trong việc tự học, tự nghiên

cứu tài liệu. Cách mạng công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số đã tác động đến mọi mặt của đời sống xã hội trong đó có hoạt động thông tin - thư viện, xuất bản, báo chí. Trong bối cảnh đó, văn hóa đọc của học viên có xu hướng biến đổi theo nhiều chiều hướng. Thứ nhất, xu hướng đọc tài liệu điện tử và sử dụng các dịch vụ thông tin - thư viện trực tuyến trở nên phổ biến, song hành cùng với phương thức đọc truyền thống. Thứ hai, không gian đọc được mở rộng, thời gian đọc linh hoạt, kỹ năng tìm kiếm thông tin phát triển ở mức độ cao hơn, xu hướng đọc lướt, đọc phi tuyến tính phổ biến, nguy cơ vi phạm quyền tác giả.

Phát triển văn hóa đọc là phát triển nhận thức, năng lực và kỹ năng của người đọc gắn với hoàn thiện môi trường thuận lợi để đáp ứng nhu cầu đọc ngày càng cao của xã hội. Phát triển văn hóa đọc còn là sự tạo dựng những giá trị và chuẩn mực đọc lành mạnh cho cộng đồng và toàn xã hội. Từ thực trạng văn hóa đọc của học viên và xu hướng biến đổi trong văn hóa đọc của học viên đã đặt một số vấn đề đối với phát triển văn hóa đọc của học viên Học viện trong thời gian tới. Để phát triển văn hóa đọc của học viên đòi hỏi phải có sự thay đổi mang tính hệ thống từ học viên đến các bên liên quan như: cấp quản lý giáo dục, đội ngũ giảng viên, hệ thống thông tin - thư viện, báo chí, xuất bản...

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA TÁC GIẢ
ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Nguyễn Thị Tuyết Vân (2019), “Vai trò của văn hóa đọc đối với học viên Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Thông tin khoa học lý luận chính trị*, 04(53), tr.66-70.
2. Nguyễn Thị Tuyết Vân (2019), “Các yếu tố ảnh hưởng đến văn hóa đọc hiện nay”, *Tạp chí Thông tin khoa học lý luận chính trị*, 05(54), tr.82-86.
3. Nguyễn Thị Tuyết Vân (2019), “Thực trạng và giải pháp phát triển văn hóa đọc ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Giáo dục lý luận*, (294), tr.61-67.
4. Nguyen Thi Tuyen Van (2021), “The Fourth Industrial Revolution and some requirements for information - library officers in Vietnam nowadays”, *The European Journal of Humanities and Social Sciences*, (3), <https://doi.org/10.29013/EJHSS-21-3-20-24>.
5. Nguyễn Thị Tuyết Vân (2022), “Nâng cao chất lượng các sản phẩm và dịch vụ thông tin - thư viện nhằm phát triển văn hóa đọc tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh”, trong cuốn sách *60 năm phát triển thông tin khoa học phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội, tr.132-145.
6. Nguyễn Thị Tuyết Vân (2022), “Phát triển thư viện đại học đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong giáo dục đại học”, trong cuốn sách: *Kỷ yếu Hội thảo quốc tế “Chuyển đổi số và giáo dục đại học: Khi thách thức là cơ hội”*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội, tr.186-197.
7. Nguyễn Thị Tuyết Vân (2022), “Đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số hoạt động thông tin - thư viện để trở thành thư viện số thông minh tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh” trong cuốn sách: *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế “Phát triển thư viện số thông minh - Kinh nghiệm nước ngoài và giải pháp cho Việt Nam”*, Nxb Đại học quốc gia Tp.Hồ Chí Minh, Tp.Hồ Chí Minh (Bài viết được đăng trên *Tạp chí Thông tin & Tư liệu*, số 6-2022, tr.12-18).
8. Nguyễn Thị Tuyết Vân (2023), “Xu hướng biến đổi văn hóa đọc của sinh viên các trường đại học nước ta trước tác động của Cách mạng công nghiệp 4.0”, *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật*, (527), tr.63-65.
9. Nguyễn Thị Tuyết Vân (2023), “Giải pháp nâng cao văn hóa đọc cho học viên tại các cơ sở đào tạo ở nước ta hiện nay”, *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật*, (512), tr.98-100.
10. Nguyễn Thị Tuyết Vân (2023), “Tác động của cách mạng công nghiệp 4.0 đến văn hóa đọc và một số vấn đề đặt ra”, *Tạp chí Nghiên cứu văn hóa Việt Nam*, (1), tr.61-68.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Tài liệu Tiếng Việt

1. Adler, M. J., & Doren, C. V. (2012), *Phương pháp đọc sách hiệu quả*, Nxb Lao động và Xã hội, Hà Nội.
2. Vũ Văn Bách (2013), “Phát triển văn hóa đọc cho sinh viên hiện nay”, *Tạp chí Giáo dục*, (319), tr.32-36.
3. Ban Bí thư (2020), Chỉ thị số 44-CT/TW, ngày 16/4/2020 của Ban Bí thư về đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xuất bản, phát hành và nghiên cứu, học tập sách lý luận, chính trị, Hà Nội.
4. Ban Chấp hành Trung ương (2014), Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9, khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
5. Báo Nhân dân (2022), *Thúc đẩy văn hóa đọc, nhìn từ công nghệ*, tại trang <https://bvhttdl.gov.vn/thuc-day-van-hoa-doc-nhin-tu-cong-nghe-20220527145225623.htm>, 29/05/2022, [ngày truy cập 14/7/2023].
6. Deporter Bobbi và Mike Hernaki chủ biên, Nguyễn Thị Yến và Hiền Thu dịch giả (2007), *Phương pháp học tập siêu tốc - Khơi dậy năng lực tiềm ẩn trong bạn*, Nxb.Tri thức, Hà Nội.
7. Bộ Chính trị (2006), Nghị quyết số 52-NQ/TW, ngày 30/7/2006, Nghị quyết của Bộ Chính trị về đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và nghiên cứu khoa học của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
8. Bộ Chính trị (2014), Nghị quyết số 32-NQ/TW ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ lãnh đạo, quản lý, Hà Nội.
9. Bộ Chính trị (2018), Quyết định số 145-QĐ/TW, ngày 8-8-2018 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
10. Bộ Văn hóa - Thông tin và Thể thao (1992), *Thập kỷ văn hóa và phát triển*, Hà Nội.
11. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2010), *Định hướng và giải pháp phát triển văn hóa đọc ở Việt Nam*, Kỷ yếu hội thảo, Hà Nội.

12. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2018), *Văn hóa đọc trong kỷ nguyên số - Thực trạng và giải pháp*, Kỷ yếu hội thảo, Hà Nội.
13. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2020), *Văn hoá đọc với việc hình thành vốn tri thức, kỹ năng sống và phát triển nhân cách con người*, Kỷ yếu hội thảo, Hà Nội.
14. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2020), *Báo cáo đề dẫn Hội thảo phục vụ xây dựng đề án Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ trong hoạt động thư viện ở Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*, Kỷ yếu Hội thảo, Hà Nội.
15. Nguyễn Huy Côn (2000), *Kỹ thuật đọc nhanh các sách báo và tài liệu khoa học kỹ thuật*, Nxb Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.
16. Nguyễn Thế Dũng (2017), “Góp phần nhận diện văn hóa đọc”, *Tạp chí Nghiên cứu Văn hoá*, (20), tr.101-105.
17. Việt Dũng (2018), *Sức mạnh của data + AI*, tại trang <https://nhipcaudautu.vn/cong-nghe/suc-manh-cua-data-ai-3325032/>, [truy cập ngày 26/07/2022].
18. Trần Dương (2018), “Đa dạng hóa tuyên truyền hoạt động thông tin - thư viện nhằm nâng cao văn hóa đọc cho sinh viên tại Trường Đại học Hà Tĩnh”, *Tạp chí Thông tin và tư liệu*, (5), tr.117-123.
19. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.55.
20. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.300.
21. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), Nghị quyết số 04/NQ-TW ngày 30/10/2016, Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ, Hà Nội.
22. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập I, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.41, 236.
23. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập II, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.231, 235-36.
24. Đảng ủy Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2021), Báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 387-NQ/ĐU ngày 04-11-2011 về “Một số

- chủ trương, giải pháp nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng của Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay” (nay là Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh), Hà Nội.
25. Đảng ủy Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2023), *Báo cáo tổng kết công tác Đảng năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023*, ngày 02 tháng 2 năm 2023, Hà Nội.
 26. Đỗ Anh Đào (2021), *Văn hóa đọc của giảng viên tại Học viện Chính trị khu vực I*, Luận văn thạc sĩ Thông tin - thư viện, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Hà Nội.
 27. Mai Văn Hai, Mai Kiệm (2009), *Xã hội học văn hóa*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
 28. Lê Thị Thúy Hiền (2011), “Thực trạng văn hóa đọc của sinh viên chuyên ngành Thư viện - Thông tin Trường Đại học Văn hóa Hà Nội”, *Tạp chí Thư viện Việt Nam*, Tập 31 (5), tr.48, 53-56.
 29. Vũ Duy Hiệp (2015), *Một số giải pháp để phát triển văn hóa đọc sinh viên các trường đại học*, tại trang <http://hvtc.edu.vn/tabid/558/catid/143/id/18355/Mot-so-giai-phap-de-phat-trien-van-hoa-doc-cho-sinh-vien-cac-truong-dai-hoc/Default.aspx>, [truy cập ngày 16/2/2022].
 30. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2019), *Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh 70 năm truyền thống vẻ vang*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
 31. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2021), *Kế hoạch số 249-KH/HVCTQG ngày 8-6-2021 về việc rà soát, chỉnh sửa và xây dựng ngân hàng câu hỏi thi kết thúc học phần/môn học cho các hệ đào tạo tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*, Hà Nội.
 32. Nguyễn Trọng Hoàn (2016), “Phát triển văn hóa đọc thông qua đổi mới tổ chức hoạt động dạy học theo định hướng phát triển năng lực người học”, *Tạp chí Khoa học*, (82), tr.36-40.
 33. Đỗ Minh Hợp, Nguyễn Kim Lai (2007), *Văn hoá học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
 34. Đỗ Quốc Hùng (2016), “Khơi dậy văn hóa đọc từ xây dựng mô hình thư viện thân thiện tại Trường Đại học Hùng Vương, Phú Thọ”, *Tạp chí Thư viện Việt Nam*, Tập 58 (2), tr.49-52

35. Giang Thu Huyền, Nguyễn Đình Chương (2020), “Một số giải pháp phát triển văn hoá đọc, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng tại Học viện Chính trị Khu vực I”, *Tạp chí Giáo dục lý luận*, (315), tr.73-77.
36. V.I. Lênin (2005), *Toàn tập*, tập 6, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.30, 32.
37. Cao Xuân Liễu (2012), “Tìm hiểu kỹ năng đọc sách của sinh viên chuyên ngành tâm lí học”, *Tạp chí Giáo dục*, (293), tr.16 -18.
38. Đoàn Tiến Lộc (2017), *Nghiên cứu phát triển văn hoá đọc ở các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Thông tin Thư viện, Trường đại học Văn hoá Hà Nội, Hà Nội.
39. Trương Đại Lượng (2023), *Phát triển văn hóa đọc cho sinh viên trong môi trường số*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
40. Trịnh Cam Ly (2016), “Phát triển văn hóa đọc cho sinh viên ngành giáo dục tiểu học Trường Đại học Thủ đô Hà Nội đáp ứng yêu cầu dạy học theo định hướng phát triển năng lực”, *Tạp chí Khoa học* (3), tr.125-133
41. Lê Hồng Lý (2013), “Vai trò của văn hóa đọc trong sự phát triển nền văn hóa Việt Nam”, *Tạp chí Nhân lực khoa học xã hội*, (4).
42. C.Mác, Ph.Ăngghen (2011), *Toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.269.
43. Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
44. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.289.
45. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.273.
46. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 6, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.208, 361.
47. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 10, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.377.
48. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 11, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.95, 98-99.
49. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 16, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.208.
50. Đinh Văn Nam (2016), “Một số giải pháp phát triển văn hóa đọc góp phần nâng cao năng lực tự học của sinh viên Trường Đại học Hà Tĩnh”, *Tạp chí Khoa học*, (7), tr.95-108.

51. Nguyễn Hồng Nam (chủ biên), Dương Thị Hồng Hiếu (2016), *Giáo trình phương pháp dạy đọc văn bản*, Nxb Đại học Cần Thơ, Cần Thơ.
52. Đâu Tuấn Nam (2022), “Xây dựng chuẩn chương trình đào tạo cao cấp lý luận chính trị tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Thông tin khoa học lý luận chính trị*, (12), tr.15-21.
53. Phạm Thị Thúy Nga (2022), “Tác động của cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0 tới văn hóa đọc”, *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, (485), tr.95-98.
54. Vũ Dương Thúy Ngà (2012), “Đọc và giải pháp chấn hưng văn hóa đọc ở Việt Nam”, *Tạp chí Thông tin và tư liệu*, (5), tr.21-27.
55. Vũ Dương Thúy Ngà, Mai Thu Hiền (2022), *Văn hóa đọc ở một số nước và kinh nghiệm đối với Việt Nam*, tại trang <https://dangcongsan.vn/tu-tuong-van-hoa/van-hoa-doc-o-mot-so-nuoc-va-kinh-nghiem-doi-voi-viet-nam-611710.html>, [truy cập ngày 20/9/2022].
56. Đào Thị Ngọc (2016), *Nghiên cứu phát triển văn hóa đọc cho học viên tại Học viện Chính trị khu vực I*, Đề tài khoa học cấp cơ sở, Học viện Chính trị khu vực I, Hà Nội.
57. Trần Thị Minh Nguyệt (2023), “Góp bàn về văn hóa đọc trong xã hội hiện đại”, *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật*, (530).
58. Lê Thị Tuyết Nhung (2016), “Một số giải pháp phát triển văn hóa đọc cho sinh viên trong giai đoạn hiện nay”, *Tạp chí Giáo dục*, (6), tr.266-269.
59. NK (2024), *Doanh thu ngành xuất bản năm 2023 tăng 4,98%*, tại trang <https://dangcongsan.vn/tu-tuong-van-hoa/doanh-thu-nganh-xuat-ban-nam-2023-tang-4-98-661766.html>, [truy cập ngày 26/12/2022].
60. Paul, R.& Elder, L. (2014), *Cẩm nang tư duy đọc: Nghệ thuật đọc sâu*, Nxb Tổng hợp, TP. Hồ Chí Minh.
61. Cao Thanh Phước (2017), *Phát triển văn hoá đọc cho thiếu nhi khu vực Tây Nguyên*, Luận án Tiến sĩ Thông tin - Thư viện, Trường đại học Văn hoá Hà Nội, Hà Nội.
62. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2019), Luật Thư viện số 46/2019/QH14 ngày 21/11/2019, tr.2, 15, 16.
63. Đỗ Thị Quyên (2017), “Phát triển văn hóa đọc ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Nghiên cứu Văn hóa*, (21), tr.91.

64. Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh (2015), *Phương pháp nghiên cứu xã hội học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
65. A. A. Radugin (2001), *Từ điển bách khoa văn hóa học*, Nxb Viện Nghiên cứu Văn hóa nghệ thuật, Hà Nội, tr.563.
66. Thu Thảo (2006), “Đề phục hưng văn hóa đọc trong thời hiện đại”, *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật* (7), tr.99-101.
67. Nguyễn Việt Thảo (2022), “Nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh trước bối cảnh và yêu cầu, nhiệm vụ mới”, *Những vấn đề lý luận (Phục vụ lãnh đạo)*, (8), tr.16-23.
68. Nguyễn Xuân Thắng (2019), “Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - 70 năm truyền thống vẻ vang”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, (9), tr.3-9.
69. Ngô Đức Thịnh (2019), *Hệ giá trị văn hoá Việt Nam*, Nxb Tri thức, Hà Nội.
70. Nguyễn Thị Ngọc Linh (2019), *Văn hoá đọc của sinh viên Đại học Nội vụ Hà Nội*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường, Trường Đại học Nội vụ Hà Nội, Hà Nội.
71. Vũ Thị Thơm (2019), *Văn hoá đọc của học viên Học viện Khoa học quân sự hiện nay*, Luận văn thạc sĩ Văn hóa học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
72. Thủ tướng Chính phủ (2021), Quyết định về việc tổ chức Ngày Sách và Văn hóa đọc Việt Nam, số 1862/QĐ - TTg, ngày 04 tháng 11 năm 2021, Hà Nội.
73. Thủ tướng Chính phủ (2021), *Quyết định 206/QĐ-TTg, ngày 11/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Chương trình chuyển đổi số ngành thư viện đến năm 2025, định hướng đến năm 2030"*, Hà Nội.
74. Hoài Thương (2019), *5 năm Ngày sách Việt Nam: Người Việt đọc 4 hay 1 cuốn sách mỗi năm?*, tại trang <https://vov.vn/van-hoa/van-hoc/5-nam-ngay-sach-viet-nam-nguoi-viet-doc-4-hay-1-cuon-sach-moi-nam-897994.vov>, 15/04/2019, [ngày truy cập: 14/7/2023].
75. Phạm Văn Tình (2006), “Đọc và văn hóa đọc trước ngưỡng cửa thông tin”, *Tạp chí Thư viện Việt Nam*, Tập 7 (3), tr.9-11.
76. Nguyễn Thị Thu Trang (2015), “Internet và sự thay đổi văn hoá đọc ở Việt Nam”, *Tạp chí Văn hoá nghệ thuật*, (370), tr.48-52.

77. Nguyễn Thị Thu Trang (2017), “Toàn cầu hoá và sự thay đổi văn hoá đọc ở Việt Nam”, *Tạp chí Văn hoá Nghệ thuật*, (400), tr.23-26.
78. Nguyễn Chí Trung (2021), *Văn hóa đọc của sinh viên Đại học quốc gia Hà Nội*, Luận án tiến sĩ Thông tin học, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Hà Nội.
79. Trung tâm từ điển Vietlex (2010), *Từ điển Tiếng Việt* (in lần thứ ba, có sửa chữa), Nxb Đà Nẵng, tr.599.
80. Bùi Văn Trường, Mai Việt Thắng (2020), “Bước đầu tìm hiểu về việc đọc của người Việt”, *Tạp chí Tâm lý học*, (9), tr.56-67.
81. TTXVN (2022), *Số liệu về các cơ quan báo chí Việt Nam năm 2022*, tại trang <https://www xaydungdang.org.vn/van-hoa-xa-hoi/so-lieu-ve-cac-co-quan-bao-chi-viet-nam-nam-2022-18260>, [truy cập ngày 26/12/2022].
82. Dương Quỳnh Tương (2012), “Sách và việc đọc xưa của người dân Việt Nam”, *Tạp chí Thư viện Việt Nam*, (1), tr.9-16.
83. Trần Minh Văn (2021), “Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trước những xu hướng tư tưởng tiêu cực trong môi trường trực tuyến ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Thông tin khoa học lý luận chính trị*, (71), tr.14-20.
84. Nguyễn Hữu Viêm (2009), “Văn hoá đọc và phát triển văn hoá đọc ở Việt Nam”, *Tạp chí Thư viện Việt Nam*, 1 (17), tr.19-26.
85. Hoàng Xuân Việt (2001), *Thuật đọc sách báo*, Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
86. Vietnamnet (2022), *Nhận diện biểu hiện “báo hóa” tạp chí, trang thông tin điện tử tổng hợp, mạng xã hội*, tại trang <https://vietnamnet.vn/nhan-dien-bieu-hien-bao-hoa-tap-chi-trang-thong-tin-dien-tu-tong-hop-mang-xa-hoi-2009517.html>, [truy cập ngày 20/9/2022].
87. Hoàng Vinh (1999), *Mấy vấn đề lý luận và thực tiễn xây dựng văn hóa ở nước ta*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội, tr.50.
88. Nguyễn Hoàng Vĩnh Vương (2020), “Văn hoá đọc nhìn từ góc độ tính hệ thống của văn hoá”, *Tạp chí Khoa học*, (4), tr.733-742.
89. Nguyễn Hoàng Vĩnh Vương (2022), *Văn hóa đọc của sinh viên Trường Đại học Cần Thơ hiện nay*, Luận án tiến sĩ, chuyên ngành Văn hóa học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.

90. Khánh Vy (2022), *Xuất bản số trong phát triển văn hóa đọc: Xu thế tất yếu*, tại trang <https://dangcongsan.vn/tu-tuong-van-hoa/xuat-ban-so-trong-phat-trien-van-hoa-doc-xu-the-tat-yeu-609033.html>, [truy cập ngày 20/9/2022].

II. Tài liệu tiếng Anh

91. Annamalai, S., & Muniandy, B. (2013), “Reading habit and attitude among Malaysian polytechnic students”, *International Online Journal of Educational Sciences*, 5(1), pp.32-41.
92. Baccus, A. A. (2004), Urban fourth and fifth grade teachers' reading attitude and effectiveness beliefs: Relationships to reading instruction and to students' attitudes and effectiveness beliefs, Unpublished PhD Thesis, University of Maryland, College Park, USA.
93. Bartlett, K. A., Gorney, S. E., Herschbach, T. R., & Lei, S. A. (2010). “Resistance to reading compliance among college students: instructors' perspectives” [Report], *College Student Journal*, 44(2), tr.219-229.
94. Bossmann, M. J., Houston, P., & Kelly, D.-M. (2010), “For the love of reading: students' patronage and perceptions of a reading room at one university”, *Journal of College Literacy and Learning*, (36), pp.23-32.
95. Brost B. D., & Bradley, K. A. (2006), “Student compliance with assigned reading: A case study”, *Journal of Scholarship of Teaching and Learning*, 6(2), pp.101-111.
96. Brozo, W. G., Shiel, G., & Topping, K. (2007), “Engagement in reading: Lessons learned from three PISA countries”, *Journal of Adolescent & Adult Literacy*, 51(4), pp.304-315.
97. Camp. D. (2007), “Who's reading and why: reading habits of 1st grade through graduate students”, *Reading Horizons*, 47(3), pp.6.
98. Clark, C., & Rumbold, K. (2006), *Reading for pleasure: A research overview*, London: National Literacy Trust.
99. Commander, N. E., & Valeri-Gold, M. (2002), “An examination of at-risk college students' reading interests”, *Journal of College Literacy and Learning*, (31), pp.27-38.
100. Elisam, M., & Charles, B. (2005), “Towards a Reading Culture for Uganda”, *African Journal of Library, Archives and Information Science*, 15(1), pp.35-42.

101. Gong, H., & Gao, H. (2014), "Research on Reading Cultures in Chinese College and Universities", *3rd International Conference of Science and Social Research* (pp. 301-305), Atlantic Press.
102. Gustafsson, J., Yang Hansen, K., & Rosén, M. (2011), *Effects of home background on student achievement in reading, mathematics, and science at the fourth grade*, TIMSS and PIRLS 2011: Relationships among reading, mathematics, and science achievement at the fourth grade - Implications for early learning (pp. 181-287): TIMSS & PIRLS International Study Center.
103. Guthrie, J. T. (2004), "Teaching for literacy engagement", *Journal of Literacy Research*, 36(1), pp.1-30.
104. Guthrie, J. T., Wigfield, A., & You, W. (2012), *Instructional contexts for engagement and achievement in reading*, In S. L. Christenson, A. L. Reschly & C. Wylie (Eds.), *Handbook of research on student engagement* (pp. 601-634), New York: Springer US.
105. Hilton III. J. L., Wilcox, B., Morrison, T. G., & Wiley, D. A. (2010), "Effects of various methods of assigning and evaluating required reading in one general education course", *Journal of College Reading and Learning*, 41(1), pp.7-28.
106. Igwe, K. N. (2011), "Reading culture and Nigeria's quest for sustainable development", *Library Philosophy and Practice (e-journal)*, *Annual volume: 2011*. Retrieved from <http://www.webpages.uidaho.edu/~mbolin/igwe2.htm>, [truy cập ngày 18/9/2021].
107. Kamalova, L. A., & Koletvinova, N. D. (2016), "The Problem of Reading and Reading Culture Improvement of Students Bachelors of Elementary Education in Modern High Institution", *International Journal of Environmental & Science Education*, pp.473-484.
108. Kim, J. Y., & Anderson, T. (2011), "Reading across the curriculum: A framework for improving the reading abilities and habits of college students", *Journal of College Literacy & Learning*, (37), pp.29-40.
109. Kirsch, I., De Jong, J., Lafontaine, D., McQueen, J., Mendelovits, J., & Monseur, C. (2002), *Reading for change - performance and engagement across countries: results from PISA 2000*, Paris: OECD.
110. Krashen, S. (2009), "Anything but reading", *Knowledge Quest*, 37(5), pp.18-25.

111. Lone, F. A. (2011), "Reading habits of rural and urban college students in the 21st century", *Library Philosophy and Practice*, Annual volume: 2011, tr.1-9.
112. McIntyre, L. J. (2008). *The Practical Skeptic: Core Concepts in Sociology* (4 Ed.). Boston: McGraw-Hill Higher Education, pp.103.
113. Mohamed, M., Rahman, R. A. Lee Chew, E., Hashim, H., Hasmerya, M., Noor Sharliana Mat, N Nur Fazirah, J. (2012), "Reading behaviors of students in Kolej Datin Seri Endon (KDSE)", *The International Journal of Educational Management*, 26(4), pp.381-390.
114. OECD (2000), "Literacy in the Information Age: Final report of the International Adult Literacy Survey". Retrieved from: <http://www.oecd.org/edu/skills-beyond school/41529765.pdf>.
115. Oguana, J.c., Emerole, N., Egwim, F.O., Anyanvuu, A.E, & Obasi, F.H. (2015), "Developing a reading culture in Nigerian Society: Issues and Remedies", *JORIND*, Vol 13(1), pp.62-67.
116. Ogwu, M.F. (2010), "Reading culture as a tool for promoting educational development in Nigeria", *Journal of Communication and Culture: International Perspective* Vol 1(3), pp.102-107.
117. Olasehinde, M. O., Akanmode, O. A. , Alaiyemola, A. T., Babatunde, O. T. (2015), "Promoting the Reading Culture Towards Human Capital and Global Development", *English Language Teaching*, 2015, Vol.8(6), p.194.
118. Ruterana, P. C. (2012), *The Making of Reading Society: Developing a culture of Reading in Rwanda* (lần xuất bản 1st), Sweden: Linkoping University.
119. Sajjad. S. (2009), "Effective teaching methods at higher education level" (Research). Retrieved from <http:// class.web.nthu.edu.tw/ezfiles/669/1669/img/1381/1.Effectiveteachingmethodsat highereducationlevel.pdf>, [truy cập ngày 25/9/2021].
120. Sappington, J., Kinsey, K., & Munsayac, K. (2002), "Two studies of reading compliance among college students", *Teaching of Psychology*, 29(4), pp.272-274.
121. Schutte, N. S., & Malouff, J. M. (2007), "Dimensions of reading motivation: Development of an adult reading motivation scale", *Reading Psychology*, 28(5), pp.469-489.

122. Shafi. S. M., & Lone. F. A. (2010), "Reading habits among college students of Kashmir across genders", *Trends in information management*, 6(2), pp.92.
123. Swalander, L. & Taube, K. (2007), "Influences of family based prerequisites, reading attitude, and self-regulation on reading ability", *Contemporary Educational Psychology*, 32(2), pp.206-230.
124. Tegegne, M.T. (2017), "Reading habits of students in higher institutions: reflections from Ethiopia", *Journal of Community Positive Practices*, 17(3), pp.66-68.
125. Tse. S. K. Lam, J. W. 1, Lam, Y. R. Loh, E. K. Y. & Westwood, P. S. (2005), "Students' test performance in PIRIS. attitude to reading, and reading self-concept across three ability groups: Data from Hong Kong", *Australian Journal of Learning Disabilities*, 10(1), pp.9-18.
126. Tsvetkova, M. (2006), The way computer rehabilitate the culture of reading, E-magazine LiterNet, No4(77), pp.1-15.
127. Türkel, A., Özdemir, E. E., & Akbulut, S. (2019), "Examining Reading Cultures of Pre-Service Teachers: A Case Study from an Education Faculty in Turkey", *International Journal of Education & Literacy Studies*, pp.197-210, doi:<http://dx.doi.org/10.7575/aiac.ijels.v.7n.2.>, [truy cập ngày 18/9/2021].
128. Victoria O. Itsekor, Nwanne M. Nwokeoma (2017), *The Importance of the Use of Libraries and the Need for a Reading Culture*, Acta Universitatis Lodzianis. Folia Librorum, Vol.24(1), pp.95-108.
129. Wema, E. (2018), "Investigating reading culture among students in higher learning institutions in 1 anzanias, University of Dar es Salaam Library Journal, Vol 13 (1), pp.4-19

Tiếng Nga

130. Коджаспирова Г.М. (2005), Педагогический словарь. М., с.70.
131. Культура чтения и самостоятельная работа с книгой: практ, Пособие/ сост. Е.Д. Опехтина, Архангельск : АО ИППК РО, 2009. - 29 с.
132. Галактионова Т.Г. (2007), Чтение школьников как социально-педагогический феномен открытого образования (теоретико-методические основы исследования): моногр.- СПб.-164 с, с.124.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1

BẢNG HỎI NGHIÊN CỨU VĂN HÓA ĐỌC

Xin chào các anh/chị học viên!

Tôi là Nguyễn Thị Tuyết Vân (điện thoại: 0987.167.867), đang công tác tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Tôi đang thực hiện nghiên cứu đề tài: *Văn hóa đọc của học viên Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh hiện nay*, phục vụ chương trình nghiên cứu sinh của tôi ở Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Mục tiêu của nghiên cứu là nhận diện văn hóa đọc của học viên và những yếu tố ảnh hưởng đến văn hóa đọc của học viên.

Tôi rất mong nhận được ý kiến quý báu của Anh/chị qua bảng hỏi này, thông tin trả lời được đảm bảo bảo mật và chỉ sử dụng vào mục đích nghiên cứu.

Xin Anh/chị vui lòng trả lời những câu hỏi sau đây bằng cách đánh dấu ✓ vào ô bên cạnh.

Câu 1. Anh/chị vui lòng cho biết một số thông tin cá nhân:

- * **Gới tính:** Nam Nữ
- * **Tuổi:** dưới 30 tuổi 31-40 tuổi 41-50 tuổi 51 tuổi trở lên
- * **Nghề nghiệp, chức vụ:**
 - Cán bộ nghiên cứu, giảng dạy
 - Cán bộ ở các ban, ngành, đoàn thể
 - Cán bộ lãnh đạo, quản lý
- * **Cơ quan công tác:**
- * **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Thạc sỹ Tiến sỹ
- * **Trình độ ngoại ngữ:**
 - Tốt Khá Trung bình Kém
- * **Trình độ tin học:**
 - Tốt Khá Trung bình Kém
- * **Anh/chị đang học tại:**
 - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (Học viện Trung tâm)
 - Học viện Chính trị Khu vực I
 - Học viện Chính trị Khu vực II
 - Khác (ghi rõ):
- * **Lớp đang học:**
 - Cao học
 - Nghiên cứu sinh
 - Cao cấp lý luận chính trị
 - Khác (ghi rõ):

* **Chuyên ngành:**

* **Anh/chị đang là học viên năm thứ mấy?**

- Năm thứ nhất
- Năm thứ hai
- Năm thứ ba
- Khác (ghi rõ):.....

* **Tổng thu nhập của Anh/chị trong một tháng là:**

- Dưới 5 triệu đồng
- Từ 5 đến 10 triệu đồng
- Trên 10 triệu đồng

Câu 2. Anh/chị đọc tài liệu nhằm mục đích gì? (có thể chọn nhiều phương án)

- Phục vụ học tập
- Nghiên cứu khoa học
- Phục vụ cho công việc
- Giải trí
- Mục đích khác (ghi rõ):

Câu 3. Anh/chị vui lòng cho biết ý nghĩa của việc đọc đối với anh/chị?

- Đọc giúp đạt kết quả học tập tốt hơn
- Đọc giúp mang lại thành công trong công việc
- Đọc giúp phát triển toàn diện bản thân
- Đọc giúp cuộc sống hạnh phúc hơn
- Đọc không mang lại ý nghĩa gì

Câu 4. Anh/chị thường tìm tài liệu đọc từ các nguồn?

- Thư viện Học viện CTQG HCM
- Thư viện các Học viện trực thuộc Học viện CTQG HCM
- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Trung tâm Thông tin Khoa học và công nghệ quốc gia
- Thư viện tỉnh/thành phố
- Thư viện các trường đại học, viện nghiên cứu cùng chuyên ngành
- Internet
- Mua ở các hiệu sách
- Tài liệu của giảng viên
- Các nguồn khác (Ghi cụ thể):

Câu 5. Tổng số tiền dành cho việc mua tài liệu một tháng của Anh/chị ?

- Dưới 50 nghìn đồng
- Từ 50 đến 100 nghìn đồng
- Từ 101 đến 200 nghìn đồng
- Từ 201 đến 300 nghìn đồng
- Trên 300 nghìn đồng

Câu 6. Hiện nay Anh/chị đang sở hữu bao nhiêu cuốn sách?

- Không có
- 1 đến 50 cuốn
- 101 đến 150 cuốn
- Trên 150 cuốn

51 đến 100 cuốn

Câu 7. Địa điểm Anh/chị thường xuyên đọc tài liệu?

- Thư viện ở trường
 Thư viện công cộng
 Nơi ở (nhà/ký túc xá/nhà trọ)
 Cơ quan (nơi làm việc)
 Phòng học ở trường
 Khác (ghi rõ):

Câu 8. Thời gian dành cho việc đọc tài liệu mỗi ngày của Anh/chị?

| | Chưa bao giờ | Dưới 1 giờ | Từ 1-2 giờ | Từ 2-4 giờ | Trên 4 giờ |
|-------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Đọc tài liệu dạng in ấn | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Đọc tài liệu điện tử | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

Câu 9. Anh/chị thường làm gì vào thời gian nhàn rỗi? (có thể chọn nhiều phương án)

- Xem ti vi, nghe đài
 Truy cập mạng xã hội
 Tìm kiếm và đọc tài liệu
 Chơi điện tử
 Đi làm thêm
 Chơi thể thao
 Đi mua sắm, du lịch
 Tham gia hoạt động ngoại khóa, câu lạc bộ
 Hoạt động khác:

Câu 10. Mỗi tháng Anh/chị đọc bình quân bao nhiêu cuốn sách?

- Không đọc 1 đến 2 cuốn
 Dưới 1 cuốn Trên 3 cuốn

Câu 11. Anh/chị thích sử dụng dạng tài liệu nào?

- Tài liệu dạng in ấn
 Tài liệu dạng điện tử

Câu 12. Anh/chị thường sử dụng các loại hình tài liệu nào?

- Báo Tạp chí
 Sách giáo trình Luận án, luận văn
 Sách tham khảo, sách chuyên khảo ĐTNCKH, tài liệu hội thảo
 Sách tra cứu: từ điển, niên giám Các loại hình tài liệu khác:
 thống kê, văn kiện, sách kinh điển...

Câu 13. Anh/chị có thể sử dụng tài liệu viết bằng ngôn ngữ nào? (có thể chọn nhiều phương án)

- Tiếng Việt

- Tiếng Anh
- Tiếng Pháp
- Tiếng Nga
- Tiếng Trung
- Tiếng Nhật
- Mục khác:.....

Câu 14. Anh/chị thường quan tâm đến tài liệu thuộc lĩnh vực khoa học nào?

Các lĩnh vực được phân loại theo Bảng phân loại lĩnh vực nghiên cứu khoa học và công nghệ (Ban hành kèm theo Quyết định số 12/2008/QĐ-BKHCN ngày 04 tháng 09 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).

- Khoa học xã hội
- Khoa học nhân văn
- Khoa học kỹ thuật và công nghệ
- Lĩnh vực khác (ghi rõ):
- Khoa học tự nhiên
- Khoa học Y - Dược
- Khoa học nông nghiệp

Câu 15. Các tiêu chí để Anh/chị lựa chọn tài liệu đọc? (có thể chọn nhiều phương án)

- Tên tài liệu
- Mục lục
- Lời giới thiệu
- Tóm tắt
- Thời gian xuất bản/công bố
- Nhà xuất bản/ địa chỉ websites
- Uy tín của tác giả
- Nội dung tài liệu phù hợp với nhu cầu
- Xem xét, đánh giá tính khoa học của tài liệu
- Nhiều người đọc
- Hình thức tài liệu
- Giá tài liệu
- Khác (ghi rõ):

Câu 16. Khi đọc tài liệu Anh/chị thường đọc theo cách nào?

- Đọc kỹ từ đầu đến cuối
- Đọc lướt toàn bộ
- Đọc theo các chủ đề quan tâm
- Cách đọc khác (Ghi rõ):

Câu 17. Khi đọc tài liệu Anh/chị thường làm gì?

- Ghi tóm tắt nội dung tài liệu
- Ghi chép lại những đoạn thấy tâm đắc
- Ghi ý kiến nảy sinh lúc đọc kèm theo các đánh giá, phê phán
- Lập thư mục các tài liệu đã đọc
- Trao đổi về nội dung với người khác
- Không làm gì

Câu 18. Hiểu quả Anh/chị thu được sau khi đọc tài liệu:

- Hiểu được nội dung cơ bản của tài liệu
 Hiểu sâu một số nội dung mình quan tâm
 Chỉ nhớ một vài chi tiết
 Không nhớ gì sau khi đọc

Câu 19. Anh/chị thường sử dụng phương tiện/thiết bị nào khi đọc? (có thể chọn nhiều phương án)

- Tài liệu dạng in ấn
 Máy tính cá nhân (Máy tính bàn/Desktop/Laptop)
 Máy tính bảng (Tablet/Ipad)
 Điện thoại di động
 Thiết bị đọc sách điện tử (Kidle/Nook/Sony reader)
 Khác:

Câu 20. Anh/chị vận dụng các kiến thức đã đọc được vào việc gì?

- Công việc
 Học tập
 Nghiên cứu khoa học
 Giao tiếp, ứng xử
 Sinh hoạt hàng ngày
 Không vận dụng được

Câu 21. Mức độ sử dụng các hình thức chia sẻ thông tin đọc được của Anh/chị?

| HÌNH THỨC CHIA SẺ THÔNG TIN | | MỨC ĐỘ SỬ DỤNG | | | | |
|-----------------------------|---------------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | | Luôn luôn | Thường xuyên | Thỉnh thoảng | Hiếm khi | Chưa bao giờ |
| 1 | Hoạt động giảng dạy | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 2 | Hoạt động nghiên cứu khoa học | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 3 | Công bố trên các tạp chí khoa học | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 4 | Xuất bản giáo trình, tài liệu học tập | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 5 | Trao đổi với bạn bè, đồng nghiệp | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 6 | Chia sẻ với người thân trong gia đình | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 7 | Chia sẻ lên mạng xã hội | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 8 | Khác:..... | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

Câu 22. Khi sử dụng tài liệu của thư viện, Anh/chị thường có những hành vi nào?

- Ghi chép vào sổ tay những đoạn thú vị
- Chèn thêm ghi chú vào trang tài liệu
- Dùng bút đánh dấu những đoạn thú vị
- Gập trang tài liệu có đoạn thú vị
- Xé trang tài liệu có đoạn thú vị làm tư liệu
- Không làm thay đổi cả hình thức và nội dung của tài liệu

Câu 23. Anh/chị lưu trữ tài liệu cá nhân theo cách nào?

- Sắp xếp tài liệu trên giá theo nội dung
- Sắp xếp tài liệu trên giá theo loại hình tài liệu
- Lưu trữ thông tin trong máy tính theo chủ đề
- Không sắp xếp theo tiêu chí nào
- Khác (vui lòng ghi rõ):

Câu 24. Anh/chị có nắm vững những quy định về trích dẫn tài liệu khoa học không?

- Nắm vững
- Có biết nhưng không rõ lắm
- Hoàn toàn không nắm được

Câu 25. Khi sử dụng nội dung trong tài liệu tham khảo vào nghiên cứu của mình, Anh/chị có chỉ dẫn nguồn tài liệu tham khảo không?

- Thường xuyên chỉ dẫn
- Đôi khi mới chỉ dẫn
- Không bao giờ chỉ dẫn

Câu 26. Anh/chị thường sử dụng các hình thức phục vụ thông tin nào của thư viện Học viện CTQG HCM?

- Đọc tại chỗ
- Mượn về nhà
- Cơ sở dữ liệu trên Website
- Dịch vụ hỏi - đáp thông tin
- Dịch vụ tìm tin theo chuyên đề
- Dịch vụ sao chụp tài liệu
- Nói chuyện chuyên đề
- Các hình thức phục vụ thông tin khác (*Ghi cụ thể*):

Câu 27. Đánh giá chất lượng phục vụ của hệ thống thư viện trong Học viện CTQG HCM?

| Mức độ đáp ứng | | Cơ sở vật chất, không gian đọc | Vốn tài liệu | Sản phẩm và dịch vụ thông tin | Cán bộ thư viện |
|-------------------------------------|------------------|--------------------------------|--------------------------|-------------------------------|--------------------------|
| Thư viện Học viện Trung tâm | Đáp ứng tốt | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| | Đáp ứng một phần | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| | Chưa đáp ứng | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Thư viện Học viện trực thuộc | Đáp ứng tốt | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| | Đáp ứng một phần | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| | Chưa đáp ứng | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

Câu 28. Mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến việc đọc của Anh/chi?

| YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG | | MỨC ĐỘ ẢNH HƯỞNG | | | | |
|------------------|---|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | | Rất nhiều | Tương đối nhiều | Bình thường | Ít | Không ảnh hưởng |
| 1 | Kỹ năng tin học của bản thân | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 2 | Kỹ năng ngoại ngữ của bản thân | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 3 | Trình độ, kinh nghiệm chuyên môn của bản thân | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 4 | Quỹ thời gian của bản thân | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 5 | Yêu cầu của công việc | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 6 | Quy định, yêu cầu của chương trình học tập | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 7 | Phương pháp giảng dạy của giảng viên | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 8 | Hệ thống thư viện | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 9 | Hệ thống báo chí, xuất bản | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 10 | Hệ thống chính sách khuyến khích đọc của Học viện | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 11 | Hệ thống chính sách khuyến khích đọc của Nhà nước | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 12 | Môi trường học tập tạo hứng thú đọc | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 13 | Xã hội tôn trọng tri thức, nhiều người thích đọc | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 14 | Khác (ghi rõ): | | | | | |

Câu 29. Xin Anh/chị cho biết một số tên sách, báo, tạp chí, trang web mà Anh/chị thích đọc/truy cập nhất:

Tên sách:

.....

Tên báo:

.....

Tên tạp chí:

.....

Tên trang web điện tử :

Câu 30. Giảng viên có hỗ trợ Anh/chị trong quá trình đọc tài liệu? (có thể chọn nhiều phương án)

- Giới thiệu các tài liệu cần đọc Trao đổi về những điều đã đọc
 Hướng dẫn về cách đọc hiệu quả Không giúp được điều gì

Câu 31. Cán bộ thư viện có hỗ trợ Anh/chị trong quá trình đọc tài liệu? (có thể chọn nhiều phương án)

- Hướng dẫn, giúp đỡ tìm tài liệu
 Trao đổi về cách đọc hiệu quả
 Trao đổi về những điều đã đọc
 Không giúp được điều gì

Câu 32. Anh/chị vui lòng cho biết nhận định chung của mình về văn hóa đọc của học viên và đề xuất ý kiến (nếu có) góp phần phát triển văn hóa đọc của học viên Học viện CTQG HCM hiện nay.

.....

Xin cảm ơn sự hợp tác quý báu của anh/chị!

Phụ lục 2
KẾT QUẢ ĐIỀU TRA VỀ VĂN HÓA ĐỌC CỦA HỌC VIÊN
HỌC VIỆN CTQGHCM

Bảng 2.1: Một số thông tin cá nhân

| 1. Giới tính | Số lượng | % |
|--|-------------------------------|---|
| Nam | 369 | 62.0 |
| Nữ | 226 | 38.0 |
| Tổng | 595 | 100.0 |
| 2. Tuổi | Số lượng | % |
| Dưới 30 tuổi | 31 | 5.1 |
| 31 - 40 tuổi | 250 | 42.0 |
| 41 - 50 tuổi | 297 | 49.9 |
| 51 tuổi trở lên | 17 | 3.0 |
| Tổng | 595 | 100,0 |
| 3. Nghề nghiệp | Số lượng lựa chọn và % | Số lượng lựa chọn một đáp án so với 595 mẫu và % |
| Cán bộ nghiên cứu, giảng dạy | 227 (22.3%) | 227 (38.2%) |
| Cán bộ ở các ban, ngành, đoàn thể | 368 (36.0%) | 368 (61.8%) |
| Cán bộ lãnh đạo, quản lý | 424 (41.7%) | 424 (71.3%) |
| Tổng | 1017 | 141% |
| 4. Trình độ chuyên môn | Số lượng | % |
| Cử nhân | 392 | 65.9 |
| Thạc sỹ | 191 | 32.1 |
| Tiến sỹ | 12 | 2.0 |
| Tổng | 595 | 100.0 |
| 5. Trình độ ngoại ngữ | Số lượng | % |
| Tốt | 47 | 7.9 |
| Khá | 137 | 23.0 |
| Trung bình | 351 | 59.0 |
| Kém | 60 | 10.1 |
| Tổng | 595 | 100.0 |
| 6. Trình độ tin học | Số lượng | % |
| Tốt | 102 | 17,1 |
| Khá | 349 | 58.7 |
| Trung bình | 140 | 23.5 |
| Kém | 4 | 0.7 |
| Tổng | 595 | 100.0 |
| 7. Nơi học | Số lượng | % |
| Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (Học viện Trung tâm) | 370 | 62,2 |
| Học viện Chính trị Khu vực I | 115 | 19,3 |
| Học viện Chính trị Khu vực | 110 | 18,5 |

| | | |
|------------------------------------|-----------------|----------|
| II | | |
| Tổng | 595 | 100,0 |
| 8. Lớp học | Số lượng | % |
| Cao cấp lý luận chính trị | 365 | 61.3 |
| Cao học | 190 | 31.9 |
| Nghiên cứu sinh | 40 | 6.7 |
| Tổng | 595 | 100,0 |
| 9. Khóa học | Số lượng | % |
| Năm thứ nhất | 460 | 77.3 |
| Năm thứ hai | 117 | 19.7 |
| Năm thứ ba | 18 | 3.0 |
| Tổng | 595 | 100.0 |
| 11. Tổng thu nhập một tháng | Số lượng | % |
| Dưới 5 triệu đồng | 12 | 2 |
| Từ 5 đến 10 triệu đồng | 309 | 51.9 |
| Trên 10 triệu đồng | 274 | 46.1 |
| Tổng | 595 | 100.0 |

Bảng 2.2: Mục đích đọc tài liệu của học viên

| Mục đích đọc | Cao cấp lý luận | | Cao học | | Nghiên cứu sinh | | Tổng số | |
|-----------------------|-----------------|------|---------|------|-----------------|------|---------|-------|
| | SL/365 | % | SL/190 | % | SL/40 | % | SL/595 | % |
| Phục vụ học tập | 230 | 63.0 | 157 | 82.6 | 35 | 87.5 | 422 | 70.9% |
| Nghiên cứu khoa học | 90 | 24.7 | 65 | 34.2 | 25 | 62.5 | 180 | 30.3% |
| Phục vụ cho công việc | 325 | 89.0 | 142 | 74.7 | 32 | 80.0 | 499 | 83.9% |
| Giải trí | 175 | 47.9 | 60 | 31.6 | 10 | 10.0 | 245 | 41.2% |
| Mục đích khác | 101 | 27.2 | 29 | 15.2 | 10 | 25.0 | 140 | 23.5% |

Bảng 2.3: Ý nghĩa của việc đọc tài liệu

| Ý nghĩa của việc đọc | Số lượng lựa chọn | Tỉ lệ % số lựa chọn một đáp án trong tổng số lựa chọn | Số lượng lựa chọn một đáp án so với 595 mẫu | Tỉ lệ % số lựa chọn một đáp án so với mẫu |
|--|-------------------|---|---|---|
| Đọc giúp đạt kết quả học tập tốt hơn | 387 | 25.9% | 387 | 65.5% |
| Đọc giúp mang lại thành công trong công việc | 375 | 25.1% | 375 | 63% |
| Đọc giúp phát | 510 | 34% | 510 | 86.3% |

| | | | | |
|----------------------------------|-------------|---------------|-----|---------------|
| triển toàn diện bản thân | | | | |
| Độc giúp cuộc sống hạnh phúc hơn | 225 | 15% | 225 | 38.1% |
| Độc không mang lại ý nghĩa gì | 0 | 0% | 0 | 0% |
| Tổng | 1497 | 100.0% | | 252.9% |

Bảng 2.4: Nơi thường xuyên tìm tài liệu đọc

| Nguồn tìm tài liệu | Học viên Học viện trung tâm | | Học viên Học viện Chính trị Khu vực I | | Học viên Học viện Chính trị Khu vực II | | Tổng số | |
|--|-----------------------------|----------|---------------------------------------|----------|--|----------|---------|----------|
| | SL | SL/370 % | SL | SL/115 % | SL | SL/110 % | SL | SL/595 % |
| Thư viện Học viện CTQG HCM | 286 | 77.3 | 29 | 25.2 | 24 | 21.8 | 339 | 57.0 |
| Thư viện các Học viện trực thuộc Học viện CTQG HCM | 10 | 2.7 | 62 | 53.9 | 45 | 40.9 | 117 | 19.7 |
| Thư viện Quốc gia Việt Nam | 65 | 17.6 | 5 | 4.3 | 1 | 0.9 | 71 | 11.9 |
| Trung tâm Thông tin Khoa học và công nghệ quốc gia | 42 | 11.4 | 2 | 1.7 | 1 | 0.9 | 45 | 7.6 |
| Thư viện tỉnh/thành phố | 40 | 10.8 | 17 | 14.8 | 20 | 18.2 | 77 | 12.9 |
| Thư viện các trường đại học, viện nghiên cứu cùng chuyên ngành | 92 | 24.9 | 6 | 5.2 | 4 | 3.6 | 102 | 17.1 |
| Internet | 341 | 92.2 | 102 | 88.7 | 105 | 95.5 | 548 | 92.1 |
| Mua ở các hiệu sách | 248 | 67.0 | 62 | 53.9 | 59 | 53.6 | 369 | 62.0 |
| Tài liệu của giảng viên | 188 | 50.8 | 38 | 33.0 | 42 | 38.2 | 268 | 45.0 |
| Các nguồn khác | 5 | 1.4 | 1 | 0.9 | 1 | 0.9 | 7 | 1.2 |

Bảng 2.5: Số tiền dành mua tài liệu hằng tháng

| Số tiền dành mua tài liệu | Số lượng | % |
|---------------------------|----------|------|
| Dưới 50 nghìn đồng | 48 | 8.1 |
| Từ 50 đến 100 nghìn đồng | 83 | 13.3 |
| Từ 101 đến 200 nghìn đồng | 310 | 52.1 |

| | | |
|---------------------------|-----|-------|
| Từ 201 đến 300 nghìn đồng | 124 | 20.8 |
| Trên 300 nghìn đồng | 34 | 5.7 |
| Tổng | 595 | 100.0 |

Bảng 2.6: Số cuốn sách đang sở hữu

| Sở hữu cuốn sách | Số lượng (cuốn) | % |
|------------------|-----------------|-------|
| Không có | 10 | 1.7 |
| 1 đến 50 cuốn | 71 | 11.9 |
| 51 đến 100 cuốn | 94 | 15.8 |
| 101 đến 150 cuốn | 388 | 65.2 |
| Trên 150 cuốn | 32 | 5.4 |
| Tổng | 595 | 100.0 |

Bảng 2.7: Địa điểm thường xuyên đọc tài liệu

| Địa điểm thường xuyên đọc tài liệu | Số lượng lựa chọn | Tỉ lệ % số lựa chọn một đáp án trong tổng số lựa chọn | Số lượng lựa chọn một đáp án so với 172 mẫu | Tỉ lệ % số lựa chọn một đáp án so với mẫu |
|------------------------------------|-------------------|---|---|---|
| Thư viện ở trường | 113 | 10.0% | 113 | 19.3% |
| Thư viện công cộng | 32 | 2.8% | 32 | 5.5% |
| Nơi ở (nhà/ký túc xá/nhà trọ) | 457 | 40.3% | 457 | 78.1% |
| Cơ quan (nơi làm việc) | 439 | 38.7% | 439 | 75.0% |
| Phòng học ở trường | 85 | 7.5% | 85 | 14.5% |
| Khác | 8 | 0.7% | 8 | 1.4% |
| Tổng | 1134 | 100.0% | | 193.8% |

Bảng 2.8: Thời gian đọc tài liệu mỗi ngày

| 1. Thời gian đọc tài liệu dạng in ấn mỗi ngày | Học viên Học viện Trung tâm | | Học viên Học viện Chính trị khu vực I | | Học viên Học viện Chính trị khu vực II | | Tổng số | |
|---|-----------------------------|----------|---------------------------------------|----------|--|----------|---------|----------|
| | SL | SL/370 % | SL | SL/115 % | SL | SL/110 % | SL | SL/595 % |
| Chưa bao giờ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Dưới 1 giờ | 127 | 34.3 | 51 | 44.3 | 60 | 54.5 | 238 | 40 |
| Từ 1- 2 giờ | 183 | 49.5 | 61 | 53.0 | 48 | 43.6 | 292 | 49.1 |
| Từ 2-4 giờ | 50 | 13.5 | 2 | 1.7 | 1 | 0.9 | 53 | 8.9 |
| Tổng | | | | | | | 595 | 100.0 |
| 2. Thời gian đọc tài liệu điện tử | SL | SL/370 | SL | SL/115 | SL | SL/110 | SL | SL/595 % |

| mỗi ngày | | % | | % | | % | | |
|-----------------|-----|------|----|------|----|------|-----|------|
| Chưa bao giờ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Dưới 1 giờ | 63 | 17.0 | 48 | 41.7 | 51 | 46.4 | 162 | 27.2 |
| Từ 1- 2 giờ | 211 | 57.0 | 62 | 53.9 | 55 | 50.0 | 328 | 55.1 |
| Từ 2-4 giờ | 84 | 22.7 | 3 | 2.6 | 2 | 1.8 | 89 | 15 |
| Trên 4 giờ | 12 | 3.2 | 2 | 1.7 | 2 | 1.8 | 16 | 2.7 |

Bảng 2.9: Các hoạt động học viên thường làm vào thời gian nhàn rỗi

| Các hoạt động | Số lượng lựa chọn | Tỉ lệ % số lựa chọn một đáp án trong tổng số lựa chọn | Số lượng lựa chọn một đáp án so với 595 mẫu | Tỉ lệ % số lựa chọn một đáp án so với mẫu |
|---|--------------------------|--|--|--|
| Xem ti vi, nghe đài | 369 | 19.0% | 369 | 62.1% |
| Truy cập mạng xã hội | 452 | 23.3% | 452 | 76.1% |
| Tìm kiếm và đọc tài liệu | 410 | 21.1% | 410 | 69.0% |
| Chơi điện tử | 39 | 2.0% | 39 | 6.6% |
| Đi làm thêm | 67 | 3.4% | 67 | 11.3% |
| Chơi thể thao | 334 | 17.2% | 334 | 56.2% |
| Đi mua sắm, du lịch | 141 | 7.3% | 141 | 23.7% |
| Tham gia hoạt động ngoại khóa, câu lạc bộ | 113 | 5.8% | 113 | 19.0% |
| Hoạt động khác | 18 | 0.9% | 18 | 3.0% |
| Tổng | 1943 | 100.0% | | 327.1% |

Bảng 2.10: Số cuốn sách học viên đọc trung bình một tháng

| Số cuốn sách đọc trung bình một tháng | Học viện Trung tâm | | Học viện Chính trị Khu vực I | | Học viện Chính trị Khu vực II | | Tổng cộng | % |
|--|---------------------------|------|-------------------------------------|------|--------------------------------------|------|------------------|--------------|
| | SL/370 | % | SL/115 | % | SL/110 | % | | |
| Không đọc | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | 0 | 0 |
| Dưới 1 cuốn | 30 | 8.2 | 20 | 17.4 | 25 | 22.7 | 75 | 12.6 |
| 1 đến 2 cuốn | 218 | 58.9 | 72 | 62.6 | 70 | 63.7 | 360 | 60.5 |
| Trên 3 cuốn | 122 | 32.9 | 23 | 20.0 | 15 | 13.6 | 160 | 26.9 |
| Tổng | | | | | | | 595 | 100.0 |

Bảng 2.11: Dạng tài liệu thường sử dụng

| Dạng tài liệu | Số lượng | % |
|-----------------------|------------|---------------|
| Tài liệu dạng in ấn | 404 | 67.9% |
| Tài liệu dạng điện tử | 517 | 86.9% |
| Tổng | 595 | 154.8% |

Bảng 2.12: Loại hình tài liệu học viên thường đọc

| Sử dụng các loại hình tài liệu | Học viên Học viện CTQG HCM | | Học viên Học viện Chính trị Khu vực I | | Học viên Học viện Chính trị Khu vực II | | Tổng số | |
|---|----------------------------|----------|---------------------------------------|----------|--|----------|---------|----------|
| | SL | SL/370 % | SL | SL/115 % | SL | SL/110 % | SL | SL/595 % |
| Báo | 268 | 72.4 | 81 | 70.4 | 91 | 82.7 | 440 | 73.90% |
| Sách giáo trình | 293 | 79.2 | 102 | 88.7 | 105 | 95.5 | 500 | 84.00% |
| Sách tham khảo, sách chuyên khảo | 292 | 78.9 | 79 | 68.7 | 75 | 68.2 | 446 | 75.00% |
| Tạp chí | 251 | 67.8 | 65 | 56.5 | 59 | 53.6 | 375 | 63.00% |
| Luận án, luận văn | 302 | 81.6 | 37 | 32.2 | 25 | 22.7 | 364 | 61.20% |
| Sách tra cứu: từ điển, niên giám thống kê, văn kiện, sách kinh điển | 140 | 37.8 | 25 | 21.7 | 20 | 18.2 | 185 | 31.10% |
| ĐT NCKH, tài liệu hội thảo | 97 | 26.2 | 14 | 12.2 | 9 | 8.2 | 120 | 20.20% |
| Các loại hình tài liệu khác | 33 | 8.9 | 12 | 10.4 | 14 | 12.7 | 59 | 9.90% |

Bảng 2.13: Ngôn ngữ tài liệu thường đọc

| Ngôn ngữ đọc | Nghiên cứu sinh | | Cao học | | Cao cấp lý luận chính trị | | Tổng | |
|--------------|-----------------|---------|---------|----------|---------------------------|----------|------|----------|
| | SL | SL/40 % | SL | SL/190 % | SL | SL/365 % | SL | SL/595 % |
| Tiếng Việt | 40 | 100.0 | 190 | 100 | 365 | 100 | 595 | 100.0 |

| | | | | | | | | |
|-------------|----|------|----|------|-----|------|-----|------|
| Tiếng Anh | 35 | 87.5 | 42 | 22.1 | 103 | 28.2 | 180 | 30.3 |
| Tiếng Pháp | 1 | 2.5 | 2 | 1.1 | 26 | 7.1 | 29 | 4.9 |
| Tiếng Nga | 1 | 2.5 | 2 | 1.1 | 9 | 2.5 | 12 | 2.0 |
| Tiếng Trung | 1 | 2.5 | 3 | 1.6 | 8 | 2.2 | 12 | 2.0 |
| Tiếng Nhật | 1 | 2.5 | 1 | 0.5 | 2 | 0.5 | 3 | 0.5 |
| Khác | 1 | 2.5 | 1 | 0.5 | 1 | 0.3 | 3 | 0.5 |

Bảng 2.14: Lĩnh vực đọc của học viên

| Đọc tài liệu thuộc lĩnh vực | Số lượng lựa chọn | Tỉ lệ % số lựa chọn một đáp án trong tổng số lựa chọn | Số lượng lựa chọn một đáp án so với 595 mẫu | Tỉ lệ % số lựa chọn một đáp án so với mẫu |
|--------------------------------|-------------------|---|---|---|
| Khoa học xã hội | 564 | 41.2% | 564 | 95.1% |
| Khoa học nhân văn | 484 | 35.3% | 484 | 81.6% |
| Khoa học kỹ thuật và công nghệ | 125 | 9.1% | 125 | 21.1% |
| Khoa học tự nhiên | 89 | 6.5% | 89 | 15.0% |
| Khoa học Y - Dược | 54 | 3.9% | 54 | 9.1% |
| Khoa học nông nghiệp | 54 | 3.9% | 54 | 9.1% |
| Tổng | 1370 | 100.0% | | 231.0% |

Bảng 2.15: Tiêu chí lựa chọn tài liệu

| Tiêu chí lựa chọn tài liệu đọc | Số lượng lựa chọn | Tỉ lệ % số lựa chọn một đáp án trong tổng số lựa chọn | Số lượng lựa chọn một đáp án so với 595 mẫu | Tỉ lệ % số lựa chọn một đáp án so với mẫu |
|--------------------------------|-------------------|---|---|---|
| Tên tài liệu | 331 | 12.2% | 331 | 56.1% |
| Mục lục | 315 | 11.6% | 315 | 52.9% |
| Lời giới thiệu | 309 | 11.4% | 309 | 51.9% |
| Tóm tắt | 279 | 10.3% | 279 | 46.9% |
| Hình thức tài liệu | 0 | 0% | 0 | 0% |
| Thời gian xuất bản/công bố | 98 | 3.6% | 98 | 16.6% |
| Nhà xuất bản/địa chỉ websites | 209 | 7.7% | 179 | 35.4% |

| | | | | |
|---------------------------------------|-------------|---------------|-----|---------------|
| Nội dung tài liệu phù hợp với nhu cầu | 515 | 18.9% | 515 | 87.3% |
| Tính khoa học của tài liệu | 337 | 12.4% | 337 | 57.1% |
| Uy tín của tác giả | 260 | 9.6% | 260 | 43.7% |
| Nhiều người đọc | 42 | 1.5% | 42 | 7.1% |
| Giá tài liệu | 25 | 0.9% | 25 | 4.2% |
| Khác | 0 | 0% | 0 | 0% |
| Tổng | 2720 | 100.0% | | 459.7% |

Bảng 2.16: Cách thức đọc tài liệu

| Cách thức đọc tài liệu | Số lượng lựa chọn | Tỉ lệ % số lựa chọn một đáp án trong tổng số lựa chọn | Số lượng lựa chọn một đáp án so với 595 mẫu | Tỉ lệ % số lựa chọn một đáp án so với mẫu |
|------------------------------|-------------------|---|---|---|
| Đọc kỹ từ đầu đến cuối | 117 | 18.8% | 117 | 19.7% |
| Đọc lướt toàn bộ | 386 | 39% | 386 | 64.9% |
| Đọc theo các chủ đề quan tâm | 488 | 49.2% | 488 | 82% |
| Tổng | 991 | 100.0% | | 166.6% |

Bảng 2.17: Những việc thường làm khi đọc tài liệu

| Những việc thường làm khi đọc tài liệu | Số lượng lựa chọn | Tỉ lệ % số lựa chọn một đáp án trong tổng số lựa chọn | Số lượng lựa chọn một đáp án so với 595 mẫu | Tỉ lệ % số lựa chọn một đáp án so với mẫu |
|--|-------------------|---|---|---|
| Ghi tóm tắt nội dung tài liệu | 195 | 19.2% | 195 | 34.3% |
| Ghi chép lại những đoạn thấy tâm đắc | 298 | 29.3% | 298 | 52.4% |
| Ghi ý kiến nảy sinh lúc đọc kèm theo cách đánh giá, phê phán | 127 | 12.5% | 127 | 22.3% |
| Lập thư mục các tài liệu đã đọc | 118 | 11.6% | 118 | 20.7% |
| Trao đổi về nội dung với người khác | 251 | 24.7% | 251 | 44.1% |
| Không làm gì | 27 | 2.7% | 27 | 4.7% |
| Tổng | 1016 | 100.0% | | 178.6% |

Bảng 2.18: Hiệu quả đọc tài liệu

| Hiệu quả đọc tài liệu | Số lượng lựa chọn | Tỉ lệ % số lựa chọn một đáp án trong tổng số lựa chọn | Số lượng lựa chọn một đáp án so với 595 mẫu | Tỉ lệ % số lựa chọn một đáp án so với mẫu |
|--|-------------------|---|---|---|
| Hiểu được nội dung cơ bản của tài liệu | 299 | 45.1% | 299 | 68.0% |
| Hiểu sâu một số nội dung mình quan tâm | 278 | 41.9% | 278 | 63.2% |
| Chỉ nhớ một vài chi tiết | 82 | 12.4% | 82 | 18.6% |
| Không nhớ gì sau khi đọc | 4 | 0.6% | 4 | 0.9% |
| Tổng | 663 | 100.0% | | 150.7% |

Bảng 2.19: Phương tiện/thiết bị sử dụng khi đọc tài liệu

| Phương tiện/thiết bị | Số lượng lựa chọn | Tỉ lệ % số lựa chọn một đáp án trong tổng số lựa chọn | Số lượng lựa chọn một đáp án so với 595 mẫu | Tỉ lệ % số lựa chọn một đáp án so với mẫu |
|--|-------------------|---|---|---|
| Tài liệu dạng in ấn | 379 | 23.4% | 379 | 63.7% |
| Máy tính cá nhân (Máy tính bàn/Desktop/Laptop) | 497 | 30.6% | 497 | 83.5% |
| Máy tính bảng (Tablet/Ipad) | 120 | 7.4% | 120 | 20.2% |
| Điện thoại di động | 512 | 31.5% | 512 | 86.1% |
| Thiết bị đọc sách điện tử (Kidle/Nook/Sony reader) | 93 | 5.7% | 93 | 15.6% |
| Khác | 22 | 1.4% | 22 | 3.7% |
| Tổng | 1623 | 100.0% | | 272.8% |

Bảng 2.20: Vận dụng kiến thức đã đọc vào cuộc sống

| Vận dụng các kiến thức đã đọc | Số lượng lựa chọn | Tỉ lệ % số lựa chọn một đáp án trong tổng số lựa chọn | Số lượng lựa chọn một đáp án so với 595 mẫu | Tỉ lệ % số lựa chọn một đáp án so với mẫu |
|-------------------------------|-------------------|---|---|---|
| Công việc | 543 | 26.0% | 543 | 91.3% |
| Học tập | 475 | 22.8% | 475 | 79.8% |
| Nghiên cứu khoa học | 219 | 10.5% | 219 | 36.8% |
| Giao tiếp, ứng xử | 457 | 21.9% | 457 | 76.8% |
| Sinh hoạt hàng ngày | 382 | 18.3% | 382 | 64.2% |
| Không vận dụng được | 10 | 0.5% | 10 | 1.7% |
| Tổng | 2086 | 100.0% | | 350.6% |

Bảng 2.21: Hình thức chia sẻ thông tin

| 1. Hoạt động giảng dạy | | | | | | | | | | | Trung bình | Thứ bậc |
|---|--------------|--------------|----------|--------------|-----------|--------------|--------------|----------|--------------|------|-------------------|----------------|
| Số lượng | | | | | % | | | | | | | |
| Luôn luôn | Thường xuyên | Thỉnh thoảng | Hiếm khi | Chưa bao giờ | Luôn luôn | Thường xuyên | Thỉnh thoảng | Hiếm khi | Chưa bao giờ | | | |
| 79 | 256 | 165 | 52 | 43 | 13.3 | 43.0 | 27.7 | 8.7 | 7.2 | 3,46 | 2 | |
| 2. Hoạt động nghiên cứu khoa học | | | | | | | | | | | Trung bình | Thứ bậc |
| Số lượng | | | | | % | | | | | | | |
| Luôn luôn | Thường xuyên | Thỉnh thoảng | Hiếm khi | Chưa bao giờ | Luôn luôn | Thường xuyên | Thỉnh thoảng | Hiếm khi | Chưa bao giờ | | | |
| 41 | 206 | 243 | 81 | 24 | 6.9 | 34.6 | 40.8 | 13.6 | 4.0 | 3.27 | 4 | |
| 3. Công bố trên các tạp chí khoa học | | | | | | | | | | | Trung bình | Thứ bậc |
| Số lượng | | | | | % | | | | | | | |
| Luôn luôn | Thường xuyên | Thỉnh thoảng | Hiếm khi | Chưa bao giờ | Luôn luôn | Thường xuyên | Thỉnh thoảng | Hiếm khi | Chưa bao giờ | | | |
| 39 | 154 | 215 | 122 | 65 | 6.6 | 25.9 | 36.1 | 20.5 | 10.9 | 2.97 | 6 | |
| 4. Xuất bản giáo trình, tài liệu học tập | | | | | | | | | | | Trung bình | Thứ bậc |
| Số lượng | | | | | % | | | | | | | |
| Luôn luôn | Thường xuyên | Thỉnh thoảng | Hiếm khi | Chưa bao giờ | Luôn luôn | Thường xuyên | Thỉnh thoảng | Hiếm khi | Chưa bao giờ | | | |
| 36 | 151 | 182 | 105 | 121 | 6.1 | 25.4 | 30.6 | 17.6 | 20.3 | 2.79 | 7 | |
| 5. Trao đổi với giảng viên | | | | | | | | | | | Trung bình | Thứ bậc |
| Số lượng | | | | | % | | | | | | | |
| Luôn luôn | Thường xuyên | Thỉnh thoảng | Hiếm khi | Chưa bao giờ | Luôn luôn | Thường xuyên | Thỉnh thoảng | Hiếm khi | Chưa bao giờ | | | |
| 35 | 218 | 276 | 51 | 15 | 5.9 | 36.6 | 46.4 | 8.6 | 2.5 | 3.37 | 3 | |
| 6. Trao đổi với bạn bè, đồng nghiệp | | | | | | | | | | | Trung bình | Thứ bậc |
| Số lượng | | | | | % | | | | | | | |
| Luôn luôn | Thường xuyên | Thỉnh thoảng | Hiếm khi | Chưa bao giờ | Luôn luôn | Thường xuyên | Thỉnh thoảng | Hiếm khi | Chưa bao giờ | | | |
| 81 | 237 | 263 | 14 | 0 | 13.6 | 39.8 | 44.2 | 2.4 | 0 | 3.65 | 1 | |
| 7. Chia sẻ với người thân trong gia đình | | | | | | | | | | | Trung bình | Thứ bậc |
| Số lượng | | | | | % | | | | | | | |
| Luôn luôn | Thường xuyên | Thỉnh thoảng | Hiếm khi | Chưa bao giờ | Luôn luôn | Thường xuyên | Thỉnh thoảng | Hiếm khi | Chưa bao giờ | | | |
| 41 | 206 | 243 | 81 | 24 | 6.9 | 34.6 | 40.8 | 13.6 | 4.0 | 3.27 | 5 | |
| 8. Chia sẻ lên mạng xã hội | | | | | | | | | | | Trung bình | Thứ bậc |
| Số lượng | | | | | % | | | | | | | |
| Luôn | Thường | Thỉnh | Hiếm | Chưa | Luôn | Thường | Thỉnh | Hiếm | Chưa | | | |

| | | | | | | | | | | | |
|------|-------|--------|-----|---------|------|-------|--------|------|---------|------|----------|
| luôn | xuyên | thoảng | khi | bao giờ | luôn | xuyên | thoảng | khi | bao giờ | | |
| 23 | 132 | 228 | 116 | 96 | 3.9 | 22.2 | 38.3 | 19.5 | 16.1 | 2.78 | 8 |

Bảng 2.22: Hành vi khi sử dụng tài liệu của thư viện

| Hành vi khi sử dụng tài liệu của thư viện | Số lượng lựa chọn | Tỉ lệ % số lựa chọn một đáp án trong tổng số lựa chọn | Số lượng lựa chọn một đáp án so với 595 mẫu | Tỉ lệ % số lựa chọn một đáp án so với mẫu |
|--|-------------------|---|---|---|
| Ghi chép những đoạn thú vị | 324 | 34.7% | 324 | 56.8% |
| Chèn thêm ghi chú vào trang tài liệu | 45 | 4.8% | 45 | 7.9% |
| Dùng bút đánh dấu những đoạn thú vị | 120 | 12.9% | 120 | 21.1% |
| Gập trang tài liệu có đoạn thú vị | 154 | 16.5% | 154 | 25.9% |
| Xé trang tài liệu có đoạn thú vị làm tư liệu | 4 | 0.4% | 4 | 0.67% |
| Không làm thay đổi cả hình thức và nội dung của tài liệu | 286 | 30.7% | 286 | 50.2% |
| Tổng | 933 | 100.0% | | 163.7% |

Bảng 2.23: Cách lưu trữ tài liệu cá nhân

| Cách lưu trữ tài liệu cá nhân | Số lượng lựa chọn | Tỉ lệ % số lựa chọn một đáp án trong tổng số lựa chọn | Số lượng lựa chọn một đáp án so với 595 mẫu | Tỉ lệ % số lựa chọn một đáp án so với mẫu |
|---|-------------------|---|---|---|
| Sắp xếp tài liệu trên giá theo nội dung | 262 | 30.0% | 262 | 45.3% |
| Sắp xếp tài liệu trên giá theo loại hình tài liệu | 181 | 20.7% | 181 | 31.3% |
| Lưu trữ thông tin trong máy tính theo chủ đề | 372 | 42.6% | 372 | 64.2% |
| Không sắp xếp theo tiêu chí nào | 47 | 5.4% | 47 | 8.1% |
| Khác | 12 | 1.4% | 12 | 2.1% |
| Tổng | 874 | 100.0% | | 150.9% |

Bảng 2.24: Năm vững quy định về trích dẫn tài liệu tham khảo

| Quy định về trích dẫn tài liệu | Số lượng | % |
|--------------------------------|----------|------|
| Năm vững | 351 | 59.0 |
| Có biết nhưng không rõ lắm | 224 | 37.6 |

| | | |
|--------------------------|------------|--------------|
| Hoàn toàn không nắm được | 20 | 3.4 |
| Tổng | 595 | 100.0 |

Bảng 2.25: Thực hiện quy định chỉ dẫn nguồn tài liệu tham khảo

| Thực hiện quy định chỉ dẫn nguồn tài liệu tham khảo | Số lượng | % |
|---|------------|--------------|
| Thường xuyên chỉ dẫn | 363 | 61.0 |
| Đôi khi mới chỉ dẫn | 210 | 35.3 |
| Không bao giờ chỉ dẫn | 22 | 3.7 |
| Tổng | 595 | 100.0 |

Bảng 2.26: Các sản phẩm và dịch vụ thông tin - thư viện thường sử dụng

| Hành vi được xem là đạo văn/vi phạm bản quyền | Số lượng lựa chọn | Tỉ lệ % số lựa chọn một đáp án trong tổng số lựa chọn | Số lượng lựa chọn một đáp án so với 172 mẫu | Tỉ lệ % số lựa chọn một đáp án so với mẫu |
|---|-------------------|---|---|---|
| Đọc tại chỗ | 260 | 22.6% | 260 | 43.7% |
| Mượn về nhà | 235 | 20.4% | 235 | 39.5% |
| Cơ sở dữ liệu trên OPAC | 296 | 25.7% | 296 | 49.7% |
| Dịch vụ hỏi - đáp thông tin | 93 | 8.1% | 93 | 15.6% |
| Dịch vụ tìm tin theo chuyên đề | 65 | 5.6% | 65 | 10.9% |
| Dịch vụ sao chụp tài liệu | 95 | 8.3% | 95 | 16.0% |
| Nói chuyện chuyên đề | 85 | 7.4% | 85 | 14.3% |
| Các hình thức phục vụ thông tin khác | 22 | 1.9% | 22 | 3.7% |
| Tổng | 1151 | 100.0% | | 193.4% |

Bảng 2.27: Đánh giá của học viên về mức độ đáp ứng của thư viện Học viện

| Mức độ đáp ứng | Số lượng | | | % | | | Trung bình |
|---------------------------------|-------------|------------------|--------------|-------------|------------------|--------------|------------|
| | Đáp ứng tốt | Đáp ứng một phần | Chưa đáp ứng | Đáp ứng tốt | Đáp ứng một phần | Chưa đáp ứng | |
| Tại Thư viện Học viện Trung tâm | | | | | | | |
| Cơ sở vật chất, không gian đọc | 446 | 145 | 4 | 75.0 | 24.4 | 0.6 | 2.74 |
| Thời gian phục vụ | 446 | 145 | 4 | 75.0 | 24.4 | 0.6 | 2.74 |
| Vốn tài liệu | 386 | 205 | 4 | 64.9 | 34.5 | 0.6 | 2.64 |
| Sản phẩm và dịch vụ thông tin | 367 | 225 | 3 | 60.8 | 38.5 | 0.6 | 2.60 |
| Cán bộ thư viện | 499 | 97 | 3 | 83.2 | 16.3 | 0.5 | 2.83 |

| Tổng | | | | | | | 2.71 |
|---|-----|-----|---|------|------|-----|-------------|
| Tại Thư viện Học viện trực thuộc | | | | | | | |
| Cơ sở vật chất, không gian đọc | 387 | 199 | 9 | 65.0 | 33.5 | 1.5 | 2.64 |
| Thời gian phục vụ | 446 | 145 | 4 | 75.0 | 24.4 | 0.6 | 2.74 |
| Vốn tài liệu | 332 | 254 | 9 | 55.8 | 42.7 | 1.5 | 2.54 |
| Sản phẩm và dịch vụ thông tin | 302 | 284 | 9 | 50.8 | 47.7 | 1.5 | 2.49 |
| Cán bộ thư viện | 476 | 115 | 4 | 80.0 | 19.4 | 0.6 | 2.79 |
| Tổng | | | | | | | 2.64 |

Bảng 2.28: Các yếu tố ảnh hưởng đến việc đọc của học viên

| 1. Trình độ tin học của bản thân | | | | | | | | | | | Trung bình | Thứ bậc |
|---|-----------------|-------------|----|-----------------|-----------|-----------------|-------------|-----|-----------------|------|-------------------|----------------|
| Số lượng | | | | | % | | | | | | | |
| Rất nhiều | Tương đối nhiều | Bình thường | Ít | Không ảnh hưởng | Rất nhiều | Tương đối nhiều | Bình thường | Ít | Không ảnh hưởng | | | |
| 144 | 265 | 162 | 24 | 0 | 24.2 | 44.5 | 27.2 | 4.0 | 0 | 3.97 | 4 | |
| 2. Trình độ ngoại ngữ của bản thân | | | | | | | | | | | Trung bình | Thứ bậc |
| Số lượng | | | | | % | | | | | | | |
| Rất nhiều | Tương đối nhiều | Bình thường | Ít | Không ảnh hưởng | Rất nhiều | Tương đối nhiều | Bình thường | Ít | Không ảnh hưởng | | | |
| 125 | 228 | 185 | 49 | 8 | 21.0 | 38.3 | 31.1 | 8.2 | 1.3 | 3.69 | 9 | |
| 3. Trình độ, kinh nghiệm chuyên môn của bản thân | | | | | | | | | | | Trung bình | Thứ bậc |
| Số lượng | | | | | % | | | | | | | |
| Rất nhiều | Tương đối nhiều | Bình thường | Ít | Không ảnh hưởng | Rất nhiều | Tương đối nhiều | Bình thường | Ít | Không ảnh hưởng | | | |
| 150 | 316 | 117 | 12 | 0 | 25.2 | 53.1 | 19.7 | 2.0 | 0 | 4.02 | 3 | |
| 4. Quỹ thời gian của bản thân | | | | | | | | | | | Trung bình | Thứ bậc |
| Số lượng | | | | | % | | | | | | | |
| Rất nhiều | Tương đối nhiều | Bình thường | Ít | Không ảnh hưởng | Rất nhiều | Tương đối nhiều | Bình thường | Ít | Không ảnh hưởng | | | |
| 140 | 282 | 167 | 6 | 0 | 23.5 | 47.4 | 28.1 | 1.0 | 0 | 3.93 | 6 | |
| 5. Yêu cầu của công việc | | | | | | | | | | | Trung bình | Thứ bậc |
| Số lượng | | | | | % | | | | | | | |
| Rất nhiều | Tương đối nhiều | Bình thường | Ít | Không ảnh hưởng | Rất nhiều | Tương đối nhiều | Bình thường | Ít | Không ảnh hưởng | | | |
| 193 | 282 | 112 | 8 | 0 | 32.4 | 47.4 | 18.8 | 1.3 | 0 | 4.11 | 2 | |
| 6. Các quy định, yêu cầu của chương trình học | | | | | | | | | | | Trung bình | Thứ bậc |
| Số lượng | | | | | % | | | | | | | |
| Rất nhiều | Tương đối nhiều | Bình thường | Ít | Không ảnh hưởng | Rất nhiều | Tương đối nhiều | Bình thường | Ít | Không ảnh hưởng | | | |

| | | | | | | | | | | | | |
|---|-----------------|-------------|----|-----------------|-----------|-----------------|-------------|-----|-----------------|-------------------|----------------|--|
| | | | | | | nhieu | | | | | | |
| 176 | 323 | 92 | 4 | 0 | 29.6 | 54.3 | 15.5 | 0.7 | 0 | 4.13 | 1 | |
| 7. Phương pháp giảng dạy của giảng viên | | | | | | | | | | | | |
| Số lượng | | | | | % | | | | | Trung bình | Thứ bậc | |
| Rất nhiều | Tương đối nhiều | Bình thường | Ít | Không ảnh hưởng | Rất nhiều | Tương đối nhiều | Bình thường | Ít | Không ảnh hưởng | | | |
| 134 | 316 | 141 | 4 | 0 | 22.5 | 53.1 | 23.7 | 0.7 | 0 | 3.97 | 4 | |
| 8. Hệ thống thư viện | | | | | | | | | | | | |
| Số lượng | | | | | % | | | | | Trung bình | Thứ bậc | |
| Rất nhiều | Tương đối nhiều | Bình thường | Ít | Không ảnh hưởng | Rất nhiều | Tương đối nhiều | Bình thường | Ít | Không ảnh hưởng | | | |
| 102 | 259 | 210 | 24 | 0 | 17.1 | 43.5 | 35.3 | 4.0 | 0 | 3.74 | 8 | |
| 9. Hệ thống báo chí, xuất bản | | | | | | | | | | | | |
| Số lượng | | | | | % | | | | | Trung bình | Thứ bậc | |
| Rất nhiều | Tương đối nhiều | Bình thường | Ít | Không ảnh hưởng | Rất nhiều | Tương đối nhiều | Bình thường | Ít | Không ảnh hưởng | | | |
| 90 | 258 | 223 | 20 | 4 | 15.1 | 43.4 | 37.5 | 3.4 | 0.7 | 3.69 | 9 | |
| 10. Hệ thống chính sách khuyến khích đọc của Học viện | | | | | | | | | | | | |
| Số lượng | | | | | % | | | | | Trung bình | Thứ bậc | |
| Rất nhiều | Tương đối nhiều | Bình thường | Ít | Không ảnh hưởng | Rất nhiều | Tương đối nhiều | Bình thường | Ít | Không ảnh hưởng | | | |
| 98 | 240 | 210 | 39 | 8 | 16.5 | 40.3 | 35.5 | 6.6 | 1.3 | 3.64 | 11 | |
| 11. Môi trường học tập tạo hứng thú đọc | | | | | | | | | | | | |
| Số lượng | | | | | % | | | | | Trung bình | Thứ bậc | |
| Rất nhiều | Tương đối nhiều | Bình thường | Ít | Không ảnh hưởng | Rất nhiều | Tương đối nhiều | Bình thường | Ít | Không ảnh hưởng | | | |
| 136 | 286 | 158 | 11 | 4 | 22.9 | 48.1 | 26.6 | 1.8 | 0.7 | 3.02 | 12 | |
| 12. Hệ thống chính sách khuyến khích đọc của Nhà nước | | | | | | | | | | | | |
| Số lượng | | | | | % | | | | | Trung bình | Thứ bậc | |
| Rất nhiều | Tương đối nhiều | Bình thường | Ít | Không ảnh hưởng | Rất nhiều | Tương đối nhiều | Bình thường | Ít | Không ảnh hưởng | | | |
| 96 | 237 | 211 | 35 | 16 | 16.1 | 39.8 | 35.5 | 5.9 | 2.7 | 2.93 | 13 | |
| 13. Xã hội học tôn trọng tri thức, nhiều người thích đọc | | | | | | | | | | | | |
| Số lượng | | | | | % | | | | | Trung bình | Thứ bậc | |
| Rất nhiều | Tương đối nhiều | Bình thường | Ít | Không ảnh hưởng | Rất nhiều | Tương đối nhiều | Bình thường | Ít | Không ảnh hưởng | | | |
| 124 | 296 | 160 | 15 | 0 | 20.8 | 49.7 | 26.9 | 2.5 | 0 | 3.89 | 7 | |

Bảng 2.29: Giảng viên hỗ trợ học viên trong quá trình đọc

| Giảng viên hỗ trợ trong quá trình đọc tài liệu | Số lượng lựa chọn | Tỉ lệ % số lựa chọn một đáp án trong tổng số lựa chọn | Số lượng lựa chọn một đáp án so với 172 mẫu | Tỉ lệ % số lựa chọn một đáp án so với mẫu |
|---|--------------------------|--|--|--|
| Giới thiệu các tài liệu cần đọc | 497 | 50.6% | 497 | 83.5% |
| Hướng dẫn về cách đọc hiệu quả | 221 | 22.5% | 221 | 37.1% |
| Trao đổi về những điều đã đọc | 256 | 26.1% | 256 | 43% |
| Không giúp được điều gì | 8 | 0.8% | 8 | 1.3% |
| Tổng | 982 | 100.0% | | 168.7% |

Bảng 2.30: Sự hỗ trợ của cán bộ thư viện trong quá trình đọc

| Sự hỗ trợ của cán bộ thư viện trong quá trình đọc | Số lượng lựa chọn | Tỉ lệ % số lựa chọn một đáp án trong tổng số lựa chọn | Số lượng lựa chọn một đáp án so với 172 mẫu | Tỉ lệ % số lựa chọn một đáp án so với mẫu |
|--|--------------------------|--|--|--|
| Hướng dẫn, giúp đỡ tìm tài liệu | 508 | 62.0% | 508 | 86.1% |
| Trao đổi về cách đọc hiệu quả | 186 | 22.7% | 186 | 31.5% |
| Trao đổi về những điều đã đọc | 84 | 10.3% | 84 | 14.2% |
| Không giúp được điều gì | 41 | 5.0% | 41 | 6.9% |
| Tổng | 819 | 100.0% | | 138.8% |

Bảng 2.31: Kỹ năng tìm kiếm tài liệu của học viên

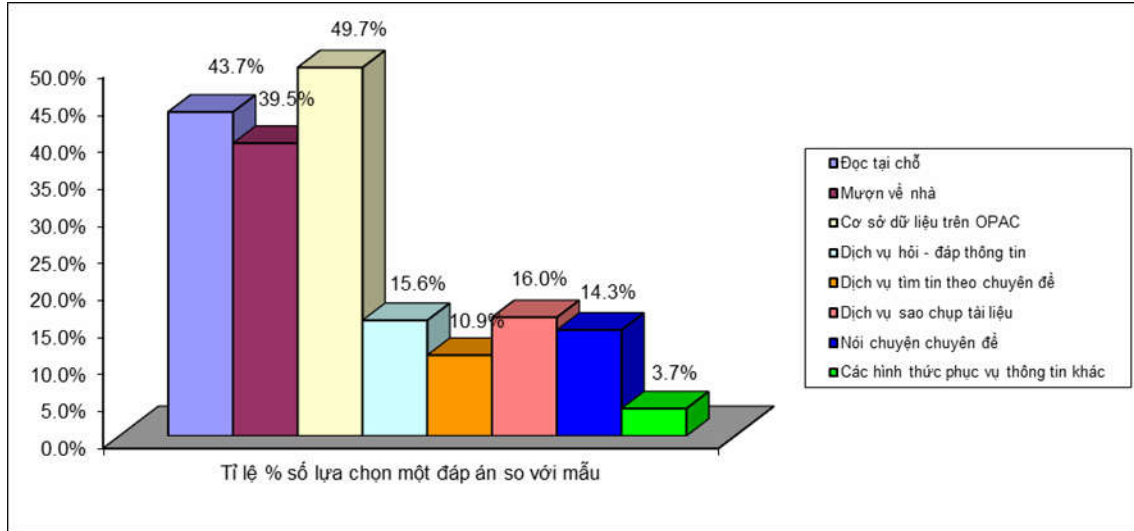
| Công cụ tra cứu thông tin | Số lượng | | % | |
|---|-----------------|------------|-----------|------------|
| | Dễ | Khó | Dễ | Khó |
| Thư mục, danh mục tài liệu | 595 | 0 | 100 | 0 |
| Cơ sở dữ liệu trên Website của hệ thống thư viện Học viện CTQG HCM | 446 | 149 | 75 | 25 |
| Cơ sở dữ liệu trên Website của các thư viện khác | 387 | 208 | 65 | 35 |
| Công cụ tìm kiếm trên Internet (Google, Google scholar, Alta Vista, Vinaseek,...) | 595 | 0 | 100 | 0 |

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả

PHỤ LỤC 3
Bảng Quan hệ tương quan giữa nghề nghiệp và thời gian đọc tài liệu

| | Thời gian dành cho việc đọc tài liệu dạng in ấn | | | | | | | | Thời gian dành cho việc đọc tài liệu điện tử | | | | | | | |
|--|---|------|-------------|------|------------|------|------------|------|--|------|-------------|------|------------|------|------------|------|
| | Dưới 1 giờ | | Từ 1- 2 giờ | | Từ 2-4 giờ | | Trên 4 giờ | | Dưới 1 giờ | | Từ 1- 2 giờ | | Từ 2-4 giờ | | Trên 4 giờ | |
| | Số lượng | % | Số lượng | % | Số lượng | % | Số lượng | % | Số lượng | % | Số lượng | % | Số lượng | % | Số lượng | % |
| Cán bộ nghiên cứu, giảng dạy | 84/238 | 35.3 | 89/292 | 30.5 | 44/53 | 83.0 | 10/12 | 83.3 | 60/162 | 37.0 | 79/328 | 24.1 | 74/89 | 83.2 | 14/16 | 87.5 |
| Cán bộ ở các ban, ngành, đoàn thể | 154/238 | 64.7 | 203/292 | 69.5 | 9/53 | 17.0 | 2/12 | 16.7 | 102/162 | 63.0 | 249/328 | 75.9 | 15/89 | 16.8 | 2/16 | 12.5 |

PHỤ LỤC 4
Biểu đồ các sản phẩm và dịch vụ thông tin - thư viện học viên thường sử dụng

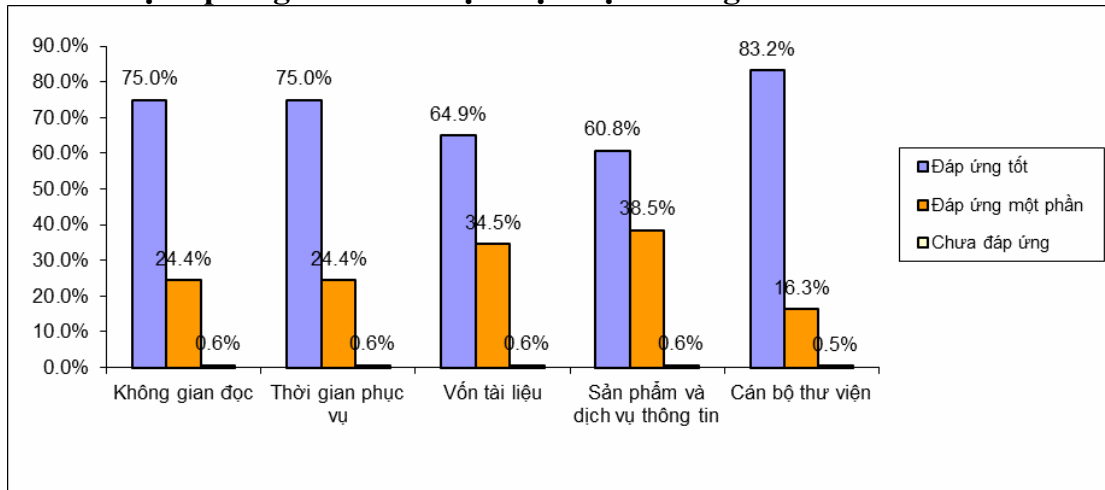


Các sản phẩm và dịch vụ thông tin - thư viện thường sử dụng

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

PHỤ LỤC 5

Biểu đồ đánh giá của học viên về mức độ đáp ứng của thư viện Học viện
1. Mức độ đáp ứng của Thư viện Học viện Trung tâm



Đánh giá của học viên về mức độ đáp ứng của thư viện Học viện

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

PHỤ LỤC 6
NỘI DUNG PHỎNG VẤN, LẤY Ý KIẾN VỀ VĂN HÓA ĐỌC CỦA
HỌC VIÊN HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

1. Phỏng vấn học viên

- Bạn vui lòng cho biết tầm quan trọng của việc đọc tài liệu đối với bạn?
- Bạn thường đọc tài liệu về nội dung gì?
- Bạn thường đọc tài liệu từ các nguồn nào?
- Bạn cho biết những thuận lợi và khó khăn trong việc tiếp cận tài liệu của bạn?
- Trong quá trình học, giảng viên có giới thiệu tài liệu cho học viên đọc không? Giảng viên có hình thức kiểm tra việc đọc tài liệu của học viên không?
- Bạn có đọc hết tài liệu giảng viên giới thiệu không?
- Cán bộ thư viện có hỗ trợ bạn trong quá trình đọc tài liệu?
- Đánh giá của bạn về hệ thống thư viện của Học viện CTQG HCM?
- Đánh giá của bạn về văn hóa đọc của học viên hiện nay?
- Theo bạn Học viện cần phải làm gì để phát triển văn hóa đọc?

2. Phỏng vấn giảng viên

- Quan niệm của Thầy/Cô về tầm quan trọng của văn hóa đọc đối với học viên?
- Đánh giá của Thầy/Cô về văn hóa đọc của học viên Học viện CTQG HCM hiện nay?
- Cô có thường xuyên giới thiệu tài liệu cho học viên đọc không?
- Trong quá trình học tập, học viên có tích cực áp dụng kiến thức đọc được để trao đổi, thảo luận trên lớp không?
- Học viên có thực hiện nghiêm túc quy định trích dẫn nguồn tài liệu tham khảo không?
- Theo Thầy/Cô Học viện cần làm gì để phát triển văn hóa đọc của học viên?

3. Phỏng vấn cán bộ thư viện

- Đánh giá của bạn về tình hình sử dụng thư viện của học viên?
- Thư viện có đáp ứng đầy đủ nhu cầu đọc tài liệu của học viên không?
- Đánh giá của chị về thái độ, hành vi của học viên trong việc chấp hành nội quy, quy định của thư viện?
- Theo bạn cần phải làm gì để phát triển văn hóa đọc tại Học viện CTQG HCM?

PHỤ LỤC 7
DANH SÁCH NGƯỜI PHÒNG VẤN SÂU

| STT | Họ tên (đã mã hóa để bảo mật thông tin cá nhân) | Tuổi | Giới tính | Nghề nghiệp | Đơn vị công tác/ lớp đang học |
|-----|--|------|--------------|--------------------|--|
| 1 | PVHV1 | 40 | Nam | Nghiên cứu viên | Lớp nghiên cứu sinh chuyên ngành Chính trị học tại Học viện Trung tâm |
| 2 | PVHV2 | 42 | Nam | Nghiên cứu viên | Lớp nghiên cứu sinh chuyên ngành Xây dựng Đảng tại Học viện Trung tâm |
| 3 | PVHV3 | 35 | Nữ | Giảng viên | Lớp cao học chuyên ngành Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật tại Học viện Trung tâm |
| 4 | PVHV4 | 32 | Nữ | Giảng viên | Lớp cao học chuyên ngành Tư tưởng Hồ Chí Minh. |
| 5 | PVHV5 | 39 | Nam | Cán bộ văn hóa | Lớp Cao cấp lý luận chính trị hệ tập trung K73 tại Học viện Trung tâm. |
| 6 | PVHV6 | 42 | Nữ | Cán bộ nông nghiệp | Lớp Cao cấp lý luận chính trị K73 tại Học viện Trung tâm. |
| 7 | PVHV7 | 37 | Nam | Cán bộ Đoàn | Lớp Cao cấp lý luận chính trị hệ tập trung K73 tại Học viện Trung tâm. |
| 8 | PVHV8 | 45 | Nữ | Giảng viên | Lớp Cao cấp lý luận chính trị hệ tập trung K73 tại Học viện |

| | | | | | |
|----|--------|----|-----|-----------------|--|
| | | | | | Trung tâm. |
| 9 | PVHV9 | 41 | Nữ | Giảng viên | Lớp Cao cấp lý luận chính trị hệ tập trung tại Học viện Chính trị Khu vực I. |
| 10 | PVHV10 | 43 | Nam | Cán bộ huyện ủy | Lớp Cao cấp lý luận chính trị tại Học viện Chính trị Khu vực I. |
| 11 | PVHV11 | 40 | Nam | Cán bộ pháp chế | Lớp Cao cấp lý luận chính trị tại Học viện Chính trị Khu vực II. |
| 12 | PVHV12 | 39 | Nam | Cán bộ y tế | Lớp Cao cấp lý luận chính trị tại Học viện Chính trị Khu vực II. |
| 13 | PVGV1 | 40 | Nữ | Giảng viên | Viện Quan hệ quốc tế, Học viện CTQGHCM |
| 14 | PVGV2 | 44 | Nam | Giảng viên | Viện Kinh tế chính trị, Học viện CTQGHCM |
| 15 | PVGV3 | 41 | Nam | Giảng viên | Viện Lịch sử Đảng, Học viện CTQGHCM |
| 16 | PVGV4 | 47 | Nam | Giảng viên | Viện Nghiên cứu Quyền con người, Học viện CTQGHCM |
| 17 | PVGV5 | 53 | Nữ | Giảng viên | Học viện Chính trị Khu vực I |
| 18 | PVGV6 | 49 | Nam | Giảng viên | Giảng viên Học viện Chính trị Khu vực I |

| | | | | | |
|----|---------|----|-----|-----------------|---|
| 19 | PVGV7 | 45 | Nữ | Giảng viên | Học viện Chính trị Khu vực II |
| 20 | PVGV8 | 43 | Nam | Giảng viên | Học viện Chính trị Khu vực II |
| 21 | PVCBTV1 | 39 | Nữ | Cán bộ thư viện | Viện Thông tin khoa học, Học viện CTQGHCM |
| 22 | PVCBTV2 | 43 | Nữ | Cán bộ thư viện | Viện Thông tin khoa học, Học viện CTQGHCM |
| 23 | PVCBTV3 | 47 | Nam | Cán bộ thư viện | Trung tâm Thông tin khoa học, Học viện Chính trị khu vực I |
| 24 | PVCBTV4 | 37 | Nữ | Cán bộ thư viện | Trung tâm Thông tin khoa học, Học viện Chính trị khu vực I |
| 25 | PVCBTV5 | 53 | Nữ | Cán bộ thư viện | Trung tâm Thông tin khoa học, Học viện Chính trị khu vực II |
| 26 | PVCBTV6 | 35 | Nữ | Cán bộ thư viện | Trung tâm Thông tin khoa học, Học viện Chính trị khu vực II |

PHỤ LỤC 8 BIÊN BẢN PHỎNG VẤN SÂU HỌC VIÊN

Phụ lục 8.1. Phỏng vấn 1

- **Đối tượng phỏng vấn:** Học viên nam, lớp Nghiên cứu sinh chuyên ngành Chính trị học tại Học viện Trung tâm.

- **Hình thức phỏng vấn:** Trực tiếp tại thư viện

- **Thời gian phỏng vấn:** Ngày 15 tháng 4 năm 2023

- **Nội dung phỏng vấn:**

Hỏi: Bạn vui lòng cho biết tầm quan trọng của việc đọc tài liệu đối với bạn?

Học viên: Đọc tài liệu giúp cho tôi củng cố kiến thức, định hướng trong nghiên cứu, kế thừa được những kết quả nghiên cứu của người đi trước, cung cấp các thông tin, dữ kiện để triển khai luận án.

Hỏi: Bạn thường đọc tài liệu về nội dung gì?

Học viên: Tôi thường đọc tài liệu chính trị - xã hội, đặc biệt là tài liệu về chuyên ngành chính trị học, các văn kiện, nghị quyết của Đảng.

Hỏi: Bạn thường đọc tài liệu từ các nguồn nào?

Học viên: Tôi tìm đọc tài liệu từ nhiều nguồn: trên mạng, ở thư viện, tài liệu mua ở các hiệu sách, tài liệu từ giảng viên. Tuy nhiên, tôi thường đọc tài liệu điện tử vì hiện nay tài liệu này có thể tiếp cận nhanh chóng, dễ dàng trên Internet và có thể đọc bất cứ lúc nào có thời gian. Chỉ cần mua tài khoản, có thể tải tài liệu điện tử về đọc.

Hỏi: Bạn cho biết những thuận lợi và khó khăn trong việc tiếp cận tài liệu của bạn ?

Học viên: Hiện nay, việc đọc tài liệu có thuận lợi là tài liệu trên mạng Internet rất phong phú, thư viện Học viện có nhiều tài liệu, tuy nhiên khó khăn là thời gian không có nhiều, nhiều tài liệu có nội dung gần giống nhau, phải mất thời gian cho việc chọn tài liệu nào để đọc, hiện nay nhiều thư viện đã thực hiện số hóa tài liệu, tuy nhiên, tôi thấy khó khăn trong việc truy cập vào nguồn tài liệu này, đôi khi không tìm thấy tài liệu mình cần, lúc tìm thấy thì lại không biết làm thế nào để đọc được toàn bộ nội dung tài liệu.

Hỏi: Trong quá trình học, giảng viên có giới thiệu tài liệu cho học viên đọc không? Giảng viên có hình thức kiểm tra việc đọc tài liệu của học viên không?

Học viên: Giảng viên thường xuyên giới thiệu tài liệu liên quan đến chuyên đề cho học viên. Qua thảo luận, chấm bài thi, tiểu luận, luận án, luận văn thầy cô có thể biết học viên nào đọc nhiều tài liệu.

Hỏi: Bạn có đọc hết tài liệu giảng viên giới thiệu không?

Học viên: Tất cả các tài liệu giảng viên giới thiệu tôi đều tìm và đọc qua toàn bộ. Nội dung nào cần thì tôi đọc kỹ hơn.

Hỏi: Cán bộ thư viện có hỗ trợ bạn trong quá trình đọc tài liệu?

Học viên: Cán bộ thư viện rất nhiệt tình phục vụ bạn đọc, sẵn sàng hướng dẫn cách tìm tài liệu khi tôi hỏi.

Hỏi: Đánh giá của bạn về hệ thống thư viện của Học viện CTQG HCM?

Học viên: Hệ thống thư viện Học viện có nguồn tài liệu rất phong phú, đặc biệt là tài liệu lý luận chính trị, tuy nhiên tài liệu điện tử còn ít.

Hỏi: Đánh giá của bạn về văn hóa đọc của học viên hiện nay?

Học viên: Trong quá trình tham gia học tập tại Học viện bản thân tôi và các anh chị học viên trong lớp đã tiếp thu tối đa các kiến thức mà thầy, cô truyền đạt; làm tốt việc mượn sách, đọc sách và nghiên cứu tại thư viện trung tâm, đồng thời cũng tra cứu, nghiên cứu thêm các tài liệu trên các trang mạng chính thống của Đảng, Nhà nước để làm phong phú thêm cho tư duy, kiến thức phục tốt cho học tập và ứng dụng vào thực tiễn trong công tác của mình.

Hỏi: Theo bạn Học viện cần phải làm gì để phát triển văn hóa đọc?

Học viên: Để phát triển văn hóa đọc của học viên thư viện nên phát triển thêm nguồn tài liệu điện tử để học viên có thể đọc trực tuyến ở nhà hay ở cơ quan, cần hướng dẫn học viên cách tìm tài liệu ở nhiều nguồn khác nhau. Thư viện Học viện nên phục vụ bạn đọc thêm buổi tối để học viên có thời gian đến thư viện.

Phụ lục 8.2. Phỏng vấn 2

- **Đối tượng phỏng vấn:** Học viên nam, lớp nghiên cứu sinh chuyên ngành Xây Dựng Đảng, tại Học viện Trung tâm.

- **Hình thức phỏng vấn:** Trực tiếp tại thư viện

- **Thời gian phỏng vấn:** Ngày 15 tháng 4 năm 2023

- **Nội dung phỏng vấn:**

Hỏi: Bạn vui lòng cho biết tầm quan trọng của việc đọc tài liệu đối với bạn?

- Học viên: Đọc tài liệu giúp cho tôi có nhiều tri thức, hiểu biết, đưa ra được định hướng trong nghiên cứu, kế thừa được những kết quả nghiên cứu của người đi trước, cung cấp các thông tin, dữ kiện để triển khai luận án. Văn hóa đọc nâng cao kiến thức để học tập, làm việc và xử lý mọi vấn đề trong cuộc sống được tốt hơn. Văn hóa đọc giúp tôi trau dồi tri thức lý luận, có kỹ năng giao tiếp, ứng xử, kỹ năng sống, nâng cao năng lực bản thân, mở rộng hiểu biết xã hội, dần hoàn thiện bản thân về mọi mặt.

Hỏi: Bạn thường đọc tài liệu về nội dung gì?

Học viên: Tôi thường đọc tài liệu về các chủ trương, đường lối của Đảng, các văn kiện, nghị quyết của Đảng, các tài liệu liên quan đến các chuyên đề đang học, tài liệu liên quan đến đề tài luận án của tôi là về vấn đề xây dựng đội ngũ cán bộ, các tài liệu về chuyên ngành xây dựng Đảng.

Hỏi: Bạn thường đọc tài liệu từ các nguồn nào?

Học viên: Tôi thường tìm đọc tài liệu trên mạng và ở thư viện hoặc tài liệu mua. Hiện nay đa số các thư viện đều ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động thư viện, số hóa tài liệu, vì vậy rất thuận lợi cho người đọc tìm kiếm tài liệu. Tôi thường tìm tài liệu qua mạng Internet, khi cần thì đến thư viện phô tô tài liệu về đọc. Tôi thường mua tài khoản truy cập đọc toàn văn tài liệu điện tử. Tài liệu trên mạng cũng khá nhiều. Vì vậy thỉnh thoảng tôi mới đến thư viện đọc tài liệu. Tôi thường đến Thư viện Học viện đọc tài liệu in. Ở đây có rất nhiều tài liệu lý luận chính trị, đặc biệt là tài liệu chuyên ngành Xây dựng Đảng. Nhiều luận án, luận văn

và sách chỉ có ở Thư viện Học viện, không có bản điện tử trên Internet hay thư viện số.

Hỏi: Bạn cho biết những thuận lợi và khó khăn trong việc tiếp cận tài liệu của bạn ?

Học viên: Hiện nay, việc đọc tài liệu có thuận lợi là dễ dàng tìm thông tin trên mạng Internet, sách xuất bản khá nhiều, tài liệu ở thư viện Học viện nhiều, tuy nhiên khó khăn là đôi khi tài liệu mình cần thì lại không có, vì tài liệu của thư viện có số bản ít nhiều khi mượn về không có vì đã có người khác mượn.

Hỏi: Trong quá trình học, giảng viên có giới thiệu tài liệu cho học viên đọc không? Giảng viên có hình thức kiểm tra việc đọc tài liệu của học viên không?

Học viên: Trong quá trình học, giảng viên thường xuyên giới thiệu tài liệu để định hướng cho học viên đọc. Giảng viên thường xuyên đặt ra các câu hỏi buộc học viên phải suy nghĩ, đọc trước tài liệu để trả lời tốt.

Hỏi: Bạn có đọc hết tài liệu giảng viên giới thiệu không?

Học viên: Tôi đọc hết những cuốn tôi tìm được, cuốn nào không có thì tôi mượn giảng viên để phô tô.

Hỏi: Cán bộ thư viện có hỗ trợ bạn trong quá trình đọc tài liệu?

Cán bộ thư viện rất tận tình hướng dẫn, chỉ chỗ tài liệu và tra tìm tài liệu giúp khi tôi không tìm được.

Hỏi: Đánh giá của bạn về hệ thống thư viện của Học viện CTQG HCM?

Học viên: Hệ thống thư viện Học viện tương đối tốt, tuy nhiên cần phát triển hình thức phục vụ trực tuyến để thuận tiện cho học viên.

Hỏi: Đánh giá của bạn về văn hóa đọc của học viên hiện nay?

Học viên: Theo tôi, việc đọc tài liệu của học viên chưa nhiều. Học viên đọc mạng là chủ yếu, chưa có thói quen đọc tại thư viện.

Hỏi: Theo bạn Học viện cần phải làm gì để phát triển văn hóa đọc?

Học viên: Để phát triển văn hóa đọc của học viên, thư viện nên mở cửa phục vụ ngoài giờ hành chính vì trong giờ hành chính học viên phải học trên lớp, ít có thời gian lên thư viện, thư viện cần phát triển thêm nguồn tài liệu điện tử để học viên có thể đọc qua mạng ở nhà.

Phụ lục 8.3. Phỏng vấn 3

- **Đối tượng phỏng vấn:** Học viên nữ, lớp cao học chuyên ngành Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật tại Học viện Trung tâm.
- **Hình thức phỏng vấn:** Trực tiếp tại thư viện
- **Thời gian phỏng vấn:** Ngày 15 tháng 4 năm 2023
- **Nội dung phỏng vấn:**

Hỏi: Bạn vui lòng cho biết tầm quan trọng của việc đọc tài liệu đối với bạn?

Học viên: Việc đọc tài liệu giúp cho tôi làm bài kiểm tra và bài thi tốt hơn. Việc viết tiểu luận và làm luận văn cũng cần phải tham khảo nhiều tài liệu. Tôi là giảng viên, nhiệm vụ chuyên môn hàng ngày của tôi là giảng dạy và tham gia nghiên cứu khoa học nên việc thường xuyên nghiên cứu, đọc tài liệu là công việc bắt buộc, gắn với nghề nghiệp của mình, tôi thường đọc tài liệu chuyên ngành để cập nhật, bổ sung, mở rộng kiến thức phục vụ cho bài giảng, cho nghiên cứu của mình.

Hỏi: Bạn thường đọc tài liệu về nội dung gì?

Học viên: Tôi thường đọc tài liệu chuyên ngành Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật

Hỏi: Bạn thường đọc tài liệu từ các nguồn nào?

Học viên: Thường tìm tài liệu trên Internet và thư viện. Tôi thường tranh thủ đến thư viện để mượn hoặc photocopy tài liệu mình cần về nghiên cứu tại nhà, không có nhiều thời gian để đọc tài liệu tại thư viện.

Hỏi: Bạn cho biết những thuận lợi và khó khăn trong việc tiếp cận tài liệu của bạn ?

Học viên: Thuận lợi là thư viện Học viện có nhiều nguồn tài liệu tham khảo, đặc biệt là tài liệu lý luận chính trị rất phong phú. Tôi thường đến thư viện để tìm tài liệu khi thi, viết tiểu luận và luận văn. Không gian các phòng đọc cũng rất yên tĩnh, rộng rãi, thoáng mát. Rất tiếc, nhiều học viên chưa đến thư viện nên không biết ở thư viện có nhiều tài liệu hay. Vì vậy, rất cần có hình thức quảng bá, giới thiệu thư viện tới nhiều học viên. Bên cạnh đó, tài liệu trên Internet cũng nhiều. Khó khăn là không có nhiều thời gian đọc tại thư viện. Nhiều khi muốn tìm đọc tài liệu trực tuyến nhưng không biết địa chỉ để truy cập vào các nguồn tin điện tử của các thư viện ngoài Học viện. Vì vậy, thư viện Học viện nên giới thiệu, hướng dẫn học viên cách truy cập đến các nguồn tài liệu của các thư viện.

Hỏi: Trong quá trình học, giảng viên có giới thiệu tài liệu cho bạn đọc không? Giảng viên có hình thức kiểm tra việc đọc tài liệu của bạn không?

Học viên: Giảng viên có giới thiệu danh mục tài liệu để học viên đọc.

Hỏi: Bạn có đọc hết tài liệu giảng viên giới thiệu không?

Học viên: Tôi chỉ đọc những cuốn tìm được, cuốn nào không có thì tôi không đọc.

Hỏi: Cán bộ thư viện có hỗ trợ bạn trong quá trình đọc tài liệu?

Cán bộ thư viện rất nhiệt tình phục vụ, vui vẻ lấy tài liệu khi bạn đọc yêu cầu. Sẵn sàng trả lời các câu hỏi thắc mắc khi học viên chưa rõ.

Hỏi: Đánh giá của bạn về hệ thống thư viện của Học viện CTQG HCM?

Học viên: Thư viện Học viện nhìn chung có khá nhiều tài liệu, tuy nhiên tài liệu điện tử còn ít. Học viên trong Học viện thường không có nhiều thời gian đến thư viện, vì vậy, Học viện nên phát triển thêm nguồn tài liệu điện tử để học viên có thể đọc trực tuyến ở nhà.

Hỏi: Đánh giá của bạn về văn hóa đọc của học viên hiện nay?

Nhìn chung văn hóa đọc của học viên khá tốt. Học viên đọc tài liệu trên mạng nhiều. Biết vận dụng kiến thức đọc được vào trong thực tiễn.

Hỏi: Theo bạn Học viện cần phải làm gì để phát triển văn hóa đọc?

Học viên: Cần phát triển tài nguyên thông tin số để học viên truy cập, đọc ở nhà. Cách ra câu hỏi đề thi cần đưa ra những câu hỏi mở, đòi hỏi học viên phải thu thập, đọc nhiều nguồn tài liệu. Tăng cường thảo luận.

Phụ lục 8.4. Phỏng vấn 4

- **Đối tượng phỏng vấn:** Học viên nữ, lớp cao học chuyên ngành Tư tưởng Hồ Chí Minh.

- **Hình thức phỏng vấn:** Trực tiếp tại thư viện

- **Thời gian phỏng vấn:** Ngày 15 tháng 4 năm 2023

- **Nội dung phỏng vấn:**

Hỏi: Bạn vui lòng cho biết tầm quan trọng của việc đọc tài liệu đối với bạn?

Học viên: Việc đọc tài liệu rất cần thiết đối với học viên, giúp học viên đạt kết quả tốt trong học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, rèn luyện tư duy khoa học. Việc đọc tài liệu giúp cho tôi làm bài kiểm tra và bài thi tốt hơn. Việc viết tiểu luận và làm luận văn cũng cần phải tham khảo nhiều tài liệu. Việc đọc tài liệu vừa cung cấp thông tin để viết luận văn đồng thời cung cấp tri thức để tôi vận dụng vào quá trình nghiên cứu, giảng dạy của mình.

Hỏi: Bạn thường đọc tài liệu về nội dung gì?

Học viên: Tôi thường đọc tài liệu chuyên ngành tư tưởng Hồ Chí Minh. Ngoài ra tài liệu về các chủ trương, đường lối của Đảng, các văn kiện, nghị quyết của Đảng tôi cũng thường xuyên cập nhật.

Hỏi: Bạn thường đọc tài liệu từ các nguồn nào?

Học viên: Tôi thường tìm tài liệu từ nguồn thư viện, trên mạng, tài liệu mua ở cửa hàng sách. Khi đọc với mục đích phục vụ nghiên cứu tôi thường đọc tài liệu giấy vì các tài liệu này thường có nội dung được hệ thống hóa và nghiên cứu chuyên sâu hơn, hàm lượng khoa học cao, có độ tin cậy về trích dẫn cao. Còn khi đọc với mục đích cập nhật thông tin thời sự hoặc giải trí thì tôi thường đọc tài liệu trên Internet. Hiện nay thư viện Học viện đã đưa toàn văn nhiều tạp chí lên thư viện số. Việc tìm kiếm theo chủ đề khá thuận tiện. Tôi thường xuyên đọc tài liệu điện tử trên thư viện số của Thư viện Học viện.

Hỏi: Bạn cho biết những thuận lợi và khó khăn trong việc tiếp cận tài liệu của bạn?

Hiện nay, việc đọc tài liệu có nhiều thuận lợi là nhiều nguồn tài liệu tiếp cận, sách in, sách mạng, sách nói. Thư viện Học viện có nguồn tài liệu lý luận chính trị rất phong phú. Tôi thường đến thư viện để tìm tài liệu khi thi, viết tiểu luận và luận văn. Không gian các phòng đọc cũng rất yên tĩnh, rộng rãi, thoáng mát. Nhiều học

viên chưa đến thư viện nên không biết ở thư viện có nhiều tài liệu hay. Vì vậy, rất cần có hình thức quảng bá, giới thiệu thư viện tới nhiều học viên. Tuy nhiên khó khăn là việc bố trí thời gian đọc chưa hợp lý, chưa có nhiều thời gian cho việc tiếp cận tài liệu.

Hỏi: Trong quá trình học, giảng viên có giới thiệu tài liệu cho bạn đọc không? Giảng viên có hình thức kiểm tra việc đọc tài liệu của bạn không?

Học viên: Mỗi chuyên đề giảng viên thường giới thiệu ít nhất 2-3 tài liệu để học viên nghiên cứu thêm.

Hỏi: Bạn có đọc hết tài liệu giảng viên giới thiệu không?

Học viên: Tôi chủ yếu đọc giáo trình. Tài liệu tham khảo tôi chỉ đọc được một phần.

Hỏi: Cán bộ thư viện có hỗ trợ bạn trong quá trình đọc tài liệu?

Cán bộ thư viện đã giới thiệu các phòng đọc cho tôi khi lần đầu tới thư viện tôi chưa biết.

Hỏi: Đánh giá của bạn về hệ thống thư viện của Học viện CTQG HCM?

Học viên: Thư viện học viện có cơ sở vật chất khá khang trang, các phòng đọc rộng rãi, sạch sẽ, thoáng mát, yên tĩnh, tài liệu phong phú.

Hỏi: Đánh giá của bạn về văn hóa đọc của học viên hiện nay?

Học viên: Hiện nay, đa số học viên có ý thức trong việc thực hiện văn hóa đọc, tuy nhiên vẫn có học viên không bao giờ biết đến thư viện.

Hỏi: Theo bạn Học viện cần phải làm gì để phát triển văn hóa đọc?

Để nâng cao văn hóa đọc Học viện cần tổ chức các cuộc thi văn hóa đọc, thi giới thiệu sách lý luận chính trị.

Phụ lục 8.5. Phỏng vấn 5

- **Đối tượng phỏng vấn:** Học viên nam, lớp Cao cấp lý luận chính trị hệ tập trung K73 tại Học viện Trung tâm.

- **Hình thức phỏng vấn:** Trực tiếp tại thư viện

- **Thời gian phỏng vấn:** Ngày 15 tháng 4 năm 2023

- **Nội dung phỏng vấn:**

Hỏi: Bạn vui lòng cho biết tầm quan trọng của việc đọc tài liệu đối với bạn?

Học viên: Việc đọc tài liệu rất cần thiết, cung cấp kiến thức chuyên ngành, lý luận, thực tiễn, rèn luyện kỹ năng đọc sách. Văn hóa đọc có vai trò rất quan trọng đối với công việc của mình. Khi đọc tài liệu, tôi bổ sung được nhiều kiến thức, thông tin mới.

Hỏi: Bạn thường đọc tài liệu về nội dung gì?

Học viên: Tôi công tác trong lĩnh vực văn hóa. Ngoài tài liệu lý luận chính trị, tài liệu về kinh tế, tôi thường đọc tài liệu về du lịch, văn hoá, vì đây là tài liệu liên quan đến công việc hàng ngày của tôi.

Hỏi: Bạn thường đọc tài liệu từ các nguồn nào?

Học viên: Tôi thường đọc tài liệu điện tử trên Internet để cập nhật thông tin. Hiện nay có nhiều báo và nhiều tạp chí đã được xuất bản dưới dạng điện tử như Báo

Nhân dân, Tạp chí Cộng sản, Tạp chí Lý luận chính trị và nhiều báo điện tử khác với thông tin có chất lượng rất thuận tiện cho việc đọc.

Hỏi: Bạn cho biết những thuận lợi và khó khăn trong việc tiếp cận tài liệu của bạn ?

Học viên: Hiện nay thuận lợi là tài liệu khá nhiều trên Internet, người đọc có thể mua tài khoản và tải tài liệu về, tuy nhiên khó khăn trong việc tiếp cận các tài liệu mới phục vụ công tác và học tập, thời gian không nhiều, hầu như học cả ngày, ít có thời gian đọc tài liệu tại thư viện.

Hỏi: Trong quá trình học, giảng viên có giới thiệu tài liệu cho bạn đọc không? Giảng viên có hình thức kiểm tra việc đọc tài liệu của bạn không?

Học viên: Thỉnh thoảng giảng viên có giới thiệu tài liệu.

Hỏi: Bạn có đọc hết tài liệu giảng viên giới thiệu không?

Học viên: Tôi chỉ đọc được một phần. Chủ yếu là đọc giáo trình.

Hỏi: Cán bộ thư viện có hỗ trợ bạn trong quá trình đọc tài liệu?

Cán bộ thư viện hướng dẫn rất nhiệt tình cách tìm tài liệu ở thư viện khi tôi chưa biết.

Hỏi: Đánh giá của bạn về hệ thống thư viện của Học viện CTQG HCM?

Học viên: Tài liệu của thư viện Học viện phong phú, đa dạng. Tuy nhiên tài liệu số như sách, luận án, luận văn chưa nhiều.

Hỏi: Đánh giá của bạn về văn hóa đọc của học viên hiện nay?

Học viên: Nhìn chung, hiện nay văn hóa đọc của học viên khá tốt. Học viên cập nhật thông tin từ nhiều nguồn, đặc biệt là trên Internet.

Hỏi: Theo bạn Học viện cần phải làm gì để phát triển văn hóa đọc?

Học viên: Để phát triển văn hóa đọc cần phổ biến sâu rộng trong giảng viên và học viên về giá trị của văn hóa đọc, tổ chức các hoạt động tuyên truyền, giới thiệu sách.

Phụ lục 8.6. Phỏng vấn 6

- **Đối tượng phỏng vấn:** Học viên nữ, lớp cao cấp lý luận chính trị K73 tại Học viện Trung tâm.

- **Hình thức phỏng vấn:** Trực tiếp tại thư viện

- **Thời gian phỏng vấn:** Ngày 15 tháng 4 năm 2023

- **Nội dung phỏng vấn:**

Hỏi: Bạn vui lòng cho biết tầm quan trọng của việc đọc tài liệu đối với bạn?

Học viên: Văn hóa đọc rất quan trọng, giúp tôi có thêm hiểu biết về các lĩnh vực của đời sống xã hội. Tôi thường đọc để có kiến thức, hiểu sâu các nội dung liên quan đến các chuyên đề học trên lớp để có thể tự tin đưa ra ý kiến trao đổi, thảo luận khi giảng viên yêu cầu.

Hỏi: Bạn thường đọc tài liệu về nội dung gì?

Học viên: Tôi thường đọc tài liệu nội dung về nông nghiệp, tài liệu lý luận chính trị.

Hỏi: Bạn thường đọc tài liệu từ các nguồn nào?

Học viên: Việc tiếp cận tài liệu hiện nay tương đối thuận lợi. Tôi thường đọc tài liệu trên sách, báo, Internet.

Hỏi: Bạn cho biết những thuận lợi và khó khăn trong việc tiếp cận tài liệu của bạn ?

Học viên: Hệ thống thư viện học viện rất tốt, có thể tra tìm tài liệu theo chủ đề trên OPAC. Khó khăn là lịch học trên lớp đã gần như kín hết thời gian nên ít có thời gian đọc tài liệu tại thư viện.

Hỏi: Trong quá trình học, giảng viên có giới thiệu tài liệu cho bạn đọc không? Giảng viên có hình thức kiểm tra việc đọc tài liệu của bạn không?

Học viên: Giảng viên thường giới thiệu tài liệu liên quan đến chuyên đề.

Hỏi: Bạn có đọc hết tài liệu giảng viên giới thiệu không?

Học viên: Tôi đọc toàn bộ tài liệu giảng viên giới thiệu nhưng đọc lướt các nội dung. Chỉ đọc kỹ lại khi cần sử dụng đến.

Hỏi: Cán bộ thư viện có hỗ trợ bạn trong quá trình đọc tài liệu?

Cán bộ thư viện rất nhiệt tình lấy tài liệu phục vụ bạn đọc, hỗ trợ tôi tìm tài liệu nhanh.

Hỏi: Đánh giá của bạn về hệ thống thư viện của Học viện CTQGHCM?

Học viên: Cơ sở vật chất, không gian phòng đọc rất tốt. Tài liệu cũng nhiều, tuy nhiên đôi khi mượn sách không có vì số bản ít đã có người khác đang mượn.

Hỏi: Đánh giá của bạn về văn hóa đọc của học viên hiện nay?

Học viên: Nhìn chung học viên chịu khó đọc tài liệu. Tuy nhiên, học viên chưa dành nhiều thời gian nghiên cứu tài liệu tại thư viện. Một số học viên chỉ đọc giáo trình, tài liệu của giảng viên để phục vụ cho thi, kiểm tra, chưa thực sự đam mê với việc đọc.

Hỏi: Theo bạn Học viện cần phải làm gì để phát triển văn hóa đọc?

Học viên: Học viện cần có những chuyên đề nội dung yêu cầu học viên tự nghiên cứu. Trong lịch học giữa tuần nên bố trí khoảng 1-2 buổi để học viên nghiên cứu tài liệu tại thư viện như một buổi học chính khóa. Thư viện nên mở rộng kết nối với các thư viện khác để làm phong phú nội dung thông tin.

Phụ lục 8.7. Phỏng vấn 7

- **Đối tượng phỏng vấn:** Học viên lớp Cao cấp lý luận chính trị hệ tập trung K73 tại Học viện Trung tâm.

- **Hình thức phỏng vấn:** Trực tiếp tại thư viện

- **Thời gian phỏng vấn:** Ngày 15 tháng 4 năm 2023

- **Nội dung phỏng vấn:**

Hỏi: Bạn vui lòng cho biết tầm quan trọng của việc đọc tài liệu đối với bạn?

Đọc tài liệu giúp tôi hiểu biết và thực hiện đúng đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước, nâng cao hiểu biết, bồi dưỡng tư duy, nâng cao năng lực nghiên cứu và tự nghiên cứu. Văn hóa đọc rèn luyện kỹ năng giải quyết vấn đề, cung cấp thông tin, tri thức phục vụ cho học tập, cho công việc, phát triển toàn diện bản thân.

Hỏi: Bạn thường đọc tài liệu về nội dung gì?

Học viên: Tôi thường đọc Nghị quyết Đại hội Đảng, Nghị quyết Đại hội Đoàn, Điều lệ Đảng, Điều lệ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh.

Hỏi: Bạn thường đọc tài liệu từ các nguồn nào?

Học viên: Tôi thường tìm tài liệu từ tại các hiệu sách lớn, uy tín, các nhà xuất bản lớn, chính thống, chuyên ngành để đảm bảo tính chính thống của tài liệu. Hiện nay nguồn thông tin trên Internet khá phong phú, tìm kiếm nhanh và thuận tiện. Tôi thường vào các trang web chính thống của Đảng và Nhà nước để tìm kiếm thông tin mình cần, tìm đọc các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước liên quan đến vấn đề mình đang nghiên cứu.

Hỏi: Bạn cho biết những thuận lợi và khó khăn trong việc tiếp cận tài liệu của bạn ?

Học viên: Thuận lợi là tài liệu đã được đăng tải thường xuyên trên Internet, sử dụng thuận tiện trong tiếp cận. Khó khăn là khó tập trung khi đọc nhiều, tài liệu đăng tải trên internet đôi khi có những nhà cung cấp không uy tín, chính xác và được công nhận, xác thực. Yếu tố ảnh hưởng lớn nhất đến thói quen đọc của tôi là thời gian do đặc thù vừa công tác, vừa nghiên cứu nên tôi chỉ đọc được từng phần, không đọc được từ đầu đến cuối một cách liền mạch.

Hỏi: Trong quá trình học, giảng viên có giới thiệu tài liệu cho bạn đọc không? Giảng viên có hình thức kiểm tra việc đọc tài liệu của bạn không?

Học viên: Thỉnh thoảng giảng viên cũng giới thiệu tài liệu cho học viên đọc.

Hỏi: Bạn có đọc hết tài liệu giảng viên giới thiệu không?

Học viên: Tôi đọc một số tài liệu giảng viên giới thiệu. Tài liệu giảng viên giới thiệu có nhiều tài liệu rất hay, học viên nên đọc thêm để hiểu sâu về chuyên đề mình đang học.

Hỏi: Cán bộ thư viện có hỗ trợ bạn trong quá trình đọc tài liệu?

Học viên: Cán bộ thư viện sẵn sàng hỗ trợ tìm tài liệu khi tôi hỏi.

Hỏi: Đánh giá của bạn về hệ thống thư viện của Học viện CTQG HCM?

Học viên: Tôi thấy thư viện Học viện có tài liệu rất đa dạng, phong phú; Hệ thống tra cứu thuận lợi, chính xác; Các sản phẩm dịch vụ thông tin - thư viện phù hợp với nhu cầu của học viên; Cách phục vụ của cán bộ thư viện tận tình, chuyên nghiệp; Trang thiết bị, cơ sở vật chất của thư viện đầy đủ, hiện đại, đáp ứng tốt.

Hỏi: Đánh giá của bạn về văn hóa đọc của học viên hiện nay?

Học viên: Theo tôi, văn hoá đọc của học viên là vô cùng quan trọng và không thể thiếu đối với mỗi học viên, giảng viên hiện nay. Học viên có văn hoá đọc tốt sẽ chủ động, tích cực trong nghiên cứu tài liệu, nâng cao chất lượng học tập. Nhìn chung qua quan sát thấy học viên ít khi lên thư viện để tìm đọc các đầu sách phục vụ cho việc học. Riêng cá nhân tôi thì yêu thích lên thư viện để tìm đọc sách và tài liệu trước các ngày thi vì ở thư viện yên tĩnh, không gian thoải mái để tập trung đọc và hiểu tài liệu hơn.

Hỏi: Theo bạn Học viện cần phải làm gì để phát triển văn hóa đọc?

Học viên: Theo tôi, để nâng cao văn hoá đọc cần mở rộng không gian thư viện, tổ chức những ngày hội văn hoá đọc.

Phụ lục 8.8. Phỏng vấn 8

- **Đối tượng phỏng vấn:** Học viên lớp Cao cấp lý luận chính trị hệ tập trung K73 tại Học viện Trung tâm.

- **Hình thức phỏng vấn:** Trực tiếp tại thư viện

- **Thời gian phỏng vấn:** Ngày 15 tháng 4 năm 2023

- **Nội dung phỏng vấn:**

Hỏi: Bạn vui lòng cho biết tầm quan trọng của việc đọc tài liệu đối với bạn?

Học viên: Văn hóa đọc có vai trò rất quan trọng góp phần rèn luyện kỹ năng nghiên cứu, học tập, học tập suốt đời. Giúp mở mang kiến thức ở tất cả các lĩnh vực, đặc biệt là kiến thức chuyên môn. Giúp tôi đạt kết quả học tập cũng như phát triển năng lực công tác tốt hơn. Những kiến thức đọc được giúp tôi giải quyết các công việc của mình một cách hiệu quả và nhanh hơn. Chỉ khi thu nhận và phân tích thông tin đúng, đầy đủ thì mới đưa ra được quyết định đúng đắn và phù hợp với tình hình thực tế.

Hỏi: Bạn thường đọc tài liệu về nội dung gì?

Học viên: Tôi đọc nhiều loại tài liệu như văn kiện, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Tôi thường đọc tài liệu về chuyên ngành văn hoá để phục vụ cho việc kiểm tra, thi, viết tiểu luận, thảo luận. Hàng ngày tôi thường lướt web để đọc tin tức thời sự.

Hỏi: Bạn thường đọc tài liệu từ các nguồn nào?

Học viên: Học viên hiện nay chủ yếu đọc giáo trình, tài liệu của giảng viên cung cấp, đọc trên mạng. Vì lịch học trên lớp đã gần như kín hết thời gian, thư viện chỉ mở cửa phục vụ trong giờ hành chính nên học viên ít có thời gian đến thư viện. Tôi thường tìm kiếm thông tin từ các trang web chính thống vì trang web thuận tiện tra cứu, tiếp cận.

Hỏi: Bạn cho biết những thuận lợi và khó khăn trong việc tiếp cận tài liệu của bạn?

Học viên: Thuận lợi là tài liệu nhiều, có thể dễ dàng tìm trên mạng. Tôi gặp khó khăn trong việc bố trí thời gian để thường xuyên tìm đọc các tài liệu ở thư viện.

Hỏi: Trong quá trình học, giảng viên có giới thiệu tài liệu cho bạn đọc không? Giảng viên có hình thức kiểm tra việc đọc tài liệu của bạn không?

Học viên: Đa số giảng viên giới thiệu tài liệu tham khảo cho học viên đọc.

Hỏi: Bạn có đọc hết tài liệu giảng viên giới thiệu không?

Học viên: Tôi đọc một phần.

Hỏi: Cán bộ thư viện có hỗ trợ bạn trong quá trình đọc tài liệu?

Học viên: Cán bộ thư viện rất nhiệt tình, thân thiện, sẵn sàng lấy tài liệu khi tôi yêu cầu và hướng dẫn cách tìm tài liệu.

Hỏi: Đánh giá của bạn về hệ thống thư viện của Học viện CTQGHCM?

Học viên: Thư viện có tài liệu phong phú, chuyên sâu thuộc lĩnh vực chính trị - xã hội. Hệ thống tra cứu: tương đối tốt; Các sản phẩm, dịch vụ thông tin - thư viện tương đối tốt; Cách phục vụ của cán bộ thư viện thân thiện; trang thiết bị, cơ sở vật chất thư viện cơ bản đảm bảo

Hỏi: Đánh giá của bạn về văn hóa đọc của học viên hiện nay?

Học viên: Tôi nhận thấy, văn hoá đọc của học viên hiện nay cơ bản đáp ứng được nhu cầu phục vụ cho việc học tập, rèn luyện tại Học viện. Tuy nhiên, đôi khi chưa thật sự chủ động trong việc nghiên cứu tài liệu.

Hỏi: Theo bạn Học viện cần phải làm gì để phát triển văn hóa đọc?

Học viên: Theo tôi, định hướng của thầy cô, đồng nghiệp là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến việc đọc của học viên. Cần tổ chức nhiều hoạt động tập thể để phát huy văn hoá đọc cho học viên.

Phụ lục 8.9. Phỏng vấn 9

- **Đối tượng phỏng vấn:** Học viên nam, lớp Cao cấp lý luận chính trị hệ tập trung tại Học viện Chính trị Khu vực I.

- **Hình thức phỏng vấn:** Trực tiếp tại thư viện

- **Thời gian phỏng vấn:** Ngày 15 tháng 4 năm 2023

- **Nội dung phỏng vấn:**

Hỏi: Bạn vui lòng cho biết tầm quan trọng của việc đọc tài liệu đối với bạn?

Học viên: Văn hóa đọc có vai trò quan trọng giúp tôi kịp thời cập nhật, nắm vững những chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước để lãnh đạo, chỉ đạo đơn vị thực hiện mục tiêu, định hướng của Đảng và Nhà nước, văn hóa đọc cung cấp tri thức để vận dụng vào công việc thực tiễn, phát triển toàn diện bản thân. Văn hóa đọc giúp tôi nâng cao trình độ chuyên môn, mở mang kiến thức xã hội.

Hỏi: Bạn thường đọc tài liệu về nội dung gì?

Học viên: Tôi thường đọc tài liệu lý luận chính trị, các văn kiện, nghị quyết của Đảng, tài liệu về lĩnh vực chính trị - xã hội. Ngoài tài liệu chính trị - xã hội, tôi thường đọc tài liệu chuyên môn về y tế để cập nhật kiến thức chuyên môn.

Hỏi: Bạn thường đọc tài liệu từ các nguồn nào?

Học viên: Tôi thường tìm tài liệu trên Internet, giáo trình, tài liệu do giảng viên cung cấp, tài liệu ở thư viện Học viện Chính trị khu vực I. Tôi ít đọc tài liệu tại thư viện do không có nhiều thời gian.

Hỏi: Bạn cho biết những thuận lợi và khó khăn trong việc tiếp cận tài liệu của bạn ?

Học viên: Thuận lợi là Học viện có đầy đủ giáo trình để phục vụ cho các chuyên đề trong chương trình học tập. Tài liệu hiện nay trên mạng cũng nhiều, tìm kiếm dễ dàng, tài liệu thư viện Học viện phong phú. Khó khăn là không kịp thời biết được những tài liệu mới liên quan đến vấn đề mình quan tâm để tìm đọc. Tài liệu nhiều nên cũng mất thời gian trong việc lựa chọn tài liệu để đọc.

Hỏi: Trong quá trình học, giảng viên có giới thiệu tài liệu cho bạn đọc không? Giảng viên có hình thức kiểm tra việc đọc tài liệu của bạn không?

Học viên: Mỗi chuyên đề các giảng viên đều đưa ra danh mục tài liệu tham khảo để học viên tìm đọc. Tuy nhiên việc kiểm tra học viên đọc hay không chưa được thường xuyên và quyết liệt.

Hỏi: Bạn có đọc hết tài liệu giảng viên giới thiệu không?

Học viên: Tôi đọc một số cuốn để hiểu sâu hơn về chuyên đề mình đang học.

Hỏi: Cán bộ thư viện có hỗ trợ bạn trong quá trình đọc tài liệu?

Cán bộ thư viện đã hướng dẫn tìm tài liệu ở các phòng đọc, phòng mượn, sẵn sàng cung cấp tài liệu khi tôi đề nghị.

Hỏi: Đánh giá của bạn về hệ thống thư viện của Học viện CTQG HCM?

Học viên: Cơ sở vật chất khá tốt, tài liệu giấy nhiều, tuy nhiên tài liệu điện tử còn ít, chưa đáp ứng tốt nhu cầu đọc trực tuyến của bạn đọc.

Hỏi: Đánh giá của bạn về văn hóa đọc của học viên hiện nay?

Học viên: Học viên vẫn còn chưa chủ động đọc tài liệu, chủ yếu đọc để phục vụ thi, kiểm tra, còn đọc theo kiểu đam mê thì không nhiều, thời gian lướt web nhiều nên hạn chế việc đọc theo kiểu nghiên cứu, tìm tòi, sáng tạo. Tại Học viện việc đọc sách tại Thư viện của học viên chưa thường xuyên. Muốn cải thiện tình trạng này để phát triển văn hóa đọc theo tôi nên: Kích thích sự đam mê đọc sách của học viên qua giảng viên (giới thiệu sách tham khảo, tâm điểm của sách giới thiệu,...); Kết cấu và yêu cầu mở rộng vấn đề trong chương trình môn học đồng thời gắn với bộ câu hỏi thi hết môn.

Hỏi: Theo bạn Học viện cần phải làm gì để phát triển văn hóa đọc?

Học viên: Để phát triển văn hóa đọc của học viên thì cần tăng cường trao đổi, thảo luận trên lớp, nội dung đề thi phải mang tính mở, bắt buộc học viên phải đọc nhiều tài liệu mới có thể làm bài được. Thư viện cần tăng cường tài liệu điện tử để học viên có thể truy cập từ xa.

Phụ lục 8.10. Phỏng vấn 10

- **Đối tượng phỏng vấn:** Học viên lớp Cao cấp lý luận chính trị tại Học viện Chính trị Khu vực I.
- **Hình thức phỏng vấn:** Trực tiếp tại thư viện
- **Thời gian phỏng vấn:** Ngày 15 tháng 4 năm 2023
- **Nội dung phỏng vấn:**

Hỏi: Bạn vui lòng cho biết tầm quan trọng của việc đọc tài liệu đối với bạn?

Học viên: Đọc tài liệu để có nhiều kiến thức, mở mang hiểu biết, rèn luyện tư duy, kỹ năng học tập suốt đời. Muốn có kết quả tốt trong học tập thì phải đọc nhiều, muốn đưa ra các giải pháp tốt để triển khai công việc đạt hiệu quả thì cũng phải có trình độ, năng lực thực sự, muốn có trình độ, năng lực thì phải nghiên cứu, thường xuyên cập nhật kiến thức qua việc đọc. Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý, thường phải đưa ra các quyết định để triển khai công việc của đơn vị mình. Chất lượng của quyết định phụ thuộc nhiều vào việc nắm bắt và xử lý thông tin. Việc đọc tài liệu giúp cán bộ lãnh đạo, quản lý cập nhật đầy đủ thông tin, kiến thức để có thể đưa ra các quyết định chính xác và có tính khả thi, đặc biệt là rèn luyện kỹ năng lãnh đạo, quản lý.

Hỏi: Bạn thường đọc tài liệu về nội dung gì?

Học viên: Tôi thường đọc tài liệu văn kiện Đảng, chủ trương, đường lối của Đảng, tài liệu lý luận chính trị, tài liệu về nông nghiệp.

Hỏi: Bạn thường đọc tài liệu từ các nguồn nào?

Học viên: Tôi thường đọc giáo trình do Học viện biên soạn, các tài liệu giảng viên cung cấp. Tài liệu trên mạng, tài liệu của cơ quan, tài liệu mình mua, tài liệu của thư viện.

Hỏi: Bạn cho biết những thuận lợi và khó khăn trong việc tiếp cận tài liệu của bạn ?

Học viên: Hiện nay có thể ngồi ở nhà đọc tài liệu trực tuyến qua mạng Internet mà không phải đi đến thư viện. Tuy nhiên tài liệu thực sự hay, có giá trị không

nhieu. Nhiều sách có nội dung tương tự nhau, đôi khi khó khăn trong việc lựa chọn tài liệu nào nên đọc, tài liệu nào không, vì đọc hết thì không có nhiều thời gian nên phải đọc có chọn lọc.

Hỏi: Trong quá trình học, giảng viên có giới thiệu tài liệu cho bạn đọc không?

Học viên: Thông thường các chuyên đề đều có danh mục tài liệu tham khảo để học viên biết và tìm đọc.

Hỏi: Bạn có đọc hết tài liệu giảng viên giới thiệu không?

Học viên: Tôi đọc lướt nội dung tài liệu giảng viên cung cấp, thường thì chỗ nào tôi quan tâm tôi mới đọc kỹ.

Hỏi: Cán bộ thư viện có hỗ trợ bạn trong quá trình đọc tài liệu?

Cán bộ thư viện rất nhiệt tình chỉ dẫn tôi trong việc tìm tài liệu, giới thiệu cho tôi tìm thêm tài liệu ở một số thư viện khác nữa.

Hỏi: Đánh giá của bạn về hệ thống thư viện của Học viện CTQGHCM?

Học viên: Tương đối tốt. Tuy nhiên hiện nay đa số học viên có xu hướng đọc trực tuyến, thói quen đọc tài liệu tại thư viện giảm, vì vậy thư viện cần tăng cường thêm tài liệu điện tử để ở nhà học viên cũng có thể đọc được tài liệu.

Hỏi: Đánh giá của bạn về văn hóa đọc của học viên hiện nay?

Học viên: Hiện nay, học viên chủ yếu đọc giáo trình, tài liệu của giảng viên cung cấp, tài liệu trên mạng, số lượng học viên đọc tài liệu trên thư viện còn ít.

Hỏi: Theo bạn Học viện cần phải làm gì để phát triển văn hóa đọc?

Học viên: Học viện nên tổ chức các hoạt động tôn vinh sách và văn hóa đọc như : thi giới thiệu sách hay, thi đọc sách siêu tốc độ,... để tạo thói quen đọc cho học viên. Thư viện cần có hình thức tuyên truyền, giới thiệu sách tới học viên, hướng dẫn học viên cách tiếp cận tới các nguồn tài liệu trong Học viện và ở các cơ quan thư viện bên ngoài.

Phụ lục 8.11. Phỏng vấn 11

- **Đối tượng phỏng vấn:** Học viên lớp Cao cấp lý luận chính trị tại Học viện Chính trị Khu vực II.

- **Hình thức phỏng vấn:** Trực tiếp tại thư viện

- **Thời gian phỏng vấn:** Ngày 15 tháng 4 năm 2023

- **Nội dung phỏng vấn:**

Hỏi: Bạn vui lòng cho biết tầm quan trọng của việc đọc tài liệu đối với bạn?

Học viên: Văn hóa đọc có vai trò quan trọng, giúp học viên bổ sung tri thức, cung cấp kiến thức, kỹ năng phục vụ cho công việc, học tập, hoàn thiện bản thân. Văn hóa đọc có vai trò quan trọng góp phần nâng cao năng lực, trình độ đáp ứng yêu cầu trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế hiện nay. Việc đọc tài liệu bổ sung tri thức, cung cấp kiến thức chuyên môn, kỹ năng phục vụ cho công việc, giúp học viên đạt kết quả tốt trong học tập, phát triển toàn diện bản thân. Việc đọc tài liệu có ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả học tập. Những môn học nào mình tâm huyết, dành nhiều thời gian nghiên cứu, tìm đọc tài liệu thì đều đạt điểm cao khi thi và làm tiểu luận.

Hỏi: Bạn thường đọc tài liệu về nội dung gì?

Học viên: Tôi thường đọc sách về chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, các tài liệu nước ngoài về cải cách hành chính nhà nước, về đổi mới, quản trị quốc gia để phục vụ cho công việc của mình.

Hỏi: Bạn thường đọc tài liệu từ các nguồn nào?

Học viên: Tôi thường đọc tài liệu từ trang thông tin điện tử chính thống, từ hệ thống tư liệu của cơ quan.

Hỏi: Bạn cho biết những thuận lợi và khó khăn trong việc tiếp cận tài liệu của bạn ?

Sự phát triển của mạng Internet đã mang lại nhiều thuận lợi trong việc cập nhật thông tin thời sự trong nước và quốc tế. Tài liệu nhiều, nếu biết cách truy cập sẽ có nhiều nguồn trên Internet có thể tìm được tài liệu mình cần mà không phải đến thư viện hay nhà sách. Tuy nhiên, khó khăn là tài liệu số của thư viện Học viện còn ít, nên khi cần tài liệu tôi vẫn phải đến thư viện mới đọc được trong khi thời gian khá bận.

Hỏi: Trong quá trình học, giảng viên có giới thiệu tài liệu cho bạn đọc không? Giảng viên có hình thức kiểm tra việc đọc tài liệu của bạn không?

Thỉnh thoảng giảng viên giới thiệu tài liệu.

Hỏi: Bạn có đọc hết tài liệu giảng viên giới thiệu không?

Học viên: Tôi đọc một phần trong số tài liệu đó vì có một số tài liệu không tìm thấy.

Hỏi: Cán bộ thư viện có hỗ trợ bạn trong quá trình đọc tài liệu?

Cán bộ thư viện nhiệt tình giúp đỡ lấy tài liệu tôi khi đọc tài liệu tại thư viện.

Hỏi: Đánh giá của bạn về hệ thống thư viện của Học viện CTQG HCM?

Cơ sở vật chất khang trang, hiện đại. Tài liệu của Thư viện Trung tâm Học viện rất phong phú, đa dạng, tuy nhiên cần bổ sung thêm các sách chuyên ngành, phát triển nhiều tài liệu số để học viên đọc từ xa mà không phải đến thư viện.

Hỏi: Đánh giá của bạn về văn hóa đọc của học viên hiện nay?

Học viên còn lười đọc tài liệu tại thư viện. Học viên chủ yếu đọc giáo trình, tài liệu do giảng viên cung cấp để phục vụ cho việc thi cử. Chủ yếu đọc trên mạng để cập nhật thông tin thời sự nhiều.

Hỏi: Theo bạn Học viện cần phải làm gì để phát triển văn hóa đọc?

Trong chương trình học cần tăng cường trao đổi, thảo luận để tất cả học viên đều bày tỏ quan điểm, ý kiến của mình. Giảng viên cần đưa ra chủ đề thảo luận trước để học viên đọc tài liệu. Đề thi nên theo kiểu đề mở, đòi hỏi kiến thức không chỉ trong bài giảng, giáo trình mà cả kiến thức rộng, tổng hợp từ nhiều nguồn khác nhau để bắt buộc học viên phải tìm tòi, đọc nhiều tài liệu. Học viên đều là cán bộ, ít có thời gian đến thư viện đọc tài liệu, thư viện cần phát triển các tài liệu điện tử để học viên có thể tra cứu trên điện thoại di động.

Phụ lục 8.12. Phỏng vấn 12

- **Đối tượng phỏng vấn:** Học viên lớp Cao cấp lý luận chính trị tại Học viện Chính trị Khu vực II.
- **Hình thức phỏng vấn:** Trực tiếp tại thư viện
- **Thời gian phỏng vấn:** Ngày 15 tháng 4 năm 2023
- **Nội dung phỏng vấn:**

Hỏi: Bạn vui lòng cho biết tầm quan trọng của việc đọc tài liệu đối với bạn?

Học viên: Văn hóa đọc có vai trò quan trọng giúp tôi kịp thời cập nhật, nắm vững những chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước để đưa ra những giải pháp phát triển địa phương phù hợp với mục tiêu, định hướng của Đảng và Nhà nước, văn hóa đọc cung cấp tri thức để vận dụng vào công việc thực tiễn, phát triển toàn diện bản thân. Văn hóa đọc giúp tôi bổ sung kiến thức chuyên môn, mở mang kiến thức xã hội, cập nhật tình hình thời sự trong nước và trên thế giới, từ đó mở rộng tầm nhìn, nâng cao năng lực bản thân.

Hỏi: Bạn thường đọc tài liệu về nội dung gì?

Học viên: Tôi thường đọc tài liệu chính trị - xã hội, tài liệu chuyên môn về nhân lực y tế, thái độ sống và tâm thức, Phật giáo.

Hỏi: Bạn thường đọc tài liệu từ các nguồn nào?

Học viên: Tôi thường tìm đọc tài liệu từ nguồn chính thống trên Internet. Vì việc tìm kiếm trên Internet nhanh, thông tin đa dạng, có thể tìm bất cứ khi nào.

Hỏi: Bạn cho biết những thuận lợi và khó khăn trong việc tiếp cận tài liệu của bạn ?

Học viên: Hiện nay với sự phát triển của công nghệ thông tin và truyền thông, việc tiếp cận thông tin rất thuận tiện, có nhiều kênh để tiếp cận thông tin. Sách xuất bản nhiều, thư viện có nhiều tài liệu hay. Yếu tố ảnh hưởng nhất đến việc đọc của tôi là thời gian.

Hỏi: Trong quá trình học, giảng viên có giới thiệu tài liệu cho bạn đọc không? Giảng viên có hình thức kiểm tra việc đọc tài liệu của bạn không?

Học viên: Trong bài giảng của giảng viên có danh mục tài liệu tham khảo cho học viên đọc thêm.

Hỏi: Bạn có đọc hết tài liệu giảng viên giới thiệu không?

Học viên: Tôi đọc hết những tài liệu tìm được. Nhiều tài liệu rất hay và bổ ích. Tôi thường phôi tồ lại để khi cần có thể lấy thông tin từ đó.

Hỏi: Cán bộ thư viện có hỗ trợ bạn trong quá trình đọc tài liệu?

Cán bộ thư viện đã chỉ cho tôi tài liệu tôi cần tìm thì tìm ở đâu, rất nhiệt tình lấy tài liệu cho tôi khi tôi muốn mượn.

Hỏi: Đánh giá của bạn về hệ thống thư viện của Học viện CTQG HCM?

Học viên: Thư viện Học viện có nhiều tài liệu lý luận chính trị, nhưng không có tài liệu điện tử, chủ yếu hoạt động theo phương thức phục vụ đọc tại thư viện nên không thuận tiện cho học viên khi học viên không có nhiều thời gian đọc tại thư viện.

Hỏi: Đánh giá của bạn về văn hóa đọc của học viên hiện nay?

Học viên: Học viên cần dành nhiều thời gian hơn nữa cho việc đọc.

Hỏi: Theo bạn Học viện cần phải làm gì để phát triển văn hóa đọc?

Học viên: Cần khuyến khích quan tâm hơn đến phát triển văn hóa đọc, hiện đại hóa thư viện, xây dựng thư viện điện tử để học viên có thể truy cập trực tuyến.

PHỤ LỤC 9
BIÊN BẢN PHÒNG VẤN GIẢNG VIÊN
Phụ lục 9.1: Phỏng vấn 1

- **Đối tượng phỏng vấn:** Giảng viên Viện Quan hệ quốc tế, Học viện CTQGHCM

- **Hình thức phỏng vấn:** Trực tiếp tại Thư viện

- **Thời gian phỏng vấn:** Ngày 19 tháng 4 năm 2023

- **Nội dung phỏng vấn:**

Hỏi: Quan niệm của Cô về tầm quan trọng của văn hóa đọc đối với học viên?

Giảng viên: Văn hóa đọc có ý nghĩa quan trọng đối với học viên, nâng cao năng lực, trình độ, giúp học viên hiểu sâu về các nội dung trong chương trình học tập, cung cấp cho học viên những kiến thức để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn, cung cấp các kỹ năng để phát triển toàn diện bản thân.

Hỏi: Đánh giá của Cô về văn hóa đọc của học viên Học viện CTQGHCM hiện nay?

Giảng viên: Hiện nay Học viện áp dụng nghiêm túc nhiều hình thức để đánh giá việc học tập của học viên như: thi viết tự luận đóng, tự luận mở, vấn đáp, trắc nghiệm, viết tiểu luận, luận án, luận văn,... đòi hỏi học viên phải đọc thêm nhiều tài liệu. Học viên nên duy trì thói quen đọc thường xuyên. Hiện nay, nhìn chung học viên có dành thời gian cho việc đọc nhưng chưa nhiều, chủ yếu đọc trên mạng, đọc sách giáo trình, đọc tài liệu giảng viên cung cấp để phục vụ cho việc thi hết môn. Số lượng học viên thực sự say mê đọc với tính chất nghiên cứu, học thuật chưa nhiều. Thông tin học viên thường đọc là thông tin lý luận chính trị phản ánh thực tiễn đời sống chính trị thế giới, trong nước, thông tin liên ngành trong hệ thống các khoa học xã hội, khoa học chính trị.

Hỏi: Cô có thường xuyên giới thiệu tài liệu cho học viên đọc không?

Giảng viên: Trong quá trình giảng các chuyên đề, tôi thường xuyên giới thiệu cho học viên tài liệu để nghiên cứu, những cuốn sách tôi đang có tôi thường cho lớp mượn để phô tô. Tôi thường chia sẻ những cuốn sách tôi thấy tâm đắc, đó là những cuốn sách thực sự có nội dung hay, có hàm lượng khoa học cao, những cuốn sách mà theo tôi rất cần thiết và bổ ích nếu học viên đọc nó.

Hỏi: Trong quá trình học tập, học viên có tích cực áp dụng kiến thức đọc được để trao đổi, thảo luận trên lớp không?

Giảng viên: Nhiều học viên vận dụng các kiến thức đọc được vào làm bài thi, bài kiểm tra khá tốt. Với học viên cao học và nghiên cứu sinh, việc áp dụng kiến thức đọc được vào trong luận án, luận văn được học viên vận dụng một cách sáng tạo, góp phần nâng cao chất lượng luận án, luận văn.

Hỏi: Học viên có thực hiện nghiêm túc quy định trích dẫn nguồn tài liệu tham khảo không?

Giảng viên: Từ năm 2019 trở lại đây, Học viện thực hiện nghiêm túc quy định quét trùng lặp đối với luận án, luận văn thạc sĩ và đề tài nghiên cứu khoa học. Vì vậy, đa số học viên cao học và nghiên cứu sinh nắm vững và thực hiện nghiêm túc quy định trích dẫn nguồn tài liệu tham khảo khi làm luận án, luận văn. Tuy nhiên, vẫn còn tình trạng một số học viên chưa thực hiện nghiêm túc chỉ dẫn nguồn trích khi làm tiểu luận.

Hỏi: Theo Cô Học viện cần làm gì để phát triển văn hóa đọc của học viên?

Giảng viên: Xu hướng hiện nay là học viên thường sử dụng tài liệu điện tử, vì vậy, học viện cần tăng cường nguồn tài liệu điện tử cho thư viện số để học viên có thể truy cập tài liệu thuận tiện mọi lúc, mọi nơi. Cần chú trọng đào tạo học viên kỹ năng khai thác tài liệu trên môi trường mạng.

Phụ lục 9.2: Phỏng vấn 2

- **Đối tượng phỏng vấn:** Giảng viên Viện Kinh tế chính trị, Học viện CTQG HCM:

- **Hình thức phỏng vấn:** Trực tiếp tại thư viện

- **Thời gian phỏng vấn:** Ngày 21 tháng 4 năm 2023

- **Nội dung phỏng vấn:**

Hỏi: Quan niệm của Thầy về tầm quan trọng của văn hóa đọc đối với học viên?

Giảng viên: Học viện trong Học viện đa số là cán bộ lãnh đạo, quản lý, vì vậy văn hóa đọc có ý nghĩa rất quan trọng, cung cấp cho học viên những kiến thức, những kỹ năng lãnh đạo, quản lý, rèn luyện khả năng tư duy sáng tạo, khả năng phê phán cho học viên, bổ sung những kiến thức về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội để làm giàu vốn sống cho bản thân. Những học viên chịu khó đọc sẽ làm bài thi và tiểu luận tốt. Đối với học viên cao học và nghiên cứu sinh nếu không đọc thì khó có thể hoàn thành được luận án và luận văn

Hỏi: Đánh giá của Thầy về văn hóa đọc của học viên Học viện CTQG HCM hiện nay?

Giảng viên: Hiện nay học viên quan tâm đến việc đọc, cập nhật thông tin thời sự rất nhanh. Đối với học viên cao học và nghiên cứu sinh đọc nhiều hơn vì nếu không đọc thì họ không thể hoàn thành luận án, luận văn. Học viên cao cấp lý luận chính trị thời gian học trên lớp hầu như kín hết nên thời gian đọc ít hơn, tuy nhiên họ có nhiều kênh thông tin để tiếp nhận thông tin nên chưa hẳn thông tin họ có ít hơn. Tôi đánh giá văn hóa đọc của học viên ở mức trung bình khá. Với sự phát triển của các phương tiện thông tin và truyền thông như hiện nay, học viên có rất nhiều phương thức để tiếp cận thông tin. Học viên có xu hướng sử dụng tài liệu điện tử nhiều, sự đam mê với phương thức đọc truyền thống cũng như thói quen đến thư viện đọc tài liệu có xu hướng giảm sút. Điều này đòi hỏi thư viện phải đổi mới phương thức phục, tăng cường số hóa tài liệu, kết nối các nguồn thông tin trong nước và quốc tế để đáp ứng xu hướng đọc của học viên hiện nay.

Hỏi: Thầy có thường xuyên giới thiệu tài liệu cho học viên đọc không?

Giảng viên: Đối với một chuyên đề, khi giảng dạy yêu cầu bắt buộc đối với giảng viên là cung cấp hệ thống danh mục tài liệu tham khảo liên quan đến chuyên đề, bao gồm danh mục tài liệu bắt buộc phải đọc và danh mục tài liệu đọc thêm. Điều này tạo cho học viên thói quen đọc.

Hỏi: Trong quá trình học tập, học viên có tích cực áp dụng kiến thức đọc được để trao đổi, thảo luận trên lớp không?

Giảng viên: Trong quá trình học tập học viên rất chủ động, tích cực trong chia sẻ thông tin, biết áp dụng kiến thức thực tiễn phong phú vào bài giảng để đưa ra những vấn đề còn chưa rõ để trao đổi, thảo luận. Học viên áp dụng tốt những vấn đề đọc được vào trong bài thi và khi làm luận án, luận văn.

Hỏi: Học viên có thực hiện nghiêm túc quy định trích dẫn nguồn tài liệu tham khảo không?

Giảng viên: Nhìn chung đa số học viên thực hiện nghiêm túc vấn đề trích dẫn tài liệu tham khảo. Viện tôi thường giao chủ đề viết tiểu luận hoặc bài thu hoạch khác nhau giữa các học viên, các chủ đề thay đổi từng năm nên tránh được tình trạng học viên sao chép của nhau. Vấn đề này còn phụ thuộc vào cách thức đánh giá của giảng viên.

Hỏi: Theo Thầy Học viện cần làm gì để phát triển văn hóa đọc của học viên?

Giảng viên: Để phát triển văn hóa đọc của học viên trong chương trình học nên có một số buổi học viên nghiên cứu tài liệu tại thư viện, thư viện cần đẩy mạnh chuyển đổi số, kết nối, chia sẻ nguồn tài nguyên thông tin điện tử giữa các thư viện trong hệ thống Học viện để học viên dễ học viên có thể truy cập nguồn tài liệu điện tử phong phú hơn”.

Phụ lục 9.3: Phỏng vấn 3

- **Đối tượng phỏng vấn:** Giảng viên nam, Viện Lịch sử Đảng, Học viện CTQGHCM

- **Hình thức phỏng vấn:** Trực tiếp tại thư viện

- **Thời gian phỏng vấn:** Ngày 20 tháng 4 năm 2023

- **Nội dung phỏng vấn:**

Hỏi: Quan niệm của Thầy về tầm quan trọng của văn hóa đọc đối với học viên?

Giảng viên: Văn hóa đọc có vai trò quan trọng đối với học viên, cung cấp kiến thức để hoàn thành chương trình học tập tại Học viện, giúp học viên nắm bắt được mọi mặt của đời sống xã hội, bồi dưỡng thế giới quan và nhân sinh quan cho học viên.

Hỏi: Đánh giá của Thầy về văn hóa đọc của học viên Học viện CTQGHCM hiện nay?

Giảng viên: Hiện nay học viên không chỉ đọc tài liệu ở thư viện mà còn đọc trên Internet. Thông tin học viên Học viện cần đọc tập trung chủ yếu vào luồng thông tin lý luận chính trị, bao gồm chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; Những luồng thông tin chính thống làm tài liệu tham khảo trong học tập lý luận chính trị của học viên các hệ lớp, nhất là học viên cao cấp tập trung, cao học và nghiên cứu sinh. Đa số học viên ham học hỏi, tích cực tìm tòi tài liệu. Tuy nhiên học viên cần dành nhiều thời gian hơn nữa để đọc và nghiên cứu tài liệu.

Hỏi: Thầy có thường xuyên giới thiệu tài liệu cho học viên đọc không?

Giảng viên: Do thời gian giảng trên lớp không thể truyền đạt sâu rộng những kiến thức liên quan đến môn học, vì vậy trong quá trình giảng dạy, tôi thường giới thiệu những tài liệu liên quan để học viên tìm đọc, những cuốn tài liệu tôi có tôi thường lớp mượn phô tô để nghiên cứu. Để kích thích học viên đọc nhiều, tôi

thường đặt ra các vấn đề để học viên trao đổi, thảo luận. Qua tiểu luận, qua các bài kiểm tra, bài thi, bài thu hoạch tôi có thể đánh giá được học viên nào đọc tài liệu.

Hỏi: Học viên có thực hiện nghiêm túc quy định trích dẫn nguồn tài liệu tham khảo không?

Giảng viên:: Đa số học viên thực hiện nghiêm túc.

Hỏi: Theo Thầy Học viện cần làm gì để phát triển văn hóa đọc của học viên?

Giảng viên: Học viện cần mở rộng phạm vi mạng lưới thư viện trực tuyến để các học viên dễ dàng khai thác cơ sở dữ liệu của thư viện. Số hóa hệ thống các tác phẩm kinh điển, các Văn kiện Đại hội của Đảng, hệ thống pháp luật của Nhà nước.

Phụ lục 9.4: Phỏng vấn 4

- **Đối tượng phỏng vấn:** Giảng viên Viện Nghiên cứu Quyền con người, Học viện CTQG HCM

- **Hình thức phỏng vấn:** Trực tiếp tại thư viện

- **Thời gian phỏng vấn:** Ngày 23 tháng 4 năm 2023

- **Nội dung phỏng vấn:**

Hỏi: Quan niệm của Thầy về tầm quan trọng của văn hóa đọc đối với học viên?

Giảng viên: Học viên trong Học viện đa số là những cán bộ lãnh đạo, quản lý, văn hóa đọc rất quan trọng đối với họ, giúp họ có vốn kiến thức phong phú, có phương pháp tư duy, phương pháp suy luận, phương pháp giải quyết vấn đề để đưa ra những quyết định đúng đắn trong lãnh đạo, quản lý.

Hỏi: Đánh giá của Thầy về văn hóa đọc của học viên Học viện CTQG HCM hiện nay?

Giảng viên: Nhìn chung học viên có ý thức đọc tài liệu. Tuy nhiên, với trọng trách của họ, để đáp ứng với yêu cầu trong bối cảnh cách mạng hiện nay, họ cần dành nhiều thời gian hơn nữa cho việc nghiên cứu tài liệu.

Hỏi: Thầy có thường xuyên giới thiệu tài liệu cho học viên đọc không?

Thời gian giảng mỗi chuyên đề trên lớp của giảng viên có giới hạn, khi giảng trên lớp giảng viên không thể truyền đạt hết kiến thức cho học viên nên tôi thường giới thiệu tài liệu cho học viên đọc và đánh giá việc đọc của học viên qua các buổi thảo luận trên lớp, qua bài thi, bài kiểm tra, tiểu luận. Vì vậy học viên phải đọc thêm tài liệu để có kết quả tốt trong học tập.

Hỏi: Học viên có thực hiện nghiêm túc quy định trích dẫn nguồn tài liệu tham khảo không?

Giảng viên: Đa số học viên thực hiện nghiêm túc quy định chỉ dẫn nguồn tài liệu tham khảo, tuy nhiên vẫn còn tình trạng một số học viên không chỉ dẫn nguồn tài liệu tham khảo đúng quy định.

Hỏi: Theo Thầy Học viện cần làm gì để phát triển văn hóa đọc của học viên?

Giảng viên: Thư viện Học viện cần cập nhật nhiều hơn nữa tài liệu điện tử trên thư viện số, đưa toàn văn luận văn, luận án, đề tài nghiên cứu khoa học lên thư viện số, kết nối, chia sẻ nguồn tài nguyên thông tin điện tử giữa các thư viện trong hệ thống Học viện để học viên được tiếp cận với nhiều nguồn tài liệu thông qua mạng Internet. Với sự phát triển của công nghệ thông tin và truyền thông, người đọc có

thể tìm kiếm trên mạng các thông tin đa dạng, nhiều chiều ở tất cả các lĩnh vực từ khoa học cơ bản đến đời sống xã hội... Học viên trong Học viện hạn chế về thời gian, nên họ rất cần tiếp cận các thông tin ngắn gọn, súc tích mang tính tổng hợp, khái quát cao dưới dạng tổng thuật các vấn đề. Do vậy, Viện Thông tin nên biên soạn các ấn phẩm tổng thuật, thông tin chuyên đề để cung cấp các luồng thông tin nhanh, hệ thống, chính xác và toàn diện cho học viên.

Phụ lục 9.5: Phỏng vấn 5

- **Đối tượng phỏng vấn:** Giảng viên Học viện Chính trị Khu vực I

- **Hình thức phỏng vấn:** Qua điện thoại

- **Thời gian phỏng vấn:** Ngày 25 tháng 4 năm 2023

- **Nội dung phỏng vấn:**

Hỏi: Quan niệm của Cô về tầm quan trọng của văn hóa đọc đối với học viên?

Giảng viên: Việc đọc tài liệu giúp học viên đào sâu kiến thức, nâng cao trình độ, năng lực tư duy, có kỹ năng giải quyết vấn đề trong thực tiễn. Văn hóa đọc cung cấp những kỹ năng học tập suốt đời cho học viên.

Hỏi: Đánh giá của Cô về văn hóa đọc của học viên Học viện CTQG HCM hiện nay?

Giảng viên: Đa số học viên có ý thức đọc tài liệu. Học viện Chính trị khu vực I có nhiệm vụ đào tạo cao cấp lý luận chính trị. Với học viên cao cấp lý luận chính trị thì nguồn tài liệu thường đọc chủ yếu là tài liệu liên đến sách lý luận chính trị, giáo trình cao cấp lý luận chính trị do Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh biên soạn, văn kiện Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị... Học viên có nhu cầu thông tin về lĩnh vực chính trị cốt lõi là các nguyên lý, lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các vấn đề thời sự, chính trị.

Hỏi: Cô có thường xuyên giới thiệu tài liệu cho học viên đọc không?

Giảng viên: Việc cung cấp tài liệu liên quan đến chuyên đề cho học viên tham khảo, mở rộng kiến thức luôn được các giảng viên thực hiện.

Hỏi: Học viên có thực hiện nghiêm túc quy định trích dẫn nguồn tài liệu tham khảo không?

Giảng viên: Nhìn chung thì đa số học viên thực hiện nghiêm túc. Tuy nhiên, tình trạng trích dẫn nguồn sai, không chính xác, hoặc không đúng theo quy định vẫn thỉnh thoảng xảy ra.

Hỏi: Theo Cô Học viện cần làm gì để phát triển văn hóa đọc của học viên?

Giảng viên: Để phát triển văn hóa đọc của học viên, Trung tâm Thông tin khoa học cần chú ý bổ sung đầy đủ các nguồn tài liệu trên, đồng thời tăng cường các hoạt động nhằm lan tỏa văn hóa đọc như: giới thiệu sách, triển lãm sách, tổ chức ngày Sách và Văn hóa đọc Việt Nam.

Phụ lục 9.6: Phỏng vấn 6

- **Đối tượng phỏng vấn:** Giảng viên Học viện Chính trị Khu vực I

- **Hình thức phỏng vấn:** Qua điện thoại

- **Thời gian phỏng vấn:** Ngày 23 tháng 4 năm 2023

- **Nội dung phỏng vấn:**

Hỏi: Quan niệm của Thầy về tầm quan trọng của văn hóa đọc đối với học viên?

Giảng viên: Văn hóa đọc có vai trò quan trọng đối với học viên, cung cấp cho học viên những tri thức lý luận cũng như kinh nghiệm thực tiễn, bồi dưỡng thể giới quan khoa học, nhân sinh quan cách mạng cho học viên.

Hỏi: Đánh giá của Thầy về văn hóa đọc của học viên Học viện CTQG HCM hiện nay?

Giảng viên: Nội dung thông tin chính trị là nội dung được học viên tại Học viện Chính trị khu vực I quan tâm nhất, đó là thông tin về các sự kiện chính trị - xã hội trong và ngoài nước, thông tin về các hoạt động lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, hệ thống tổ chức chính trị, thông tin về những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối lãnh đạo của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước,... Hiện nay, học viên chủ yếu dành thời gian đọc thông tin trên mạng, thời gian nghiên cứu, đọc tài liệu in không nhiều, một số học viên chủ yếu đọc sách giáo trình, tài liệu tham khảo do giảng viên cung cấp để phục vụ thi cử, việc đọc còn thụ động, chưa mang tính tự thân.

Hỏi: Thầy có thường xuyên giới thiệu tài liệu cho học viên đọc không?

Giảng viên: Giới thiệu tài liệu liên quan đến chuyên đề mình giảng là yêu cầu bắt buộc đối với giảng viên để giúp học viên hiểu sâu sắc hơn về các nội dung của chuyên đề mà mình không thể truyền đạt hết trên lớp do thời gian có hạn.

Hỏi: Học viên có thực hiện nghiêm túc quy định trích dẫn nguồn tài liệu tham khảo không?

Giảng viên: Nhìn chung là tốt.

Hỏi: Theo Thầy/Cô Học viện cần làm gì để phát triển văn hóa đọc của học viên?

Giảng viên: Vì vậy, học viên cần nâng cao hơn nữa nhận thức về vai trò của việc đọc đối việc phát triển năng lực bản thân, chủ động hơn trong việc đọc, tạo cho mình niềm say mê trong nghiên cứu, đọc tài liệu. Thư viện bổ sung thêm nguồn tài liệu điện tử để bạn đọc có thể đọc trực tuyến”.

Phụ lục 9.7: Phỏng vấn 7

- **Đối tượng phỏng vấn:** Giảng viên Học viện Chính trị Khu vực II

- **Hình thức phỏng vấn:** Qua điện thoại

- **Thời gian phỏng vấn:** Ngày 22 tháng 4 năm 2023

- **Nội dung phỏng vấn:**

Hỏi: Quan niệm của Cô về tầm quan trọng của văn hóa đọc đối với học viên?

Giảng viên: Trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay đòi hỏi đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý phải có năng lực, trình độ thực sự. Muốn vậy, họ phải thường xuyên trau dồi kiến thức. Văn hóa đọc cung cấp cho họ tri thức, cập nhật kịp thời những thành tựu, kinh nghiệm tốt ở các địa phương và trên thế giới để áp dụng trong thực tiễn.

Hỏi: Đánh giá của Cô về văn hóa đọc của học viên Học viện CTQG HCM hiện nay?

Giảng viên: Văn hóa đọc của học viên hiện nay có xu hướng chuyển từ tài liệu dạng giấy sang tài liệu điện tử. Học viên thường đọc tài liệu trên mạng để cập nhật thông tin thời sự. Việc đọc tài liệu giấy, đọc theo kiểu nghiên cứu chuyên sâu chưa nhiều. Học viên chủ yếu đọc giáo trình, đọc một số tài liệu tham khảo do giảng viên cung cấp, đọc tài liệu liên quan đến việc thi, kiểm tra và viết tiểu luận.

Hỏi: Cô có thường xuyên giới thiệu tài liệu cho học viên đọc không?

Giảng viên: Tôi thường cung cấp cho học viên một số tài liệu liên quan đến chuyên đề mình giảng.

Hỏi: Học viên có thực hiện nghiêm túc quy định trích dẫn nguồn tài liệu tham khảo không?

Giảng viên: Đa số học viên thực hiện nghiêm túc quy định trích dẫn nguồn tài liệu tham khảo.

Hỏi: Theo Cô Học viện cần làm gì để phát triển văn hóa đọc của học viên?

Giảng viên: Để đáp ứng yêu cầu hiện nay, thư viện Học viện cần bổ sung thêm các tài liệu chuyên ngành Học viện đang giảng dạy, tăng cường các tài liệu chính trị. Để phát triển văn hóa đọc cần phải đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng học viên bắt buộc phải đọc nhiều tài liệu mới có thể hoàn thành chương trình học tập. Cùng với thư viện truyền thống cần xây dựng thư viện điện tử, thư viện số nhằm đáp ứng nhu cầu khai thác tài liệu điện tử của học viên.

Phụ lục 9.8: Phỏng vấn 8

- **Đối tượng phỏng vấn:** Giảng viên Học viện Chính trị Khu vực II

- **Hình thức phỏng vấn:** Qua điện thoại

- **Thời gian phỏng vấn:** Ngày 22 tháng 4 năm 2023

- **Nội dung phỏng vấn:**

Hỏi: Quan niệm của Thầy về tầm quan trọng của văn hóa đọc đối với học viên?

Giảng viên: Văn hóa đọc có vai trò quan trọng không chỉ giúp học viên phát triển tri thức, nâng cao năng lực tư duy mà còn góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Học viện.

Hỏi: Đánh giá của Thầy về văn hóa đọc của học viên Học viện CTQG HCM hiện nay?

Giảng viên: Nội dung tài liệu học viên đọc là những vấn đề lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin và thực tiễn Việt Nam, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, nội dung và đặc điểm lớn của chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa xã hội và kinh tế thị trường; về đường lối, chiến lược, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, về vấn đề Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý trong nền kinh tế thị trường; vấn đề mở cửa đối ngoại, văn hoá, giáo dục, an ninh, quốc phòng trong xu thế hoà nhập với dòng chảy toàn cầu hoá,...

Hỏi: Thầy có thường xuyên giới thiệu tài liệu cho học viên đọc không?

Giảng viên: Tôi thường giới thiệu ít nhất 2-3 tài liệu để học viên đọc tham khảo thêm.

Hỏi: Học viên có thực hiện nghiêm túc quy định trích dẫn nguồn tài liệu tham khảo không?

Giảng viên: Nhìn chung là thực hiện tốt.

Hỏi: Theo Thầy Học viện cần làm gì để phát triển văn hóa đọc của học viên?

Giảng viên: Để phát triển văn hóa đọc của học viên cần phải thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp như: đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng lấy học viên là trung tâm, hiện đại hóa công tác thông tin thư viện trên nền tảng các dịch vụ trực tuyến để học viên truy cập tài liệu từ xa, tổ chức các hoạt động tôn vinh giá trị của sách và văn hóa đọc”.

PHỤ LỤC 10
BIÊN BẢN PHÒNG VẤN CÁN BỘ THƯ VIỆN
Phụ lục 10.1: Phòng vấn 1

- **Đối tượng phỏng vấn:** Cán bộ Thư viện Học viện CTQGHCM
- **Hình thức phỏng vấn:** Trực tiếp
- **Thời gian phỏng vấn:** Ngày 25/4/2023

Nội dung phỏng vấn:

Hỏi: Đánh giá của bạn về tình hình sử dụng thư viện của học viên?

Cán bộ thư viện: Bình thường học viên đến thư viện không nhiều. Học viên đến đọc tài liệu tại thư viện nhiều nhất vào thời điểm chuẩn bị làm đề cương luận án, luận văn và trước các kỳ thi. Thói quen sử dụng các loại hình tài liệu có sự khác nhau giữa các hệ lớp. Học viên thường đọc tài liệu sách tham khảo, tạp chí, luận án, luận văn. Đối với học viên cao học và nghiên cứu sinh họ thường đọc tất cả các loại hình tài liệu. Đối với học viên cao cấp lý luận chính trị thì chủ yếu đọc sách giáo trình, sách tham khảo, tạp chí. Số lượng học viên đến thư viện mượn các tác phẩm kinh điển Mác - Ăngghen, Lênin, Hồ Chí Minh toàn tập về nghiên cứu không nhiều. Tôi nhớ, trước đây, vào đầu khóa học, đa số học viên các lớp cao cấp lý luận chính trị hệ tập trung thường đến thư viện mượn các tài liệu kinh điển về nghiên cứu, thư viện phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu học viên thường mượn để phục vụ. Hiện nay, rất ít học viên mượn tài liệu này, đa số học viên chỉ lên thư viện tìm và phê tô các bài tạp chí viết về các tác phẩm kinh điển để đọc, ít người mượn tài liệu gốc về nghiên cứu. Đa số học viên trong Học viện chưa có nhiều kỹ năng tìm tài liệu. Họ chưa thạo tìm tài liệu trên OPAC của các cơ quan thông tin thư viện bên ngoài Học viện. Vì vậy, cán bộ thư viện phải hỗ trợ học viên tìm tài liệu thông qua dịch vụ tìm tin theo chuyên đề.

Hỏi: Thư viện có đáp ứng đầy đủ nhu cầu đọc tài liệu của học viên không?

Cán bộ thư viện: Hiện tại, Thư viện Học viện xây dựng được kho tài liệu lý luận chính trị phong phú với nhiều loại hình như giáo trình, sách tham khảo, luận án, luận văn, đề tài nghiên cứu khoa học,... Nhìn chung, thư viện đáp ứng tốt nhu cầu đọc của học viên, đặc biệt là tài liệu lý luận chính.

Hỏi: Đánh giá của chị về thái độ, hành vi của học viên trong việc chấp hành nội quy, quy định của thư viện?

Cán bộ thư viện: Đa số học viên chấp hành tốt nội quy, quy định của thư viện. Học viên đều là những cán bộ có trình độ, có hiểu biết nên họ rất chuẩn mực trong giao tiếp, ứng xử với cán bộ thư viện.

Hỏi: Theo bạn cần phải làm gì để phát triển văn hóa đọc tại Học viện CTQGHCM?

Cán bộ thư viện: Trong thời gian tới, thư viện cần tiếp tục tăng cường số hóa tài liệu, cập nhật thêm nhiều tài liệu điện tử lên thư viện số để học viên đọc trực tuyến, kết nối, chia sẻ tài liệu trong toàn hệ thống Học viện. Trong kế hoạch học tập của học viên, Học viện nên bổ sung thêm chuyên đề về nâng cao năng lực xử lý thông tin cho học viên, sắp xếp một số buổi để học viên nghiên cứu tài liệu tại thư viện”.

Phụ lục 10.2: Phỏng vấn 2

- **Đối tượng phỏng vấn:** Cán bộ Thư viện Học viện CTQGHCM
- **Hình thức phỏng vấn:** Trực tiếp
- **Thời gian phỏng vấn:** Ngày 25/4/2023

Nội dung phỏng vấn:

Hỏi: Đánh giá chị về tình hình sử dụng thư viện của học viên?

Cán bộ thư viện: Trong 5 năm gần đây số lượng học viên chủ động đến thư viện đọc tài liệu giảm đi, tuy nhiên số lượng học viên truy cập trực tuyến trên thư viện điện tử, thư viện số ngày càng tăng. Đa số học viên chưa biết khai thác tài liệu ở các cơ quan, thư viện bên ngoài. Học viên đa số là cán bộ lãnh đạo, quản lý, do đó họ thường đọc những tài liệu về đường lối chiến lược, sách lược, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, về hoạt động thực tiễn của các tỉnh thành trong cả nước. Thông tin của họ mang tính tổng hợp vừa chuyên sâu về nhiều ngành, nhiều mặt, thông tin về tình hình quốc tế nhất là đang trong quá trình toàn cầu hoá hiện nay. Học viên đến đọc tài liệu tại thư viện nhiều hơn vào thời điểm chuẩn bị viết luận án, luận văn và trước các kỳ thi. Số lượng học viên các lớp cao học và nghiên cứu sinh đến thư viện nhiều hơn so với các hệ lớp khác. Học viên đến thư viện chủ yếu nhằm mục đích đọc tài liệu để phục vụ cho thi, viết tiểu luận, viết luận án, luận văn. Tạp chí, sách tham khảo, luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ là loại tài liệu được học viên đọc nhiều nhất. Học viên chưa thành thạo trong tra cứu tài liệu. Nhiều học viên đến thư viện vẫn nhờ cán bộ thư viện tra cứu tài liệu giúp, đặc biệt là tra cứu tài liệu của các thư viện ngoài Học viện.

Hỏi: Thư viện có đáp ứng đầy đủ nhu cầu đọc tài liệu của học viên không?

Cán bộ thư viện: Nhìn chung đáp ứng tương đối tốt nhu cầu của học viên.

Hỏi: Đánh giá của chị về thái độ, hành vi của học viên trong việc chấp hành nội quy, quy định của thư viện?

Cán bộ thư viện: Học viên thực hiện tốt nội quy của thư viện. Tuy nhiên, vẫn còn tình trạng một số học viên đọc tài liệu xong không để đúng nơi quy định, mang tư trang vào phòng đọc, gấp trang tài liệu khi đọc, mượn tài liệu quá thời gian quy định.

Hỏi: Theo chị cần phải làm gì để phát triển văn hóa đọc tại Học viện CTQGHCM?

Cán bộ thư viện: Để phát triển văn hóa đọc tại Học viện CTQGHCM, theo tôi Học viện cần ban hành những chính sách cụ thể và xây dựng chiến lược tổng thể về phát triển văn hóa đọc cho học viên trong toàn hệ thống Học viện, gắn với hệ thống các giải pháp cụ thể được áp dụng đồng bộ với sự tham gia của nhiều đơn vị chức năng và các bộ phận liên quan trong đó, Viện Thông tin khoa học đóng vai trò nòng cốt, quan trọng.

Phụ lục 10.3: Phỏng vấn 3

- **Đối tượng phỏng vấn:** Cán bộ Thư viện Học viện Chính trị khu vực I
- **Hình thức phỏng vấn:** Qua điện thoại
- **Thời gian phỏng vấn:** Ngày 25/4/2023
- **Nội dung phỏng vấn:**

Hỏi: Đánh giá của bạn về tình hình sử dụng thư viện của học viên?

Cán bộ thư viện: Học viên đến thư viện đọc tài liệu không nhiều lắm. Họ đến đọc tài liệu tại thư viện nhiều nhất vào thời điểm trước các kỳ thi. Họ thường đọc những thông tin trực tiếp để phục vụ cho việc học tập và công việc chuyên môn nhất là thông tin có tính lý luận và thực tiễn, tính thời sự. Họ đọc thông tin những vấn đề lý luận về Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; thông tin những thành tựu đổi mới của đất nước về: chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội,...; thông tin về lý luận và thực tiễn có tính toàn cầu,... Loại tài liệu học viên thường đọc là giáo trình, sách tham khảo, tạp chí, văn kiện, Nghị quyết của Đảng. Đa số học viên chưa biết cách khai thác tài liệu từ các thư viện bên ngoài nên thường đề nghị cán bộ thư viện hướng dẫn giúp đỡ.

Hỏi: Thư viện có đáp ứng đầy đủ nhu cầu đọc tài liệu của học viên không?

Cán bộ thư viện: Đối với tài liệu in, về cơ bản đáp ứng tốt. Tuy nhiên, tài liệu điện tử cần phải tăng cường hơn nữa.

Hỏi: Đánh giá của chị về thái độ, hành vi của học viên trong việc chấp hành nội quy, quy định của thư viện?

Cán bộ thư viện: Nhìn chung, học viên chấp hành đúng nội quy, quy định của thư viện. Tuy nhiên, tình trạng một số học viên đọc tài liệu ở phòng tự chọn xong không để đúng vị trí theo quy định dẫn đến tài liệu bị để sai vị trí trên giá, gây khó khăn cho bạn đọc khác khi tìm tài liệu.

Hỏi: Theo bạn cần phải làm gì để phát triển văn hóa đọc tại Học viện CTQG HCM?

Cán bộ thư viện: Để phát triển văn hóa đọc của học viên, theo tôi Trung tâm Thông tin khoa học cần tăng cường bổ sung các loại hình tài liệu điện tử, tài liệu được số hóa, tài liệu nước ngoài, cũng như giáo trình và sách tham khảo; có kế hoạch cụ thể cho bổ sung tài liệu, đảm bảo sự hài hòa giữa các lĩnh vực khoa học; hướng dẫn học viên cách khai thác tài liệu từ các cơ quan thông tin thư viện trên môi trường điện tử.

Phụ lục 10.4: Phỏng vấn 4

- **Đối tượng phỏng vấn:** Cán bộ Thư viện Học viện Chính trị khu vực I

- **Hình thức phỏng vấn:** Qua điện thoại

- **Thời gian phỏng vấn:** Ngày 25/4/2023

- **Nội dung phỏng vấn:**

Hỏi: Đánh giá của bạn về tình hình sử dụng thư viện của học viên?

Cán bộ thư viện: Học viên đa số là những cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ chuyên môn, có thực tế công tác ở nhiều ngành, nhiều địa phương khác nhau... Nhu cầu tài liệu của học viên là những tài liệu chuyên sâu, vừa có tính lý luận vừa có tính thực tiễn, họ cần nghiên cứu các đề tài mang tính thời sự, họ cần cả những thông tin thư mục chuyên đề lẫn thông tin thư mục thông báo sách, báo, tạp chí giúp họ trong quá trình thi cử và làm luận văn, luận án tốt nghiệp. Hàng ngày, số lượng học viên đến thư viện không nhiều. Họ đến đọc tài liệu tại thư viện nhiều nhất vào thời điểm trước các kỳ thi. Học viên chủ yếu đọc giáo trình, sách tham khảo, tạp chí.

Hỏi: Thư viện có đáp ứng đầy đủ nhu cầu đọc tài liệu của học viên không?

Cán bộ thư viện: Trong những năm qua, Trung tâm Thông tin khoa học đã không ngừng đổi mới hoạt động, hiện đại hóa thư viện. Thư viện được tổ chức theo

không gian mở, thân thiện, mang lại cho bạn đọc cảm giác tích cực khi đến đọc tài liệu tại thư viện. Thư viện đáp ứng một phần nhu cầu bạn đọc về tài liệu đọc, không gian đọc. Tuy nhiên thư viện vẫn cần tăng cường hơn nữa tài số mới có thể đáp ứng tốt nhu cầu học viên trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

Hỏi: Đánh giá của chị về thái độ, hành vi của học viên trong việc chấp hành nội quy, quy định của thư viện?

Cán bộ thư viện: Học viên chấp hành mọi nội quy, quy định của thư viện. Ứng xử đúng mực trong giao tiếp với cán bộ thư viện.

Hỏi: Theo bạn cần phải làm gì để phát triển văn hóa đọc tại Học viện CTQG HCM?

Cán bộ thư viện: Để phát triển văn hóa đọc, theo tôi biện pháp tuyên truyền nâng cao nhận thức của học viên về giá trị của văn hóa đọc là biện pháp quan trọng hàng đầu, đóng vai trò là nền tảng cho các biện pháp khác. Bởi khi có nhận thức đúng, học viên mới có thái độ đúng và từ đó mới có hành vi đúng. Bên cạnh đó Trung tâm Thông tin khoa học cần tăng cường thêm tài liệu số, kết nối, chia sẻ thông tin với các thư viện trong và ngoài Học viện để học viên được truy cập đến các nguồn tài liệu phong phú, đa dạng.

Phụ lục 10.5: Phỏng vấn 5

- **Đối tượng phỏng vấn:** Cán bộ Thư viện Học viện Chính trị khu vực II

- **Hình thức phỏng vấn:** Qua điện thoại

- **Thời gian phỏng vấn:** Ngày 25/4/2023

- **Nội dung phỏng vấn:**

Hỏi: Đánh giá của bạn về tình hình sử dụng thư viện của học viên?

Cán bộ thư viện: Với sức hút mạnh mẽ của Internet và ảnh hưởng to lớn của công nghệ thông tin tới đời sống hàng ngày. Một bộ phận không nhỏ học viên thường xuyên sử dụng Internet là phương tiện tra cứu thông tin, thỏa mãn nhu cầu dùng tin của mình mà “quên” đi sách in. Vì vậy, số lượng học viên đến thư viện không nhiều. Học viên thường đọc nghị quyết của Đảng, tạp chí, giáo trình, sách tham khảo, thông tin chuyên đề.

Hỏi: Thư viện có đáp ứng đầy đủ nhu cầu đọc tài liệu của học viên không?

Cán bộ thư viện: Thư viện đáp ứng tốt nhu cầu đọc của học viên. Tuy nhiên cơ sở vật chất của thư viện còn lạc hậu, thư viện chưa phát triển được các dịch vụ thông tin hiện đại nên chưa đáp ứng được nhu cầu sử dụng các dịch vụ trực tuyến của học viên.

Hỏi: Đánh giá của chị về thái độ, hành vi của học viên trong việc chấp hành nội quy, quy định của thư viện?

Cán bộ thư viện: Đa số học viên thực hiện tốt nội quy thư viện, có ý thức giữ gìn tài liệu của thư viện. Tuy nhiên, hàng năm, vẫn còn tình trạng một số ít học viên mượn sách quá hạn không đến trả, một số học viên ra trường rồi vẫn chưa trả sách thư viện khiến cán bộ thư viện phải gọi điện để nhắc nhở, thậm chí có học viên còn làm mất sách của thư viện.

Hỏi: Theo bạn cần phải làm gì để phát triển văn hóa đọc tại Học viện CTQG HCM?

Cán bộ thư viện: Để phát triển văn hóa đọc của học viên, ngoài các sản phẩm thông tin thư viện truyền thống, Học viện cần đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị,

phần mềm cho Trung tâm Thông tin khoa học để xây dựng thư viện điện tử/thư viện số, xây dựng và phát triển các sản phẩm thông tin thư viện hiện đại, các loại hình dịch vụ thông tin thư viện mới. Những dịch vụ này giúp học viên tìm, chọn lọc thông tin theo nhu cầu của họ một cách nhanh chóng, hiệu quả; đồng thời cung cấp cho học viên các thông tin có tính tổng hợp và chọn lọc cao.

Phụ lục 10.6: Phỏng vấn 6

- **Đối tượng phỏng vấn:** Cán bộ Thư viện Học viện Chính trị khu vực II

- **Hình thức phỏng vấn:** Qua điện thoại

- **Thời gian phỏng vấn:** Ngày 25/4/2023

- **Nội dung phỏng vấn:**

Hỏi: Đánh giá của bạn về tình hình sử dụng thư viện của học viên?

Cán bộ thư viện: Học viên thường đọc giáo trình, tài liệu tham khảo, tập bài giảng môn học, tài liệu hỏi đáp liên quan đến môn học tại thư viện. Số lượng học viên đến thư viện không nhiều.

Hỏi: Thư viện có đáp ứng đầy đủ nhu cầu đọc tài liệu của học viên không?

Cán bộ thư viện: Đối với tài liệu in thư viện bổ sung tương đối đầy đủ tài liệu về lĩnh vực chính trị - xã hội. Tuy nhiên do chưa có phần mềm quản lý thư viện điện tử/thư viện số nên thư viện chưa có hình thức phục vụ trực tuyến mà chỉ phục vụ theo phương thức truyền thống, học viên vẫn phải đến thư viện đọc tài liệu, điều này đã hạn chế mức độ đáp ứng nhu cầu bạn đọc của thư viện trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

Hỏi: Đánh giá của chị về thái độ, hành vi của học viên trong việc chấp hành nội quy, quy định của thư viện?

Cán bộ thư viện: Mặc dù nhiều người là cán bộ lãnh đạo nhưng học viên có thái độ ứng xử đúng mực khi tới thư viện, không hách dịch đối với cán bộ thư viện. Họ chấp hành mọi nội quy của thư viện.

Hỏi: Theo bạn cần phải làm gì để phát triển văn hóa đọc tại Học viện CTQG HCM?

Cán bộ thư viện: Để nâng cao văn hóa đọc của học viên theo tôi cần phải đổi mới phương pháp giảng dạy để việc đọc trở thành yêu cầu không thể thiếu trong suốt quá trình học tập. Cùng với đó, Trung tâm Thông tin khoa học cần từng bước triển khai các sản phẩm thông tin tổng luận, tạo ra sự phong phú và đa dạng trong các loại hình sản phẩm thông tin. Tạo không gian đọc cũng là việc làm cần thiết, giúp người đọc liên kết với nhau trong quá trình đọc và giúp bạn đọc có điều kiện trao đổi thông tin với nhau. Duy trì các loại hình dịch vụ đã triển khai, đồng thời phát triển hơn nữa các loại hình dịch vụ như: dịch vụ hỏi đáp; dịch vụ tìm tin... Tiếp tục cải tiến phương thức phục vụ nhằm đáp ứng tốt nhất yêu cầu của người dùng tin như cải tiến cách tổ chức, sắp xếp kho tài liệu khoa học hơn để cho việc quản lý và tra tìm tài liệu; áp dụng các phương tiện kỹ thuật hiện đại trong quản lý và thông tin chính xác và nhanh chóng... Trong thời đại bùng nổ thông tin ngày nay, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh cần có chiến lược đầu tư đồng bộ thư viện điện tử, thư viện số trong toàn hệ thống Học viện để từng bước hiện đại hóa bất kỳ xu thế chung của thế giới.